

TRÍCH GIẢNG VĂN HỌC

nuongmaitruongxua.v

8

TẬP HAI



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC – HÀ NỘI

<https://tieulun.hopto.org>

TRÍCH GIẢNG VĂN HỌC

LỚP TÁM – TẬP II

(Tái bản lần thứ mười hai)

thuongmaitruongxua.vn

8



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC – HÀ NỘI 1975

<https://tieulun.hopto.org>

PHẦN I
VĂN HỌC CỔ VIỆT NAM

CHƯƠNG I
VĂN HỌC VIỆT TỪ THẾ KỶ XI
ĐẾN THẾ KỶ XV

KHÁI QUÁT VỀ VĂN HỌC SỬ

HOÀN CẢNH LỊCH SỬ

Lịch sử Việt nam từ ngàn xưa đến thế kỷ XI — XV đã trải qua những chặng đường quan trọng. Những cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng, Bà Triệu, của Lý Bí với sự thành lập nước Vạn xuân, của Mai Thúc Loan, Hùng Vương... và công cuộc đấu tranh giành quyền độc lập của họ Khúc là những khúc ca vang dội của sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc.

Chiến thắng Bạch đằng của Ngô Quyền đã mở ra trong gần năm thế kỷ từ thế kỷ X đến thế kỷ XV, qua các triều đại Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần và đầu Hậu Lê một thời kỳ phát triển rực rỡ của văn hóa dân tộc.

Lịch sử của năm thế kỷ là thời kỳ xây dựng và bảo vệ quốc gia phong kiến độc lập, thời kỳ đó đã ghi lại những trang chói lọi của những cuộc kháng chiến vĩ đại. Đó là lịch sử của hai lần chống xâm lược nhà Tống, 3 lần chống xâm lược Mông Nguyên và cuộc kháng chiến chống nhà Minh mười năm trời với những chiến công hiển hách: Bạch đằng, Như nguyệt, Chi lăng và những tên tuổi anh hùng: Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Trãi.

Chế độ phong kiến Việt nam được xây dựng dần, đến đầu Hậu Lê đã có một cơ sở vững chắc và tiến lên đỉnh cao của nó dưới thời Hồng Đức (Lê Thánh Tông). Đương nhiên, suốt thời kỳ dài như vậy, có nhiều cuộc khởi nghĩa của nô tì hay nông nô đã xảy ra (thí dụ cuộc khởi nghĩa của Ngô Bệ đời Trần từ 1344 đến 1360), nhưng chống ngoại xâm vẫn là mặt đấu tranh chủ yếu. Tình hình trên đã ảnh hưởng khá nhiều đến bộ phận văn học viết thời bấy giờ.

TÌNH HÌNH VĂN HỌC

Chữ Hán truyền sang nước ta vào lúc nhân dân ta bị phong kiến xâm lược phương Bắc thống trị. Và có lẽ cũng vào khoảng đó, Phật giáo và Nho giáo đã dần dần gây cơ sở ở nước ta. Chữ nôm thì mãi về sau mới xuất hiện. Văn học viết từ trước cho đến thế kỷ X, hiện nay chưa tìm thấy có tác phẩm nào đáng kể. Căn cứ tài liệu còn lại, có thể nói nền văn học viết hình thành từ thời Lý, Trần và phát triển từ thời Hậu Lê, nhất là từ thời Lê Thánh Tông.

Nói chung, văn học viết dưới chế độ phong kiến và nói riêng văn học viết từ trước cho đến thế kỷ XV đều phản ánh hoặc ít, hoặc nhiều tư tưởng Phật giáo hay Nho giáo.

Phật giáo cho rằng cuộc sống trước mắt đầy khổ đau, nên khuyên người ta tìm cách tu hành để dứt cái khổ đau ấy và để sau này được sống kiếp khác sung sướng hơn. Chính vì vậy mà Phật giáo thường dẫn người ta đến con đường đấu tranh tiêu cực. Nho giáo chú trọng đến đời sống xã hội, khuyên kẻ làm tôi phải trung với vua, kẻ làm con phải hiếu với cha, kẻ làm vợ phải tiết nghĩa với chồng. Nội dung căn bản của nó là tư tưởng của giai cấp thống trị, nhằm kìm hãm quyền tự do và bình đẳng của mọi người.

Rất nhiều thơ văn của sư tăng (nhất là sư tăng đời Lý), của vua chúa, quan lại phong kiến, ca ngợi tư tưởng Nho, Phật nói trên.

Riêng những thơ văn thể hiện tinh thần yêu nước, tinh thần quật khởi chống xâm lược, là những thơ văn có giá trị nhất.

Bài thơ «Thần» do Lý Thường Kiệt đọc trong trận Như nguyệt đã nói lên tinh thần độc lập, tự chủ, ý chí tự cường của nhân dân ta:

«Nam quốc sơn hà Nam đế cư
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm,
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư

Tạm dịch là:

« Sông núi nước Nam, vua Nam ở
Rành-rành định phận ở sách trời.
Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm
Chúng bay sẽ bị đánh tơi bời

Từ cuộc kháng Nguyên, nhiều bài thơ xuất hiện ngùn ngụt bốc lên dũng khí của quân dân ta. Nếu như, Phạm Ngũ Lão đã nói rõ quyết tâm của mình qua bài *Tự thuật* nổi tiếng.

Múa giáo non sông trải mấy thâu
Ba quân khí mạnh nuốt trôi trâu
Công danh nam tử còn vương nợ,
Luống thẹn tai nghe chuyện Vũ hầu⁽¹⁾,
thì Trần Quang Khải sau chiến thắng Chương dương
sang sảng ngâm vang những vần thơ hùng tráng :

Chương dương cướp giáo giặc
Hàm tử bắt quân thù⁽²⁾
Thái bình nên gắng sức
Non nước ấy nghìn thu.

Đặc biệt Trần Hưng đạo đã viết bài hịch kêu gọi
tướng sĩ, trong đó có nhiều câu chan chứa lòng yêu
nước, căm thù giặc :

“Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột
đau như cắt, nước mắt đầm đìa, chỉ căm tức rằng
chưa xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù,
dẫu cho trăm thân ta phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác
ta gói trong da ngựa, cũng nguyện xin làm...”. Cái
khí thế đó mãi mấy chục năm sau còn bốc lên trong
nhiều thơ văn, thí dụ như trong bài Phú sông Bạch
đăng của Trương Hán Siêu.

Đến thế kỷ XV, sau chiến thắng quân Minh, nhiều nhân
sĩ đã làm thơ phú ca ngợi cuộc Lam sơn khởi nghĩa thành
công. Bài Cáo Bình Ngô của nhà đại văn hào Nguyễn
Trãi, một luận văn lịch sử quan trọng, vừa là bản tổng
kết thành tích kháng chiến, vừa là bản tuyên ngôn độc
lập và hòa bình. Tác giả đã viết ra những câu văn hết
sức sinh động với tất cả nỗi xúc cảm sâu sắc của
mình. Chúng ta hãy đọc một vài đoạn, như đoạn tả
cảnh khổ cực của nhân dân ta dưới lưỡi gươm bạo
tàn của giặc :

Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn,
Vùi con đỏ xuống hầm tai vạ...
... Nặng nề những nỗi phu phen,
Tan tác cả nghề canh cửi...

hay đoạn tả mối tình quân dân, mối tình tướng sĩ.
Nhân dân bốn cõi một nhà, dựng cần trúc, ngọn
cờ phấp phới.
Tướng sĩ một lòng phụ tử, hòa nước sông chén
rượu ngọt ngào.

Văn thơ ở nửa đầu thế kỷ XV phần lớn là thơ văn viết
về đề tài kháng chiến chống Minh, còn văn thơ ở nửa
sau thế kỷ XV lại thiên về ca ngợi cảnh đất nước thanh
bình, đồng thời ca ngợi các triều đại đầu nhà Lê, nhất
là triều đại Hồng Đức. Tuy vậy, cũng có khá nhiều
thơ văn mô tả cảnh tươi đẹp của đất nước, thí dụ
như những bài thơ của Lê Thánh Tông (1442 – 1497)

... Sông vô sừng non dồn chỗ thấp.

Thuyền theo vách đá dọc đường hang...⁽³⁾

... Giáp bãi núi cao xanh ngắt ngắt,

Tiếp trời sông vô biếc trùng trùng...⁽⁴⁾

Đặc biệt, thế kỷ XV còn để lại cho chúng ta hai tập
thơ nôm có giá trị, đó là Quốc âm thi tập của Nguyễn
Trãi và Hồng Đức quốc âm thi tập của Lê Thánh Tông
và hội Tao đàn⁽⁵⁾.

Suốt mười mấy thế kỷ, dân tộc ta đã bao phen gian
khổ, đau thương, nhưng rồi lại anh dũng vươn lên
giành lấy nền độc lập vinh quang của mình. Trong quá
trình lịch sử đó, chẳng những chúng ta đã có những
chiến công oanh liệt, mà chúng ta còn có cả một bộ phận
văn học viết rất phong phú. Bên cạnh bộ phận văn học
dân gian, bộ phận văn học viết này càng về sau càng phát
triển và để lại cho chúng ta nhiều áng thơ văn bất hủ.

CHÚ THÍCH

(1) Nguyên văn chữ Hán :

Hoành sáo (hoặc sáo) giang san cấp kỷ thu
Tam quân tì hồ khí thôn ngư
Nam nhi vị liễu công danh trái
Tu thính nhân gian thuyết Vũ hầu.

Thôn ngư : cũng có nơi chú thích là *nuốt sao Ngâu*, nhưng nghĩa đúng của nó là *nuốt trâu*, theo Từ Nguyên.

Vũ hầu : tức là Chư (hoặc Gia) Cát Lượng, quân sư của Lưu Bị đời Tam quốc, (2) Nguyên văn chữ Hán :

Đoạt sáo (hoặc sáo) Chương dương độ
Cầm Hồ Hàm tử quan
Thái bình tu nỗ lực
Vạn cổ thử giang san.

Chương dương, Hàm tử : Bến Chương dương nay thuộc huyện Thường tín (Hà tây); Hàm tử thuộc huyện Khoái châu (Hải hưng).

(3) Trích bài *Đất nước An bang* (nay thuộc tỉnh Quảng ninh). (4) Trích bài *Hành trình tới cửa bể Tư dung* (nay thuộc huyện Phú Lộc, Thừa thiên). (5) Những câu thơ văn trích ở trên đều dịch từ Hán văn. Riêng hai tập thơ nôm sẽ nói ở sau, *Quốc âm thi tập* ở nửa đầu thế kỷ XV, *Hồng Đức quốc âm thi tập* ở nửa sau. Tập này của Lê Thánh Tông và một số văn thần thời Hồng Đức, vì phần lớn văn thần này ở trong hội Tao đàn, nên gọi chung là của hội Tao đàn.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Hoàn cảnh lịch sử thời kỳ từ thế kỷ XI đến thế kỷ XV có gì đáng chú ý ? Nội dung chủ yếu của văn học thời kỳ này là gì ? Tìm hiểu nguyên nhân lịch sử xã hội đã đưa đến tình hình ấy ?

2. Tìm hiểu giá trị lịch sử và giá trị văn học của ba tác phẩm : bài thơ *Thần* của Lý Thường Kiệt, *Hịch tướng sĩ* của Trần Quốc Tuấn, *Cáo Bình Ngô* của Nguyễn Trãi.

BÀI HỊCH TƯỚNG SĨ

TRẦN QUỐC TUẤN

Trần Quốc Tuấn (?—1300) (1) được phong tước Hưng đạo đại vương, là con An sinh vương Trần Liễu. Từ thuở nhỏ, Quốc Tuấn đã tỏ ra thông minh, ham đọc sách và tập dượt cung tên. Lớn lên, ông là một người văn võ kiêm toàn. Ba lần quân phong kiến Mông cổ sang xâm lược nước ta, ba lần ông đều hết lòng đánh giặc. Tuy cha của ông có chuyện xích mích với vua Trần, nhưng ông đã đặt quyền lợi gia đình dưới quyền lợi Tổ quốc. Lòng yêu nước của ông thật là tuyệt vời. Hai lần vua Trần phải lánh nạn thì hai lần ông được cử đi bảo vệ vua.

Quốc Tuấn là một người rộng lượng, mến trọng kẻ có đức tài, đã thu phục được những người giỏi như Phạm Ngũ Lão, Trương Hán Siêu, Yết Kiêu, Dã Tượng. Ông không ham danh vọng, lúc về già thường ở Vạn kiếp, có việc cần mới tới Thăng long. Lúc ông sắp mất, vua Trần còn đến thăm và hỏi việc nước, ông trình bày mọi lẽ, đại ý nhấn mạnh tinh thần đoàn kết tướng sĩ, tinh thần nhân đạo, biết giữ gìn sức lực của dân, để làm cái kế sâu rễ bền gốc.

Đền thờ ông hiện còn ở Vạn kiếp (thuộc huyện Chi linh, Hải hưng). Hằng năm nhân dân các vùng xa gần vẫn về dự lễ kỷ niệm, tưởng nhớ một vị anh hùng dân tộc đã có công với nước trong cuộc bình Nguyên oanh liệt.

Trần Quốc Tuấn đọc bài hịch này năm 1285, lúc Thoát Hoan ở ạt đem đại binh sang xâm lược nước ta lần thứ hai (2). Thủ đô Thăng long lại thất thủ, Tổ quốc lâm nguy, Trần Nhân Tông triệu tập hội nghị quân sự Bình than (3), hội nghị Diên hồng và trao cho Quốc Tuấn chức Quốc công tiết chế thống lĩnh. Trần Quốc Tuấn soạn cuốn « Bình thư yếu lược » để cho tướng sĩ học tập và đọc bài hịch, khích lệ lòng yêu nước căm thù của tướng sĩ và thông qua các tướng sĩ, khích lệ tinh thần quật khởi của quân dân ta. Quốc Tuấn đã phê phán sâu sắc tư tưởng an hưởng thái bình có thể dẫn đến mất cảnh giác của tướng sĩ ta lúc đó và động viên chí quyết chiến, quyết thắng của mọi người. Trải ba năm gian khổ, Quốc Tuấn đã lãnh đạo quân dân ta chiến đấu anh dũng và cuối cùng đại thắng giặc, bảo vệ được nền độc lập của nước nhà.

Ta thường nghe : Kỷ Tín⁽⁴⁾ đem mình chết thay, cứu thoát cho Cao Đế ; Do Vu⁽⁵⁾ chia lưng chịu giáo che chở cho Chiêu vương ; Dự Nhượng⁽⁶⁾ nuốt than để báo thù cho chủ ; Thân Khoái⁽⁷⁾ chặt tay để cứu nạn cho nước ; Kinh Đức⁽⁸⁾, một chàng tuổi trẻ, thân phò Thái Tông thoát khỏi vòng vây Thế Sung ; Cảo Khanh⁽⁹⁾ một bề tôi xa, miệng mắng Lộc Sơn, không theo mưu kế nghịch tặc. Từ xưa, các bậc trung thần nghĩa sĩ, bỏ mình vì nước, đời nào không có ? Giả sử các bậc đó cứ khur khur, theo thói nữ nhi thường tình, thì cũng chết già ở xó cửa, sao cho lưu danh sử sách, cùng trời đất muôn đời bất hủ được !

Các người con nhà võ tướng, không hiểu văn nghĩa, nghe những chuyện ấy nửa tin nửa ngờ. Thôi những chuyện xưa, ta không nói đến nữa. Nay ta chỉ kể chuyện Tống, Nguyên⁽¹⁰⁾ mới đây :

Vương Công Kiên⁽¹¹⁾ là người thế nào ? Tì tướng của y là Nguyễn Văn Lập⁽¹²⁾ lại là người thế nào, mà giữ thành Điều ngư⁽¹³⁾ nhỏ như cái đẩu, đương đương chống với quân Mông Kha⁽¹⁴⁾ đông đến hàng trăm vạn, khiến cho nhân dân đời Tống đến nay còn đội ơn sâu ? Cốt Đãi Ngột Lang⁽¹⁵⁾ là người thế nào ? Tì tướng của y là Xích Tu Tư lại là người thế nào, mà xông vào chỗ lam chướng⁽¹⁶⁾ xa xôi nghìn trùng, đánh bại được quân Nam chiếu⁽¹⁷⁾ trong vài tuần, khiến cho quân tướng đời Nguyên đến nay còn lưu tiếng tốt ?

Huống chi, ta cùng các người sinh ra phải thời rối ren, lớn gặp buổi khó nhọc ; ngó thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn tắc lưỡi cú điều mà sĩ mắng triều đình, đem tấm thân dè chó mà bắt nạt tể phụ⁽¹⁸⁾, lại thác mệnh Hốt Tất Liệt⁽¹⁹⁾ mà đòi ngọc lụa, để thỏa lòng tham không cùng ; giả hiệu Văn Nam Vương⁽²⁰⁾ mà thu bạc vàng, để vét của kho có hạn.

Thật khác nào ném thịt cho hồ đoi, sao cho khỏi gây vạ về sau !

Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa, chỉ căm tức rằng chưa xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù, dẫu cho trăm thân ta phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác ta gói trong da ngựa⁽²¹⁾ cũng nguyện xin làm.

Các người ở cùng ta coi giữ binh quyền đã lâu ngày, không có mặc thì ta cho áo, không có ăn thì ta cho cơm, quan thấp thì ta thăng chức, lương ít thì ta cấp bổng, đi thủy thì ta cho thuyền, đi bộ thì ta cho ngựa, lúc trận mạc thì cùng nhau sống chết, lúc ở nhà cùng nhau vui cười, cách đối đãi so với Vương Công Kiên, Đãi Ngột Lang, Đãi người phụ tá nào có kém gì.

Nay các người ngồi nhìn chủ nhục mà không biết lo, thấy nước nhục mà không biết thẹn ; làm tướng triều đình phải hầu quân giặc mà không biết tức, nghe nhạc Thái thường⁽²²⁾ để đãi yến ngự sứ mà không biết căm ; hoặc lấy việc chơi gà làm vui đùa, hoặc lấy việc đánh bạc làm tiêu khiển ; hoặc vui thú vườn ruộng hoặc quyến luyến vợ con ; hoặc lo làm giàu mà quên việc nước ; hoặc ham săn bắn mà quên việc binh ; hoặc thích rượu ngon hoặc mê tiếng hát. Nếu có giặc Mông cổ tràn sang thì cựa gà trống sao đâm thủng áo giáp của giặc, mèo cờ bạc không thể dùng làm mưu lược nhà binh ? Dẫu rằng ruộng lắm vườn nhiều, tấm thân quí nghìn vàng khôn chuộc, vả lại vợ bâu con riu, việc quân cơ trăm sự ích chi ? Tiền của tuy nhiều khôn mua được đầu giặc ; chó săn tuy khỏe khôn đuổi được quân thù ; chén rượu ngon không thể làm cho giặc say chết, tiếng hát hay không thể làm cho giặc điếc tai. Lúc bấy giờ, ta cùng các người sẽ bị bắt, đau xót biết chừng nào ? Chẳng những thái ấp⁽²³⁾ của ta không còn, mà bổng lộc các người cũng về tay kẻ khác ; chẳng những

gia quyền của ta bị đuổi mà vợ con các người cũng bị bắt đi; chẳng những xã tắc tổ tông ta bị giày xéo, mà phần mộ cha mẹ các người cũng bị quật lên, chẳng những thân ta kiếp này bị nhục, mà đến trăm năm sau tiếng dơ khôn rửa, tên xấu còn lưu, mà đến gia thanh⁽²⁴⁾ các người cũng không khỏi mang tiếng là tướng bại trận. Lúc bấy giờ dầu các người muốn vui chơi phông có được không?

Nay ta bảo thật các người, nên nhớ câu: « Đặt mồi lửa vào dưới đồng củi »⁽²⁵⁾ làm nguy cơ, nên lấy điều « kiềng canh nóng mà thổi rau nguội »⁽²⁶⁾ làm răn sợ. Huấn luyện quân sĩ, tập dượt cung tên, khiến cho người người giỏi như Bàng Mông, nhà nhà đều là Hậu Nghệ⁽²⁷⁾; có thể bêu được đầu Hốt Tất Liệt ở cửa khuyết⁽²⁸⁾, làm rửa thịt Văn Nam Vương ở Cảo nhai⁽²⁹⁾. Như vậy chẳng những thái ấp của ta mãi mãi vững bền, mà bổng lộc các người cũng đời đời hưởng thụ; chẳng những gia quyền ta được yên ấm gối chăn, mà vợ con các người cũng được bách niên giai lão; chẳng những tông miếu của ta sẽ được muôn đời tế lễ, mà tổ tông các người cũng được thờ cúng quanh năm; chẳng những thân ta kiếp này đắc chí, mà đến các người trăm năm về sau tiếng vẫn lưu truyền, chẳng những danh hiệu ta không bị mai một, mà tên họ các người cũng sử sách lưu thơm. Lúc bấy giờ, dầu các người không muốn vui chơi phông có được không?

Nay ta chọn binh pháp các nhà hợp làm một quyển gọi là « Binh thư yếu lược ». Nếu các người biết chuyên tập sách này theo lời ta dạy bảo thì trọn đời là tôi chủ, nhược bằng khinh bỏ sách này, trái lời ta dạy thì trọn đời là nghịch thù.

Vì sao vậy? Giặc với ta là kẻ thù không đội trời chung, các người cứ diễm nhiên không muốn rửa nhục, không lo trừ hung, lại không dạy quân sĩ, chẳng khác nào

quay mũi giáo mà chịu đầu hàng, giơ tay không mà chịu thua giặc. Nếu vậy, rồi đây sau khi dẹp yên quân giặc, muôn đời để thẹn, há còn mặt mũi nào đứng trong trời che đất chở này nữa. Ta viết ra bài hịch này để các người biết bụng ta.

CHÚ THÍCH

Nguyên văn bằng chữ Hán, bản dịch này dựa theo bản dịch của Ngô Tất Tố và theo cuốn Lịch sử Việt nam tập 1. Nhà xuất bản Khoa học xã hội, năm 1971.

(1) Về năm sinh, các sách đều ghi khác nhau, như 1226, 1230, 1232... (2) Lần thứ nhất vào năm 1258. Lúc đó Thăng long đã thất thủ một lần. (3) Hiện nay ở vào khoảng phía dưới đồ Phả lại. (4) *Kỷ Tín*: tướng của Hán Cao tổ, vì giả làm Cao tổ ra hàng để giải vây cho Cao tổ, nên bị giặc giết. (5) *Do Vu*: tướng vua Sở đời Xuân Thu, có công chia lưng che cho vua Sở khỏi bị kẻ cướp đâm. (6) *Dự Nhung*: người nhà của Trĩ Bà đời Chiến Quốc, có công nuốt than cho khác giọng để lập mưu báo thù cho chủ. (7) *Thân Khoái*: viên quan nhỏ của Tề đời Xuân Thu. Khi vua Tề bị địch giết, Thân Khoái chết theo. (8) *Kính Đức*: tức là Uất Trì Cung đời Đường, đã lấy mình che chở cho vua Đường thoát nạn. (9) *Cảo Khanh*: Khi An Lộc Sơn khởi binh, Cảo Khanh mang An Lộc Sơn, nên bị cắt lưỡi. Cảo Khanh tỏ ý trung với vua Đường. (10) *Tổng, Nguyên*: hai triều đại ở Trung quốc, nhà Tống cùng thời với nhà Lý, nhà Nguyên (do thái tử Mông cổ là Hốt Tất Liệt dứt nhà Tống mà lập nên) cùng thời với nhà Trần. (11), (12) *Vương Công Kiên, Nguyễn Văn Lập*: tướng của nhà Tống. (13) *Điếu ngư*: tên một trái núi ở Tứ xuyên. Kiên và Lập đóng ở đó, quân Mông cổ đánh không được. (14). *Mông Kha*: anh của Hốt Tất Liệt, tức vua Hiến tông nhà Nguyên. (15) *Cốt Đãi Ngột Lang*: một tướng giỏi của quân Mông cổ. (16) *Lam chương*: (chữ Hán rút ở mấy chữ: Lam sơn chương khí): tức là khí độc ở rừng núi. (17) *Nam chiếu*: một bộ tộc dựng thành một nước nhỏ trước kia ở vào khoảng giữa hai tỉnh Tứ xuyên và Vân nam, đóng đô ở Đại lý. (18) *Tề phụ* (chữ Hán): bậc đứng đầu trong các quan để giúp nước. (19) *Hốt Tất Liệt*: tên vua Thế tổ nhà Nguyên. (20) *Vân Nam Vương*: tức là Thoát Hoan, con thứ chín

của Hốt Tất Liệt, được phong ở đất Văn nam. (21) *Gối trong da ngựa*: rút ý trong câu nói của Mã Viện đời Hán « Làm trai phải đánh đông dẹp bắc, đầu chết ở chiến trường, lấy da ngựa bọc thây cũng đành lòng ». (22) *Nhạc Thái thường*: nhạc Thái thường là một khúc nhạc cung đình, thường dùng trong những dịp quốc khánh, chứ không dùng để tiếp sứ giả, vì như vậy là nhục đến quốc thể. (23) *Thái ấp*: phần đất vua phong cho quý tộc. (24) *Gia thanh* (chữ Hán): tiếng tăm ông cha để lại cho con cháu trong gia đình. (25) *Đặt mỗi lửa*: rút ở sách xưa, ý nói thật là không an tâm nếu nằm trên một đồng củi mà có mỗi lửa ở dưới. (26) *Kiêng canh nóng*: rút ở câu thơ cũ, ý nói kẻ sợ canh nóng thường hay thổi cả rau nguội. (27) *Bàng Mông, Hậu Nghệ*: hai nhân vật bắn cung giỏi thời xưa, chép trong thần thoại Trung quốc. (28) *Cửa khuyết*: cửa lớn ở kinh thành. (29) *Cảo nhai*: nơi tạm trú của các vua nước nhỏ khi vào chầu vua Hán ở Tràng an (Trung quốc).

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Em có nhận xét gì về cách lập luận, cách dẫn chứng, cách bố cục của bài Hịch này?
2. Con người Trần Hưng đạo hiện lên qua bài Hịch này như thế nào? Tác giả đã dùng những thủ pháp nghệ thuật gì để bộc bạch tư tưởng và tình cảm của mình?
3. Sau khi học bài Hịch này em rút ra được những bài học gì?

THƠ VĂN NGUYỄN TRÃI

I – SƠ LƯỢC TIỂU SỬ

Nguyễn Trãi (1380–1442) hiệu là Ức Trai, con trai đầu Nguyễn Phi Khanh, một nhân sĩ yêu nước đời Hồ. Bị giặc Minh bắt đưa về phương Bắc. Nguyên gia đình ông vốn ở làng Chi ngại, huyện Phụng sơn (nay là huyện Chí linh), tỉnh Hải hưng, sau mới dần dần dời

sang làng Nhị Khê, huyện Thượng phủ (nay là xã Quốc Tuấn, huyện Thường tín) tỉnh Hà tây.

Nguyễn Trãi đỗ thái học sinh (tiến sĩ) năm 1400 đời Hồ Quý Ly, sau có ra làm quan cùng triều với cha. Khi Nguyễn Phi Khanh bị bắt, ông cùng với em là Phi Hùng lẽo đẽo theo cha đến cửa Nam quan (nay là Hữu nghị quan). Khi từ giã cha và em, Nguyễn Trãi khắc sâu lời dặn cuối cùng của cha «...Con là người có học có tài, nên tìm cách rửa nhục cho nước, trả thù cho cha, như thế mới chính là đại hiếu...». Không may, ông bị quân Minh đón bắt và giam lỏng ở thành Đông quan (tức Hà nội ngày nay). Sau ông trốn thoát tìm vào Lam sơn theo Lê Lợi và dần dần trở thành người quân sư xuất sắc của Bình định vương. Ngoài việc giúp Lê Lợi về chiến lược, chiến thuật, ông còn dùng ngòi bút tài tình của mình, trong công việc thảo các công văn và thư từ địch vận.

Hòa bình lập lại, ông thay vua thảo bài Đại cáo Bình Ngô có tính chất một bản tuyên ngôn độc lập và hòa bình, Nguyễn Trãi được ban họ vua (đời Nguyễn ra Lê) và tích cực xây dựng quốc gia về mọi phương diện chính trị, văn hóa, xã hội. Nhưng sau đó, triều đình chia bè phái, dèm pha lẫn nhau, có những công thần bị giết hoặc bị đối xử nhạt nhẽo, ông bèn xin về nghỉ ở Côn sơn, gần làng Chi ngại, nơi ẩn dật cũ của ông ngoại là Trần Nguyên Đán⁽¹⁾.

Năm 1440, ông lại được Lê Thái Tông vời ra giúp việc; đến năm 1442, Thái Tông nhân đi duyệt binh ở Chí linh, có ghé Côn sơn thăm ông và khi trở về Thái Tông mất ở Lệ chi viên (thuộc làng Đại lai, huyện Lương tài, Hà bắc)⁽²⁾, đêm đó có Thị Lộ là vợ thiếp của Nguyễn Trãi hầu bên cạnh vua. Bọn quyền thần vốn đã ghen ghét Nguyễn Trãi, liền khép ông vào tội giết vua và bắt phải chịu cái họa tru di tam tộc⁽³⁾.

Mãi đến năm 1464, Lê Thánh Tông mới chính thức minh oan cho ông, truy tặng ông tước Tán trù bá và cho tìm con cháu sót lại của ông để bổ dụng làm quan, mong bù đắp lại công ơn của một bậc anh hùng đã cống hiến cuộc đời cho dân cho nước.

II – SƠ LƯỢC VỀ TÁC PHẨM

Ôn lại cuộc đời Nguyễn Trãi, chúng ta thấy Nguyễn Trãi, chẳng những là nhà chính trị, nhà quân sự, nhà ngoại giao thiên tài đã từng giúp Lê Lợi kháng chiến chống giặc Minh thành công, rồi lại giúp Lê Thái Tông củng cố chính quyền vững mạnh, mà Nguyễn Trãi lại còn là một người có kiến thức uyên bác, một nhà văn, một nhà thơ xuất sắc.

Về địa lý, ông còn để lại quyển *Dư địa chí* (viết năm 1435). Đây là quyển địa lý lịch sử và dân tộc học có giá trị đầu tiên của nước nhà.

Về sử ký, ông đã khởi thảo quyển *Lam sơn thực lục* (có bài tựa của Lê Lợi viết năm thuận thiên thứ 4 1431) (4).

Về chính trị, ông đã thay Lê Lợi viết nhiều chiếu, biểu, thư từ, mà người đời sau tập hợp lại dưới đề mục chung là *Văn loại*. Trong *Văn loại*, có tập *Quân trung từ mệnh* là những thư từ gửi tướng tá nhà Minh, hoặc những chiếu dụ gửi quan lại trong nước, soạn trong thời gian kháng chiến, khoảng 1423 – 1427. Đặc biệt, bài *Đại cáo Bình Ngô* là một văn kiện lịch sử quan trọng, được soạn khoảng cuối năm 1427, đầu năm 1428 khi 15 vạn quân tiếp viện của giặc bị diệt, Vương Thông buộc phải xin giảng hòa và nước ta hoàn toàn giải phóng.

Thơ văn của ông chắc có nhiều, nhưng sau vụ án Lê chi viên bị mất mát một phần. Năm 1467, Lê Thánh

Tông hạ lệnh cho người đi sưu tập được một ít, nhưng chắc còn sót.

Nguyễn Trãi hiện còn để lại bài *Phú Núi Chí linh* ca ngợi sự thành công của cuộc Lam sơn khởi nghĩa và một số thơ chữ Hán và quốc âm tập hợp thành một mục chung là *Ức Trai thi tập*. Về thơ chữ Hán, đáng chú ý là bài *Côn Sơn* ca viết theo lối câu ngắn, câu dài. Tập thơ qui nhất là tập *thơ quốc âm*, *Quốc âm thi tập*, hiện còn 254 bài⁽⁶⁾, có nhiều đề mục, nhưng đại ý là nhân miêu tả thiên nhiên như thời tiết, cây hoa, muông chim... hay nhân miêu tả sự việc, tác giả nói lên chí khí và tâm sự của mình.

Qua những tác phẩm chính của ông, chúng ta thấy có hai điểm nổi bật: tính chất chiến đấu và tính chất trữ tình.

Với ngòi bút chiến đấu, Nguyễn Trãi lấy nhân nghĩa làm cơ sở. Ý đó ông đã nêu rõ trong bài *Cáo cũng như* trong nhiều văn thơ, nhất là trong tập *Quân trung từ mệnh* (thí dụ qua các bức thư gửi cho tướng Minh là Phương Chính, Vương Thông...). Ông chiến đấu cho độc lập của Tổ quốc, cho hạnh phúc của nhân dân, cho hòa bình của cả hai dân tộc Việt, Trung. Ông đã miêu tả trong những nét cô đọng, nào nỗi khổ của nhân dân ta, nào tội ác của quân Minh, và trước sau như một, ông nhấn mạnh quan điểm nhân nghĩa chân chính của mình hoặc để khích lệ tinh thần yêu nước căm thù giặc của quân dân ta, hoặc để thuyết phục giặc, mở ra cho chúng một con đường sống: «Phàm mưu đồ việc lớn phải lấy nhân nghĩa làm gốc, làm nên công lớn phải lấy nhân nghĩa làm đầu. Chỉ có nhân nghĩa kiêm toàn thì công việc mới trôi chảy được» (7). Quan điểm nhân nghĩa của ông về sau còn được áp dụng vào những công việc sau chiến tranh để xây dựng đất nước như việc đối xử

với tù binh, việc xử án, việc soạn nhạc, việc qui định hình thức lễ nghi, v.v...⁽⁸⁾.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng nói: «Triết lý nhân nghĩa của Nguyễn Trãi, cuối cùng chẳng qua là lòng yêu nước thương dân: cái nhân, cái nghĩa lớn nhất là phần đấu đến cùng chống ngoại xâm, diệt tàn bạo, vì độc lập của nước, hạnh phúc của dân».

Nguyễn Trãi không phải chỉ là một nhà văn chiến đấu, mà Nguyễn Trãi còn là một nhà thơ. Từ thuở nhỏ, sống với ông ngoại, Nguyễn Trãi đã có dịp làm quen với phong cảnh kỳ thú ở Côn sơn. Lớn lên, ông theo Lê Lợi trong cuộc khởi nghĩa Lam sơn, ông đã tự hào mang cả «túi thơ» đi kháng chiến. Quả vậy, gặp khi cảm hứng, Ước Trãi thường làm thơ hoặc tả thiên nhiên, hoặc tả sự vật, nhưng chính là để nói lòng người. «Nghe tin chiến thắng», ông làm thơ, «xem tập thủy trận», ông làm thơ, đi qua cửa Thần phủ, qua sông Bạch đằng, qua đảo Vân đồn, ông đều làm thơ. Đảo Vân đồn nằm giữa muôn đảo nhấp nhô trên mặt nước của vịnh Hạ long là một trong những cảnh đẹp bậc nhất của nước ta:

Một bàn nước biếc trong thay

Núi xanh muôn búi tóc mây xoắn đều

Giữa nhà thơ và cảnh vật dường như có một niềm thông cảm vô biên. Nguyễn Trãi yêu cảnh vật như yêu người:

Tình quen chẳng? Kiểm trúc cùng mai...

(Ngôn chí 12)

Núi lóng giềng, chim bầu bạn.

Mây khách khứa, nguyệt anh tam...

(Thuật hứng 19)

Cò nằm hạc lặn nên bầu bạn,

Ủ ấp cùng ta làm cái con...

(Ngôn chí 20) (10)

Nhà thơ kết bạn với vượn, với chim, quét âm để đón mây, đón trăng «mời núi vào nhà», «gối đầu lên mây», «ngày xem hoa động», «tối rước chim về...». Nhà thơ thường hay nói đến đêm thanh và đến trăng⁽¹¹⁾:

Đêm thanh hợp nguyệt nghiêng chén...

(Ngôn chí 10)

Hương cách gác vãn thu lạnh lạnh

Thuyền kẻ bãi tuyết nguyệt chênh chênh⁽¹²⁾

(Bảo kính cảnh giới 26)

Dường như nhà thơ cần cái vắng lặng của đêm trăng để lòng hòa vào cảnh vật cho hết nỗi ưu tư? Quả vậy, cuộc đời Nguyễn Trãi cũng nhiều phen chìm nổi. Chưa nói lúc thiếu thời, ông đã từng lang thang trong cảnh nhà tan nước mất, hãy nói khi ra làm quan trong cảnh thanh bình, ông vẫn bị bao kẻ ghét ghen, bao lời phỉ báng. Chính vì vậy mà chúng ta không lấy làm lạ là con người nghĩa khí ấy đã có lúc thốt ra những lời chua cay rớm lệ:

Ở thế nhiều phen thấy khóc cười...

(Tự thuật 9)

Có điều là Nguyễn Trãi tuy có lúc đau đớn như vậy, nhưng chưa từng bi quan, tuyệt vọng, mà tâm hồn ông lại trở lại trong sáng, vẫn tin ở sức mình.

Thơ của Nguyễn Trãi cho ta thấy Nguyễn Trãi là người có chí khí thanh cao và tâm hồn trong sáng: «Ước Trãi lòng sáng tựa sao Khuê» (Lê Thánh Tông).

Với tập thơ Quốc âm, Nguyễn Trãi đã có những đóng góp quan trọng vào việc phát triển ngôn ngữ và thơ ca tiếng Việt.

Tóm lại, cuộc đời và văn thơ của Nguyễn Trãi là cuộc đời và văn thơ của một người anh hùng dân tộc. «Nguyễn Trãi là khí phách của dân tộc, là tinh hoa của dân tộc. Sự nghiệp và tác phẩm Nguyễn Trãi là bài ca yêu nước và tự hào dân tộc».

PHẠM VĂN ĐỒNG
Tò quốc ta, nhân dân ta, sự
nghiệp ta và người nghệ sĩ

CHÚ THÍCH

(1) Trần Nguyên Đán (1320 — 1390) dưới triều Trần Nghệ Tông làm đến chức Tư đồ phụ chính (như tể tướng). Nguyễn Phi Khanh dạy học trong nhà Nguyên Đán, rồi được Nguyên Đán gả con gái cho, người con gái đó là mẹ của Nguyễn Trãi. (2) *Lệ chi viên*: tức là trại Vải, hiện nay nền cũ không còn nữa đã biến thành bãi sông. (3) *Tru di tam tộc*: ba họ bị giết. Các sách chú thích về nghĩa ba họ chưa nhất trí với nhau, nhưng thường thì ba họ là 3 đời thuộc dòng trực hệ: cha mình và anh em ruột với cha mình, bản thân mình và anh em ruột với mình, con trai của mình. Tuy thế, có khi cả người trong họ hay họ ngoại cũng bị vạ lây (Dòng trực hệ dòng chính) của Nguyễn Trãi sau chỉ sót có ông Phạm Anh Vũ, con bà Phạm Thị Mạn lúc đó có mang và nhân đi chợ vắng mà chạy thoát. Phạm Anh Vũ sau được Lê Thánh Tông cho đổi lại họ Nguyễn và được bổ làm quan. (4) Theo *Việt sử cương mục* thì Lê Lợi sai soạn và có đề tựa ký tên là Lam sơn động chủ. Bản chính hiện nay không còn, chỉ còn bản chữa lại của Hồ Sĩ Dương ở thế kỷ XVII. (5) *Chiếu, biểu*: chiếu là bài văn của vua ban xuống, thường là khuyên răn khen ngợi hay ban ơn (*Dụ*: là những sắc luật, quyết định của vua). *Biểu* là bài văn của bề tôi dâng lên vua đề trình bày sự việc. (6) Trong 254 bài đã phiên âm cũng còn lẫn lộn cả thơ của Nguyễn Bỉnh Khiêm và thơ trong *Hồng Đức quốc âm thi tập*. Cái đó cũng dễ hiểu, vì thơ Nguyễn Trãi do người sau mới sưu tập. (7) Trích thư số 8 gửi Phương Chính trong *Quân trung từ mệnh*. (8) Thi dụ như việc thả tù binh, sắp đặt cho Vương Thông về nước đề nghị tha chém cho 7 em bé bị tái phạm tội ăn cướp... (9) Hai câu này nguyên là chữ Hán, đây là văn dịch. (10) Trích

ở *Quốc âm thi tập*. Anh tam (tiếng cò) có nghĩa là anh em. (11) Chú ý là trong thơ nôm Nguyễn Trãi, chỗ thì nói trăng, chỗ thì nói nguyệt. (12) Trích ở *Quốc âm thi tập*, Gác vãn là gác đề sách có cỏ vãn mùi thơm đề trừ mọt.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Cuộc đời Nguyễn Trãi đã gắn liền với sự nghiệp giữ nước và dựng nước của dân tộc ta ở thời đại ông như thế nào? Em rút ra được những bài học gì, sau khi tìm hiểu về cuộc đời của ông?
2. Tìm hiểu tinh chiến đấu và nội dung tư tưởng nhân nghĩa trong thơ văn Nguyễn Trãi.
3. Lòng yêu thiên nhiên đất nước thể hiện trong thơ Nguyễn Trãi như thế nào? Trong những bài thơ nôm của Nguyễn Trãi, em thích bài nào nhất, vì sao?

TÙNG (Cây thông)

Thu đến cây nào chẳng lạ lòng (1)
Một mình lạt thuở ba đông (2)
Lâm tuyền ai rằng già làm khách (3)
Tài đồng lương cao, ắt cả dùng (4)
Đồng lương tài có mấy bằng mây
Nhà cả đòi phen chống khỏe thay
Cội rễ bền, đời chẳng động,
Tuyết sương thấy đã đặng nhiều ngày (5)
Tuyết sương thấy đã đặng nhiều ngày
Có thuốc trường sinh càng khỏe thay! (6)
Hồ phách, Phục linh nhìn mấy biết, (7)
Dành, còn để trợ dân này (8)

(Trích *Quốc âm thi tập*)

<https://tieulun.hopto.org>

CHÚ THÍCH

Đây là một lối thơ 4 câu mà ta thường gọi là *thơ tứ tuyệt*, nhưng lối thơ tứ tuyệt này không theo thể Đường luật, mà lại là một lối thơ có xen câu 6 chữ gọi là thể lục ngôn. Ba bài tứ tuyệt này làm theo thể *jiên hoàn* pha lối *bắc cầu*, nghĩa là câu cuối bài trước chuyển một phần hay chuyển toàn bộ làm câu đầu của bài sau.

(1) Mùa thu đến, cây nhiều lá vàng rụng, vẻ có thay đổi. (2) *Lạt*: coi thường; *Ba đông*: ba tháng mùa đông. (3) *Lâm tuyền* (chữ Hán): rừng suối. *Ai rặng*: ai bảo. (4) *Đồng lương* (chữ Hán): ruộng cội: cội trụ. *Cả dưng*: dưng vào việc to tát (cả: tiếng cổ nghĩa là lớn: thí dụ: anh cả hay nhà cả ở câu 2 bài dưới). (5) Trải qua nhiều mùa sương tuyết. (6) *Thuốc trường sinh* (chữ Hán): thuốc sống lâu. Tương truyền ăn quả thông thì sống lâu, vì cây thông sống có khi đến mấy trăm năm. (7) Hồ phách và phục linh là 2 vị thuốc. Tương truyền nhựa thông qua một trăm năm thành phục linh, qua một nghìn năm thành hồ phách. (8) *Trợ* (chữ Hán): giúp.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Em có biết bài thơ nào nói về cây thông không? Tìm hiểu ý nghĩa tả thực và ý nghĩa tượng trưng của bài thơ này? Con người Nguyễn Trãi hiện lên qua bài thơ như thế nào?

2. Tìm hiểu thể thơ của bài thơ này (về số câu, số chữ trong câu, về vần, điệu...)

BÀI CÁO BÌNH NGÔ

Từng nghe :

Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,
Quân điều phạt ⁽¹⁾ trước lo trừ bạo
Như nước Đại Việt ta từ trước
Vốn xưng nền văn hiến đã lâu,
Núi sông bờ cõi đã chia
Phong tục Bắc Nam cũng khác.

Từ Triệu ⁽²⁾, Đinh, Lý, Trần bao đời gây nền độc lập.
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên hùng cứ
một phương

Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau,
Song hào kiệt đời nào cũng có.

Vậy nên :

Lưu Cung ⁽³⁾ tham công nên thất bại,
Triệu Tiết ⁽⁴⁾ thích lớn phải tiêu vong.
Cửa Hàm tử bắt sống Toa Đô
Sông Bạch đằng giết tươi Ô Mã ⁽⁵⁾
Việc xưa xem xét,
Chứng cớ còn ghi

Vừa rồi :

Nhân họ Hồ chính sự phiền hà
Để trong nước lòng dân oán hận.
Quân cuồng Minh đã thừa cơ gây họa
Bọn gian tà còn bán nước cầu vinh.
Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn
Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ ⁽⁶⁾.
Dối trời, lừa dân, đủ muôn nghìn kế,
Gây binh kết oán, trải hai mươi năm.
Bại nhân nghĩa nát cả đất trời.
Nặng thuế khóa sạch không đầm núi.
Người bị ép xuống biển dòng lưng mò ngọc, ngán
thay cá mập thường luồng,
Kẻ bị đem vào núi đãi cát tìm vàng, khốn nỗi
rừng sâu nước độc.
Vết sản vật, bắt dò chim sẻ ⁽⁷⁾ chốn chốn lưới chăng,
Nhiều nhân dân, bắt bẫy hươu đen ⁽⁸⁾ nơi nơi
cạm đặt.
Tàn hại cả giống côn trùng cây cỏ,
Nheo nhóc thay kẻ góa bụa khốn cùng.
Thằng há miệng, đứa nhe răng, máu mỡ bấy no nê
chưa chán.

<https://tieulun.hopto.org>

Nay xây nhà, mai đắp đất, chân tay nào phục dịch
cho vừa ?

Nặng nề những nỗi phu phen
Tan tác cả nghề canh cửi.
Độc ác thay, trúc Nam sơn⁽⁹⁾ không ghi hết tội,
Dơ bẩn thay, nước Đông hải không rửa hết mùi !
Lẽ nào trời đất dung tha,
Ai bảo thần dân chịu được ?

Ta đây :

Núi Lam sơn dấy nghĩa,
Chốn hoang dã nương mình.
Ngẫm thù lớn há đội trời chung,
Căm giặc nước thề không cùng sống.
Đau lòng nhức óc, chốc đà mười mấy năm trời,
Ném mật nằm gai⁽¹⁰⁾, há phải một hai sớm tối.
Quên ăn vì giận, sách lược thao⁽¹¹⁾ suy xét đã tinh,
Ngẫm trước đến nay; lẽ hưng phế⁽¹²⁾ đắn đo càng kỹ.
Những trăn tróc trong cơn mộng寐,
Chỉ băn khoăn một nỗi đồ hồi⁽¹³⁾
Vừa khi cờ nghĩa dấy lên,
Chính lúc quân thù đang mạnh.

Lại ngặt vì :

Tuần kiệt như sao buổi sớm,
Nhân tài như lá mùa thu.
Việc bôn tẩu⁽¹⁴⁾ thiếu kẻ đỡ đần,
Nơi duy ác⁽¹⁵⁾ hiếm người bàn bạc.
Tấm lòng cứu nước, vẫn dăm dăm muốn tiến
về đông⁽¹⁶⁾
Cổ xe cầu hiền, thường chăm chăm còn dành
phía tả⁽¹⁷⁾.

Thế mà :

Trông người, người càng vắng bóng, mịt mù như
nhìn chốn bể khơi,

Tự ta, ta phải dốc lòng, vội vã hơn cứu người chết
đuối.

Phần thì giặc quân thù ngang dọc,
Phần thì lo vận nước khó khăn,
Khi Linh sơn⁽¹⁸⁾ lương hết mấy tuần,
Khi Khôi huyện⁽¹⁹⁾ quân không một đội.
Trời thử lòng trao cho mệnh lớn,
Ta gắng trí khắc phục gian nan.
Nhân dân bốn cõi một nhà, dựng cần trúc⁽²⁰⁾
ngọn cờ phấp phới
Tướng sĩ một lòng phụ tử, hòa nước sông⁽²¹⁾ chén
rượu ngọt ngào
Thế trận xuất kỳ, lấy yếu chống mạnh,
Dùng quân mai phục, lấy ít địch nhiều.

Trợn hay :

Đem đại nghĩa để thắng hung tàn,
Lấy chí nhân để thay cường bạo;
Trận Bồ đặng sấm vang chớp giật,
Miền Trà lân trúc chẻ tro bay⁽²²⁾

Sĩ khí đã hăng

Quân thanh càng mạnh⁽²³⁾.

Trần Trí, Sơn Thọ nghe hơi mà mất vía,
Lý An, Phương Chính nín thở cầu thoát thân.
Thừa thắng ruổi dài, Tây kinh⁽²⁴⁾ quân ta chiếm lại,
Tuyên binh tiến đánh, Đông đô đất cũ thu về.
Ninh kiều⁽²⁵⁾ máu chảy thành sông, tanh trôi vạn
dặm,
Tụy động⁽²⁶⁾ thấy chết đầy nội, như đề ngàn năm,
Phúc tâm⁽²⁷⁾ quân giặc: Trần Hiệp đã phải bêu đầu,
Một gian kẻ thù: Lý Lượng cũng đành bỏ mạng.
Vương Thông gỡ thế nguy, mà đám lửa cháy lại
càng cháy.
Mã Anh cứu trận đánh mà quân ta hăng lại càng hăng.

<https://tieulun.hopto.org>

Bỏ tay để đợi bại vong, giặc đã trí cùng lực kiệt
Chẳng đánh mà người chịu khuất, ta đây mưu phạt
tâm công (28)

Tưởng chúng biết lẽ ăn năn, nên đã thay lòng đổi dạ.
Ngờ đâu vẫn đương mưu tính, lại còn chuốc tội gây oan.
Giữ ý kiến một người, gieo vạ cho bao nhiêu kẻ khác,
Tham công danh một lúc, để cười cho tất cả thế gian.
Bởi thế:

Thằng nhãi con Tuyên Đức (29) động binh không
ngừng,

Đồ nhút nhát, Thanh, Thằng (30) đem dầu chữa cháy.

Đình mùi tháng chín Liễu Thăng đem binh từ
Khâu ôn kéo lại,

Năm ấy tháng mười Mộc Thạnh chia đường từ Vân
nam tiến sang:

Ta trước đã điều binh thủ hiểm, chặt mũi tiên phong.

Sau lại sai tướng chen đường, tuyệt nguồn lương thực.

Ngày mười tám, trận Chi lăng (31), Liễu Thăng thất thế,

Ngày hai mươi, trận Mã yên (32), Liễu Thăng cắt đầu.

Ngày hăm lăm, bá tước Lương Minh đại bại tử vong

Ngày hăm tám, thượng thư Lý Khánh cùng kẻ tự vẫn!

Thuận đà ta đưa lưỡi dao tung phá

Bí nước giặc quay mũi giáo đánh nhau.

Lại thêm quân bốn mặt vây thành,

Hẹn đến giữa tháng mười diệt giặc.

Sĩ tốt kén tay hùng hổ.

Bề tôi chọn kẻ vuốt nanh.

Gươm mài đá, đá núi cũng mòn.

Voi uống nước, nước sông phải cạn.

Đánh một trận, sạch không kình ngạc (33)

Đánh hai trận, tan tác chim muông,

Cơn gió to trút sạch lá khô,

Tổ kiến hồng sứt toang dề vỡ.

Đô đốc Thôi Tự lê gỏi dâng tồ tạ tội,

Thượng thư Hoàng Phúc trói tay để tự xin hàng.

Lạng giang, Lạng sơn thây chết đầy đường,

Xương giang, Bình than, máu trôi đỏ nước (34)

Ghê gớm thay! Sắc phong vân phải đổi,

Thảm đạm thay! Ánh nhật nguyệt phải mờ.

Bị ta chặn ở Lê hoa (35), quân Vân nam nghi ngờ
khiếp vía mà vỡ mật;

Nghe Thằng thua ở Cần tràm (36), quân Mộc Thạnh
xéo lên nhau chạy để thoát thân.

Suối Lãng cầu, máu chảy trôi chày (37) nước sông
nghe ngào tiếng khóc,

Thành Đan xá thây chất thành núi, cỏ nội đầm đìa
máu đen

Cứu binh hai đạo tan tành, quay gót chẳng kịp,

Quân giặc các thành khốn đốn, cởi giáp ra hàng,

Tướng giặc bị cầm tù, như hổ đói vẫy đuôi xin cứu
mạng,

Thần vũ chẳng giết hại (38), thể lòng trời, ta mở đường
hiếu sinh.

Mã Kỳ, Phương Chính, cấp cho năm trăm chiếc thuyền,
ra đến bể mà vẫn hồn bay phách lạc,

Vương Thông, Mã Anh, phát cho vài nghìn cỗ ngựa,
về đến nước mà vẫn tim đập chân run!

Họ đã tham sống sợ chết, mà hòa hiếu thực lòng,

Ta lấy toàn quân là hơn, để nhân dân nghỉ sức.

Chẳng những mưu kế kỳ diệu,

Cũng là chưa thấy xưa nay.

Xã tắc (39) từ đây vững bền,

Giang sơn từ đây đổi mới.

Càn khôn bĩ mà lại thái (40)

Nhật nguyệt hối mà lại minh (41)

<https://tieulun.hopto.org>

Muôn thuở, nền thái bình vững chắc,
Ngàn năm, vết nhọc nhãi sạch lầu.

Âu cũng nhờ trời đất tổ tông khôn thiêng ngầm giúp
đỡ mới được như vậy.

Than ôi!

Một cỗ nhung y⁽⁴²⁾ chiến thắng, nên công oanh liệt
ngàn năm

Bốn phương biên cả thanh bình, ban chiếu duy tân
khắp chốn.

Xa gần bá cáo

Ai nấy đều hay.

CHÚ THÍCH

Nguyên văn bằng chữ Hán, bản dịch này dựa theo bản dịch của Bùi Kỳ.

(1) *Điều phạt* (chữ Hán): vì dân mà trừng phạt kẻ có tội. (2) *Triệu*: đây là Triệu Đà (chứ không phải Triệu Quang Phục bao gồm trong nhà Tiền Lý). Một số sử sách xưa đã coi nhầm Triệu Đà có công xây dựng nước ta. (3) *Lưu Cung*: tức vua Nam Hán, sai con là Hoảng Thao sang đánh ta. Xem chú thích 15 ở bài phú *Sông Bạch đằng*. (4) *Triệu Tiết*: tướng nhà Tống bị Lý Thường Kiệt đánh đuổi. (5) *Toa Đô, Ô Mã*: hai tướng nhà Nguyên. Xem chú thích 14 ở bài phú *Sông Bạch đằng*. Thật ra thì Toa Đô bị giết, còn Ô Mã Nhi bị bắt sống, ở đây Nguyễn Trãi đã lầm lẫn. (6) *Dân đen*: dân đen đầu, chỉ người bình dân không có chức tước gì. *Con đỏ* nghĩa đen là con mới đẻ da còn đỏ, nghĩa bóng là người bình dân, vì sách xưa có câu nói đại ý: bảo vệ dân như bảo vệ con còn đỏ. (7) và (8) *Chim sà hươu đen*: hai loài vật quý, rất hiếm. (9) *Trúc Nam sơn*: xưa chưa có giấy, chép sử trên thẻ trúc, đây nói tội ác nhiều vô cùng không thể ghi hết. (10) *Năm gai nếm mật*: chịu đựng gian khổ. (11) *Sách lược thao*: tức là « tam lược » và « lục thao »,

hai sách dạy cách đánh giặc. (12) *Hưng phế* (chữ Hán): nói về các triều đại khi dựng lên, khi bị lật đổ. (13) *Đồ hồi* (chữ Hán): mưu tính việc khôi phục. (14) *Việc bồn tầu* (chữ Hán), chạy ngược chạy xuôi, ý nói việc chuẩn bị. (15) *Nơi duy ác* (chữ Hán): duy ác nghĩa đen là màn che nơi bộ tham mưu ở, nghĩa bóng: nơi bàn bạc quân sự. (16) *Về đông*: ý nói từ Thanh hóa muốn tiến ra Đông đô (Hà nội). (17) *Dành phía tả*: theo một điển tích xưa: đề dành phía bên trái cỗ xe chờ người hiền, đại ý là mong người hiền tài. (18) *Linh sơn*: núi Chi linh thuộc huyện Lang Chánh (thượng du Thanh hóa). (19) *Khôi huyện*: cũng gọi là Khôi sách, địa điểm ở phía trên Nho quan (Ninh bình). (20) *Dựng cần trúc*: lấy nghĩa trong sách xưa, ý nói gấp quá, chưa kịp làm cò, cứ phát cần trúc mà tiến quân. (21) *Hòa nước sông*: theo điển xưa: có viên tướng giỏi, được biểu một bình rượu, đổ xuống dòng sông, cho quân sĩ cùng mức nước uống, tỏ ý tướng sĩ chia buồn sẻ ngọt, đoàn kết một lòng. (22) *Bồ đăng*: một ngọn núi thuộc Qui châu (Nghệ an), *Trà lân*: một địa điểm ở Tương dương (Nghệ an). (23) *Sĩ khí quân thanh*: chí khí và thanh thể của quân sĩ. (24) *Tây kinh*: tức là thành Tây đô do nhà Hồ đắp (đứng lẫn với Lam kinh). (25) *Ninh kiều*: tức Ninh giang (Hải dương). (26) *Tuy động* (hoặc Tết động): Một xã ở huyện Chương Mỹ (Hà tây). (27) *Phúc tâm*: đáng tin cậy. *Trần Hiệp, Lý Lương, v.v.* là tướng của giặc. (28) *Mưu phạt tâm công*: đánh vào lòng người. (29) *Tuyên Đức*: niên hiệu vua Tuyên Tông nhà Minh. (30) *Thanh, Thắng*: tức là Mộc Thanh, Liễu Thắng, tướng nhà Minh. (31) *Chi lăng*: địa điểm ở Lạng sơn, Liễu Thắng bị thua to ở đây. (32) *Mã yên*: ở xã Mai sơn, thuộc Lạng sơn, Liễu Thắng bị quân ta giết ở đây. (33) *Kinh ngạc*: cá kinh là loài cá voi, cá ngạc là loài cá sấu, dùng đề chỉ quân giặc. (34) *Lạng giang*: nay là Bắc giang (Hà bắc). *Xương giang*: tức là Phủ lạng thương bây giờ. *Bình than*: bãi cát lớn, thuộc phía dưới đò Phả lại hiện nay. (35) *Lê hoa*: một cửa ải thời xưa, giáp giới Lào cai và Vân nam. (36) *Cần trạm*: một địa điểm ở biên giới Trung Việt, phía Lào cai. *Lãnh cầu* và *Đan xá*: ở gần ải Lê Hoa. (37) *Máu chảy trôi chày*: chữ lấy ở kinh Thư, ý nói chết nhiều. (38) *Thần vũ chẳng giết*: ý nói việc vũ khoan hồng không giết hại. (39) *Xã tắc*: Nơi tế thần đất gọi là xã, nơi tế thần lúa gọi là tắc. Nghĩa bóng: chỉ đất đai bờ cõi của một nước. (40) *Càn khôn* (chữ Hán): hai quả trong kinh Dịch, chỉ trời đất. *Bĩ mà lại thái*: qua cơn bế tắc, trở lại thái bình. (41) *Nhật nguyệt* (chữ Hán): mặt trời, mặt trăng. *Hối mà lại minh*: tối rồi lại sáng. (42) *Nhung y* (chữ Hán): áo giáp mặc khi ra trận, đây chỉ việc đánh giặc.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Tìm hiểu cách lập luận, dẫn chứng, cách bố cục, hành văn, cách xây dựng hình ảnh ở bài Cáo này.
2. Phần mở đầu bài Cáo có giá trị như lời tuyên ngôn độc lập, em hãy chứng minh.
3. Hình ảnh giặc Minh tàn ác, ngoan cố và bỉ ổi hiện lên qua bài Cáo này như thế nào? Liên hệ với tội ác, sự ngoan cố và bỉ ổi của giặc Mỹ hiện nay.
4. Hình ảnh của Lê Lợi, của Nguyễn Trãi và của nhân dân ta thời kỳ kháng chiến chống Minh hiện lên qua bài Cáo như thế nào?
5. Đọc xong bài Cáo, em thấy nội dung chủ yếu của tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi là gì? Liên hệ với cuộc kháng chiến chống Pháp và cuộc kháng chiến chống Mỹ hiện nay, em thấy bức tranh về cuộc kháng chiến chống Minh cũng như tư tưởng chiến lược, chiến thuật hồi đó được thể hiện trong bài Cáo này có những nét gì tương đồng?

THƯ LẠI DƯ VƯƠNG THÔNG

Thư kính đưa quan Tổng binh và các vị đại nhân.

Xưa nay người giỏi dụng binh là ở chỗ hiểu biết thời thế. Được thời và có thế, thì biến mất làm còn, hóa nhỏ thành lớn; mất thời mà không thế, thì trở mạnh ra yếu, đổi yên làm nguy, chỉ ở trong khoảng trở bàn tay mà thôi. Nay các người không rõ thời thế, chỉ giả dối quen thân, há chẳng phải là hạng thất phu đốn hèn, sao đủ nói chuyện việc binh được?...⁽¹⁾

Nay các người sức kiệt kể cùng, lính tráng mỗi mệt, trong thiếu lương cơ, ngoài không viện binh bám lấy một khoảng đất, thoi thóp trong mảnh thành, chẳng phải là miếng thịt trên thớt, con cá trong chậu rồi sao? Vậy mà còn lừa dối dân ta, dụ dỗ những điều phi nghĩa. Các kẻ trung thần nghĩa sĩ của ta kia, dù khi thời vận

khốn cùng, vẫn một bề nếm mật nằm gai, mà không chịu thay lòng đổi dạ. Huống chi ngày nay, còn ai tin theo những lời bất nghĩa của các người được? Ta chỉ e trong thành, người Nam thì nhớ thương chúa cũ, người Ngô thì không chịu được gian lao⁽²⁾, họ sẽ đâm chết các người, rồi đem nhau ra hàng, như Trương Phi, Lã Bố ngày xưa chính lại bị kẻ thù hạ giết⁽³⁾, ấy là cái lý tất nhiên vậy.

Nay ở các thành, từ chức đô ti⁽⁴⁾ trở xuống, đều cảm giận lũ các người lừa dối họ, có kẻ khuyên ta làm cỏ cả thành, có kẻ xin treo lũy trốn ra, mách cho ta việc sắp đặt chiến cụ, sửa đóng xe thang. Đến như những kẻ khốn cực quá, thì họ đâm chém lẫn nhau, không đợi đến quân sĩ của ta nữa. Ta ngồi suy tính cho lũ các người thì cái cơ bại vong có sáu:

Nước lụt mệnh mỏng, tường rào đổ sập, lương cỏ thiếu thốn, ngựa chết quân ốm, bại vong đó là một.

Ngày xưa, Đường Thái Tông bắt Kiến Đức mà Thế Sung phải ra hàng⁽⁵⁾. Nay bao nhiêu ai quan hiềm trở đều có quân và voi ta đóng giữ, viện binh có đến, tất sẽ bị thua, viện binh đã thua lũ các người còn trốn đằng trời: bại vong đó là hai.

Nước các người binh khỏe ngựa béo, nay đóng cả ở phương Bắc để phòng thủ quân Nguyên⁽⁶⁾, không rời đầu nhìn sang nước Nam được: bại vong đó là ba.

Can qua bận rộn, chinh phạt rồi ren, người chẳng sống yên, nhao nhao thất vọng: bại vong đó là bốn.

Tôi gian chuyên chính, chúa nhỏ trị vì, xương thịt tàn nhau, vạ trong tường vách⁽⁷⁾: bại vong đó là năm.

Nay ta nổi dậy nghĩa quân, trên dưới dốc lòng, anh hùng gắng sức, tướng sĩ ngày càng luyện, khí giới ngày càng tinh vừa cày ruộng vừa đánh giặc, còn quân trong

thành các người thì mỗi một khốn cùng, tự phải tiêu hao : bại vong đó là sáu.

Ngồi giữ một mảnh thành con, để chờ đợi sáu cái bại vong ấy, thật tiếc thay cho lũ các người. Người xưa có nói : « Nước xa không cứu được lửa gần ». Dù có viện binh đến đây, cũng không ích gì cho sự bại vong cả. Ngày trước Phương Chính, Mã Kỳ, chỉ chuyên làm những sự ngang trái, khiến nổi dân chúng lầm than, thiên hạ oán thán: nào đào mồ mả của nhà ta, nào bắt vợ con của dân ta, kẻ chết ngậm oan, người sống đau khổ. Các người nên nhìn rõ sự cơ, xét sâu thời thế, chém đầu Phương Chính, Mã Kỳ đem đến cửa quân ta dâng nộp. Như vậy, trong thành sẽ khỏi cái nạn cá thối, trong nước sẽ khỏi cái vạ đau thương, hòa hiếu lại thông, can qua xếp bỏ. Nếu muốn rút quân về nước, ta cho sửa sang cầu cống, mua sắm tàu thuyền, thủy bộ hai đường, tùy theo ý muốn ; quân ra khỏi cõi, yên ổn muôn phần, không còn lo ngại gì⁽⁸⁾. Rồi đây, ta lại nộp cống xưng thần, theo như lệ trước.

Nếu các người không nghe lời ta, thì nên sắp quân dàn trận, ra giao chiến ở giữa đồng bằng, quyết một trận sống mái, độ tài thấp cao, không nên ngồi rũ một xó bắt chước cái dáng điệu của những bà già như thế.

CHỮ THÍCH

Nguyên văn bằng chữ Hán, bản dịch này dựa theo bản dịch của Trúc Khê Ngô Văn Triện.

(1) Đây là bức thư số 35 theo thứ tự trong tập *Quân trung từ mệnh*. Trên đây, sau câu : « sao đủ nói chuyện việc binh được » có bỏ đi không trích một đoạn mà tác giả dẫn diễn tích trong sử sách Trung quốc.

Vương Thông làm chức tổng binh của quân Minh lúc này bị vây ở thành Đông quan (Hà nội). Trước bức thư này, Nguyễn

Trãi đã thay Lê Lợi viết thư dụ hàng và sau bức thư này, còn nhiều bức thư khác tiếp tục thuyết phục Vương Thông đến cùng. Sau chiến thắng Chi Lăng của ta tiêu diệt viện binh của giặc, đúng như lời Nguyễn Trãi nói trước trong thư ngày 22 tháng 11 năm Đinh mùi tức 10 tháng 12 năm 1427. Vương Thông cùng các tướng giặc là Mã Anh, Sơn Thọ, Mã Kỳ, Trần Trí, Lý An, Phương Chính, làm lễ tuyên thệ ở phía nam thành Đông quan, hẹn đến 29 tháng 12 năm đó thì rút quân về nước giao trả thành trì cho nghĩa binh. (2) *Chúa cũ* : chỉ nhà Trần. Đề nhà Minh khởi lợi dụng danh nghĩa phò nhà Trần, Lê Lợi có đưa Trần Cao lên làm vua để tránh tiếng. *Người Ngô* : chỉ nhà Minh. Nhà Minh đóng đô trên đất nhà Ngô cũ ở Yên kinh nên cũng gọi là Ngô. (3) *Lã Bố* : tướng của nhà Hậu Hán, *Trương Phi* tướng của Lưu Bị (nhà Thục Hán) đều bị kẻ tay chân của mình giết, ý nói lúc bi thế thì ngay cả người thân cận cũng có thể trở mặt. (4) *Đô ti* : bộ máy quân chính của giặc đặt ở thủ đô Đông quan, dưới đô ti có các vệ sở tức là chính quyền các địa phương. (5) Đường Thái Tông vây đánh Thê Sung. Đậu Kiến Đức đem quân đến cứu Thê Sung ; Thái Tông bắt được Kiến Đức là Thê Sung phải hàng. (6) Lúc này quân Nguyên ở phía Bắc còn dòm ngó Trung Quốc. (7) Minh Thái Tổ chết truyền ngôi cho cháu là Doãn Văn, nhưng con Thái Tổ lại đuổi Doãn Văn mà cướp lấy ngôi, tức là Minh Thành Tổ. Thành Tổ chết, truyền ngôi cho cháu là Tuyên Tông thì con Thành Tổ lại làm phản, sau bị Tuyên Tông giết.

Trong câu này, chúa nhỏ trị vì là chỉ Tuyên Đức (lúc lên ngôi vua còn nhỏ tuổi, chính quyền trong tay bọn gian thần), do đó mới có chuyện tranh giành cướp ngôi, đúng với câu : xương thịt tàn nhau, vạ trong tường vách, tức là vạ xảy ra từ trong gia đình. (8) Những lời hứa này về sau Lê Lợi thực hiện đúng.

HƯỚNG DẪN CHUẨN LỊ BÀI

1. Qua lập luận của Nguyễn Trãi ở trong bài, em thấy Nguyễn Trãi quan niệm về thời và thế như thế nào ?

2. Sáu cơ bại vong của địch mà tác giả nêu ra ở trong bài theo em có tác dụng thuyết phục địch như thế nào ? Em có nhận xét gì về cách lập luận, cách dùng hình ảnh trong bài này ?

LẠI THƯ CHO PHƯƠNG CHÍNH (1)

Bảo cho mày ngược tặc Phương Chính biết : Ta nghe nói người danh tướng trọng nhân nghĩa, khinh quyền mưu⁽²⁾. Bọn mày quyền mưu còn chưa đủ, huống là nhân nghĩa ! Trước mày gửi thư cho ta, cứ cười ta núp náu ở nơi rừng núi, thập thò như chuột, không dám ra nơi đồng bằng đất phẳng để đánh nhau. Nay quân ta đã đến đây, ngoài thành Nghệ an đều là chiến trường cả. Mày cho đây là rừng núi chăng ? là bình nguyên chăng ? Thế mà mày cứ đóng thành bền giữ như mu già là làm sao ? Ta e rằng bọn mày không khỏi cái nhục khăn yếm vậy⁽³⁾.

CHÚ THÍCH

(1) Sau thời gian phòng ngự và chuẩn bị được lực lượng, từ căn cứ vùng núi Thanh hóa, nghĩa quân Lê Lợi tiến công theo hướng Nghệ an. Từ đầu năm 1425, nghĩa quân bao vây thành Nghệ an do Phương Chính và Lý An cầm quân đóng giữ. Quân giặc đóng cửa thành cố thủ, không dám ra giao chiến. Nguyễn Trãi bèn viết bức thư này cho giặc.
(2) *Quyền mưu* : (quyền : biến đổi ; mưu : mưu mẹo) mưu mẹo biến đổi không lường. (3) *Khăn yếm* : bởi chữ « cân quốc », đồ trang sức của phụ nữ. Đời Tam quốc Gia Cát Lượng đã đánh Tư Mã Ý, khiêu chiến mãi mà Ý không ra quân, Lượng sai đưa cho Ý khăn của đàn bà để làm nhục, cho rằng nhút nhát như đàn bà (theo quan niệm phong kiến ngày xưa).

THƯ CHO VƯƠNG THÔNG (1)

Nhà lờn gần xiêu, một cây gỗ khôn hay chống đỡ ;
đề dài sắp vỡ, một vốc đất khó thể duy trì. Nếu không
biết lượng sức mà cứ cưỡng làm, thì ít khi không thất
bại. Việc ngày trước bắt tất bàn nữa. Lấy sự thể bây
giờ mà nói, chỗ nương cây của các ông chỉ là quân cứu
viện mà thôi. Ngày tháng giềng năm nay, triều đình⁽²⁾
sắc cho bọn An viễn hầu, Bảo định bá, Thôi đô đốc,
Hoàng thượng thư, Lý ngự sử⁽³⁾ cùng thổ quân là
Nguyễn Huân⁽⁴⁾ đem quân sang đây, hẹn trong tháng
tư tiến binh vào cõi Giao chỉ. Rồi trong một tháng⁽⁵⁾
quân đến cửa ải của ta. Quân sĩ ở biên giới của ta dụ
quân ấy đến ải Chi lăng⁽⁶⁾. Đến ngày 20, quân ta đánh
một trận tan vỡ quân tiền phong, binh mã nhất thời
quét sạch, mà tổng binh An viễn hầu thì chết ở trận
tiền. Đến ngày 25, quân ta lại đánh trận nữa, phá được
toàn quân mà Bảo định bá thì tử trận, còn lại quân tan
chạy vào rừng đều bị quân ta bắt được. Việc đến như
thế, cũng không phải là ý ta muốn, mà do tướng sĩ thủ
biên của ta làm thôi, khiến ta lại thêm nặng lỗi. Ngài
cầm quân nhân nghĩa, khi tới cõi Giao chỉ, đã biết lấy
cái họa cùng binh độc vũ làm răn, xem bức thư ngài
tâu xin lập họ Trần, thì ân ý của ngài, ta không nỡ
phụ. Nay lấy một thành Đông quan còn con, ta đem cả
nước lại vây mà đánh, vẫn là rất dễ, song ta sợ dĩ làm
như thế này, chính là cảm cái ơn ngày trước của ngài,
lại để trọn cái lễ nước nhỏ thờ nước lớn. Nếu ngài biết
chỉnh đốn quân sĩ, cởi giáp mở thành, lại theo lời ước
ngày trước, thì ngài có thể toàn quân về nước, mà cái
tệ hiệu đại hí công⁽⁷⁾ của Hàn Đường, từ đây chấm dứt,
và cái đạo hưng diệt kẻ tuyệt⁽⁸⁾ của Thang Vũ lại thấy
cử hành. Thế chẳng tốt đẹp hay sao ? Nếu còn do dự
chưa quyết, ta e tướng sĩ của ta học về chinh chiến bỏ

cả nông tang⁽⁹⁾, quyết tâm đánh gấp, thế không thể ngăn. Đến lúc bấy giờ thì không làm sao được nữa. Như thế lại càng thêm nặng lỗi cho ta thôi. Thư này tôi nơi, xin phúc cho biết.

CHÚ THÍCH

(1) Sau khi hai đạo viện binh của nhà Minh phải sang bị đánh tan, Liễu Thăng bị giết, Mộc Thạnh bỏ chạy, quân giặc trong thành Đông quan hoang mang cực độ. Lê Lợi một mặt tăng cường lực lượng vây thành, mặt khác vẫn tiếp tục dụ hàng Vương Thông. Hết đường ngoan cố, Vương Thông phải mở cửa thành ra hàng, rút quân về nước (1427). Bức thư này gửi Vương Thông sau chiến thắng Chi Lăng, Xương giang... (2) *Triều đình*: chỉ nhà Minh. (3) An viễn hầu Liễu Thăng được nhà Minh phong làm Tổng binh, mang ấn Chính phủ phó tướng quân, chỉ huy đạo viện binh 10 vạn quân tiến sang theo đường Lạng sơn. Dưới Liễu Thăng có Bảo định bá Lương Minh làm Tá phủ Tổng binh, đô đốc Thôi Tự làm Hữu tham tướng. Ngoài ra, nhà Minh còn cử thêm Công bị thượng thư Hoàng Phúc sang trấn thủ và Binh bộ thượng thư Lý Khánh, Lương Minh, Lý Khánh đều bị chết. Thôi Tự, Hoàng Phúc bị bắt. (4) *Nguyễn Huân*: một tên Việt gian làm quan cho nhà Minh đến chức Hữu bố chính sử. (5) Theo Toàn thư thì quân Liễu Thăng đến ngày 18 tháng 9 mới kéo đến biên giới nước ta. (6) *Chi Lăng*: một địa điểm hiểm yếu thuộc Lạng sơn. (7) *Hiếu đại, hi công*: thích mở nước lớn, ham lập công to. (8) *Hưng diệt, kẻ tuyệt*: làm cho nước bị diệt được phục hưng, dòng họ đã tuyệt có người thừa kế. (9) *Nông tang*: việc cấy ruộng, trồng dâu, chỉ việc sản xuất.

CẢNH QUÊ CŨ CÔN SƠN

Dấu người đi là đá mòn,
Đường hoa vương vít trúc luồn⁽¹⁾
Cửa song dài, xăm hơi nắng,
Tiếng vượn vang kêu cách non.

Cây rợp tán che am⁽²⁾ mát,
Hồ thanh⁽³⁾ nguyệt hiện bóng tròn.
Cò nằm, hạc lặn nên bầu bạn⁽⁴⁾.
Ủ ấp cùng ta làm cái con⁽⁵⁾.

(Ngôn chí, Bài 29)

CHÚ THÍCH

(1) *Vương vít trúc luồn*: cây cối um tùm nên muốn đi phải luồn qua các khóm trúc. (2) *Am*: nhà nhỏ của những người đi ở ẩn hoặc của các nhà tu hành. (3) *Hồ thanh*: hồ có nước trong xanh. (4) *Bầu bạn*: từ cò chỉ bầu bạn. Người xưa cho cò, hạc là những con chim trong sạch, thanh cao, bạn thân của người đi ở ẩn. (5) *Cái con*: mẹ con. Ở đây chỉ tình thân mật như mẹ con.

DIỄN Ý

Lối đi ở đây là những con đường đá do chân người đi nhẵn.
Đường đầy hoa cỏ nhưng rậm rạp phải luồn qua các khóm trúc mà đi.
Cửa sổ có chấn song luôn luôn dài ánh nắng.
Ở đây có thể nghe tiếng vượn kêu vang từ bên kia núi vọng lại.
Cây cối um tùm rủ bóng che mái am luôn luôn mát mẻ.
Trên mặt hồ trong lặng (ban đêm) trăng phản chiếu bóng tròn.
Ở đây, chim cò chim hạc là bầu bạn.
Thường đến cùng ta sum vầy như cảnh mẹ con.

TẮC LÒNG ƯU ÁI

Đến trường đào mận⁽¹⁾ ngọt chẳng thông⁽²⁾
Quê cũ nhớ làm chủ cục thông⁽³⁾
Sầu nặng Thiếu lãng⁽⁴⁾ biên⁽⁵⁾ đã bạc,
Hứng nhiều Bắc hải⁽⁶⁾ chén chưa không.
Mai chẳng bẻ, thương cảnh ngọc.
Trúc nhật vun tiếc chiếu rồng⁽⁷⁾.
Bui⁽⁸⁾ một tác lòng ưu ái⁽⁹⁾ cũ,
Đêm ngày cuộn cuộn nước triều đông⁽¹⁰⁾

(Thuật hứng, Bai 5)

CHÚ THÍCH

(1) Đào mận: hai loại cây người xưa dùng để tượng trưng cho cảnh giàu sang, vinh hiển. Trường đào mận: cảnh làm quan. (2) Ngọt chẳng thông: ngọt ngọt khó thở, không thoát mái. (3) Cục, thông: hai loại cây ngày xưa dùng để tượng trưng cho người ăn sĩ thanh cao và kẻ trượng phu khi tiết. (4) Thiếu lãng: tên hiệu của Đỗ Phủ, nhà thơ nổi tiếng của đời Đường ở Trung quốc. (5) Biên: mái tóc. (6) Bắc hải: hiệu của Khổng Dung, một nhà thơ hiền khách đời Hậu Hán. Ông có câu thơ nói ý: chiếu bao giờ cũng chật khách, chén không bao giờ với rượu. (7) Chiếu rồng: giấy truyền lệnh nhà vua xuống cho các quan hoặc nhân dân. (8) Bui: từ cỗi, có nghĩa là duy chỉ có. (9) Ưu ái: ưu quốc, ái dân: lo cho nước và yêu nhân dân. Lấy ý một câu văn trong « Nhạc dương lâu ký » của Phạm Trọng Yêm đời Tống ở Trung quốc. (10) Nước triều đông: nước chảy ra biển Đông. Lấy ý trong thơ của Lý Xương Kỳ; trong bụng cuộn cuộn vui như nước chảy, đầu quanh co vạn khúc nhưng rồi vẫn châu về biển Đông.

DIỄN Ý

Đến chỗ quan cao chức trọng thì cảm thấy ngọt ngọt khó thở,
Nên trở về quê cũ làm vui với cây tùng khóm cúc thanh cao.
Lòng ta ôm mối sầu tựa như Đỗ Phủ xưa khiến cho mái tóc đã bạc.

Hứng vui của ta giống với Khổng Dung, chén chưa bao giờ cạn rượu.
(Ta) không nở bẻ cành hoa mai vì nghĩ đó là cành ngọc quý.
Thường quét lá trúc vun lại vì tưởng rằng đó là chiếu nhà vua.
Riêng có một tấm lòng yêu nước thương dân như xưa.
Suốt đêm ngày cứ cuộn cuộn như những dòng nước chảy về biển Đông vậy.

NÚI VÂN ĐỒN

(Nguyên văn bằng chữ Hán)

Đường vào Vân đồn núi rồi lại núi,
Trời bày đất đặt thành cảnh đẹp tuyệt kỳ.
Mặt nước như một bàn nước biếc, lẳng tằm gương trong,
Muôn học núi xanh đen tựa những búi tóc màu xanh buông xuống.
Vũ trụ bồng rửa sạch hết bụi bặm trên núi dưới biển,
Sóng gió không lay động tấm lòng gang thép (của ta),
Phóng tầm mắt sang bờ cỏ xanh rì ở bên kia bờ,
(Thì thấy được) nơi đồn là chỗ thuyền bè nước ngoài vẫn đậu.

Dịch thơ :

Đường Vân đồn núi rồi lại núi,
Kỳ quan này đất nổi trời xây.
Một bàn nước biếc trong thay.
Núi xanh muôn búi tóc mây buông đều.
Vũ trụ bồng tan tiêu bụi bặm,
Lòng sắt son không động phong ba.
Xanh xanh cỏ bờ xa,
Thuyền bè các nước vào ra trú nhờ.

BÀI CA CÔN SƠN

(Nguyên văn bằng chữ Hán)

Côn sơn có suối, tiếng nước chảy róc rách, ta cho là
đàn cầm.
Côn sơn có đá, mưa rửa rêu phô biếc, ta cho là
đệm chiếu.
Trong núi có thông, muôn chiếc lọng xanh rủ bóng, ta
nghỉ ngơi ở trong đó.
Trong rừng có trúc, nghìn màu vẽ xanh mát rượi, ta
ngâm nga ở bên cạnh.
Hỡi người, sao không về đi, nửa đời người giam buộc
mình mãi trong cát bụi làm gì ?
Cần gì phải muôn chung, chín đỉnh⁽¹⁾, uống nước lã,
ăn cơm rau, theo phận mình cũng đủ.
Người không xem, Đồng Trác có vàng đầy một u,
Nguyên Tái có hồ tiêu tám trăm hộc⁽²⁾.
Lại chẳng xem Bá Di cùng Thúc Tề, chết đói ở núi
Thú dương, không chịu ăn thóc⁽³⁾.
Hiền ngu hai đảng không so sánh được với nhau,
nhưng mỗi đảng đều tự tìm thấy thú riêng.
Người ta sống trong khoảng trăm năm, rút cục đều
nát cùng cây cỏ.
Mừng, buồn, lo, vui cái nọ đi, cái kia đến ; tốt tươi
rồi khô héo, vẫn nối tiếp nhau.
Ở nơi núi gò hay chỗ cửa nhà lộng lẫy, cũng chỉ là sự
tình cờ, còn chết rồi thì ai vinh ai nhục ?⁽⁴⁾
Ở thế gian này, nếu có bọn Sào Do⁽⁵⁾, khuyên cáo
người ấy hãy nghe ta hát khúc ca trong núi.

Dịch thơ :

Côn sơn suối chảy rì rầm,
Ta nghe như tiếng đàn cầm bên tai.
Côn sơn có đá rêu phơi.
Ta ngồi trên đá như ngồi chiếu êm.

Trong ghềnh thông mọc như nêm,
Tìm nơi bóng mát ta lên ta nằm.
Trong rừng có bóng trúc râm,
Dưới màu xanh mát ta ngâm thơ nhàn.
Về đi sao chẳng sớm toan,
Nửa đời vương bụi trần hoàn làm chi.
Muôn chung chín vạc làm gì,
Cơm rau nước lã nên tùy phận thôi.
Đồng, Nguyên để tiếng trên đời,
Hồ tiêu ẩm ắp, vàng mười chứa chan.
Lại kia trên núi Thú san,
Di, Tề nhìn đói chẳng màng thóc Chu.
Hai đảng khó sánh hiền ngu,
Đều làm cho thỏa được như ý mình.
Trăm năm trong cuộc nhân sinh,
Người như cây cỏ thân hình nát tan.
Hết ưu lạc đến bi hoan,
Tốt tươi khô héo tuần hoàn đổi thay.
Núi gò đai các đó đây,
Chết rồi ai biết đâu ngày nhục vinh.
Sào, Do bằng có tái sinh,
Hãy nghe khúc hát bên ghềnh Côn sơn

(Bản dịch Thơ chữ Hán Nguyễn Trãi)

CHÚ THÍCH

(1) Chung: đơn vị đo lường ngày xưa, chứa được 6 hộc bốn đấu. Đỉnh cũng tức là vạc, một loại chảo ngày xưa, có ba chân. Muôn chung chín đỉnh nói về sự giàu có sang trọng của kẻ quan cao chức trọng. (2) Đồng Trác đời Hán với Nguyên Tái đời Đường đều nổi tiếng giàu có. (3) Bá Di, Thúc Tề, người đời Ân. Khi nhà Chu cướp ngôi nhà Ân, hai người bỏ vào núi hái rau mà ăn, thà chết đói không chịu ăn thóc nhà Chu.

(4) Câu này lấy ý thơ Tào thực: « Sinh tồn hoa ốc xứ, linh lạc qui sơn khưu » nghĩa là sống ở nhà lộng lẫy, héo rụng (chết) lại về núi gò.
 (5) Sào, Do: Sào Phủ, Hứa Do, hai người đi ở ẩn đời vua Nghiêu.

ĐỌC THÊM VỀ VĂN HỌC

từ thế kỷ XI đến thế kỷ XV

BÀI PHÚ SÔNG BẠCH ĐẰNG

TRƯƠNG HÁN SIÊU

Trương Hán Siêu người xã Phúc thành, huyện Yên ninh (nay là xã Phúc am, huyện Gia khánh) Ninh bình, sinh vào khoảng cuối thế kỷ XIII và mất năm 1354. Ông đã từng giúp việc cho Trần Hưng Đạo, sau làm quan từ thời Trần Anh Tông đến Trần Du Tông. Ông là một nhà chính trị và văn học nổi tiếng. Thơ văn ông còn lại một số tác phẩm, trong đó bài *Phú sông Bạch đằng* là một bài có giá trị. Bài này được sáng tác khoảng 50 năm sau cuộc bình Nguyên, theo lối cổ thể, tuy không theo niêm luật chặt chẽ nhưng cũng có vần có điệu, đối thanh đối ý rõ ràng.

Khách có kẻ:

Giương buồm giông gió chơi vơi,

Lướt bẻ chơi trăng mãi miết⁽¹⁾.

Sớm gõ thuyền chừ Nguyên Tương⁽²⁾,

Chiều lần thăm chừ Vũ huyệt.

Cửu giang, Ngũ hồ⁽³⁾, Tam Ngô, Bách Việt⁽⁴⁾.

Nơi có người đi, đâu mà chẳng biết.

Đầm Vân mộng⁽⁵⁾ chứa trong kho tư tưởng⁽⁹⁾ cũng
 nhiều

Mà tráng chí bốn phương vẫn còn tha thiết.

Bèn giữa dòng chừ buông chèo,

Học Tử Trường⁽⁷⁾ chừ thủ tiêu dao.

Qua cửa Đại than, ngược bến Đông triều⁽⁸⁾,
 Đến sông Bạch đằng, thuyền bơi một chiều.

Bát ngát sóng kinh muôn dặm,

Thướt tha đuôi trĩ một màu⁽⁹⁾.

Nước trời: một sắc; phong cảnh: « ba thu »⁽¹⁰⁾;

Ngàn lau san sát, bến lách đìu hiu.

Sông chìm giáo gãy⁽¹¹⁾ gò đầy xương khô,

Buồn vì cảnh thảm, đứng lặng giờ lâu.

Thương nỗi anh hùng đâu vắng tá?

Tiếc thay dấu vết luống còn lưu!

Bèn sông bô lão hỏi ta sở cầu?⁽¹²⁾

Có kẻ gầy lè chống trước, có người thuyền nhẹ bơi sau,
 Vài ta mà thừa rằng:

« Đây là chiến địa buổi Trưng Hưng nhị thánh⁽¹³⁾
 bắt Ô Mã⁽¹⁴⁾.

Cũng là bãi đất xưa, thuở trước Ngô chúa phá
 Hoảng Thao⁽¹⁵⁾.

Dương khi ấy:

Thuyền bè muôn đội, tinh kỳ⁽¹⁶⁾ pháp phới.

Ti hổ⁽¹⁷⁾ ba quân, giáo gươm sáng chói.

Trận đánh thư hùng⁽¹⁸⁾ chứa phân,

Chiến lũy Bắc Nam chống đối.

Ánh nhật nguyệt chừ phải mờ,

Bầu trời đất chừ sắp đổi!

Kìa: Tắt Liệt thể cường, Lưu Cung chước dối,

Những tướng: tung roi một lần,

Quét sạch: Nam ban bốn cõi!

Thế nhưng: Trời cũng chiều người,

Hung đồ hết lối!

Khác nào như khi xưa:

Trận Xích bích⁽¹⁹⁾ quân Tào Tháo tan tác

tro bay.

Trận Hợp phi⁽²⁰⁾ giặc Bồ Kiên hoàn toàn

chết trụi

Đến nay nước sông tuy chảy hoài,
Mà nhục quân thù khôn rửa nổi!
Tái tạo công lao, nghìn xưa ca ngợi.
Tuy nhiên: Từ có vũ trụ.

Đã có giang san.

Quả là: Trời đất cho nơi hiểm trở,
Cũng nhờ: Nhân tài giữ cuộc điện an,
Hội nào bằng hội Mạnh tân: có Vương sư họ Lã⁽²¹⁾,
Trận nào bằng trận Duy thủy, có quốc sĩ họ Hàn⁽²²⁾.

Kìa trận Bạch đằng mà đại thắng,
Bởi đại vương coi thế giặc nhàn⁽²³⁾.

Tiếng thom đồn mãi,
Bia miệng không mòn.
Khách chơi sông chừ ủ mặt,
Người hoài cổ chừ lệ chan.
Rồi vừa đi, vừa ca rằng:

«Sông Đằng một dải dài ghê,
Sông Hồng cuộn cuộn tuôn về bể Đông,
Những người bất nghĩa tiền vong,
Nghìn thu chỉ có anh hùng lưu danh».

Khách cũng nối tiếp mà ca rằng:

«Anh minh hai vị thánh quân,
Sông đây rửa sạch mấy lần giáp binh⁽²⁴⁾
Giặc tan, muôn thuở thanh bình,
Bởi đâu đất hiểm, cốt mình đức cao.

CHÚ THÍCH

Nguyên văn chữ Hán, bản dịch này dựa theo bản dịch của Đông châu Nguyễn Hữu Tiến. Bài phú cổ thể của Trương Hán Siêu có pha lối sở từ (một lối thơ cổ của Trung quốc thường hay đệm tiếng «hê» ở trong câu, mà ở đây dịch là «chừ»). Bản dịch này nói chung đã theo nguyên điệu, trừ hai bài ca cuối cùng theo thể lục bát.

(1) *Lướt bề chơi trăng*: theo *Từ nguyên* thì *hải nguyệt* là một loài trai tròn như gương, lấp lánh như sao. Thơ Tạ Linh Vận có câu: Quan tịch thập hải nguyệt (gương buồm đi khắp trăng bề). Tuy vậy, chúng tôi cứ dịch theo nghĩa thông thường là trăng bề. (2) *Nguyên Tương, Vũ huyết*: sông Nguyên, sông Tương ở Hồ nam, hang Vũ huyết ở Chiết giang, đều là phong cảnh đẹp. (3) *Cửu giang, Ngũ hồ*: (ở Trung quốc cũng có Ngũ hồ) đây chỉ những phong cảnh đẹp. (4) *Tam Ngô, Bách Việt*: nói việc đi chơi khắp nơi. (5) *Vân mộng*: tên một cái đầm ở Hồ nam — nguyên xưa đầm Vân ở Giang bắc, đầm Mộng ở Giang nam, sau bồi đất bồi thành một khoảng gọi là Vân mộng, có dân cư đông, cảnh đẹp. Trong câu này: tác giả nói sự ước mơ đi ngao du cảnh đẹp. (6) Câu này chỉ dịch thoát lấy ý, nguyên văn là: nuốt vào trong bụng vài trăm cái. (7) *Tử Trường*: tức Tư Mã Thiên, nhà sử học đời Hán, hay đi chơi những nơi danh lam thắng cảnh như Giang Hoài, Cối kê, Vũ huyết. (8) *Đại than, Đông triều*: tên cửa biển và tên đất, nay ở tỉnh Quảng ninh nước ta. (9) *Sóng kinh, đuôi trĩ*: Kinh là cá voi, sóng kinh là sóng to. Trĩ là một loài chim giống như con diều, nhưng nhỏ hơn. Sách *Quảng sử loại* và *Bản chương tập giải* có mô tả sơ qua chim này và nói đuôi nó như bánh lái. Như vậy câu trên ví sóng như cá kinh; câu dưới: ví thuyền như chim trĩ. (10) *Ba thu*: dịch chữ «tam thu», chữ tam thu có nhiều nghĩa: ba năm, tháng thứ ba của mùa thu tức là cuối thu, ba tháng mùa thu. Ở đây, có nghĩa thứ ba, chữ «tam thu» đối với chữ «nhất sắc» trong nguyên văn. (11) *Chìm giáo gậy*: nhắc lại di tích những trận ác chiến thời xưa phá quân Nam Hán và quân Nguyên. (12) *Sở cầu*: muốn điều gì. (13) *Trần Hưng*: niên hiệu Trần Nhân Tông. Nhị thánh tức Thánh Tông và Nhân Tông (lúc này Thánh Tông làm Thái thượng hoàng). (14) *Ô Mã*: tức là Omar, các sách sử Trung quốc phiên là Ô Mã Nhi. Ô Mã bị bắt ở sông Bạch đằng năm 1287. (15) *Ngô chúa, Hoảng Thao*: Ngô chúa tức là Ngô Quyền, nguyên văn là Ngô thị (họ Ngô), ý tác giả không đề cao. Hoảng Thao tức là con của Lưu Cung (vua Nam Hán) bị Ngô Quyền đánh bại ở sông Bạch đằng, rồi chết đuối ở đó. (16) *Tinh kỳ* (chữ Hán): các thứ cờ xí. (17) *Tì hồ* (chữ Hán) *ba quân*: ba đạo quân mạnh như hồ báo. (18) *Thư hùng* (chữ Hán): sông máu, trận đánh thư hùng là trận đánh quyết liệt. (19) *Xích bích*: đây núi trên bờ sông Dương tử. Quân Tào Tháo bị quân Chu Du đốt cháy tan tành ở đây. (20) *Hợp phi*: tên một con sông thuộc tỉnh An huy. Đời Tấn, Tạ Huyền đánh được 100 vạn quân Bồ Kiên ở đây. (21) *Mạnh tân, họ Lã*: Lã Vọng (tức là Khương Tử Nha). Thời Ân, vua

Trụ tâu ác, Võ vương hội các chư hầu ở bến Mạnh Tân. Lê Vọng được giao quyền thống lĩnh quân đội. Đây muốn nhắc Trần Quốc Tuấn hội tướng sĩ, vương hầu ở Bình Than. (22) *Duy thủy, hạ Hàn*: Hàn Tín giúp Lưu Bang đánh thắng Lý Tử Xa ở sông Duy thủy (có bản chép Tuy thủy). (23) *Thế giặc nhân*: khi quân Nguyên vào cửa sông Phú lương (tức sông Hồng hà), Trần Nhân Tông hỏi Hưng Đạo Vương: Thế giặc liệu như thế nào? Hưng Đạo trả lời: «Kim thiên tặc nhân» (thế giặc năm nay dễ phá). (24) *Giáp binh*: áo giáp và đồ binh khí dùng để đánh giặc.

Chú ý: Đọc thêm bài này để hiểu thêm tinh thần yêu nước và lòng tự hào dân tộc toát ra từ những hình tượng nghệ thuật mà tác giả đã ghi lại, đồng thời bước đầu, các em làm quen với một lối phú cổ thể mà sau này sẽ gặp lại.

VINH NĂM CANH

(Trích Hồng Đức quốc âm thi tập)

Nước ta ở nửa sau thế kỷ XV bước vào thời kỳ thịnh vượng về mọi phương diện trong khuôn khổ của chế độ phong kiến. Lê Thánh Tông (1442—1497) chẳng những chú ý đến việc củng cố chính quyền mà còn quan tâm đến việc phát triển văn học. Ông tên là Tư Thành, con trai út của Lê Thái Tông, lên ngôi năm 1460, làm vua được 38 năm (10 năm đầu niên hiệu là Quang Thuận, 28 năm sau niên hiệu là Hồng Đức). Thánh Tông thường «trông đời canh còn đọc sách» (1) và hay xướng họa thơ với văn thân. Tình hình sáng tác thơ này khá phát triển dưới triều Hồng Đức, nhất là từ khi hội Tao đàn chính thức ra đời. Đây là một hội sáng tác và bình thơ được thành lập từ năm 1495 do Thánh Tông làm Tao đàn nguyên súy cùng với 28 hội viên ứng với 28 ngôi sao gọi là Nhị thập bát tú (trong đó Thân Nhân Trung và Đỗ Nhuận được cử làm phó nguyên súy), Lê Thánh Tông và các văn thần sáng tác rất nhiều thơ văn, mà tập đáng chú ý là *Quỳnh uyển cửu ca* (chín khúc ca vườn Quỳnh). Về quốc âm, ngoài bài *Thập giới cổ hồn quốc tế văn* (bài văn chiêu hồn mười hạng người bằng quốc ngữ), thì *Hồng Đức*

quốc âm thi tập (tập thơ quốc âm thời Hồng Đức) là quan trọng và đánh dấu một bước tiến của ngôn ngữ văn học dân tộc (2).

Trong toàn bộ văn học nửa sau thế kỷ XV nói chung và thời Hồng Đức nói riêng thì thơ, nhất là thơ chữ Hán, chiếm ưu thế và bản thân Lê Thánh Tông dẫn đầu phong trào sáng tác. Các nhà thơ thời này đã mô tả nhiều mặt của thiên nhiên và cuộc sống, như thời tiết, phong cảnh, phẩm vật, v.v... nhằm một chủ đề chung là ca ngợi cảnh đẹp đất nước, ca ngợi lòng tự hào dân tộc, đồng thời cũng ca ngợi triều Hồng Đức, ca ngợi Lê Thánh Tông. Tuy còn bị rơi nhiều vào những điều gò bó và khuôn sáo, các nhà thơ thời Hồng Đức đã có những rung cảm trước cảnh đẹp đất nước (cảnh đồng An bang, cửa bể Thần phủ, cây hoa Dục thủy... và đặc biệt đã nói đến tình yêu, tuy chủ yếu là tình yêu trong sử và truyện như mối tình Chiêu Quân, mối tình Tiên Dung với Chử Đồng Tử, mối tình Chức Nữ với Ngưu Lang...

Đã diễn tả những cảnh đẹp và tình đẹp, có nhiều câu thơ khá điêu luyện, thí dụ một vài câu trong *Hồng Đức quốc âm thi tập*:

Đây là cảnh chùa Non nước, một cảnh đẹp ở Ninh bình:

Nơi gọi Bồng, nơi gọi Nhược (3)

Hai bên góp làm Non nước,

Đá chồng hòn thấp hòn cao.

Sóng giục lớp sau lớp trước...

Và đây là khi thế của Hai Bà Trưng cất quân đánh Tô Định:

Giúp dân dẹp loạn trả thù mình,

Chỉ rủ cùng em cất nghĩa binh,

Tô Định bay hồn vang một trận,

Lĩnh nam (4) mở cõi vững trăm thành (5)...

Với một khối lượng khá cao trong một thời gian không dài lắm, phong trào sáng tác và xướng họa thời Hồng Đức đã cầm một cái mõ quan trọng trong lịch sử thơ ca thành văn của nước nhà.

Canh một (6)

Tấp tênh trời vừa mọc đầu tinh (7)

Ban khi trống một mơi thu canh (8)

Đầu nhà khói tỏa lồng sương bạc,

Sườn núi chim gù ẩn lá xanh

Tuần điểm kia ai khua mõ cá, ⁽⁹⁾
 Dâng hương nọ kẻ nện chầy kinh ⁽¹⁰⁾
 Nhà nam nhà bắc đều no mặt
 Lùng lẩy cùng ca khúc thái bình.

Canh hai

Văng gần xa, khách văng lai ⁽¹¹⁾
 Khúc rồng ⁽¹²⁾ canh đã chuyển sang hai
 Lầu treo cung nguyệt người êm giấc,
 Đường quanh, nhà thôn cửa chặt cài.
 Cảnh vật chòm chòm bay lửa đóm
 Cỏ hoa gốc gốc nức hương trời ⁽¹³⁾
 Có người đắc thú cong ⁽¹⁴⁾ khi ấy,
 Đoán địch còn xoang thốt mái ngoài ⁽¹⁵⁾

Canh ba

Đêm chia nửa, khéo hay là
 Giữa giáp canh ban trống ba
 Đường quanh phất phơ cây ngất gió ⁽¹⁶⁾
 Trên không lác đác tuyết bay hoa
 Bàng khuâng kẻ mệt hồn thần nữ ⁽¹⁷⁾
 Phẳng phất trời cao bóng tổ nga. ⁽¹⁸⁾
 Nhớ chúa kia ai nằm chẳng nhắp,
 Thâu đêm trần trọc đợi canh gà ⁽¹⁹⁾

Canh tư

Kẻ lậu canh, mấy khắc dư
 Đêm dài dằng dặc mới sang tư
 Gió lay chồi ải khua chim thức
 Nước rây ⁽²⁰⁾ trăng tà giục sóng đưa

Vac 'hần thơ tìm nội ⁽²¹⁾ quanh,
 Trời lác đác vẽ sao thưa
 Một bầu thế giới hây hây lạ, ⁽²²⁾
 Mấy kẻ chung tình đã thức chưa ?

Canh năm

Canh chầy đèn hệnh ⁽²³⁾ lâm lâm
 Xao xác lậu canh ⁽²⁴⁾ trống điểm năm
 Nguyệt đầu non treo chềch chềch,
 Sương mặt đất ướt đầm đầm.
 Rừng kia bố cốc còn khua gióng ⁽²⁵⁾
 Làng nọ nông phu đã thức năm ⁽²⁶⁾
 Bóng ác đông ⁽²⁷⁾, trời đã rạng
 Tiếng gà thôi, lỗi tiếng hồn châm ⁽²⁸⁾

CHÚ THÍCH

(1) Trích trong bài *Tự thuật* của Lê Thánh Tông. (2) Bài văn tế *Thập giới cô hồn* của Lê Thánh Tông, còn *Hồng Đức quốc âm thi tập* thì không phải riêng của Lê Thánh Tông, mà là của chung các văn thần thời Hồng Đức, chủ yếu là của hội Tao đàn. Xem chú thích số 9 ở bài: *Văn học viết từ trước cho đến thế kỷ XV*. (3) *Bông, nhược*: tức Bông lai, Nhược thủy: là hai cảnh tiên. (4) *Lĩnh nam*: tức chỉ nước ta. (5) *Trăm thành*: theo sử thì chỉ có 55 hay 56 thành. (6) *Thơ ca ở đây* trích trong *Hồng Đức quốc âm thi tập*, bài *Vịnh năm canh* có tham khảo sách *Lê Thánh Tông thi*. Theo sách sau, thì chùm thơ này của Lê Thánh Tông. (7) *Tập tềnh*: mới bắt đầu. *Đầu tình* (chữ Hán): sao bắc đầu. (8) *Thu canh*: ngày xưa, một đêm chia làm 5 canh, canh một kể từ lúc trời vừa tối, có một hồi trống thu không (hay là trống thu canh) ý nói dọn dẹp thu vén, chuẩn bị canh phòng và có hết canh này sang canh khác là có hiệu trống (canh một thì một tiếng, canh hai thì hai tiếng)... để quân lính đổi phiên đi tuần phòng. (9) *Điểm*: cái trạm canh của lính tuần phòng ngày xưa. Ở các làng cũng có điểm canh. *Mở cờ*: cái mõ đeo thành hình con cá. (10) *Chầy kinh*: cái dùi nện chuông tụng theo hình con cá kìa tức là cá voi. (11) *Văng*

lại (chữ Hán) : đi qua đi lại. (12) Khắc rồng : ngày xưa người ta dùng một cái hồ (như cái thùng nhỏ) bằng đồng, có khoan ở đáy một lỗ nhỏ. Giữa hồ có cắm một cái trụ nhỏ hình con rồng ghi độ từ 1 đến 100. Hồ chứa đầy nước, nước theo lỗ nhỏ nhỏ giọt nước chảy đến đâu ghi số độ đến đấy, người ta theo đó mà tính giờ kiểu xưa : tí, Sửu, dần, Mão... (Mỗi ngày đêm có 12 giờ) và từ giờ đó quí ra đề khắc canh. (13) Nức hương trời : dựa theo bản *Lê Thánh Tông thi*. Nức : tức là sự nức tỏa ra. (14) Đắc thú : được thú, thích thú. Cong (tiếng cổ) : trong. (15) Đoán địch : sao ngấn, tiếng trâm. Xoang thốt : hai chữ này còn ngờ, đại ý là vắng vắng ra phía mái ngoài. (16) Đường quanh : đường vắng vẻ. Ngất : trong chữ ngất ngất, ý nói say sưa thích thú : *Tuyết bay hoa* nước ta không có tuyết, trừ một vài nơi núi cao ở miền trên. Ở đây tác giả mượn chữ tuyết để tả những hạt sương móc sa xuống trên cánh hoa. (17) Thần nữ : Theo một điển tích trong văn học, vua Sở Tương Vương năm mế thấy được gặp thần nữ núi Vu sơn. Câu này có ý nói còn mế mết trong giấc mộng đẹp. (18) Tố nga : cũng gọi là Hắc nga, tức mặt trăng, thường ví như cô con gái đẹp. (19) Dị canh gà : gà gáy canh vào khoảng nửa đêm. Dị canh gà : ý nói trăn trở không ngủ được, chỉ chờ cho sáng. (20) Rẫy : rẫy và rặc là hai từ nói về cơn nước : nước rẫy (nước lên) nước rặc (nước xuống). (21) Vạc : một loài chim chân dài hay ăn đêm. Nội : đồng nội, đồng bằng. (22) Bầu thế giới : (bầu : người xưa cho vũ trụ như một cái bầu lớn) đây chỉ bầu trời (nghĩa của từ thế giới ngày xưa không giống với nghĩa từ thế giới dùng trong khoa địa lý ngày nay). Hây hây lạ : thêm đẹp đã và hấp dẫn. (23) Đèn hạnh : đèn thắp dầu hạnh, một thứ dầu ép từ quả hạnh. (24) Lậu canh : lậu là nhỏ giọt (do đó cái đồng hồ xưa cũng gọi là *ngọc lậu*) (xem chú thích 12 ở trên). Khi nói canh lậu hay khắc lậu, có nghĩa là canh tàn, khắc tàn. (25) Bể cốc còn khua giống : chim tu hú, kêu vào mùa gieo lúa (bể cốc : gieo lúa). Khua giống kêu ồn lên. (26) Nông phu đã thức nằm : người đi cấy đã tỉnh dậy nhưng còn nằm. (27) Bồng ác : ác là con quạ. Người xưa cho rằng trong mặt trời có con quạ, do đó, người ta cũng dùng chữ kim ở (quạ vàng) để chỉ mặt trời. (28) Thái : không gáy nữa. Lỗi (tiếng cổ) có lẽ do chữ lồi (chữ Hán) mà ra, có nghĩa là nổi bật, giống như chữ trời hay trời ngày nay. Hồn chằm : hồn đã tăng dần đập vào hay giật quần áo. Cả câu này ý nói : lúc rạng đông, gà không gáy nữa, chỉ nghe có tiếng giọt vài.

CHƯƠNG II

VĂN HỌC VIẾT TỪ THẾ KỶ XVI ĐẾN GIỮA THẾ KỶ XVIII

KHÁI QUÁT VỀ VĂN HỌC SỬ

HOÀN CẢNH LỊCH SỬ

Từ đầu thế kỷ XVI trở đi, chế độ phong kiến nước ta đã dần bước đến chỗ suy vong : vua thì ăn chơi xa hoa, trụy lạc, quan lại thì tham nhũng, đục khoét nhân dân. Nội bộ giai cấp phong kiến lục đục, tranh giành địa vị lẫn nhau, gây ra những cuộc nội chiến phi nghĩa như cuộc xung đột Lê Mạc, cuộc phân tranh Trịnh Nguyễn kéo dài hàng thế kỷ, làm cho nhân dân ta kiệt bao khổ cực. Sống trong tình trạng rối ren đó và càng ngày càng mâu thuẫn sâu sắc với giai cấp bóc lột, nông dân và các tầng lớp bị áp bức khác buộc phải vùng dậy đấu tranh. Nhiều cuộc bạo động đã nổ ra như cuộc bạo động Trần Cao ở đầu thế kỷ XVI, cuộc bạo động Nguyễn Danh Phương, Nguyễn Hữu Cầu ở nửa đầu thế kỷ XVIII. Nhân loạn lạc, bọn con buôn có dịp làm giàu và tung tiền ra làm những điều bất nghĩa. Mặt khác, từ đầu thế kỷ XVII, tư bản Tây phương cùng với đạo Gia tô xâm nhập nước ta. Thế lực đồng tiền đã trở nên quan trọng, ảnh hưởng đến mọi tầng lớp và làm

cho đạo đức phong kiến càng mau đến chỗ suy đồi. Nhà thơ Nguyễn Bình Khiêm đã phải than thở:

Đạo nọ, nghĩa này trăm tiếng
Nghe bui, thỉnh thoảng lại đồng tiền!

Thấy cuộc đời như vậy, một số sĩ phu có khí tiết như Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Hàng, Nguyễn Dữ...⁽¹⁾ chán ghét triều đình phong kiến, rút lui đi ẩn dật, sáng tác thơ văn.

Tất cả những sự kiện trên đây đều được phản ánh trong văn học của mấy thế kỷ này.

TÌNH HÌNH VĂN HỌC

So với văn học thời Hồng Đức, văn học thời kỳ này có nhiều điểm khác biệt do tình trạng phức tạp của xã hội chi phối. Có thể nói văn học thời này bao gồm ba điểm nổi bật như sau:

I — Sự phân chia thành những xu hướng khác biệt

Lúc này không còn thuần một loại thơ văn ca ngợi triều đại phong kiến như ở thời Hồng Đức nữa. Bên cạnh những nhà thơ như Bùi Vịnh⁽²⁾ xu nịnh nhà Mạc, như Hoàng Sĩ Khải⁽³⁾ tán dương nhà Trịnh, có những kẻ nghĩa khí không chịu khom lưng uốn gối, đã dám hoặc trực tiếp, hoặc gián tiếp tố cáo bộ mặt thối nát của xã hội lúc đó như Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Dữ hay một số tác giả khuyết danh khác. Cũng như Nguyễn Bình Khiêm và Nguyễn Dữ, nhiều nhân sĩ của thế kỷ XVI như Nguyễn Hàng đã tỏ thái độ chống đối, tuy là chống đối tiêu cực, bằng cách đi ẩn dật, mà không chịu tham gia vào bộ máy chính quyền thối nát thời bấy giờ. Nguyễn Hàng đã làm bài phú Tịch cư ninh thể (yên sống ẩn dật) để nói lên chí hướng của mình, như ra

hồng với cỏ cây, không ham giàu sang. Ông đã sống trong một gian nhà nhỏ, mái gianh, phen sây, ăn mặc như nông dân miền núi địa phương, thăm thía cảnh nghèo nàn của họ như mặc thì « vẫn khăn gốc đen sì vận quần nâu đỏ quạch... » và ăn thì : « tương hạnh chua lôm ; muối vầu lạt thềch... ».

Riêng có những người như Phùng Khắc Khoan⁽³⁾ lại tỏ ra tích cực hơn. Phùng là một trong những học trò giỏi của Nguyễn Bình Khiêm, thầm kín nghe lời thầy, theo phía Lê Trịnh giúp dân trừ loạn. Phùng thường làm nhiều thơ chữ Hán, mạnh dạn tố cáo xã hội đầy rẫy sự cầu xé, đầy rẫy sự giết chóc dưới triều nhà Mạc, vạch mặt bọn « cũi dầu xu nịnh » để sát hại nhân dân. Phùng tự ví như cây tùng, cây bách « chẳng ngại sống trong cảnh nhà tranh nghèo khó », mà « chỉ mừng gặp được mây xanh nhẹ bước... ». Sống giữa thời loạn, nhưng ý thơ của ông rắn rỏi, vui tươi, biểu lộ một tinh thần lạc quan yêu đời và không sợ gian nguy để tất cả tâm trí cứu dân giúp nước.

Từ thế kỷ XVII, ngoài việc phân chia thành những xu hướng khác biệt, văn học nước ta lại còn chia ra làm văn học Đàng Ngoài và văn học Đàng Trong do cuộc Trịnh Nguyễn phân tranh tạm thời quy định. Văn học tuy chia ra Nam, Bắc sông Gianh, tuy có khía cạnh khác nhau nhưng căn bản vẫn có nội dung tư tưởng phong kiến. Có một điều đáng chú ý, là ở Đàng Ngoài hay Đàng Trong, văn nôm thời này phát triển khá mạnh.

II — Sự phát triển văn nôm chứng tỏ ý thức dân tộc ngày càng cao

Thơ văn nôm xuất hiện từ đời Trần, đến đời Hồng Đức, được nâng lên một mức. Từ thế kỷ XVI về sau, nhiều tác giả nổi tiếng như Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Hàng, Đào Duy Từ, Nguyễn Cư Trinh, Mạc Thiên

Tích...⁽⁴⁾ đều làm thơ văn nôm. Trước hết phải kể những khúc ca, khúc ngâm như : bài *Tứ thời khúc* của Hoàng Sĩ Khải⁽⁵⁾, bài *Tư dung văn* của Đào Duy Từ, những bài phú của Nguyễn Hàng, hay những tập sử ca như *Thiên nam ngữ lục* chưa rõ tác giả⁽⁶⁾. Tiếp nữa, phải kể đến những truyện thơ như truyện *Tô Công phụng sứ*, truyện *Lâm tuyền kỳ ngộ*, truyện *Song tinh Bất dạ* của Nguyễn Hữu Hào, v.v...⁽⁷⁾. Ngay tác phẩm *Thiên nam ngữ lục* bao gồm một số chương mà nếu tách ra cũng có thể coi như những truyện thơ hoàn chỉnh, thí dụ truyện *Mỵ Châu Trọng Thủy*, truyện *hai Bà Trưng* v.v... Có thể nói thế kỷ XVI và XVII đã mở đầu cho phong trào phát triển truyện thơ bằng chữ nôm.

Qua thơ văn nôm, ngôn ngữ văn học của dân tộc dần dần thêm phong phú nhuần nhị và đặc biệt qua truyện thơ, yếu tố trữ tình được thể hiện rõ rệt.

Việc phát triển văn nôm đặc biệt là việc phát triển của truyện thơ nôm chứng tỏ ý thức dân tộc ngày càng cao.

III — Khuyếch hướng trữ tình nổi bật trong thơ văn thời này

Văn học viết ở những thế kỷ trước thường ít nói đến những tình cảm sâu kín của con người, nhất là tình yêu lứa đôi, tình yêu vợ chồng. Văn học thời kỳ này đã phần nào đi sâu vào nhiều mặt của cuộc sống, đã phân tích cảnh và tình một cách đậm đà. Tác phẩm *Truyện kỳ mạn lục* bằng chữ Hán của Nguyễn Dữ đã phản ánh được khá nhiều nỗi éo le của cuộc đời. Thí dụ như truyện *Người con gái Nam xương*. Truyện thơ *Lâm tuyền kỳ ngộ* (khuyết danh) hay truyện thơ *Song tinh Bất dạ* của Nguyễn Hữu Hào đã miêu tả tình yêu bằng những nét đậm đà. Những truyện thơ này đã dọn đường cho

các truyện thơ Sơ kinh tân trang của Phạm Thái, *Đoạn trường tân thanh* của Nguyễn Du ra đời từ nửa sau thế kỷ XVIII⁽⁸⁾

Qua hai thế kỷ rưỡi, nếu như ít nhiều thơ văn chữ Hán có kém đi, thì thơ văn quốc âm lại phát triển. Đây là một bước tiến về ngôn ngữ văn học dân tộc, bước tiến nhịp nhàng với khí thế đấu tranh của các cuộc nông dân khởi nghĩa chống phong kiến.

CHÚ THÍCH

(1) Nguyễn Bình Khiêm và Nguyễn Dữ sẽ nói ở sau. Nguyễn Hàng ở thế kỷ XVI, người xã Xuân lũng, huyện Sơn vi (nay là huyện Lâm Thao, Phú thọ), đỗ hương cống (cử nhân) bỏ đi ẩn ở Tuyên quang năm 1527 khi Mạc Đăng Dung cướp ngôi nhà Lê. Ông là tác giả nhiều bài phú nôm như *Tịch cư nhĩnh thế phú*. (2) Bùi Vịnh (1508 — 1545) : người làng Thịnh liệt, huyện Thanh trì (ngoại thành Hà nội) đỗ Hương nhân đời Mạc Đăng Doanh ; ông có hai cháu gái lấy vua Mạc. (3) Phùng Khắc Khoan (1528 — 1613) : người làng Phùng xá (tức gọi làng Bùng) huyện Thạch thất (Hà tây). Ông đỗ Hoàng giáp (tức tiến sĩ) : có đức độ, đã từng đi sứ Trung quốc và xướng họa với sứ giả Triều tiên ở Trung quốc. Người đời gọi tên ông là Trạng Bùng (Trạng ở làng Bùng). (4) Đào Duy Từ (1572 — 1634) vốn người Thanh hóa, sau vào Đàng Trong giúp chúa Nguyễn. Ông đã chỉ đạo việc xây dựng lũy Trường dục và lũy Nhật lệ (lũy Thầy). Bài *Tư dung văn* của ông bằng lục bát, ca ngợi phong cảnh cửa biển Tư dung (tức cửa Tư hiền ở Thừa thiên), Nguyễn Cư Trinh, tác giả truyện *Sãi vãi* và *Mạc Thiên Tích*, tác giả *Hà tiên thập vịnh* (vịnh 10 cảnh ở Hà tiên) là hai nhà văn Đàng Trong ở nửa đầu thế kỷ XVIII. (5) Hoàng Sĩ Khải (thế kỷ XVI) người làng Lai xá, huyện Lương tài (Hà bắc) đỗ tiến sĩ đời Mạc Phúc Hải. Ông làm nhiều thơ nôm trong đó có bài *Tứ thời khúc* (vịnh bốn mùa). (6) Ở thế kỷ XVII có hai tập diễn ca lịch sử *Thiên nam minh giám* bằng song thất lục bát ở nửa đầu thế kỷ và *Thiên nam ngữ lục* bằng lục bát ở nửa sau thế kỷ *Thiên nam ngữ lục* sẽ nói ở sau. (7) Truyện thơ có từ thế kỷ XV như truyện thơ *Hương niết hành* (chức giầy thơm) bằng chữ Hán. Sau đó, thì có những truyện thơ quốc âm bằng thất ngôn Đường luật như truyện *Vương Tường*

(tích Chiêu quân công Hồ), truyện *Tô công phụng sứ* (tích ông Tô Vũ ở Trung quốc), truyện *Lâm tuyền kỳ ngộ* (cũng gọi là Bạch Viên Tôn Các) nói cuộc tình duyên giữa nàng *Viên Thị* và chàng *Tôn Các*. Trong thế kỷ XVII, xuất hiện nhiều truyện thơ bằng lục bát hầu hết là khuyết danh (một phần là vì sợ chúa Trịnh đàn áp nên tác giả không dám ghi tên); những truyện này một phần bị thất lạc, một phần không rõ thời điểm xuất hiện. Truyện thơ có tên tác giả còn lại hiện nay ở đầu thế kỷ XVIII, đó là truyện *Song tình Bất Dạ* của *Nguyễn Hữu Hào* (?-1713), một nhà văn Đàng Trong. Truyện này kể lại cuộc tình duyên giữa chàng *Song tình*, tên tự là *Bất Dạ* với nàng *Nhụy Châu*. (8) *Sơ kính tân trang* (lược gương kiêu mới) của *Phạm Thái* (tác giả ở thế kỷ XVIII), *Đoạn trường tân thanh* (tức *Truyện Kiều*) của *Nguyễn Du*, là những truyện sẽ nói ở lớp chín. Phần kế tiếp, chúng ta sẽ học *Nhị độ mai*, một truyện thơ khuyết danh nổi tiếng.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Tình hình phát triển văn học thời kỳ này so với thời kỳ trước như thế nào? Tìm hiểu nguyên nhân xã hội đã đưa đến tình hình phát triển của văn học.

2. Tại sao lại nói: Văn học phát triển chứng tỏ ý thức dân tộc ngày càng cao? Hiện tượng văn học đi sâu phản ánh nhiều mặt của cuộc sống, phân tích tình và cảnh một cách đậm đà có ý nghĩa như thế nào?

THƠ NGUYỄN BÌNH KHIÊM

Nguyễn Bình Khiêm (1491-1585), người làng Trung am, huyện Vĩnh lai (nay thuộc xã Lý học, huyện Vĩnh bảo, ngoại thành Hải phòng). Ông lớn lên trong một gia đình nho sĩ bình dân. Từ nhỏ ông nổi tiếng học giỏi, nhưng gặp thời loạn lạc, mãi đến năm 45 tuổi mới thi đỗ đầu thi hương, năm sau đó lại thi đỗ đầu thi hội và thi đình (Trạng nguyên) dưới triều Mạc Đăng Doanh.

Làm quan 8 năm, nhận thấy triều đình đổ nát, nhiều người cần đỡ, ông dâng sớ vạch tội và xin chém mười mấy người lòng thần. Không được vua nghe theo, ông liền trả áo mào, xin về vui thú điền viên. Ông về quê dạy học, dựng am *Bạch vân*, lấy hiệu là *Bạch vân cư sĩ*. Ông đã coi nhẹ công danh mà tìm đời sống ẩn dật. Tuy nhiên, ông vẫn quan tâm đến cuộc đời, nên hễ vua Mạc hay phe cánh Trịnh, Nguyễn có hỏi việc gì, ông đều mách bảo kín đáo⁽¹⁾, mục đích làm thế nào cho dân bớt được nạn chiến tranh chết chóc.

Học trò ông có nhiều người tài giỏi như *Phùng Khắc Khcan*, *Nguyễn Dữ*, *Lương Hữu Khánh*... Lúc mất, ông được vua Mạc truy phong tước *Trinh quốc công*, nên người ta thường gọi ông là *Trạng Trinh*.

Ông còn để lại khoảng một nghìn bài thơ chữ Hán trong *Bạch vân am tập* và khoảng trên một trăm bài thơ quốc âm trong *Bạch vân quốc ngữ thi tập*.

Trong thơ *Nguyễn Bình Khiêm* nhất là trong thơ quốc âm có hai điểm nổi bật:

Trước hết thơ ông ca ngợi chí khí nhà nho và ca ngợi thú nhân tản.

Ông thường nói ông làm thơ để tả cái chí⁽²⁾. Cái chí của ông là cái chí sống một cuộc đời trong sạch, thanh thoát. Ông khinh thường danh lợi, khinh thường bọn đua chen nịnh hót, và ông cố ý lãng tránh không nhúng tay vào những việc phi nghĩa. Xã hội thời ông là xã hội loạn ly, ông hy vọng thi đỗ, ra làm quan để giúp đời cứu nước, nhưng ông đã thất vọng, nên phải tìm đến con đường ẩn dật, tìm đến thú nhân tản, cái thú "một mai, một cuộc, một cần câu"...

Am *Bạch vân*, rồi nhân hứng
Đậm hồng trần, biếng ngại chen...⁽³⁾

Đương nhiên, đây cũng chưa phải là thái độ chống đối tích cực. Nhưng sống dưới nanh vuốt nhà Mạc, ông đã tỏ ra có nghĩa khí: « Một cây thông chót vót cao trăm thước, ngay thẳng không giống các cây khác... » (4).

Có điều, Nguyễn Bình Khiêm rút lui về quê nhà, không có nghĩa là quay lưng với thực tế, mà ông vẫn luôn luôn lo lắng đến vận mệnh nước nhà: « Mời hay nhân, bống phải lo » và ông vẫn « ước một tôi hiền, chúa thánh minh ». Ông tích cực dạy học, đương nhiên cũng có phần cho khuây khỏa nỗi lòng, nhưng mặt khác là để gây dựng nhân tài và hy vọng học trò mình sẽ thay mình ra giúp đời cứu nước (5). Chính vì vậy mà ông đã lấy văn chương mà phê phán những điều ngang trái của cuộc đời, để vạch cho học trò một cái hướng ra giúp đời cứu nước.

Quả vậy, điểm thứ hai nổi bật trong thơ ông là tính chất tố cáo bộ mặt thối nát của xã hội nước ta ở thế kỷ XVI.

Ông sống lâu, đã chứng kiến nhiều cuộc xâu xé trong nội bộ giai cấp phong kiến, gây tang tóc cho nhân dân, nên ông rất chán ghét cảnh chiến tranh phi nghĩa đó: « Buồn làm biếng thấy cái đao binh... ». Nhân loạn ly, bọn tham quan ô lại đã thừa cơ đục khoét nhân dân, làm cho nhân dân kiệt bao khốn khổ. Cũng như Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm đã chú trọng đến dân, cho rằng phải « lấy dân làm gốc ». Ông phản đối cảnh « cá lớn nuốt cá bé » coi bọn quấy nhiễu dân như những con chuột lớn, « Gặm khoét thật thâm độc ». Ông miệt thị bọn chạy theo tiền tài, danh vị, coi chúng như loài ruồi bắt hơi tanh, như loài kiến bắt hơi mỡ.

Để diễn đạt những ý nghĩ sâu kín đó, Nguyễn Bình Khiêm đã sử dụng một lối thơ quốc âm có tính chất triết lý. Lời thơ có khi khô khan, nhưng có ưu điểm là bình dị và mang màu sắc của tục ngữ dân gian. Tuy

nhiên, không phải là ông không cổ những câu thơ thật thấm thía. Thí dụ như khi nói đến giá trị đồng tiền và phê phán tư tưởng chạy theo đồng tiền, ông đã kết luận một câu thật là mỉa mai:

Người của lấy cân ta thử nhắc,

Mời hay rằng của nặng hơn người !

Bach vân cư sĩ quả là một nhà triết lý sâu sắc và đồng thời là một nhà thơ có tâm hồn cao cả.

CHÚ THÍCH

(1) Tương truyền ông hay làm ra những câu sấm để đoán trước cuộc đời. Thí dụ như khi nhà Mạc sắp mất, có hỏi ông thì ông nói: « Cao bằng tuy tiêu, khả dung sở thế » (Cao bằng tuy nhỏ, có thể ở được vài đời nữa). (2) Ông có nói rõ ý đó trong bài tựa của *Bach vân am tập*. (3) Rối: nhân rối, tiếng cổ có thể dùng một mình. *Hồng trần* (chữ Hán): bụi hồng, chỉ cuộc đời. (4) Dịch từ chữ Hán. (5) Ý của ông sau được các học trò giỏi như Phùng Khắc Khoan, Lương Hữu Khánh... thực hiện.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Cuộc đời của Nguyễn Bình Khiêm đem lại cho em những suy nghĩ gì về thời đại ông và bản thân ông?
2. Thơ Nguyễn Bình Khiêm có đặc điểm gì về nội dung và hình thức?

THỜI ĐỜI (1)

Vụng khéo nào ai chả có nghề
Khó khăn phải lụy đến thế nhi (2)
Được thời, thân thích (3) chen chân đến,
Thất thế hương lưu (4) ngoảnh mặt đi !

Thớt cỏ tanh tảo, ruồi đồ đến,
 Gang không mặt mỡ, kiến bò chi!
 Đời nay những trọng người nhiều của.
 Bắp đến tay không ai kể vì ! (5)
 Thế gian biến cải vũng nên đồi, (6)
 Mặn nhạt, chua cay, lẫn ngọt bùi.
 Còn bạc, còn tiền, còn đệ tử (7)
 Hết cơm, hết rượu, hết ông tôi.
 Xưa, nay đều trọng người chân thực, (8)
 Ai nấy nào tra kẻ dãi bôi (9)
 Ở thế mới hay người bạc ác, (10)
 Giàu thì tìm đến, khó thì lui (11)

CHÚ THÍCH

(1) Trích từ *Bách vân quốc ngữ thi tập*. Thơ Nguyễn Bình Khiêm không có đề, đề ở đây do người soạn sách đặt ra. (2) *Thê nhi* (chữ Hán): vợ con. (3) *Thân thích* (chữ Hán): bà con bên nội bên ngoài. (4) *Hương lư* (chữ Hán), hương: làng, lư: cổng làng. Đây chỉ người cùng làng với mình. (5) *Vì* (tiếng cổ): nay dùng trong tiếng vì nê, yêu vì. Câu này ý nói: nhược bằng đến tay không, thì chẳng ai nê vì, chẳng ai chú ý. (6) *Thế gian biến cải*: mặt đất thay đổi... Câu này rút ý từ một câu sách cổ: biển xanh hóa làm ruộng dâu (thương hải biến vi tang điền, ý nói cuộc đời thay đổi, cao thành thấp, thấp thành cao. (7) *Đệ tử* (chữ Hán): học trò, cũng có khi chữ này dùng theo nghĩa rộng là một người trẻ tuổi theo hầu hạ một người khác hoặc một người theo cầu cúng ở một ngôi đền nào đó. (Chú ý không lẫn với chữ *tử đệ* là con em). (8) *Chân thực*: thẳng thắn, thật thà. (9) *Dãi bôi*: hoặc cũng có nơi nói là *dãi bôi*: dãi xé có tính cách vuốt ve bề ngoài, để được lòng kẻ khác. (10) *Bạc ác* (chữ Hán): bạc: mỏng, đây nói mỏng đức độ, không có lòng tốt; ác: trái với thiện, nghĩa là chỉ gây những điều không hay cho kẻ khác. (11) Câu này rút từ một câu nói xưa: nghèo thì dù ở thành thị cũng không ai hỏi đến, giàu thì dù ở rừng núi cũng có người tìm đến, (Bản cũ thành thị vô nhân vấn, phú tại sơn lâm hữu khách tầm).

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Hai bài thơ đã phản ánh tình trạng xã hội' phong kiến thời kỳ Nguyễn Bình Khiêm như thế nào (phân tích qua một số hình ảnh, từ ngữ trong hai bài)?

2. Em có nhận xét gì về hình thức nghệ thuật của bài thơ (cách dùng ngôn ngữ, hình ảnh, lối đối ý, đối thanh, màu sắc dân gian trong các câu thơ có ý nghĩa triết lý)?

ĐỌC THÊM VỀ THƠ NGUYỄN BÌNH KHIÊM

CHẾT CHUỘT

Vốn trời sinh ra dân
 Ấm no đều muốn được
 Ôi ! Xưa bậc thánh nhân
 Dạy dân trồng ngũ cốc⁽¹⁾
 Cha mẹ được phụng thờ
 Vợ con được săn sóc
 Chuột lớn sao bắt nhân
 Gặm khoét thật thắm độc
 Đồng ruộng trơ rơm khô⁽²⁾
 Kho đụn kiệt gạo thóc
 Khó nhọc nông phu than
 Đói gầy nông phụ khóc⁽³⁾
 Sao dám khinh mạng dân
 Phá hoại thật tàn khốc,
 Rình mò dưới lỗ hang,
 Thần dân đều căm tức

Quấy nhiễu mất lòng người
 Tất bị người xé rách
 Thấy phơi khắp thị thành
 Thịt qua điều rĩa bóc
 Khiến cho lớp dân tàn
 Cùng an hưởng hạnh phúc.

CHÚ THÍCH

Nguyên văn chữ Hán, bản dịch trên dựa theo bản dịch của Ngô Lập Chỉ dịch sát nguyên văn và nguyên điệu. Đây là một lối thơ ngũ ngôn cổ thể (năm chữ theo lối trường thiên) lấy vần trắc. Chủ đề rút từ bài Thục tử (chuột xù) trong Kinh thi (xem phần văn học Trung quốc), ý nói bóng bọm quan lại tham ô thời phong kiến là những con chuột lột chuyên phá hoại của dân. Em đọc bài này đã thêm sáng tỏ bài trên.

(1) Ngũ cốc: năm giống lúa như lúa đạo, lúa thóc, lúa tẻ, lúa mạch và đậu. (2) Phục thần: vì bột lúa bị chuột ăn. (3) Nông phu nông phụ (chữ Hán): nông dân và vợ nông dân. (4) Dân tàn: dân bị điêu tàn.

CÂY THÔNG

(Nguyên văn bằng chữ Hán)

Thông dài mười trượng cao chót vót,
 Lối lạc không thêm sánh bầy với trăm loài cây khác
 Kiều mẫu nhà minh đường (1) vừa đôi mới,
 Dùng nó làm rường cột để chống bên tả đỡ bên hữu
 Nói đến việc chữa bệnh cho nước và cho dân,
 Thì phục thần, phục linh, hồ phách (2) đủ thuốc quý
 Khi về già, có đôi chim hạc đậu chơi làm bạn
 Lúc ít tuổi từng nhớ giấc mộng tam công (3)

Vui cùng tuổi đá, tính cách riêng thanh cao
 Ngao vờ tuyết sương, sắc xanh không biến đổi
 Dùng thì ra giúp đời, không dùng thì ăn náu.
 Ai bảo rằng: Gỗ lớn khó dùng ?

Dịch thơ :

Tùng dài mười trượng cao lồng lộng,
 Trăm loài cỏ cây thua hùng dũng.
 Minh đường kiều mẫu mới vừa thay,
 Cột rường tả hữu nhờ nâng chống.
 Dem chữa bệnh nước cùng bệnh dân,
 Thần linh, hồ phách thuốc chất đống.
 Bạn cùng đôi hạc khi thân già,
 Lúc trẻ tam công từng ứng mộng.
 Khe núi reo hò tiếng vẫn cao,
 Tuyết sương chịu đựng sắc không đông,
 Dùng đến thì ra, không thì về,
 Ai bảo cây to là khó dụng.

(Bản dịch của Hoàng Việt thi văn tuyển,
 Nhà xuất bản Văn hóa, 1958)

CHÚ THÍCH

(1) Minh đường: Nhà lớn của vua, dùng làm nơi ban bố mệnh lệnh, tiếp sứ thần nước ngoài... là những việc có liên quan đến nghi lễ.
 (2) Phục linh, phục thần, hồ phách: những vị thuốc quý lấy từ cây thông.
 (3) Tam công: Ba chức quan to nhất ngày xưa: Glắc mộng Tam công: Đợi Tam quốc, Đinh Cố năm mơ thấy cây tùng mọc trên bụng bèn nói rằng: chữ «tùng» là do ba chữ «thập» «bát» và «công» ghép thành, có lẽ mười tám (thập bát) năm nữa ta sẽ làm đến chức tam công. Sau việc diễn ra quả đúng như lời nói.

TRUYỀN KỶ MẠN LỤC CỦA NGUYỄN DŨ

NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG

Truyện này trích trong quyển *Truyền kỳ mạn lục* của Nguyễn Dữ. Nguyễn Dữ, người tỉnh Hải hưng là học trò xuất sắc của Nguyễn Bỉnh Khiêm. Ông chỉ làm quan một năm, rồi xin về nhà nuôi mẹ. Quyển *Truyền kỳ mạn lục* của ông là một tập gồm hai mươi truyện ngắn viết theo lối văn xuôi cũ. Thỉnh thoảng có xen vào những bài thơ ca. Những truyện ở đây có hình thức ảo kỳ ma quái, nhưng lại có yếu tố hiện thực. Truyện *Người con gái Nam Xương* là một trong những truyện có nhiều yếu tố dân gian. Truyện được xây dựng trên một số chi tiết ít nhiều có thật. Vũ Thị Thiết quê ở Nam Xương (Sơn nam) nay là Lý nhân (Nam hà), lấy chồng họ Trương. Khi Trương Sinh đi lính đánh bọn phong kiến Chiêm thành thường hay quấy rối nước ta lúc đó, thì Vũ Thị có mang và khi Trương Sinh về thì con đã thỏ thẻ biết nói. Chỉ vì nghi ngờ vợ không căn cứ và không thẳng thắn nói ra nên Trương Sinh đã làm cho hạnh phúc gia đình tan vỡ và dành ôm một mối hận nghìn đời. Người xưa đã lấy đề tài này đề kể thành truyện cổ tích, dựng thành chèo (chèo Trương Sinh) hay sáng tác thành thơ văn. Trong những truyện viết thành văn thì truyện này của Nguyễn Dữ có giá trị hơn cả.

Vũ Thị Thiết, người con gái quê ở Nam Xương, tính đã thùy mị nết na, lại thêm có tư dung⁽¹⁾ tốt đẹp. Trong làng có chàng Trương Sinh, mẫn vì dung, hạnh xin với mẹ đem trăm lạng vàng cưới về. Song Trương có tính đa nghi, đối với vợ phòng ngừa quá sức. Nàng cũng giữ gìn khuôn phép, không từng để lúc nào vợ chồng

phải đến thất hòa. Cuộc sum vầy chưa được bao lâu thì xảy ra việc triều đình bắt lính đi đánh giặc Chiêm. Trương tuy con nhà hào phú, nhưng không có học, nên tên phải ghi trong sổ lính đi vào loạt đầu. Buổi ra đi, mẹ chàng có dặn rằng:

— Nay con phải tạm ra tòng quân, xa lìa dưới gối. Tuy hội công danh từ xưa ít gặp, nhưng trong chỗ binh cách, phải biết giữ mình làm trọng, gặp khó nên lui, lờng sức mà tiến, đừng nên tham miếng mồi thơm để lỡ mắc vào cạm bẫy. Quan cao tước lớn, nhường để người ta. Có như thế, mẹ ở nhà mới khỏi lo lắng vì con được.

Chàng quì xuống đất vâng lời dạy. Nàng rót chén rượu đầy tiễn chồng mà rằng:

— Chàng đi chuyến này, thiếp chẳng dám mong đeo được ấn phong hầu, mặc áo gấm⁽²⁾ trở về quê cũ, chỉ xin ngày về mang theo được hai chữ bình yên, thế là đủ rồi. Chính việc quân khó liệu, thế giặc khôn lường. Giặc cuồng còn lẩn lút, quân triều còn gian lao, rồi thế chẻ tre⁽³⁾ chưa có, mà mùa dưa chín quá kỳ⁽⁴⁾, khiến cho tiện thiếp băn khoăn, mẹ hiền lo lắng. Nhìn trăng soi thành cũ, lại sửa soạn áo rét, gửi người ải xa: trông liễu rủ bãi hoang, lại thổn thức tâm tình, thương người đất thú! Dù có thư tin nghìn hàng, cũng sợ không có cánh hồng bay bổng.

Nàng nói đến đây, mọi người đều ứa hai hàng lệ. Rồi đó, tiệc tiễn vừa tan, áo chàng đành rút. Ngược mắt cảnh vật vẫn còn như cũ, mà lòng người đã nhuộm mối tình muôn dặm quan san!

Bấy giờ, nàng đương có mang, sau khi xa chồng vừa đầy tuần⁽⁵⁾ thì sinh ra một đứa con trai, đặt tên là Dản. Ngày qua tháng lại, thoát đã nửa năm, mỗi khi thấy bướm lượn đầy vườn, mây che kín núi, thì nỗi buồn góc bể chân trời không thể nào ngăn được.

Bà mẹ cũng vì nhớ con mà dần sinh ốm. Nàng hết sức thuốc thang lễ bái thần phật và lấy lời ngọt ngào khôn khéo khuyên lơn. Song bệnh tình mỗi ngày một trầm trọng, bà biết không sống được, bèn trở lại với nàng rằng :

— Ngắn dài có số, tươi héo bởi trời. Mẹ không phải không muốn đợi chồng con về, mà không gượng ăn miếng cơm miếng cháo đắng cùng vui sum họp. Song lòng tham vô cùng mà vận trời khó tránh. Nước hết chuông rền⁽⁶⁾, số cùng khi kiệt. Một tấm thân tàn, nguy trong sớm tối, việc sống chết không khỏi phải phiền đến con. Chồng con nơi xa xôi, chưa biết sống chết thế nào, không thể về thăm ơn được. Sau này trời xét lòng thành, ban cho phúc đức, giống dòng tươi tốt, con cháu đông đàn, xanh kia quyết chẳng phụ con, cũng như con đã chẳng phụ mẹ.

Bà cụ nói xong thì mất. Nàng hết lời thương xót, phàn việc ma chay tế lễ, lo liệu như đối với cha mẹ đẻ mình.

Qua năm sau, giặc ngoan cổ đã chịu trói, việc quân kết thúc. Trương Sinh về tới nhà, được biết mẹ đã qua đời, con vừa học nói. Chàng hỏi mồ mẹ, rồi bế đứa con nhỏ đi thăm; đứa trẻ không chịu, ra đến đồng, nó quấy khóc, Sinh dỗ dành :

— Nín đi con, đừng khóc. Cha về, bà đã mất, lòng cha buồn khổ lắm rồi.

Đứa con thơ ngây nói :

— Ô hay ! Thế ra ông cũng là cha tôi ư ? Ông lại biết nói, chứ không như cha tôi trước kia chỉ nín thìn thít.

Chàng ngạc nhiên gạn hỏi. Đứa con nói :

— Trước đây, thường có một người đàn ông, đêm nào cũng đến, mẹ Đản đi cũng đi, mẹ Đản ngồi cũng ngồi, nhưng chẳng bao giờ bế Đản cả.

Tính chàng hay ghen, nghe con nói như vậy, đinh ninh là vợ hư, mỗi nghi ngờ ngày càng sâu, không có cách gì gỡ ra được.

Về đến nhà, chàng la um cho hả giận. Vợ chàng khóc mà rằng :

— Thiếp vốn con kẻ khó, được nương tựa nhà giàu. Sum họp chưa thỏa tình chăn gối, chia phôi vì động việc lửa binh. Cách biệt ba năm giữ gìn một tiết. Tô son điểm phấn từng đã nguôi lòng, ngõ liễu đường hoa⁽⁷⁾ chưa hề bén gót. Đâu có sự mất nết hư thân như lời chàng nói. Dám xin bày tỏ để cởi mối nghi ngờ. Mong chàng đừng một mực nghi oan cho thiếp.

Chàng vẫn không tin. Nhưng nàng hỏi chuyện kia do ai nói ra, thì lại giấu không kể lời con nói ; chỉ lấy chuyện bóng gió này nọ mà mắng nhiếc nàng và đánh đuổi đi. Họ hàng làng xóm bênh vực và biện bạch cho nàng, cũng chẳng ăn thua gì cả. Nàng bất đắc dĩ nói :

— Thiếp sở dĩ nương tựa vào chàng, vì có cái thú vui nghi gia nghi thất⁽⁸⁾. Nay đã bình rơi trâm gãy, mây tạnh mưa tan, sen rũ trong ao, liễu tàn trước gió ; khóc tuyết bông hoa gãy cuống, kêu xuân cái én lìa đàn, nước thắm buổi xuân xa, đâu còn có thể lại lên núi Vọng phu kia nữa⁽⁹⁾.

Đoạn rồi nàng tắm gội chay sạch, ra bến Hoàng giang⁽¹⁰⁾ ngửa mặt lên trời mà than rằng :

— Kể bực mệnh này duyên phận hẩm hiu, chồng con rẫy bỏ, điều đâu bay buộc, tiếng chịu nhuốc nhơ, thần sông có linh, xin ngài chứng giám. Thiếp nếu đoan trang giữ tiết, trinh bạch gìn lòng, vào nước xin làm ngọc Mỹ nương⁽¹¹⁾, xuống đất xin làm cỏ Ngu mỹ⁽¹²⁾. Nhược bằng lòng chim dạ cá, lừa chồng dối con, dưới xin làm mồi cho cá tôm, trên xin làm cơm cho diều quạ và xin chịu khắp mọi người phỉ nhổ.

Nói xong, nàng gieo mình xuống sông mà chết. Chàng tuy giận là nàng thất tiết nhưng thấy nàng tự tận, cũng động lòng thương, tìm vớt thấy nàng, nhưng chẳng thấy tấm hơi đâu cả. Một đêm phòng không vắng vẻ, chàng ngồi buồn dưới ngọn đèn khuya, chợt đứa con nói rằng :

— Cha Đản lại đến kia kìa !

Chàng hỏi đâu. Nó chỉ bóng chàng ở trên vách :

— Đây này !

Thì ra, ngày thường, ở một mình, nàng hay đùa con trở bóng mình mà bảo là cha Đản. Bây giờ chàng mới tỉnh ngộ thấu nỗi oan của vợ, nhưng việc trót đã qua rồi !

Cùng làng với nàng, có người tên là Phan lang khi trước làm đầu mục⁽¹³⁾ ở bến đò Hoàng giang, một đêm chiêm bao thấy người con gái áo xanh, đến kêu xin tha mạng. Sáng dậy, Phan thấy có người phùng chài đem vào biếu một con rùa mai xanh, sức nghĩ đến chuyện mộng, bèn đem thả con rùa ấy. Cuối đời Khai đại⁽¹⁴⁾ nhà Hồ, quân Minh mượn tiếng đưa Trần Thiêm Bình⁽¹⁵⁾ về nước, phạm vào cửa ải Chi lăng, nhân dân trong nước, nhiều người sợ hãi phải chạy trốn ra ngoài bể, không may đắm thuyền đều chết đuối cả. Thấy Phan lang dạt vào một cái động rùa ở hải đảo, có người đàn bà là Linh phi trông thấy nói rằng :

— Đây là vị ân nhân cứu sống ta thuở xưa.

Linh phi bèn lấy khăn dẫu mà lau, lấy thuốc thần mà đổ, một chốc Phan lang liền tỉnh lại. Phan trông thấy cung gấm đèn dao⁽¹⁶⁾ thật nguy nga lộng lẫy, mà chưa biết mình đã lạc vào cung nước của rùa thần. Linh phi bấy giờ mình mặc áo gấm dát ngọc, chân đi giày có vân nam vàng, cười bảo Phan lang rằng :

— Tôi là Linh phi trong động rùa, vợ vua biển Nam hải, nhớ hồi còn nhỏ đi chơi ở bến sông bị người phùng chài bắt được, ngẫu nhiên báo mộng, quả được

nhờ ơn. Gặp gỡ ngày nay, há chẳng phải lòng trời xui khiến cho tôi có dịp đền ơn trả nghĩa ?

Phi bèn đặt yển ở gác Triệu dương để thiết đãi Phan lang. Dự tiệc hôm ấy có vô số những mỹ nhân, quần áo thướt tha mái tóc búi xề. Trong số đó, có một người mặt chỉ hơi điểm qua một chút son phấn trông rất giống Vũ nương. Phan có ý nhìn trộm, nhưng không dám nhận. Tiệc xong, người đàn bà ấy nói với Phan lang rằng :

— Tôi với ông vốn người cùng làng, cách mặt chưa bao, đã quên nhau rồi ư ?

Bấy giờ, Phan mới nhận đích người ấy là Vũ nương và gạn hỏi duyên cớ. Nàng nói :

— Tôi ngày trước không may bị người vu oan, phải gieo mình xuống sông tự tử. Các nàng tiên trong cung nước thương tôi vô tội rẽ một đường nước cho tôi thoát chết, nếu không thì đã vùi vào huyệt cá, còn đâu mà gặp ông.

Phan nói :

— Nương tử, nghĩa khác Tào Nga⁽¹⁷⁾ hờn không Tinh Vệ⁽¹⁸⁾ mà phải ôm mối hận gieo mình xuống nước. Nay thóc cũ không còn, thóc mới vừa gặt⁽¹⁹⁾, há lại không tưởng nhớ đến quê hương ư ?

Vũ nương nói :

— Tôi bị chồng ruồng rẫy, thà già ở chốn làng mây cung nước, chứ còn mặt mũi nào về nhìn thấy người ta nữa !

Phan nói :

— Nhà cửa tiên nhân của nương tử, cây cối thành rừng, phần mộ tiên nhân của nương tử, cỏ gai rợp mắt. Nương tử dù không nghĩ đến, nhưng tiên nhân còn mong đợi nương tử thì sao ?

Nghe đến đây, Vũ nương ứa nước mắt khóc, rồi quả quyết đổi giọng mà rằng:

— Có lẽ, không thể gửi hình ảnh bóng ở đây mãi được, để mang tiếng xấu xa. Vả chẳng, ngựa Hồ gầm gió bắc, chim Việt đậu cành nam⁽²⁰⁾. Cảm vì nỗi ấy, tôi tất phải tìm về có ngày.

Hôm sau, Linh phi lấy một cái túi bằng lụa tía, đựng mười hạt minh châu, sai sứ giả Xích Hồn⁽²¹⁾ đưa Phan ra khỏi nước. Vũ nương nhân đó cũng đưa gửi một chiếc hoa vàng mà dặn:

— Nhờ nói hộ với chàng Trương, nếu còn nhớ chút tình xưa nghĩa cũ, xin lập một đàn giải oan ở bến sông, đốt cây đèn thần chiếu xuống nước, tôi sẽ trở về.

Lúc đến nhà, Phan đem chuyện kể lại với họ Trương. Ban đầu Trương không tin. Nhưng khi nhận được chiếc hoa vàng, chàng mới sợ hãi mà nói:

— Đây quả là vật dùng mà vợ tôi mang lúc ra đi.

Chàng bèn theo lời, lập một đàn tràng ba ngày đêm ở bến Hoàng giang. Rồi quả thấy Vũ nương ngồi trên một chiếc kiệu hoa đứng ở giữa dòng, theo sau có đến hơn năm mươi chiếc xe, cờ tán võng lọng, rực rỡ đầy sông, lúc ẩn lúc hiện. Chàng vội gọi, nàng vẫn ở giữa dòng mà nói vọng vào:

— Thiếp cảm ơn đức của Linh phi, đã thề sống chết cũng không bỏ. Đa tạ tình chàng, thiếp chẳng thể trở về nhân gian được nữa.

Rồi trong chớp lát, bóng nàng loáng thoáng mờ nhạt dần mà biến đi mất.

CHÚ THÍCH

Bản dịch trên đây dựa theo bản dịch của Ngô Văn Triện, có sửa chữa cho sát nguyên văn.

(1) *Tư dung* (chữ Hán): vẻ *gấm*: ngày xưa làm quan được (hay mặc). (3) *Thế chẻ tre chưa c* ý nói chưa thắng được giấc. (4) năm khoảng đưa chín, thì linh linh cũ về. Ý trong câu này: v mà chưa được thay phiên. (5) ngày. Một tháng gồm có 3 tu *chuông rền*: nước đồng hồ đã c đồng hồ báo sáng, ý nói đời *hoa* (chữ cổ): ý nói tình tình nên nhà nên cửa, ý nói gây *trâm gãy*... ý trong đoạn này sự thất vọng ở Vũ nương khi b nay thuộc thôn Vũ diện, xã T có đèn thờ và có bia. (11) nước. Xem chuyện An Dương 1). (12) *Cổ Ngưu mỹ*: tích nà thể cùng, chạy đến Cai hạ, n oan hồn Ngưu Cơ sau hóa thá nhân. (13) *Đầu mục*: một (14) *Khai đại*: niên hiệu th 1407. (15) *Trần Thiêm Bìn Minh*. (16) *Đền dao*: đền bắ quý. (17) *Tào Nga*: một c cha, không được, rồi tự t nàng ôm được thầy cha. (1 nông) bị chết đuối, hóa làm cũ, *thốc mới*: ý nói đã trọn ngựa Hồ thì quen với gió hậu ẩm áp phương Nam, tú (21) *Xích Hồn* (chữ Hán): tên của sứ giả.

inh⁽⁶⁾

Đây là một đ
tập thơ lục bát
khoảng cuối thế
Hồng Bàng cho⁷⁾
giống như truy
Trưng, đoạn Đi
Đoạn *Phù Đôn*
tập sử ca. Đoạn
dầu nói về gốc t
phần thứ hai nói ong.
Thiên Vương xi
thời và có sức khăm can.
Vương sau khi từ
trận thì quất ngựa⁽⁹⁾
Hùng và của nhâ
Trong 4 phần,
giả đã miêu tả đ
lời văn ở nhiều

ây.

Uy trờ¹⁾
Đường trăng lo.
Mặt nạ
Lửa huỳnh xà,
Uy ra
Mình trên
Lạ tha³⁾.
Giậm lên
Cầm co⁴⁾
Cán dờn đả.

THIÊN NAM NGŨ LỤC

PHÙ ĐỒNG THIÊN VƯƠNG

Đây là một đoạn trích trong tập sử ca « *Thiên nam ngũ lục* » là một tập thơ lục bát dài 8136 câu, do một bề tôi họ Trịnh sáng tác vào khoảng cuối thế kỷ XVII. Tập sử ca trường thiên này chép từ họ Hồng Bàng cho đến đầu nhà Hậu Lê, trong đó có nhiều đoạn gần giống như truyện thơ, thí dụ đoạn An Dương Vương, đoạn Hai Bà Trưng, đoạn Đinh Tiên Hoàng, v.v...

Đoạn *Phù Đồng Thiên Vương* là một trong những đoạn hay nhất của tập sử ca. Đoạn này dài 254 câu lục bát có thể chia làm 4 phần: phần đầu nói về gốc tích Phù Đồng Thiên Vương và sự tàn ác của giặc Ân; phần thứ hai nói việc vua Hùng đi tìm người tài giỏi và Phù Đồng Thiên Vương xin ra giúp nước, Phù Đồng Thiên Vương lớn lên như thổi và có sức khỏe lạ thường; phần thứ ba nói việc Phù Đồng Thiên Vương sau khi từ biệt mẹ và bà con thân thích dề ra trận và khi thắng trận thì quất ngựa sắt lên trời; phần cuối nói lòng mến tiếc của vua Hùng và của nhân dân đối với Phù Đồng Thiên Vương.

Trong 4 phần, thì phần thứ ba trích dưới đây là phần hay nhất. Tác giả đã miêu tả được khí thế anh dũng của Phù Đồng Thiên Vương. Lời văn ở nhiều chỗ đã có tính chất anh hùng ca.

Uy trời gió quét một cơn
Đường trần khói tắt, cây ngàn lá lay
Mặt người sao chịu mặt trời
Lửa huỳnh tranh sáng lửa trời bao kham⁽¹⁾
Uy ra vẩy cát âm âm,
Mình trên cật ngựa tay cầm kim tiên⁽²⁾
Lạ thay ngựa sắt tự nhiên,
Giậm lên động đất, thét lên dậy trời!
Cầm con thiết bồng⁽³⁾ múa chơi
Cán dôi đầu binh⁽⁴⁾ đuổi dôi nam minh⁽⁵⁾

Tiếng ran quý khốc thần kinh,
Thu vàng lá rụng, xuân xanh hoa tàn.
Dấy từ Phù đồng xung càn
Đến Lạng giang phủ, huyện ngàn Vũ ninh⁽⁶⁾
Hề nay lối ngựa khởi trình
Lở non tà phá, cạnh doanh sông thu.
Ào ào, cơn gió thổi đưa
Nổi mây Thần nữ ném mưa Ngân hà⁽⁷⁾
Chín trời tàu thạch phi sa⁽⁸⁾
Côn trùng tuyệt tích, người ta lắc đầu
Tặc binh xấp xỉ bảo nhau:
Hùng Vương có tướng anh hào khí cương.
Hiệu là Xung Thiên Thần Vương
Cao đường mười trượng, sức đường trăm càn.
Cưỡi con ngựa sắt giậm chân
Nhạc vàng đầu đỏ thét rân Động đình⁽⁹⁾
Tay cầm thiết bồng uy linh
Nghìn cân nhẹ bồng như bính cái kim.
Đạn nhau cánh cò giữ cầm⁽¹⁰⁾
Đắp đường lũy ửng, đào hầm giăng dây.
Thần uy như gió ngựa bay
Vào trong Ân trận xem tày như không,
Một mình tả đột hữu xung
Muôn quân chẳng sợ, nghìn vòng chẳng lo.
Ngày bằng trường da⁽¹¹⁾ mịt mù.
Tung hoành ngựa sắt thể như trường xà,
Quan Ân phải lối ngựa pha⁽¹²⁾
Nát ra như nước, tan ra như bèo.
Chật đường thầy biết bao nhiêu,
Sông nhạt như rêu, nước đỏ như vang.
Khóc kêu đồng vọng thán đường
Lộn đồ thầy tớ, loạn hàng quan quân,
Thế như lợn phải báo chần⁽¹³⁾
Binh Ân mất vía, tướng Ân kinh hồn.

Khen thay kẻ đại, người khôn
 Viện binh quan ải lại toan địch làm⁽¹⁴⁾
 Lanh chanh như trẻ đuổi hùm
 Nó ngỡ dễ làm, toan sắp lập công.
 Thần Vương ngựa sắt lại dong
 Xua ruồi hợp mõ, phá ong tụ cánh.
 Nào đâu là chẳng tan tành
 Sấm vang dậy trận, gió thanh quét trần⁽¹⁵⁾
 Ruồi càng quá nửa xích lân⁽¹⁶⁾
 Nào non chẳng lở, nào thần chẳng run.
 Giặc Ân sợ bằng gà con
 Con điều ngáp hống nào còn dám kêu.
 Bên đường đứng cản cỏ⁽¹⁷⁾ reo :
 “ Xin đề ít nhiều đặng về gia hương.
 Muôn nghìn ân đức Thần Vương
 Kiếp kiếp lòng thương buộc chỉ cổ tay⁽¹⁸⁾
 Rủ rê chẳng dám đến đây
 Nam Bắc từ rày ai chớ trêu ai
 Một đời mà chữ muôn đời
 Biên⁽¹⁹⁾ danh trảng áo để người làm bia.
 Nhân sau ai lại điều chi
 Dưới thời đất xét, trên thời trời soi ”.
 Hảo hòa Nam Bắc cùng lời,
 Ai sau đen bạc hồ trời hồ nhau
 Đồi cùng đồng bác, quảy trâu⁽²⁰⁾
 Kẻo mắng lang khổi, kéo mau tắm kinh⁽²¹⁾
 Ân nhân ta đã hồi binh
 Bao thu tàn tốt, thượng trình về Ngô⁽²²⁾
 Nam biên lại bằng bằng tờ
 Nằm dù ngõ cửa, ở dù an thân.
 Thần Vương lên ngựa giậm chân
 Qua ngàn An Việt, cõi ngoài Vệ linh⁽²³⁾
 Giơ roi giậm ngựa hư kinh⁽²⁴⁾
 Vân cù⁽²⁵⁾ thẳng bước thiên đình tới nơi.

Kề triều xảy thấy một người
 Dịch thư ủng đã⁽²⁶⁾ tới nơi kinh thành.
 Rằng Ân tặc đã quét thanh
 Lạng bắc vô sự, Vũ ninh bảo toàn.
 Thần vương ngựa đã thẳng thiên,
 Chương⁽²⁷⁾ ngàn An Việt ở miền Vệ linh.

CHÚ THÍCH

Đoạn trên đây dựa theo bản quốc ngữ của nhà xuất bản Văn hóa in năm 1958, có tham khảo nguyên bản chữ nôm của Thư viện Khoa học kỹ hiện AB 478.

(1) *Kham* (chữ Hán): nghĩa là chịu, cũng giống như nghĩa chữ chịu ở câu lục bên trên. (2) *Kim tiên* (chữ Hán): roi vàng. (3) *Thiết bổng* (chữ Hán): gậy sắt. (4) *Đầu binh* (chữ Hán): chuôi sao Bắc đẩu. (5) *Nam minh* (chữ Hán): bề phương Nam. (6) *Vũ ninh*: thuộc phủ Lạng giang (Kinh bắc), nay thuộc huyện Quế dương (Hà bắc). (7) *Thần nữ*: lấy tích nữ thần Vu Sơn Vu Giáp coi về việc mưa. Cả câu này ý nói nổi trận mưa. (8) *Tầu thạch phi sa* (chữ Hán): đá chạy, cát bay. Ý nói khi thế hùng mạnh. (9) *Động đình*: một hồ lớn ở Trung quốc. Mượn ý này để nói sức mạnh kỳ diệu của con ngựa. (10) *Canh cỏ giữ cầm*: coi giữ hiệu lệnh trống cầm canh. (11) *Trường dạ* (chữ Hán): đêm dài. (12) *Pha* (chữ cổ): xông pha. (13) *Chấn* (chữ cổ do chữ chạm mà ra): tìm tòi đón bắt. (14) *Địch làm*: làm việc chống cự lại. (15) *Trần* (chữ Hán): bụi. (16) *Nửa xích lân*: nửa (tiếng cổ) có nghĩa là hơn, xích lân (chưa rõ diện) cũng có lúc người ta ví như cơn gió to. (17) *Cản cỏ*: (chưa rõ ý) tạm hiểu theo ý «Kết cỏ ngậm vành», nghĩa là xin chịu ơn. (18) *Buộc chỉ cổ tay*: ý nói từ nay xin chừa. (19) *Nhãn* (tiếng cổ): dù mà, dù rằng. (20) *Đồng bác quảy trâu*: xếp khi giới mang về. (21) *Lang khổi, tắm kinh*: ngày xưa khi có giặc dùng phân chó sói đốt để báo hiệu, kinh là loài cá mập cũng vì như giặc. Câu này ý nói: kéo lại gây sự đánh nhau. (22) *Thượng trình về Ngô*: lên đường về nước Ngô (người xưa hay dùng một cách sai lầm chữ Ngô để chỉ triều đình Trung quốc). (23) *An việt, Vệ linh*: theo sử cũ thì Vệ linh hay cũng gọi là Sóc sơn ở An việt (nay thuộc huyện Kim an,

tỉnh Vĩnh phú). Ở đó, còn có đền thờ Phù Đồng Thiên Vương và người ta cũng gọi Phù Đồng Thiên Vương là Sóc Thiên Vương (thật ra thì nhiều nơi đều có đền Phù Đồng Thiên Vương). (24) *Hư kinh* (chữ Hán): làm cho sợ. (25) *Vân cù* (chữ Hán): đường mây, đây nói đường lên trời (thiên đình). (26) *Dịch thư ứng đã*: có giấy chuyển đến (giấy đây cũng như công văn). (27) *Chưong* (tiếng cổ): ở nơi.

VIỆT ĐIỆN U LINH TẬP⁽¹⁾ CỦA LÝ TẾ XUYÊN⁽²⁾

TẢN VIÊN HỰU THÁNH KHUÔNG QUỐC HIỄN ỨNG VƯƠNG⁽³⁾

Xét sách *Giao chỉ ký*, Vương là Sơn Tinh (thần núi) cùng với Thủy Tinh (thần nước) kết bạn, ở ẩn trong động Gia ninh, thuộc về Phong châu.

Khi ấy, vua Hùng có một người con gái tên là My Châu, sắc đẹp tuyệt trần, vua nước Thục sai sứ sang cầu hôn, Hùng Vương định gả. Có quan đại thần là Lạc Hầu tâu rằng: « Không nên! Họ định mượn cơ cầu hôn để ngấp nghé đất nước ta đó! » Hùng Vương sợ không gả thì gây hiềm khích. Lạc Hầu tâu rằng: « Đại vương trị một nước đất rộng, dân đông, nay kén lấy một người có tài cao thuật lạ, cho làm rể, rồi đặt binh giữ nước, thì còn lo chi ». Hùng Vương nghe lời mới không gả con cho vua Thục, rồi đi khắp trong nước kén lấy người có thuật lạ. Vương và Thủy Tinh đều ra ứng tuyển. Hùng Vương sai thử phép thuật hai người. Vương thì trông suốt qua được ngọc đá, còn Thủy Tinh thì xuống nước, vào lửa đều được cả. Thấy hai người đều có thuật linh thông, vua lấy làm mừng, bảo Lạc Hầu rằng: « Hai người đều đáng làm rể, nhưng ta chỉ có một con gái biết gả cho người nào? » Lạc Hầu tâu: « Xin vua hẹn hễ

ai dẫn lễ cưới đến trước thì gả ». Vua nghe lời, hẹn hai người về sửa lễ. Vương về, ngay đêm hôm ấy sửa soạn đủ các thứ vàng, bạc, ngọc quý, tê voi cùng các giống chim muông lạ, mỗi thứ có tới hàng trăm, sớm hôm sau đem đến dâng vua. Hùng Vương mừng, gả luôn nàng My châu cho. Vương đón về, nghỉ ở Lôi sơn. Đến buổi chiều, Thủy Tinh cũng đem đủ các thứ trân châu, đồi mồi, san hô, và các giống cá lạ, mỗi thứ cũng tới hàng trăm, nhưng đến nơi thì Sơn Tinh đã lấy My nương đem về rồi. Thủy Tinh nổi giận bèn đem quân đuổi theo, định phá tan Lôi sơn, nhưng bấy giờ Vương đã dời về ở trên đỉnh núi Tản. Thủy Tinh không làm gì nổi, từ đó thù mãi, mỗi năm đến mùa thu lại dâng nước lên đánh núi Tản viên, dân ở miền ấy cùng nhau kết tre gỗ thành sàn để làm viện trợ giữ chân núi. Thủy Tinh không phạm tới được.

Những dấu tích thiêng liêng của đại vương nhiều không thể nào thuật ra hết được.

Trùng Hưng, năm thứ 1, sắc phong Hựu thánh vương năm thứ 4, gia phong hai chữ « khuông quốc », rồi lại thêm hai chữ « hiển ứng ».

CHÚ THÍCH

(1) Sách này cho là của một tác giả đời Lý, sau này Lý Tế Xuyên chép tiếp vào, đến đời Lê lại được chép nối thêm nữa. Hiện nay không kể những phần người sau chép thêm, phần sách do Lý Tế Xuyên soạn ra gồm có 27 truyện, chia làm 3 mục:

- Nhân quân: gồm tiểu sử các vua chúa.
- Nhân thần: gồm truyện các bề tôi trung liệt.
- Hạo khí anh linh gồm thần tích các thần núi sông.

(2) Lý Tế Xuyên hiện nay chưa rõ tiểu sử. (3) Danh hiệu các triều đại phong kiến phong cho Sơn Tinh, tức thần núi Tản viên.

LĨNH NAM CHÍCH QUÁI

Lĩnh Nam chích quái còn gọi là *Lĩnh Nam chích quái liệt truyện*, vốn do một tác giả vô danh đời Trần khởi thảo. Có thuyết lại nói, tác giả đó là Trần Thế Pháp, nhưng lý lịch của người này cũng không rõ. Chỉ biết rằng đến cuối thế kỷ XV thì Vũ Quỳnh và Kiều Phú soạn lại.

Lĩnh Nam chích quái góp nhặt những truyện dân gian, những truyền thuyết, thần thoại, cổ tích. Bản chính của Vũ Quỳnh và Kiều Phú có 23 truyện. Sau Vũ Quỳnh và Kiều Phú, người ta còn chép tiếp nhiều truyện khác. *Lĩnh Nam chích quái* là bộ sách hiếm có chép về văn học dân gian. Nó có giá trị sử học và văn học.

ĐỒNG THIÊN VƯƠNG TRUYỆN

(Truyện Phù Đồng Thiên Vương)

Hùng Vương cậy nước mình giàu mạnh, mà chèn ép việc triều cận Bắc phương. Vua nhà Ân mượn cơ tuấn thú sang xâm lược. Hùng Vương nghe tin triệu tập quần thần hỏi kế công thủ. Có người phương sĩ tâu rằng :

— Sao không cầu Long Vương đưa quân âm lên giúp. Vua nghe lời bèn lập đàn bày vàng bạc lụa là lên trên, ăn chay, thắp hương cầu đảo ba ngày. Trời nổi mưa to, gió lớn, bỗng thấy một cụ già cao hơn chín thước, mặt vàng, bụng lớn, mày râu bạc trắng, ngồi ở ngã ba đường mà cười nói, ca múa. Những người trông thấy biết là kẻ phi thường, bèn vào tâu vua. Vua thân hành ra vái chào, rước vào trong đàn. Cụ già không ăn uống cũng không nói năng. Vua nhân hỏi :

— Nghe tin quân Bắc sắp sang xâm lược, ta thua được thế nào, ngài có kiến văn xin bảo giúp. Cụ già ngồi im một lúc, rút thẻ ra bói, bảo vua rằng :

— Ba năm nữa giặc Bắc sẽ sang, phải nghiêm chỉnh khí giới tinh luyện sĩ binh mà giữ nước, lại phải đi tìm bậc kỳ tài trong thiên hạ, kẻ nào phá được giặc thì phân phong tước ấp, truyền hưởng lâu dài. Nếu được người giỏi, có thể dẹp được giặc vậy.

Dứt lời, bay lên không mà đi, mới biết đó là Long Quân.

Ba năm sau, người biên giới cấp báo có giặc Ân tới. Vua làm theo lời cụ già dặn, sai sứ đi khắp các nơi cầu hiền tài. Ở làng Phù đồng, huyện Tiên du, Bắc ninh có một ông tuổi hơn 60, sinh một người con trai vào giữa ngày 7 tháng giêng, ba tuổi còn không biết nói, nằm ngửa không ngồi dậy được. Người mẹ nghe tin sứ giả tới mới nói giỡn rằng :

— Sinh được thằng con trai này chỉ biết ăn, không biết đánh giặc để lấy thưởng của triều đình, báo đáp công bú mớm.

Người con nghe mẹ nói, đột nhiên bảo :

— Mẹ gọi sứ giả tới đây.

Người mẹ rất lấy làm kinh ngạc, kể lại với hàng xóm. Hàng xóm cả mừng, tức tốc gọi sứ giả tới. Sứ giả hỏi :

— Mày là đứa trẻ mới biết nói, mời ta đến làm gì. Đứa trẻ nhồm dậy bảo sứ giả rằng :

— Mày về tâu với vua rên một con ngựa sắt cao mười tám thước, một thanh kiếm dài bảy thước, một roi sắt và một nón sắt. Ta cưỡi ngựa, đội nón ra đánh, giặc tất phải kinh hãi, vua phải lo gì nữa ?

Sứ giả mừng rỡ vội về tâu vua. Vua vừa kinh vừa mừng nói rằng : Ta không lo nữa. Quần thần tâu :

— Một người thì làm sao mà đánh bại được giặc ?

Vua nổi giận nói :

— Lời nói của Long Quân ngày trước không phải là ngoa, các người chớ nghi ngờ gì nữa. Mau mau đi tìm 50 cân sắt luyện thành ngựa, kiếm, roi và nón.

Sứ giả tới gặp, người mẹ sợ hãi cho rằng tai họa đã đến, bèn bảo con. Con cả cười bảo rằng :

— Mẹ hãy đưa nhiều cơm rượu cho con ăn, việc đánh giặc mẹ chớ có lo.

Người con lớn lên rất nhanh, ăn uống tốn rất nhiều, người mẹ cung đốn không đủ. Hàng xóm sửa soạn trâu rượu bánh quả rất nhiều mà con ăn vẫn không no bụng. Vải lụa gấm vóc rất nhiều mà mặc vẫn không kín thân, phải đi lấy hoa lau buộc thêm vào cho kín người. Kịp đến khi quân nhà Ân tới chân núi Trâu sơn ở Vũ ninh⁽¹⁾ người con đuổi chân đứng dậy cao hơn mười thước, (có chỗ nói là trượng) ngựa mũi hất hơi liên hơn mười tiếng, rút kiếm thét lớn :

— Ta là thiên tướng đây !

Rồi đội nón cưỡi ngựa. Ngựa chồm lên, hí dài một tiếng mà phi như bay, nháy mắt đã tới trước quân vua. Võ kiểm đi trước, quan quân đều theo sau, tiến sát đồn giặc, quân giặc bỏ chạy, còn lại tên nào đều la hét kêu lay thiên tướng rồi cùng đến hàng phục. Ân Vương bị chết ở trong trận. Đi đến đất Sóc sơn, huyện Kim hoa, thiên tướng cởi áo, cưỡi ngựa mà lên trời, hôm đó là ngày 9 tháng 4 còn để vết tích ở hòn đá trên núi. Hùng Vương nhớ công ơn đó, mới tôn là Phù Đồng Thiên Vương, lập miếu thờ ở nhà cũ trong làng, lại ban cho một ngàn mẫu ruộng, sớm hôm hương lửa. Nhà Ân đời đời 644 năm không dám ra quân. Sau Lý Thái Tổ phong làm xưng thiên thần vương lập miếu ở làng Phù đồng, cạnh chùa Kiến sơ, lại tác tượng ở núi Vệ linh, xuân thu hai mùa tế lễ. Tới đời vua Thuận Đế nhà Lê ở xã Phủ ló

có người con gái tên là Ngô Chi Lan chăm đọc sách, sành văn chương, thơ ca điêu luyện, nhân đi dạo chơi tới núi này có đề bài thơ rằng :

Vệ linh xuân thu bạch vân nhân,
Vạn tử thiên hồng điểm thể gian,
Thiết mã tại thiên danh tại sử,
Anh hùng lẫm lẫm mãn giang san⁽²⁾

CHÚ THÍCH

(1) Nay thuộc Bắc ninh — Hà bắc

(2) Lược dịch bài thơ như sau :

Cây xuân núi Vệ lẫn mây nhân
Muôn tia nghìn hồng đẹp thể gian
Ngựa sắt lên trời, tên chép sử
Anh hùng rạng rỡ với giang san.

TRUYỆN THƠ KHUYẾT DANH

NHỊ ĐỘ MAI

Trong văn học quốc âm của ta từ xưa xuất hiện một loại truyện thơ : một số ít bằng thơ thất ngôn Đường luật, phần lớn bằng thể lục bát⁽¹⁾. Có những truyện có tên tác giả như *Hoa tiên* của Nguyễn Huy Tự và Nguyễn Thiện, *Đoạn trường tân thanh* của Nguyễn Du, lại có những truyện thiếu tên tác giả mà người ta thường quen gọi là *truyện thơ khuyết danh*⁽²⁾. Có hiện tượng khuyết danh như vậy là vì có những truyện ban đầu do một người viết ra, nhưng sau được nhiều người sửa chữa và truyền miệng, đến một lúc nào đó thì nó trở thành như một sáng tác tập thể, không biết ai là tác giả nữa hoặc cũng có những truyện mà vì lý do này lý do khác, tác giả phải giấu tên (chẳng hạn nội dung

câu chuyện có khía cạnh chống đối giai cấp phong kiến, nên sợ bị truy tố...)⁽³⁾.

Số lượng truyện thơ khuyết danh rất nhiều, nhìn chung có thể chia làm hai loại: một loại có lời văn bình dị như Thạch Sanh, Phạm Tải Ngọc Hoa, một loại có lời văn khá điêu luyện như Phan Trần, Nhị độ mai. Phần lớn các truyện đều xoay quanh một chủ đề chung là "trung, hiếu, tiết, nghĩa": trung như Mai Bá Cao, hiếu như Tống Trân, tiết nghĩa như Hạnh Nguyên. Nội dung trung hiếu tiết nghĩa đó có điểm được hiểu theo nguyện vọng của nhân dân trong khuôn khổ chế độ phong kiến cho nên nhân dân đứng về phía những người ngay thẳng chống kẻ gian tà, về phía người thiện chống kẻ ác: nhân vật chính diện có thể là người nghèo như Thạch Sanh, hay cũng có thể là quan lại như Mai Bá Cao. Kết thúc truyện bao giờ cũng có hậu: chính nghĩa thắng gian tà; người thiện được sung sướng, kẻ ác bị trừng phạt, bao cuộc tình duyên đứt đoạn lại được chắp nối⁽⁴⁾.

Nhị độ mai là một trong những truyện thơ khuyết danh được nhiều người chú ý, gồm 2816 câu lục bát. Tác giả đã diễn ra thơ, dựa theo một cuốn tiểu thuyết Trung quốc nhan đề là *Trung hiếu tiết nghĩa Nhị độ mai truyện*. Truyện kể lại cuộc đấu tranh quyết liệt giữa phe trung tiêu biểu là Mai Bá Cao, với bạn là Trần Đông Sơ và phe nịnh tiêu biểu là Lư Kỷ với con nuôi là Hoàng Tung. Mai Công vốn là tri huyện Lịch thành, nhờ tính tình thanh liêm, trung trực, được triệu về kinh làm chức giám quan⁽⁵⁾. Thừa dịp tốt, ông định trừ khử bọn Lư, Hoàng, như ông đã chống không nộp tiền vào cửa hay đã vạch mặt chúng trong lễ mừng thọ Lư Kỷ. Nhưng Lư Kỷ lại rất thâm độc, đã ton hót với nhà vua, vu cho Mai Công tư thông với giặc, nên Mai Công bị xử tội chém và Trần Công bị cách chức. Gia đình Mai Công bị

truy nã, con trai là Mai Lương Ngọc trốn thoát, đổi tên là Hỉ đồng⁽⁶⁾, may mắn lại lạc vào nhà Trần Đông Sơ.

Nhân ngày giỗ Mai Bá Cao, Trần Công sửa lễ cúng bạn ở ngoài vườn mai, khẩn thăm: Nếu như dòng họ Mai chưa dứt thì xin cho hoa mai nở nhiều hơn xưa. Không may, đêm đó gió mưa, hoa mai rụng hết. Trần Công thất vọng, toan bỏ nhà đi tu, thì con gái ông là Hạnh Nguyên đã cầu khẩn cho hoa mai nở lại, tươi đẹp hơn nữa⁽⁷⁾. Hôm đó Lương Ngọc làm thơ khóc cha, bị lộ; Trần Công mừng quá, gả Hạnh Nguyên cho Lương Ngọc.

Chưa được bao lâu, có giặc ngoại xâm, Lư Kỷ bèn tâu vua bắt Hạnh Nguyên đi cống giặc để cầu hòa. Giữ tiết nghĩa với chồng, Hạnh Nguyên nhảy xuống sông tự tử. Gia đình Trần Công bị truy nã; Trần Công bị bắt giam, Mai Sinh và em vợ là Xuân Sinh chạy trốn, hai người lạc nhau. Về sau, Hạnh Nguyên được cứu sống, may mắn gặp lại chồng và em. Mai Sinh lúc này đổi tên là Mục Vinh đã đổi Trang Nguyên⁽⁸⁾. Xuân Sinh đổi tên là Khâu Khôi, đã đổi Bằng nhỡn. Lư Kỷ ép Khâu Khôi lấy con gái hăn, không được, toan bỏ tù Khâu Khôi, liền bị công sinh phản uất và đón đánh. Nhờ xảy ra việc trên, nhà vua biết rõ tội lộng quyền của Lư, Hoàng và hạ lệnh chém đầu hai tên gian thần này. Trần Công được tha và thăng chức. Cả gia đình lại vui vẻ, đoàn viên như cũ⁽⁹⁾.

Thông thường mà nói thì truyện này cũng chỉ xây dựng trên chủ đề chung: trung, hiếu, tiết, nghĩa. Tuy nhiên, tác giả đã có ưu điểm là xuyên qua chủ đề trên, mà nêu bật mối tình bạn khăng khít giữa họ Mai và họ Trần trong việc đấu tranh cho chính nghĩa chống bọn lộng thần Lư, Hoàng, đồng thời cũng nêu bật mối tình chung thủy giữa Mai Sinh và Hạnh Nguyên. Thông qua sự xung đột giữa phe thiện và phe ác đó, chúng ta

thấy rõ được mâu thuẫn sâu sắc giữa nhân dân và giai cấp thống trị trong xã hội thời bấy giờ. Vai trò nhân dân ở đây được bộc lộ ở ba sự kiện: nhân dân huyện Lịch thành có cảm tình với Mai Bá Cao, nhân dân chài lưới bảo vệ cho Xuân Sinh chống một tên con quan ngang ngược, cống sinh đánh Lư, Hoàng đế bệnh vực Xuân Sinh... Trong cái xã hội mà vua thì nhu nhược, quan lại thì tham ô, gian ác như vậy, trong cái xã hội đầy rẫy những việc xấu xa như hối lộ, bè phái, hãm hại lẫn nhau như vậy, những gia đình ngay thẳng như họ Mai, họ Trần phải chịu những nỗi oan khốc đau thương là lẽ tất nhiên. Có điều cuối cùng chính nghĩa đã thắng gian tà và vua đã sáng mắt ra trước bao nhiêu sự thật do những cuộc đấu tranh của quần chúng đưa lại. Suốt cả cuốn truyện, tác giả đã cố ý đề cao vua, đã có ý tô đậm chữ trung. Riêng đối với những người tốt như Ngư Bà, Hỉ Đồng, Thủy Hoàn... thì chưa được chú trọng thích đáng. Những nhân vật nổi bật ở đây chỉ là những nhân vật của tầng lớp trên. Đây là những hạn chế tất yếu của tác giả trong khuôn khổ xã hội thời xưa. Trừ những nhược điểm ấy ra, ngày nay chúng ta thích *Nhị độ mai*, vì tác giả đã lột tả được một phần bộ mặt xấu xa của chế độ phong kiến, đã nói lên được nỗi uất ức của những người lương thiện bị đè nén và ý chí bất khuất của họ trước kẻ thù.

Về phương diện nghệ thuật, tác giả *Nhị độ mai* tuy còn sa vào những chỗ công thức hay thiếu tự nhiên, nhưng nói chung đã có nhiều đoạn tả cảnh, tả tình rất đặc sắc. Đây đó, cảnh và tình quện lấy nhau, cảnh ngụ tình, tình ngụ cảnh, thí dụ như đoạn nhân dân Lịch thành lưu luyến đưa tiễn Mai Bá Cao:

Giã nhau mười dặm tràng đình⁽¹⁰⁾
Trông theo đã khuất mây xanh mấy trùng.

Nước non đưa đón người trung,
Suối tuôn dòng chảy, núi chồng lớp cao
Nhờn nhớ cỏ đón hoa chào
Hàng men mọc vượn, cây xào xạc chim...
hay đoạn Mai Sinh và Hạnh Nguyên gặp lại nhau sau bao năm xa cách:

Liều hoàn⁽¹¹⁾ chị chị em em
Chạy gần che quạt, theo chân ôm lò
Kiệu hoa che bước từ từ
Kiệu chờ ngựa trước, ngựa chờ kiệu sau...⁽¹²⁾

Rõ ràng khung cảnh trên là khung cảnh bịn rịn khi chia ly, khung cảnh dưới lại là khung cảnh rối rít khi tái ngộ.

Đặc biệt, trong *Nhị độ mai* có những đoạn văn có khi thể hào hùng, đó là đoạn *Mai Bá Cao chống bọn gian thần* và đoạn *cống sinh đón đánh Lư Kỳ, Hoàng Tung* trích ở dưới.

Có thể nói trong kho tàng truyện khuyết danh còn lại, *Nhị độ mai* là một trong những truyện có giá trị về nội dung tư tưởng cũng như về nghệ thuật.

CHÚ THÍCH

(1) Hiện còn lại ba truyện bằng thơ thất ngôn Đường luật, truyện *Vương Tường*, truyện *Lâm tuyền*, kỳ ngộ và truyện *Tô Công phụng sứ* (xem bài: Văn học viết từ thế kỷ XVI đến giữa thế kỷ thứ XVIII), (2) Cũng gọi là *truyện nôm khuyết danh*, vì các truyện đó ngày xưa chép lại bằng chữ nôm. (3) Từ năm 1663 chúa Trịnh Tạc đã ra lệnh cấm sách vở bằng nôm. (4) Các nhân vật chính như Hạnh Nguyên, Phạm Tải dù có chết, lại được cứu sống, rồi cùng với gia đình đoàn tụ. (5) *Giảm quan*: chức quan có nhiệm vụ xem xét mọi sự trong triều để giúp vua làm việc phải, chống việc trái. (6) *Hỉ Đồng*: chính là người hầu của Mai Sinh, nhưng đã chịu hy sinh cho Mai Sinh và nhân đó Mai Sinh đổi tên của Hỉ Đồng. (7) *Hoa mai* đã

chung hết, lại nở lại, nên mới gọi là mai nở hai lần (chữ Hán là nhị độ mai); do đó, đặt tên truyện. (8) Ngày xưa đi thi phải qua ba chặng: thi hương, lấy tú tài và Cử nhân (đỗ điểm thấp là Tú tài, đỗ điểm cao là Cử nhân. Cử nhân được lên kinh đô thi hội, những người đỗ thi hội được vào cung vua thi đình để sắp hạng cao thấp, người đỗ đầu gọi là Trạng nguyên, người đỗ thứ hai gọi là Bảng nhãn, người đỗ thứ ba gọi là Thám hoa. Những người đỗ kế tiếp thì người ta gọi chung là Tiến sĩ. (9) Câu chuyện khá phức tạp, có nhiều chi tiết. Ở đây chỉ tóm tắt những nét chính mà thôi. Học sinh có thể đọc toàn truyện để biết rõ hơn. (10) Tráng đình: (chữ Hán: đình ở chặng đường dài, ngày xưa dọc đường có làm những cái đình cho người đi đường trú ngụ: cứ 10 dặm thì có tráng đình, 5 dặm thì có đoạn đình (đình ở chặng đường ngắn). (11) Liễn hoàn (chữ Hán): chỉ các dây tơ gài theo hầu. (12) Ngày xưa nhà giàu sang thì đàn ông đi ngựa, đàn bà đi kiệu: ở đây ngựa của Mai Sinh và kiệu của Hạnh Nguyên rời rít trong đám ngựa và kiệu của cả hai gia đình.

MAI BẢ CAO CHỐNG BỌN GIAN THẦN

Ngày xuân con én đưa thoi,
 Lư công tuổi thọ sáu mươi vừa tuần. (1)
 Định ngày vui mở tiệc xuân
 Vua cho lễ vật nội thần (2) đem ban.
 3 Lại truyền văn võ bá (3) quan,
 Cứ ngày cùng đến tưng môn (4) lễ mừng,
 Phủ đường, dọn dẹp tưng bừng,
 Rõ ràng kết thái trướng đăng (5) trong ngoài,
 Vóc đề chữ, gấm thêu bài,
 10 Vịnh ca thiên bảo chúc lời Nghiêu Hoa (6)
 Dập diu chốn vũ nơi ca,
 Trò bày bách hí nhịp hòa bát âm (7)
 Chong giá nến, quạt lò trầm
 Rót bình rượu ngọc, dâng mâm đào vàng.

15 Vồng đầy cửa, ngựa chen hàng,
 Khắp triều quan đến, khắp hoàng thân (8) ra.
 Bày phô chén ngọc đĩa ngà,
 Gia hào mấy vị, trân la (9) mọi mùi
 Tưng công thăm thăm xa ngời.
 20 Tiếp tân phó mặc con nuôi họ Hoàng
 Mai công lễ vật tầm thường,
 Miễn vài cân vôi lạp hoàng (10) vài đôi,
 Hoàng Tung trông thấy mỉm cười,
 Tm Lư công đến tận nơi tiến trình.
 25 Tưng công ngồi trước thọ bình (11)
 Chối vàng bông mũ, ngắt xanh hoa bào (12)
 Từ bề trướng gấm màn đào.
 Mùi hương xạ (13) ngát, tiếng Thiều (14) nhạc rung
 Trông xa nhạc thấy Hoàng Tung,
 30 Xem đơn lễ (15) mới thung dung dạy lời:
 « Ít nhiều có lễ thì thôi,
 « Hãy thu lấy đây, khuyên mời hẳn hoi.
 « Tay này là bạc đại tài.
 « Đề ta mua chuộc làm tôi tớ nhà ».
 35 Cừ lời, Tung mới bước ra.
 Chào rằng: « Vàng mệnh ân gia (16) mời ngồi,
 « Lễ đơn đây đã thu rồi,
 « Dám xin vài chén tiệc vui gọi là ! »
 Mai công rằng: « Những ở xa,
 40 Chẳng hay quý chức tuổi đã bao nhiêu ? »
 Tung rằng: « Tuổi cũng chưa nhiều,
 « Năm mươi tư tuổi gần theo cõi già ».
 Ông rằng: « Thực cũng khéo là,
 « Thế mà nghĩa phụ, thế mà ân nhi (17)
 45 « Sống lâu thấy lắm chuyện kỳ,
 « Sao xưa nay vẫn không nghe tiếng đồn ?

« Mới hay vương khí ⁽¹⁸⁾ tướng môn,
 « Năm lên sáu tuổi sinh con đầu lòng ».
 Tung nghe ra giọng đậm hồng.
 50 Mặt ngăn ngắt tim, mắt sông sọc trông.
 Các quan biết ý Hoàng Tung
 Giả điều mời rượu Mai Công ép nài,
 Ông rằng : « Lượng rượu kém ai,
 « Tiệc vui dù chẳng đợi mời cũng say.
 55 « Nghe hơi tử khí đầu ⁽¹⁹⁾ đây,
 « Dầu rằng nửa chén đưa cay chẳng màng.
 « Đến đây vâng mệnh thánh hoàng,
 « Sá vui kẻo ⁽²⁰⁾ rót với tuồng quyền gian ».
 Hoàng Tung đỏ mặt sốt gan,
 60 Bất thình lình bỗng trong bàn mất vui.
 Như mèo tiu nguyễn mất tai,
 Chẳng thu một lễ, chẳng mời một ai,
 Vào trong tức tức một hơi,
 Bên màn Lư Kỷ, kẻ ngồi nỉ non.
 65 Nhỏ to, chua cái, chua con ⁽²¹⁾
 « Hôm xưa kiệu đến nghi môn ⁽²²⁾ còn ngồi.
 Mới rồi đưa lễ diều chơi,
 « Đã câu rửa mát, lại lời đưa chành ⁽²³⁾
 « Gần chùa gọi bụt bằng anh
 70 Không văn pháp ⁽²⁴⁾ nữa, còn danh giá gì ».
 Lư rằng : « Con chó lo chi,
 « Ra tay rồi sẽ liệu bề bề mai ⁽²⁵⁾
 « Cho vào bạn đảng ⁽²⁶⁾ thì thôi,
 « Bấy giờ dầu nghỉ ⁽²⁷⁾ kêu trời cũng xa ! »
 75 Bề gian đương sắp mưu lừa,
 Bỗng đầu nội giám đã ra truyền đòi.
 Liền tay thảo sớ ⁽²⁸⁾ một bài,
 Theo chân nội giám vào chơi đèn rồng.

Vua Đường rằng: « Buổi thông dong,
 80 « Hứng vui nên triệu ⁽²⁹⁾ tướng công hầu cớ ».
 Bàn son bày sẵn quân ngà
 Lư công cố ý chịu thua hai bàn.
 Đứng tâu trước mặt long nhan ⁽³⁰⁾
 « Lòng lo việc nước nào toan đến cớ.
 85 « Ai hay những kẻ chẳng ngờ.
 « Lời biên quan ⁽³¹⁾ báo thực là không sai.
 « Ong trong tay áo có người,
 « Giao thông giặc Thát ⁽³²⁾ toan bài nọ kia ».
 Tâu lời e những ngô nghê,
 90 Một tờ đoản biểu ⁽³³⁾ tức thì giở ra.
 Vua Đường cất lấy xem qua,
 Mới hay bạn nghịch ⁽³⁴⁾ ấy là Bá Cao.
 Truyền đem chính pháp thị tào ⁽³⁵⁾
 Lư công xin để buộc vào có tang ⁽³⁶⁾
 95 Ghế tại tâu mặt ⁽³⁷⁾ mọi đường:
 « Xin làm như thế mới tròng đầu đuôi ».
 Buổi chiều vừa rạng ngày mai,
 Đường Hoàng ⁽³⁸⁾ rằng: « Mới tin ngoài lại tâu
 Ai quan rợ Thát khuấy rầu,
 100 « Định ngày tiên thảo ⁽³⁹⁾ ngô hầu an biên ⁽⁴⁰⁾.
 « Cho Đông Sơ với Lạc thiên,
 Kẻ quyền tham tán, người quyền đồng binh ⁽⁴¹⁾
 « Văn thần ra sức dăng binh ⁽⁴²⁾
 « Dẹp yên khói giặc, quét thanh bụi Hồ », ⁽⁴³⁾
 105 Hai người nghe nói căn do,
 Trước thềm phủ phục, mướt mồ hôi lưng.
 Mai công ra trước tâu rằng:
 « Dám bày lòng kiến ⁽⁴⁴⁾ xin dăng bề rồng.
 « Phen này động việc binh nhung, ⁽⁴⁵⁾
 110 « Cũng vì Lư Kỷ, Hoàng Tung hai người.

« Khéo là bày việc trêu người.
 « Cầm cơ chân mẽ, cướp mỗi tiểu di. (46)
 « Thóc kho của nước thiếu chi,
 « Xin cho chân thái (47) theo y lệ thường,
 115 « Lấy đầu hai gã Lư Hoàng,
 « Ất là Thát trở về hàng không sai.
 « Can chi gây việc cỗi ngoài,
 « Đem tài qua giáp ép người văn chương (48)
 Đường Hoàng nổi giận vội vàng,
 120 Rằng : « Vì giặc Thát tìm đường hoãn binh ».
 Kíp truyền đao phủ chính hình, (49)
 Mới hay tám dạ kiên trinh khác thường
 Hãy còn ngoảnh lại triều đường.
 Miệng còn sỉ nhục Lư, Hoàng chưa thôi,
 125 Thương thay trung nghĩa như ai,
 Sa cơ một phút ra người cứu nguyên (50).

CHÚ THÍCH

Đoạn trích trên đây kể lại việc Mai Bá Cao được lệnh vua về kinh, làm chức giám quan. Sau khi vào ra mắt vua, ông sang chào Lư Kỳ, bọn quan coi cửa đòi lễ, ông giận và mắng bỏ về. Ít lâu sau, nhân việc Lư Kỳ mở tiệc thọ sáu mươi, ông đưa lễ mừng đến mừng, nhân đó vạch mặt hăm. Mai Bá Cao kiên quyết chống đối hăm và cuối cùng bị hăm hăm.

(1) *Tuần* : tuần theo lối xưa là 10 ngày. *Lục tuần* : 60 tuổi.
 (2) *Nội thần* (chữ Hán) : quan hầu hạ trong cung vua, cũng gọi là nội giám. (3) *Bá quan* (chữ Hán) : cũng gọi là bách quan, chỉ các quan trong triều. (4) *Tướng môn* (chữ Hán) : cửa nhà tướng. Lư Kỳ lúc này làm tể tướng. (5) *Kết thái trướng đăng* (chữ Hán) : đây nói kết hoa và treo đèn. (6) *Thiên bảo*, *Nghiêu Hoa* : (chữ Hán) : Thiên bảo : trời giáng gươm, *Thiên bảo*

là đầu đề một bài ca trong Kinh thi có nội dung chúc vua, *Nghiêu Hoa* : lời của quan đất Hoa chúc vua Nghiêu. Cả câu này ý nói quyền thế Lư Kỳ rất lớn, lời người ta chúc hăm như chúc vua chúa. (7) *Bách hi* (chữ Hán) : trăm trò chơi ý nói nhiều trò chơi. *Bát âm* (chữ Hán) : 8 loại nhạc cụ thời xưa ứng với 8 chất là kim (kim khí), thạch (đá), tỉ (tơ), trúc (tre), bảo (loại có vỏ như bầu), thổ (đất), cách (đa như trống), mộc (gỗ). Trong thực tế thường chỉ có: chuông, trống, đàn, sáo,笙, còn loại như khánh đá cũng ít dùng. (8) *Triều quan* (chữ Hán) : quan trong triều. *Hoàng thân* (chữ Hán) : người họ hàng với vua. (9) *Gia hào, trân la* (chữ Hán) : chỉ những thức ăn và đồ gia vị rất quý. (10) *Lạp hoàng* (chữ Hán) : sáp ong màu vàng. (11) *Thọ bình* (chữ Hán) : tức là tấm bình phong hoặc bức trướng có thêu hoa hay chữ có ý nghĩa chúc thọ cũng không nhất thiết là phải thêu chữ thọ. (12) *Hoa bào* (chữ Hán) : bào : áo (áo có thêu hoa). (13) *Hương xạ* : xạ là mùi thơm của loài ngận (hoặc cây) hương. Ở đây nói mùi thơm của hương, hoa, trầm... (14) *Tiếng Thiệu* : nhạc Thiệu là khúc nhạc dùng triều vua Thuấn, ý nói khúc nhạc thời thái bình. Sau này nhạc Thiệu chỉ nhạc nhà vua dùng ở cung điện. Ở đây nói Lư Kỳ đã lộng quyền dám sử dụng cả nhạc cung điện ngay trong dinh của mình. (15) *Đơn lễ* hay lễ đơn : tức là tờ giấy có ghi rõ tên hiệu và lễ mừng. (16) *Ấn gia* (chữ Hán) : cha nuôi (Hoàng Tung gọi Lư Kỳ là cha nuôi) chữ gia đây là cha, không phải gia là nhà. (17) *Nghĩa phụ* (chữ Hán) : cha nuôi như tiếng ân gia ở trên (chỉ Lư Kỳ). *Ấn nhi* (chữ Hán) : con nuôi (chỉ Hoàng Tung). (18) *Vượng khí* (chữ Hán) : khí thịnh vượng. (19) *Tử khí* : hơi người chết, đây ý nói có không khí khủng bố, câu nói châm biếm bọn Lư, Hoàng. (20) *Kêu* : (tiếng cò) nghĩa là mời, nài thêm. (21) *Chua cái, chua con* : ý nói cả bề bề lũ mẹ con đều chanh chua, tợn hót, lắm điều (đây chỉ bọn con Hoàng Tung). (22) *Nghi môn* (chữ Hán) (nghĩ : trong chữ nghi vệ : oai nghiêm) : đây nói công của các nhà quyền thế, quan lại. (23) *Rủa mạt, đưa chênh* : *rủa mạt* mĩa mai bóng gió; *đưa chênh* (chênh : không ngay thẳng) : nói xỏ xiên. Thật ra, ý của Mai Bá Cao rất chính đáng, nhưng vì hoàn cảnh không cho phép nói thẳng nên phải nói xa xôi bóng gió, chứ không phải nói xỏ xiên như Hoàng Tung đã xuyên tạc. (24) *Văn pháp* (chữ Hán) : phép nước theo nghĩa xưa cũng như nói pháp luật (không lầm với văn pháp là phép làm văn theo nghĩa ngày nay). (25) *Liệu bề bề mai* : (mai : đồ dùng để xăn đất) lựa chiều cho tiện rồi mới bề bề cái mai theo chiều đó bề bề đất lên. Câu này nghĩa bóng là : lập mưu xong rồi sẽ trị tội họ Mai (chơi chữ). Cũng có ý kiến cho rằng bề Mai là bề họ Mai. (26) *Bạn*

đàng (chữ Hán) : đàng làm phản, Mai Bá Cao sau này bị bọn Lư, Hoàng xuyên tạc, tâu vua khép vào tội tư thông với giặc. (27) *Nghĩ* (tiếng cổ) : hấn, nó (thường dùng với ý nghĩa thân mật hoặc khinh bỉ). (28) *Số* : thư dâng lên nhà vua. (29) *Triệu* (chữ Hán) : vờ vào. (30) *Long nhan* (chữ Hán) : mặt rồng chỉ nhà vua. (31) *Biên quan* (chữ Hán) : quan coi ngoài cửa ải, ngoài biên giới. (32) *Giặc Thát* : chỉ quân phong kiến Mông cổ. *Giao thông giặc Thát* : giao thiệp rìeng với giặc Thát (giao thông : nghĩa ngày xưa) tư thông. (33) *Đoàn biểu* (chữ Hán) (biểu : tờ tâu vua) : tờ biểu ngấn. (34) *Bạn nghịch* (chữ Hán) kẻ làm phản chống lại (đây chống lại nhà vua). (35) *Chính pháp thị tào* (chữ Hán) : chiếu theo pháp luật mà trừng trị. (36) *Cố tang* : cố tang chứng. (37) *Tâu mật* : (chữ Hán mật : kín) tâu kín. (38) *Đường Hoàng* (chữ Hán) : vua Đường. (39) *Tiến thảo* (chữ Hán) : tiến đánh đánh dẹp. (40) *An biên* (chữ Hán) : yên ổn bờ cõi. (41) *Tham tán, đồng binh* : hai chức coi việc đánh giặc giữ nước. (42) *Đãng binh* (chữ Hán) : (Đãng : dẹp ; binh : < bằng >) dẹp yên giặc già. (43) *Khởi giặc* : ngày xưa khi có giặc thường dùng phân khô của chó sói un khởi để báo hiệu, do đó cũng gọi là khởi lang (ý nói có giặc). *Hồ* : chỉ giặc. Cả câu này ý nói dẹp yên giặc già. (44) *Lòng kiến* : (cách nói khiêm tốn của bề tôi đối với vua), bề tôi như cái kiến không đáng kể (lòng kiến đối với bề tôi). (45) *Bình nhung* (chữ Hán) : việc đánh giặc. (46) *Chấn mẽ* (chữ Hán) : gao phát chấn. *Tiêu di* : các nước nhỏ rợ nhỏ (chú ý phong kiến Trung quốc ngày xưa gọi các nước láng giềng nhỏ bé là *tiêu di* hay *man di*...). Cả câu này ý nói bọn Lư, Hoàng tham ô gao phát chấn của các nước láng giềng, khiến họ phản uất. (47) *Chấn thái* (chữ Hán) : phát chấn là cho vay. (48) *Qua giáp* (chữ Hán) : qua cái giáp ; giáp : áo mặc ra trận) tâu qua giáp là tâu dụng binh. *Văn chương* : chỉ nhà nho, quan văn tức Đông Sơn và Lạc Thôn, bạn của Mai Bá Cao. (49) *Đạo phủ chính hình* (chữ Hán) : (đạo phủ : người chuyên về việc chém kẻ có tội) câu này ý nói : giao cho người xử chém theo luật pháp. (50) *Cửu nguyên* (chữ Hán) cũng gọi là cửu tuyền : chín suối, tức là cõi chết.

LÔNG SINH (1) ĐÓN ĐÁNH LƯ KỶ, HOÀNG TUNG

Bảo nhau hai dãy đẹp ra,
Kiệu đầu sau thấy xa xa đến liền.
Tiền hô hậu ứng⁽²⁾ chập lèn⁽³⁾.
Phủ Lư mới tỏ hiệu đèn là đây,
5 Hai bên chực sẵn đã đầy,
Kẻ trần tay áo, người xoay cánh đoài⁽⁴⁾
Người bẻ lưng, kẻ giăng roi,
Ầm ầm hơi giận, hồi hồi tiếng la⁽⁵⁾
Xúm quanh trước kiệu hỏi qua :
10 Khâu Khôi, bằng nhả tân khoa⁽⁶⁾ tội gì ?
Quyền như chủ⁽⁷⁾ chắc mạnh bề,
Vu oan cho kẻ trung nghi⁽⁸⁾ được chưa ?
Bốn bên trận đánh như mưa,
Xé tan xương nịnh, ngay dờ mặt gian.
15 Trận đòn hội chợ ai can ?
Bướm bay giấy long, kiến tan lũ hầu.
Hoàng Tung kiệu đã đến sau.
Người kéo tóc, kẻ giăng đầu, xúm quanh.
Mảnh xiêm, mảnh mẫn tan tành⁽⁹⁾
20 Tội tằm mắt nịnh, thất kinh hồn tả.
Mới hay nhất quỷ nhì ma,
Học trò đến bậc thứ ba thực là.⁽¹⁰⁾
Người kêu dưỡng tử⁽¹¹⁾ cứu cha,
Kẻ kêu nghĩa phụ, ân gia cứu mình.
25 Tung tung trời mới bình minh.
Đường Hoàng ngự trước phong đình phân ban⁽¹²⁾
Lư, Hoàng thoát khỏi vòng oan,
Bưng đầu theo lũ bách quan vào qui.

30 Gượng đau, lay trước đàn tri (13)
 Áo tươm tước rách, mặt bì bì sưng.
 Khóc than rên rĩ tâu rằng:
 « Khâu Khôi hôm nọ tự dựng bốn đào (14)
 Bắt về chưa kịp tâu vào,
 Hai quan chủ khảo sắp mưu hại người.
 35 Hợp hàng sĩ tử một nơi,
 Đón đường, đánh đánh, lời lời một hồi.
 Cao minh (15) xin tỏ đèn trời,
 Tra người trái phép, hỏi người mưu gian ».
 Phán rằng: « Người hãy ngồi an,
 40 Còn tra dù thực, dù gian rạch ròi ».
 Chỉ (16) đòi Phùng, Đẳng hai người:
 « Làm sao tâu thực mấy lời được hay ».
 Tâu rằng: « Chút phận hèn ngầy,
 Dám cho được dự khóa này chừng vãn (17)
 45 Đêm ngày lo lắng trăm phần
 Di tãi những sợ, đặc nhân là mừng (18)
 Gieo cho những tiếng hay chẳng.
 Xét soi nhật nguyệt đôi vàng xin thương.
 Phường thi hồng, với quan trường
 50 Còn chi tình diện, toan đường giao thông (19)
 Chực ngoài lũy ấy còn đông.
 Dám xin tra thấu thủy chung được nhờ ».
 Tiếng vàng (20) sang sảng ban ra
 Đòi vào sĩ tử hỏi qua tình đầu
 55 Bắt vào một lũ theo nhau.
 Dưới sân kẻ trước, người sau lay quí,
 Phán rằng: « Trong chốn trường qui (21)
 Làm điều bất pháp (22) tội thì tại ai?
 Muôn tâu: « Hồ phận bất tài,
 60 Tranh lèo, giết giải, nhường người quyết khoa (23)

Nghĩ trong tào vãn (24) cũng là,
 Bằng bay, còn nhảy (25) còn chờ hội sau.
 Phép vua, lời thánh đề đầu,
 Tay cầm bùa sách, dám hầu phi vi! (26)
 65 Việc này lắm mối (27) gian phi,
 Dám xin tâu dưới đàn tri đầu đuôi:
 Khoa này bằng nhãn Khâu Khôi.
 Bạc người khoa giáp, về người phong lưu,
 Hôm xưa tướng phủ mời vào,
 70 Khoe con má phấn, ướm trao chỉ hồng, (28)
 Tân khoa một mực rằng không,
 Dám tham phú quý, phụ lòng tao khang. (29)
 Tâng công bởi tại họ Hoàng,
 Quyết đường ép uổng, xui đường phân chia,
 75 Sợ vì phép, khiếp vì uy,
 Tân khoa mới phải tìm đi lánh mình.
 Nào còn dám tưởng công danh,
 Lư công biết thóp sai binh nã (30) về.
 Làm cho bỏ lúc từ qui (31)
 80 Vu cho phi pháp toan bề tâu gian.
 Chúng tôi quả quyết làm đơn,
 Muốn vì bằng nhãn lo toan giải bày.
 Nào ngờ tướng phủ đã hay
 Canh khuya đuổi đánh, toan bày mưu gian.
 85 Làm ra vớt mũ, xé tàn
 Cào mình, rạch mặt, vu oan cho người
 Ngự (32) nghe thấu hết đầu đuôi,
 Lư, Hoàng khi ấy những lời tâu sai.
 Phán rằng (33): « những chúng vô loài,
 90 Thương con kén rề, bức người ép duyên ».
 Lư tâu rằng: « Việc nhỏ nhen,
 Tình riêng nhi nữ lọ phiền hỏi han (34).

Chàng kia vô phép khi quan⁽³⁵⁾
 Lũ kia đầu ầu xin ban nghị hình⁽³⁶⁾
 95 Ngự nghe thấu hết mọi tình,
 Tức thì nổi giận lời đình⁽³⁷⁾ bởi đâu.
 Phán rằng : « Gian đảng hợp nhau,
 Đối trên hai dưới bấy lâu thông đồng.
 Thử xem lòng lại hỏi lòng,
 100 Thẹn chường⁽³⁸⁾ mũ áo hồ cùng cân đai⁽³⁹⁾
 Nhàm tai, chẳng nói chi dài,
 Giao Tam pháp⁽⁴⁰⁾ nghị, rạch ròi sẽ tau.

CHÚ THÍCH

(1) *Cống sinh* (chữ Hán): cũng gọi là Hương cống. Đồi Lê, học trò thi đỗ có điểm số cao ở kỳ thi hương gọi là hương cống, đến đời Minh mệnh nhà Nguyễn mới đổi là cử nhân. Xem chú thích 8 ở bài *Truyện thơ khuyết danh*. (2) *Tiền hô hậu ứng* (chữ Hán): thời xưa vua quan to khi ra đường thường có lính đi trước hô dẹp đường và đi sau hộ vệ. (3) *Chặt lên*: chen chúc. (4) *Xoay cánh quạt*: xoay cánh tay, chuẩn bị đánh. (5) *Hỏi hỏi tiếng la*: hỏi hỏi cũng nói là liên hỏi, tức là liên tiếp. (6) *Bằng nhãn tân khoa* (chữ Hán): bằng nhãn mới đỗ. Xem chú thích 8 ở bài *Truyện thơ khuyết danh*. (7) *Chú*: (đại từ) cách xưng hô người trên đối với người dưới (ý khinh bỉ). (8) *Trung nghị* (chữ Hán): cũng nói là trung nghĩa, tức là ngay thẳng, nghĩa khí. (9) *Mảnh xiêm, mảnh măng*: xiêm và măng là đồ mặc ngày xưa phủ ngoài áo quần. (10) Câu này diễn câu tục ngữ: nhất quỷ, nhì ma, thứ ba học trò. (11) *Dưỡng tử* (chữ Hán): con nuôi. (12) *Phong đình phân ban* (chữ Hán): (Phong: chưa rõ nghĩa, hoặc phong là cây phong, hoặc phong là gió có nghĩa là lộ thiên; đình: sân) ý nói các quan văn võ chia ra châu chực ở hai phía sân rồng. (13) *Đau tri* (chữ Hán): thêm đồ, chỉ cung điện nhà vua. (14) *Bôn đào* (chữ Hán): chạy trốn. (15) *Cao minh* (chữ Hán): bậc cao sáng chỉ vua. (16) *Chỉ*: sắc lệnh của vua truyền xuống. (17) *Chương văn* (chữ Hán): cầm quyền chấm văn, ý nói làm chủ khảo khoa

thi. (18) *Đi tài, đỗ nhãn* (chữ Hán): đi tài bỏ sót người tài, đỗ nhãn: được người (đây chỉ người tài). (19) *Tình địa* (chữ Hán): cũng như tình nghĩa. Câu này ý nói: không có cảm tình mật thiết với nhau nữa. (20) *Tiếng vàng*: ý nói lời của nhà vua. (21) *Trường qui* (chữ Hán): phép tắc mà học trò phải thực hiện ở trường thi. (22) *Bất pháp* (chữ Hán): trái với luật pháp. (23) *Quyết khoa* (chữ Hán): quyết đậu, đáng đậu. (24) *Tảo văn* (chữ Hán): sớm muộn. (25) *Bằng, côn*: bằng là loài chim to, côn là loài cá to. (26) *Dám hầu phi vi*: sao dám làm điều ngang trái. (27) *Mối* (do chữ đầu mối) đây nói mưu mô. (28) *Chỉ hồng*: (trong chữ tờ hồng): theo một điển tích cũ thì chữ chỉ hồng hay tờ hồng nói việc xe duyên, câu này ý nói Lê Kỳ muốn gả con gái cho Khâu Khôi (tức Xuân Sinh). (29) *Tao khong* (chữ Hán) (tâm cảm) chỉ người vợ ăn ở với mình từ lúc còn nghèo khó. (30) *Nữ*: (trong chữ tróc nữ): tìm bắt. (31) *Từ quy* (chữ Hán): từ già bỏ ra về. (32) *Ngự* (chữ Hán): chỉ vua. (33) *Phán rằng*: truyền rằng (lời vua phán). (34) *Han* (tiếng cổ) hỏi thăm. Thời xưa, chữ han có khi dùng một mình. *Lộ phiên hỏi han*: không cần xét hỏi. (35) *Khi quan* (chữ Hán): (Khi trong chữ khinh khi): ý nói khinh rẽ phép quan. (36) *Ban nghị hình* (chữ Hán): xét nghị theo hình phạt. (37) *Lời đình* (chữ Hán): tạm bớt. *Giận lời đình*: Giận bớt sự dữ dội. (38) *Chường* (do chữ Hán là chỉ): tiếng đệm này ít dùng. *Thẹn chường*: thẹn nói. (39) *Cân đai*: (chữ Hán: cân: thước đo; đai: đai thắt ngoài áo) ngày xưa làm quan thì được ban mũ áo cân đai. (40) *Tam pháp* (chữ Hán): phiên áo đặc biệt gồm có ba tờ (Đồ sát, Đại lý, Bộ hình) hợp lại để xét xử một việc quan trọng.

PHẦN II

VĂN HỌC HIỆN ĐẠI

ĐẤT NƯỚC ĐỨNG LÊN

của NGUYỄN NGỌC

Đất nước đứng lên miêu tả cuộc chiến đấu bền bỉ, gian khổ và rất anh dũng của anh hùng Núp cùng với nhân dân Ba na chống thực dân Pháp xâm lược.

Đất nước đứng lên là cuốn tiểu thuyết được giải nhất giải thưởng văn học của hội Văn nghệ Việt nam năm 1954—1955.

Đất nước đứng lên không những được đọc rộng rãi trong nước mà còn được dịch ra nhiều thứ tiếng, được nhân dân Cu-ba và các nước ở châu Mỹ la-tinh rất ưa thích.

Tác phẩm có ba phần lớn :

Phần thứ nhất :

Dân làng Kông hoa do Núp dẫn đầu rời làng đi chống Pháp. Pháp bắt một số bà con, nên cả làng phải trở về nơi ở cũ gần hàng.

Phần thứ hai :

Cách mạng tháng Tám bùng nổ và thắng lợi. Người dân Tây nguyên

lên đầu tiên vui sướng đón chào tự do, độc lập, và biết có Bác Hồ. Nhưng giặc Pháp lại quay trở lại.

Được cán bộ của Đảng giác ngộ, Núp lại dẫn dân làng Kông hoa đi lập làng mới, kháng chiến.

Những khó khăn như thiếu muối, thiếu lương thực..., đã làm cho tập thể đó có lúc dao động. Một số đã trở về làng Hà ro sống tập trung dưới quyền kiểm soát của giặc. Nhưng Núp đã kiên trì giải thích giúp đỡ những người đó trở về làng kháng chiến. Họ làm chông, làm bẫy đá..., để chống Pháp. Họ vượt mọi khó khăn, thiếu thốn ; không có muối phải ăn tro tranh, không có dao, dùng đá để đốn cây, phá rẫy. Cuối cùng, người dân Kông hoa đã tổ chức du kích, làm hầm bí mật, rào làng kháng chiến để bảo vệ nương rẫy.

Phần thứ ba :

Núp đi giải thích cho các làng Hà ro, Đê pô, Ba lang cũng làm như làng Kông hoa để chống Pháp. Phong trào chiến tranh du kích lan rộng ra cả vùng (không còn chỉ riêng ở một làng Kông hoa nữa). Các dân tộc Tây nguyên đã đứng cả lên chống Pháp thắng lợi.

NGƯỜI ĐANG

...Núp ngồi trong chòi anh Thế, giữa rừng Ba lang, bên cạnh Xá, Núp nhớ lại hơn mười năm trước đây, đi qua con suối Đất hoa, xuống coi Pháp ở An Khê, Núp gặp một ông già, áo khố bị Pháp thả bom cháy cả, phải đeo một miếng vỏ cây trước bụng. Ông già cõng một đứa bé, cha mẹ vừa bị Pháp đánh, về đau rồi chết... Từ đó đến nay đã mười lăm năm. Đứa bé bây giờ đã lớn lên rồi. Nó đen như một hòn than, tóc bù xù không làm tối được đôi mắt rất sáng. Khi nó nói chuyện Pháp, nó như một con beo, gầm gừ, dữ tợn. Đứa bé đó trùng tên với Núp. Nó là Xá ngày nay đây.

Xá lớn lên ở Ba lang. Năm mười tuổi, Xá theo lũ làng đi làm xâu cho Pháp. Pháp đánh, Xá chửi lại rồi bỏ chạy trốn vào núi. Năm mười hai tuổi, nghe ở làng Kông hoa có anh Núp đánh Pháp, Xá muốn đi tìm mà không biết ở đâu. Xá hỏi anh Khuru là người khá nhất trong làng Ba lang. Anh Khuru nói :

— Làng Kông hoa có đề Núp đánh Pháp tốt lắm. Xá hỏi :

— Thế sao anh Khuru không theo anh Núp đánh Pháp? Khuru vò đầu đưa con gái nhỏ của anh, nói :

— Tôi còn cha, còn mẹ, còn đưa con gái này, cái chân còn nặng lắm, không bỏ làng đi được. Đi theo anh Núp thì phải khổ. Con tôi chịu khổ lắm không nổi...

Từ khi có anh Thế lên ở ngoài rừng, bắt liên lạc với anh Khuru, Xá theo anh Khuru ra rừng gặp anh Thế, rồi theo miết anh Thế; không muốn rời. Năm nay Xá mười tám tuổi rồi. Xá làm liên lạc giữa anh Núp và anh Thế từ một tháng nay. Cả làng Ba lang chỉ có một mình Xá được anh Núp chỉ cho biết con đường bí mật vào làng Kông hoa. Xá không được nói lại với ai, cả với anh Thế nữa. Anh Thế ở một cái chòi ngoài rừng, có gì cần gặp anh Núp thì Xá đi kêu, có gì cần nói anh Núp thì Xá đi nói giùm... Buổi sáng nay, anh Thế nhờ Xá đi kêu anh Núp. Xá đi rất nhanh, bây giờ dẫn anh Núp về đến chòi anh Thế ở đây. Anh Núp ngồi bên cạnh Xá, Xá mở một quyển sổ nhỏ, tay cầm cây viết chì tô theo các nét chữ anh Thế mới phóng cho chiều hôm qua. Núp chống tay lên cằm, ngồi nhìn tay Xá chăm chú. Đợi Xá run run tô xong một vòng tròn trên giấy, Núp hỏi :

— Xá à, anh Thế bày lâu chưa mà Xá làm được cái chữ đấy.

Xá ngược lên cười :

— Bày năm ngày rồi, tôi biết chậm quá mà.

Anh Thế đang cúi tìm cái gì trong một cái túi vải, liền ngẩng lên, nói :

— Không chậm đâu, Xá học thế nhanh đấy. Học hai tháng nữa đọc được cái giấy đấy...

Núp lại ngồi nhìn Xá. Anh nhớ lại những ngày tuổi trẻ của mình. Trong bụng vừa mừng, vừa thương Xá, thương anh Thế. Anh Thế nói :

— Mai một anh Núp cũng học chữ nhé.

Núp cười :

— Tôi già rồi, không học chữ được đâu, học đánh Pháp thôi.

Từ một tháng nay, cứ ba ngày, năm ngày, Núp lại đi đến rừng Ba lang gặp anh Thế một lần. Càng ngày Núp càng thấy anh Thế giống anh Cầm ngày trước, càng thấy trong bụng mến anh Thế hơn. Mỗi ngày Núp nói cho anh Thế biết thêm một ít tình hình làng Kông hoa. Mỗi lần gặp nhau nói chuyện, anh Thế cũng bày cho Núp thêm một vài điều mới. Núp nghe lời anh Thế, đã nói được lũ làng chịu làm rẫy chung. Mấy năm trước chưa biết, chỉ người nào cặm cũi làm rẫy người nấy, người mạnh thì đủ ăn no, người già, yếu, góa, bỏ côi, một mình không làm nổi, cuối năm đói, lũ làng phải chung gạo, chung bắp lại giúp. Bây giờ biết tập trung lại hết, chia cho từng tốp làm chung, tốp nào cũng có người mạnh người yếu. Hôm nay kéo hết tới chặt cây đốt rẫy cho bếp này, ngày mai lại kéo hết tới chặt cây đốt rẫy cho bếp khác. Làm rất mau, rẫy nào cũng tốt, cuối năm nay chắc bếp⁽¹⁾ nào cũng dư ăn. Trong làng có việc chi khó, Núp đi tìm hỏi, anh Thế đều bày cho làm được tốt hết cả...

Núp vẫn ngồi im nhìn Xá cặm cũi viết, rồi quay lại nhìn anh Thế. Xá bây giờ quần quít lấy anh Thế, ban

đêm cũng ở ngoài rừng ngủ chung, ban ngày đi tìm được con ốc, con cua, con cá dưới suối cũng đem cho anh Thế. Núp nghĩ tới lũ làng cứ thúc Núp : «Đ dẫn anh Thế về đi, sao Núp để lâu thế ». Thôi, lần này tia lúa xong, làng hết cử⁽²⁾, anh Thế được về Kông hoa cho lũ làng thấy mặt rồi đấy. Trong bụng nghĩ vậy, nhưng chưa nói gì cho anh Thế biết cả.

Anh Thế rủ Núp ra ngồi dưới một gốc cây kơ pông rất lớn. Cành cây to và dài, lá chùm gửi mọc dày, ngó như cánh tay một con vượn rất lớn đưa sà xuống muốn nhúng hẳn vào dòng suối nhỏ, nước trong chảy lan tanh phía dưới.

Hôm nay anh Thế nói chuyện không nên chạy làng nữa. Núp mở to mắt, nhìn cành cây kơ pông :

— Không được anh Thế ạ, không phải người Kông hoa muốn chạy mãi đâu. Nhưng ở một chỗ thì đánh không nổi Pháp, nhất định Pháp đánh mình phải thua. Đánh bấy đã, đánh chông được một lần, lần sau nó biết chỗ đánh không được nữa, nó đem máy bay tới thả bom, không có con đường chạy. Người Kông hoa bây giờ phải như con thú trong rừng, bữa nay ở bụi rậm, ngày mai ở bụi khác...

Thế hỏi :

— Còn rẫy thì sao ?

Núp thở dài :

— Cũng phải chịu thôi. Chạy được gần thì làm rẫy rồi. Khi phải chạy xa thì bỏ luôn thôi. Khắp quanh núi Chư lây này bây giờ rẫy người Kông hoa bỏ chỗ nào cũng có đấy... Không phải người Ba na bụng không biết thương cái rẫy mình làm ra đâu. Đất cái rẫy đó thấm máu cái bàn tay người Kông hoa, thấm mồ hôi người Kông hoa. Tiếc lắm, nhưng làm sao !

Thế bứt một cái lá, chậm rãi xé làm đôi, làm tư, làm tám, rồi vò nát, ném xuống đất, phúi tay. Thế nói :

— Bok Hồ⁽³⁾ dạy : phải làm rẫy ăn no thì mới đánh Pháp lâu được. Chạy mãi, bỏ rẫy mãi thì không no được, không đánh lâu được. Bây giờ phải tìm cách ở một chỗ, đánh Pháp, làm rẫy, không chạy nữa...

Cách gì ?

— Phải tổ chức làng lại, anh Núp ạ.

— Tổ chức sao ?

Suốt ngày hôm đó, anh Thế bàn với Núp cách tổ chức lại làng Kông hoa thành làng kháng chiến, không chạy nữa, phải tổ chức dân quân, phải làm thêm nhà bí mật, làm bí mật trong rừng giấu bột lúa, phải làm đường bí mật cho người già, phụ nữ, con nít rút lui khi Pháp tới, phải làm chông nhiều hơn nữa, canh gác kỹ hơn nữa. Đến chiều, khi ra về. Núp lấy trong túi ra một trái bầu khô đưa cho Thế.

— Cái gì đây ?

Núp để trái bầu xuống bên hòn đá, nói :

— Bầu đựng mật con ong đấy. Khi trước anh Cầm lên ở đây cũng có ăn mật con ong này rồi. Lũ làng tôi biết người Kinh biết ăn mật, gửi tôi đem cho anh đấy.

Thế biết phong tục người Ba na, không từ chối được. Thế nói :

— Tôi gửi anh cái lời bằng miệng thăm tất cả lũ làng, anh Núp nhé !

Trời không có trăng nhưng rất sáng. Các ông sao màu đỏ, màu xanh li ti, li ti như không đứng yên một chỗ, cứ có gió thổi qua là lao xao như rừng... Núp và Thế nằm ngửa, ngẩng lên nhìn trời. Đêm nay là đêm đầu tiên Núp ngủ lại giữa rừng với Thế. Núp kể cho Thế biết làng có những ai vào dân quân rồi, nhà bí mật đã làm được năm cái rồi, v.v... Hai anh em nói

chuyện ri rầm mãi, không nghỉ. Gió nó cũng nói chuyện ri rầm với lá cây trên đầu hai người.

Nói hết các chuyện trong làng rồi, bây giờ Núp nằm im. Núp nhớ lại đêm nằm ngủ chung với anh Cầm cách đây gần bốn năm. Núp trăn trở hai, ba lần rồi quay lại nhìn Thế hỏi :

— Anh Thế à, anh có ở Kon tum không ?

Thế cũng quay lại :

— Không, sao anh Núp hỏi thế ?

— Anh Cầm trước có ở Kon tum đấy, anh Thế à...
Nằm im một hồi lâu, rồi Núp lại hỏi :

— Anh Thế à, vậy anh có ở chỗ Việt bắc, chỗ Bok Hồ không ?

— Không, Việt bắc xa lắm. Nhưng cũng có người ở chỗ đó vào trong này luôn, biết tin đấy.

— Thế à. Thế sao anh không ở gần Bok Hồ mà anh biết nhiều chuyện đánh Pháp tốt vậy. Không có Bok Hồ ở gần, ai bày cho ?

Thế nói :

— Đảng dạy cho, anh Núp à.

— Đảng gì ? Tôi không biết.

— Anh có muốn biết Đảng không, tôi nói anh biết nhé.

Thế ngồi dậy, dựa lưng vào gốc cây, bắt đầu nói. Núp cũng ngồi trước mặt Thế. Đêm nay Núp biết Đảng là gì rồi. Núp biết đất nước mình rộng lắm, có nhiều núi, nhiều sông, có cả chỗ không có núi, có nhiều biển. Con chim bay cũng không hết được, ngọn gió bay cũng không hết được. Ở đâu cũng tốt, đất làm rẫy một năm hai mùa, ba mùa. Hột lúa to và tròn. Con người đẹp và tốt. Nhưng người tốt thì nghèo hết, người xấu thì lại giàu hết. Người xấu đi lấy đất người tốt, bắt người tốt

làm trâu, làm thuê. Thằng Pháp xấu ở đất nước khác cũng tới lấy đất nước mình. Người khổ tức quá từ ngày xưa đã đứng dậy chống lại. Nhưng cứ phải thua mãi, thua mãi. Cho đến khi Đảng chỉ huy mới thắng được tới bây giờ. Đánh Pháp ngày nay là do Đảng chỉ cho đấy.

— Ờ... thế Đảng là Bok Hồ phải không ?

— Bok Hồ cũng là người Đảng đấy. Nhưng còn nhiều người Đảng khác nữa. Bok Hồ là người chỉ huy Đảng ở nước mình.

— Bok Hồ người Đảng, còn ai nữa ?

— Còn đông lắm. Ai người nghèo khổ, căm thù Pháp, căm thù bóc lột, làm ăn tốt, không sợ chết, đánh giặc đánh trước, làm rẫy làm trước, khó khăn gian khổ chịu được, người đó người Đảng... Anh Núp à, đánh giặc, không có Đảng nhất định không hơn được. Người Đảng không phải chỉ làm một mình giỏi. Người Đảng biết làm sao cho đúng, cho tốt, người Đảng làm trước rồi còn nói mọi người làm theo nữa. Không có Đảng thì trong bụng có thù Pháp mấy đi nữa, cũng không làm trúng được hết, cũng không đánh nổi Pháp.

Núp nằm mở mắt nhìn lên trời và nghĩ không biết bao nhiêu chuyện. Đúng rồi, bây giờ Núp mới hiểu vì sao anh Cầm, bộ đội, anh Thế người Kinh ở xa như vậy, leo núi khổ như vậy mà lên tới đây, qua con sông Ba có cá sấu không sợ, ở ngoài rừng hai tháng nay không biết mệt, không biết nản, thương người Thượng như thế. Núp hiểu vì sao người Kinh dưới xa kia lại làm riu rưa⁽⁴⁾ gửi lên cho người Thượng trên này. Đúng rồi, đều là do Đảng chỉ cho cả. Núp nghĩ đến nỗi khổ của đời Núp, của Mẹ, của Liều, của người Kông hoa, cũng đông, cũng nhiều như các ông sao trên trời vậy. Bây giờ có Đảng chỉ huy người khổ, Núp muốn đi theo Đảng.

Núp hỏi anh Thế:

— Vậy tôi... anh Thế à, tôi... có được người Đảng không?

Thế nhìn Núp:

— Anh cố gắng, mai một cũng được người Đảng đấy.

— Tôi cố gắng nữa, anh Thế à.

Suốt đêm đó, Núp không ngủ. Chung quanh, thấy toàn là sao. Trăn trở mãi, Núp lại hỏi anh Thế:

— Anh Thế à, anh cũng khổ lắm phải không?

Đến gần sáng, Thế còn kể cho Núp nghe đời mình: khi nhỏ đi ở cho người giàu, bị nó đánh, không có cơm ăn. Lớn lên, tức quá, đi theo Đảng làm cách mạng cho tới bây giờ, chưa có vợ, chưa có con...

Sáng hôm sau trở dậy đi về làng, Núp nắm tay anh Thế nói:

— Đường tôi làng tôi bữa nay tốt rồi. Mai tôi dẫn anh đi thăm người Kông hoa nhé.

Thế cười hỏi lại:

— Thế hôm nay đường hết đá to, hết con vắt rồi à? Núp cũng cười lắc đầu:

— Không, chưa hết đâu. Nhưng tôi biết anh người Đảng rồi, con đường khó mà đi tới chỗ tốt, anh cũng cứ đi được... Tôi cũng làm theo anh đấy!...

Thế xiết chặt tay Núp. Trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Thế, chưa bao giờ anh thấy sung sướng bằng hôm nay.

Trích chương I (phần III)

CHÚ THÍCH

- (1) *Một bếp*: một gia đình. (2) *Cũ*: kiềng. (3) *Bok II*: Bức II. (4) *Riu riu*: dụng cụ dùng để đập cây để làm rẫy.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Vì sao nhân dân trong nước và nhiều nước trên thế giới yêu thích nhân vật anh hùng Núp và tác phẩm *Đất nước đứng lên*? Em thích đoạn văn cụ thể nào trong tác phẩm, vì sao?

2. Tại sao ta lại đặt tên cho đoạn văn trích là *Người Đảng*? Qua lời nói và việc làm của anh Thế, em thấy anh Thế có những phẩm chất gì của người cán bộ cách mạng của Đảng?

3. Qua lời nói và việc làm của anh Núp được miêu tả ở đoạn văn trích, em thấy anh Núp là người như thế nào?

4. Em có nhận xét gì về ngôn ngữ và cách diễn đạt của anh Núp cũng như của anh Thế trong đoạn văn trích? Hình thức ngôn ngữ ấy có tác dụng gì trong việc tác giả khắc họa nhân vật anh Thế và anh Núp?

5. Qua đoạn văn này, em thấy anh Thế, người cán bộ của Đảng đã được quần chúng tin yêu như thế nào? Thử tìm nguyên nhân tại sao anh Thế lại được quần chúng tin yêu?

ĐỌC THÊM VỀ ĐẤT NƯỚC ĐỨNG LÊN

CUỘC CHIẾN ĐẤU BẮT ĐẦU

...Núi Tơ ngo cách làng Kông hoa một buổi đường. Sương buổi sáng không chịu tan, giống như một con gấu trắng rất lớn, cứ bò qua bò lại trên núi.

Năm người du kích đứng ở dưới ngó lên, chỉ trỏ. Con mắt du kích thấy rất giỏi. Dưới bụng con gấu trắng, có nhiều người đi lại. Chúng nó vác cái bao gì, nặng lắm chắt đóng lại, đứng thở, rồi đi vác nữa. Ghép nói:

— Tôi bắn một thằng nhé.

Anh du kích đứng bên cạnh thích lắm :

— Bắn đi ! Bắn tên thuốc độc ấy.

Nhưng một anh du kích già hơn, có râu hai bên mép, mũi to, nắm tay Ghíp lại :

— Không được, anh Núp dặn không cho bắn mà. Coi cho kỹ thôi. Thấy nó đi, chạy về nói.

Pháp tới hòn núi này từ bữa qua. Lần này nó đi đông, định ở lâu. Linh của nó mặc áo vàng, đeo súng. Du kích phải lấy hòn sỏi con xếp lại từng đống mà đếm, hơn năm trăm thằng. Nó định đi phá mùa lúa đang chín ở năm làng du kích này. Anh Thổ đã về tỉnh hội nghị. Núp chỉ huy đánh. Đêm khi hôm, Núp gọi lũ chỉ huy du kích năm làng tới rừng Kông hoa bàn cách đánh Pháp lần này. Du kích Kông hoa và Ta lung đánh Pháp đi đường 19 vàc, du kích Ba lang đánh Pháp đi đường Đất lung lên. Đề ta, Kông ma chuẩn bị đánh Pháp đồn Pơ-le-bông xuống. Đánh Pháp ở đây trước, đánh Pháp trong làng sau. Pháp đi nhiều quá, đánh không nổi thì bỏ cái làng, không cần, lo giữ cái rẫy trước đã. Lũ làng già yếu phải lo vô nhà bí mật, đi tới đâu cắm chông tới đó. Không được để chết lũ làng.

Lũ du kích cầm chiếc coong⁽¹⁾ của nhau, đưa lên, bóp mạnh, miệng hừa :

— Pháp tới rẫy nào, rẫy đó có máu Pháp.

Ở Kông hoa, Núp chỉ huy mười lăm du kích bố trí ở suối Thi om. Tun chỉ huy mười lăm du kích bố trí ở suối Tơ lam. Núp nói với du kích :

— Trong rừng Ba na cái gì cũng quý. Sợi mây làm nhà, ngọn rau ăn no bụng, cây to làm cột, cây nhỏ làm củi. Trước kia mình chưa có đông người, mình để cho Pháp lấy nhiều. Bây giờ đừng cho Pháp lấy một sợi mây. Lũ du kích đồng ý không ?

— Đồng ý !

— Ai đánh giỏi, không biết sợ Pháp, bắn chết Pháp nhiều, mai mới Bok Hồ thưởng. Ai đánh xấu, sợ Pháp, mai một phê bình.

Du kích hỏi :

— Đánh Pháp ở đây Bok Hồ có biết không ?

— Ở đâu Bok Hồ cũng biết.

Du kích nói :

— Không ai đánh xấu đâu, nhất định lần này rẫy làng có nhiều máu Pháp...

Đêm hôm qua, Núp cho du kích ngủ cho khỏe tay, khỏe chân, sáng mai đi đánh. Tảng sáng, Núp thức Ghíp và bốn du kích dậy, bảo đi ra núi Tơ ngo coi Pháp. Núp dặn :

— Không được bắn. Phải có miệng tôi nói, tay Ghíp mới được bắn.

Thế mà bây giờ Ghíp quên rồi... Một ngọn gió từ trên núi Chư lạy thổi xuống đây hết sương đi nắng sớm vàng đỉnh núi Tơ ngo. Con mắt Ghíp sáng lên nhấp nhánh :

— Ngó kia, ngó kia, thấy không ?

Pháp kéo đi xuống núi Tơ ngo đông lắm, nhiều đường. Một đường về suối Ba lang, một đường về suối Thi om, một đường về suối Tơ lam, Ghíp nói :

— Hai anh về nói anh Núp ngay đi !

— Anh cũng về.

— Tôi về sau. Tôi phải coi nữa đã.

Ghíp núp sau một cây to. Thấy Pháp rõ ràng : thằng nào cũng có súng. Có ba súng to, một thằng vác súng moóc-chi-ê nặng. Ghíp muốn bắn quá. Nhưng sợ anh Núp không dám. Nó tới gần, cách một trăm sải tay, Ghíp lùi dần. Vừa lùi vừa cắm chông, lùi tới đâu cắm chông tới đó. Núp giao cho Ghíp hai trăm chông thuốc độc, dặn kỹ : cắm chỗ nào phải nhớ rõ, sau Pháp về

phải đi nhỏ hết, không đồng bào đập. Tới chỗ đầu mỗi đường bí mật, Ghíp vọt chạy : bốn phía toàn là chông bước lộn một bước là trúng chông ngay. Nhưng Ghíp đã quen, như con sóc nhảy trên cây, Ghíp chạy vùn vụt trong rừng, đầu tóc quần thoáng qua thoáng lại trong lá cây như cái đuôi một con sóc, Ghíp gặp Núp gần khu hầm chông :

— Pháp tới đâu rồi ?

— Nó tới cây kơ đôn to đấy.

Tới đầu cây kơ đôn là bắt đầu rừng chông của Kông hoa.

— Nó sắp chảy máu rồi đấy. Ghíp đi mau về suối Thi om, có năm du kích ở đó, nói nó chuẩn bị « chông trên trời », tôi ở đây coi « chông dưới đất » với năm du kích.

« Chông trên trời » là những cây lồ ô dài, vót nhọn, cột lủng lẳng trên cây cao, khắp hàng nửa cây số trong rừng. « Chông dưới đất » tức là hầm chông. Núp con lựa những cây to, chặt gần đứt gốc, rồi cắm thật nhiều chông vào thân cây. Khi nào Pháp tới giật dây, cây gãy, ngã xuống, chông trúng vào Pháp ngay...

Ghíp đi một chập thì Pháp tới. Nó không nói gì. Núp thấy rất rõ. Một thằng đi đầu lấy súng thò thò mặt đất. À mày thò thò có hầm chông không đấy à ? Chưa có đâu. Pháp à, tao cho mày cái tên này trước, mày súp hầm chông sau nhé. Núp ngấm đúng giữa ngực nó, bắn một phát. Trúng rồi ! Hóp, du kích đi theo, bắn tiếp một phát nữa. Trúng nữa. Pháp chạy tẩn ra. Đất dưới chân nó tự nhiên lõm xuống : súp hầm chông rồi. Núp kêu :

— Cà tầu⁽²⁾.

Sáu người chạy thoăn thoắt, nhớ kỹ con đường bí mật. Pháp bắn loạn xạ trong núi. Cái núi cao nó cũng nổ lại. Pháp sợ lắm, dừng lại nghe. Rồi nó bắn nữa :

« Văng xê ! Văng xê ! »⁽³⁾. Nó đuổi theo Núp tới nước suối Thi om rồi.

— Ghíp ơi, có chông trên trời chưa ?

— Có hết rồi !

— Du kích chuẩn bị nhé, nó tới đấy !

Nó tới rồi. Moóc-chi-ê nổ tóe nước suối Thi om. Hóp nắm tay Núp :

— Có chết không, anh Núp !

— Không chết đâu. Pháp chết. Đất nước mình không chết...nó tới đấy. Thấy không ? Cái mặt nó sợ lắm, thấy chưa ? Tôi bắn trước nhé. Hóp bắn theo nữa.

Núp bắn một phát. Trúng một thằng. Hóp bắn, Ghíp, Tun, Gia đều bắn một loạt.

— Giật chông trên trời đi.

Những cây lồ ô dài, nhọn từ trên trời một loạt lao xuống cắm trước mặt, cắm sau lưng, cắm trên đầu, trên lưng Pháp ! Pháp bắn súng lên trời. Nó càng rớt xuống nữa.

Ghíp dẫn mười du kích chạy hết ra rẫy, Núp ở lại, ngồi sau hòn đá suối. Pháp dừng lại, nó lấy vải trắng quần đầu trắng bị thương. Nó kêu tiếng Pháp nhiều lắm, Núp nghe không hiểu, đoán chắc là nó kêu đau.

Đau gì ! Sao mày giết người Ba na không kêu đau...

Nó chia làm ba. Một số đi thẳng vô làng, một số đi ra rẫy suối Thi om, một số đi ra rẫy suối Kơ ko. Núp muốn chạy về làng trước. Làng không còn gì nữa, con heo, con gà, con trâu, hột lúa đem vô chỗ bí mật hết rồi. Nhưng Núp không muốn cho nó đốt làng. Từ ngày đánh Pháp tới nay, Núp đã dẫn làng Kông hoa chạy chín lần, chín lần làm nhà mới, chín lần làng bị cháy. Lần này nó đốt nữa ? Không được, không cho nó đốt nữa ! Núp chạy thẳng về làng. Nhưng tới nửa đường dừng lại. Giữ làng bỏ rẫy à ? Không được, phải giữ rẫy trước. Anh Thế, huyện đã dẫn Núp như vậy. Khi Pháp

tới đông, cần giữ cái rẫy trước. Còn lúa ăn no làm mấy cái làng cũng được, Pháp cố phá rẫy, không giữ được rẫy thì thua nó. Núp quay lại, vụt chạy ra rẫy. Gặp Ghíp. Cho Ghíp dẫn tám du kích tới suối Kơ ko đánh Pháp ở đó. Núp chỉ huy bảy du kích đánh ở suối Thi om.

Lúc đó, nghe súng nổ ở phía suối Tơ lam, tất cả đứng im. Hình ảnh Tun khỏe mạnh, cầm vuông, cầm lựu đạn hiện lên trong đầu Núp:

— Tun đánh rồi!

Núp nói:

— Thôi Ghíp đi mau. Tun đánh rồi, Pháp nhất định chết nhiều. Lựu đạn Tun nổ đấy. Ghíp cũng phải đánh Pháp chết nhiều như Tun...

Một lát sau, nghe súng nổ ở suối Kơ ko. Rồi súng nổ ở suối Thi om. Núp bắn chết hai Pháp nữa. Nó cũng cứ vào rẫy. Mỗi đứa cầm một cây roi dài, quất bừa lên lúa. Cây lúa gãy gục xuống. Hột lúa bắn tung tóe lên. Núp đã nhắm kỹ rồi. «Pư!». Trúng rồi. Chạy à? Núp bắn liên tiếp hai phát nữa. Hóp nhảy lên trước, bắn theo Pháp chạy ra bờ rào. Chúng định đặt súng sụp thêm ba hầm chông. Chín thằng phải khiêng ba thằng, khiêng cả bàn chông...

Trời nắng gắt, Pháp rút hết về núi Tơ ngo rồi. Núp nằm ngửa gối đầu lên một gốc cây, nhắm mắt. Con chim gì màu đỏ rất đẹp đậu ở cành cây gần, kêu lù lù la lù lo.

Làng Kông hoa không cháy. Pháp tới đầu làng, sắp hai hầm chông, sợ có du kích, chỉ bắn bừa rồi rút lui. Núp ngủ quên đi lúc nào không biết. Một chấm nắng tròn trên mắt. Núp ngủ, nụ cười còn nguyên trên miệng.

Có ai nắm tay Núp tay mạnh. Mở mắt, thấy chị Mây:

— Anh Núp, dậy ăn cơm chứ, ngủ không no được đâu!

Núp ngồi dậy:

— Ồ, lũ phụ nữ, khi mai đi đầu nấu cơm được, không sợ súng à... giỏi quá, Bok Hồ khen lũ phụ nữ trước đấy.

Chị Mây dọn cho Núp và Ghíp ăn. Ghíp bụng chén cơm, đi ra một góc rẫy. Núp biết rồi, anh kêu:

— Ghíp, đi đâu đó?

Mọi người cười ồ. Hai má chị Mây đỏ lên. Núp vui trong bụng quá. Anh biết Mây rất thương Ghíp. Thương Ghíp bây giờ biết làm rẫy giỏi, đánh Pháp không sợ chết, miệng biết nói tốt không sai nữa rồi. Nhờ có Đảng có Bok Hồ, người như Ghíp cũng đứng lên được rồi. Đất nước Ba na mỗi ngày thêm tốt.

Buổi chiều nghe súng nổ phía Ba lang. Ghíp muốn đi Ba lang giúp lũ du kích ở đó đánh nữa, nhưng Núp không cho.

— Ba lang có Xá chỉ huy rồi. Ghíp còn phải chuẩn bị nữa. Pháp còn đi nữa đấy.

Trời tối. Ông trăng nhỏ lên trời. Du kích về họp trong làng. Đốt đèn soi mặt từng người. Lũ chỉ huy Ba lang, Đề ta, Ta lung, Kông ma cũng tới đủ. Ngày nay Pháp chết ở Ba lang bốn đứa, ở Kông hoa mười sáu đứa. Không lấy được hột lúa nào.

Núp đứng ra nói:

— Mai một anh Thế lên, tôi nói anh Thế biết về nói lại huyện, huyện nói lại Bok Hồ, có Xá, có Tun, có Ghíp bắn chết Pháp nhiều, giữ được rẫy bụng không biết sợ... Bây giờ, chưa nghỉ được. Pháp còn, phải đi đánh nữa.

— Đánh ban đêm à?

— Đánh ban đêm. Đêm nay Pháp ngủ ở núi Tơ ngo. Ngày mai nó đi lấy lúa nữa. Người du kích có muốn cho con mắt thằng Pháp ngủ ngon không?

— Không!

— Có muốn cho cái chân nó ngày mai đi lũng rẫy nữa không?

— Không.

— Bây giờ làm thế này: mỗi làng cho mười lăm du kích mang chông thuốc độc lên cắm quanh núi Tơ ngo. Cắm hết chông, ném lựu đạn, rồi đi về.

Núp chỉ huy đi, tất cả bảy mươi người. Núi Tơ ngo đêm đó thành một núi chông thuốc độc. Nửa đêm, Pháp nghe lựu đạn nổ bên trái thấy tên bắn vào từ phía găm trên lều vải. Nó lấy bắn lung tung. Hòn đạn cháy trên trời đỏ lôm. Ghíp nằm dài cười mãi:

— Ô, Pháp ơi, anh Núp bày du kích làm cho con mắt mày ngày mai buồn ngủ rồi!

Ngày sau, ngày sau nữa, bốn ngày tiếp Pháp không xuống núi Tơ ngo được. Núp cho du kích các làng tới ngồi dưới chân núi, Pháp ra đưa nào bắn chết đưa ấy. Đi ra thêm, trúng chông thuốc độc, chết ngay. Pháp phải ở miết sau cái bao to, bắn móc-chi-ê ra, không ăn thua gì.

Núp đi coi hết các làng. Làng nào chưa nhiều chông, phải làm thêm. Ban ngày du kích chia nhau đi giữ hết các rẫy, các nhà bí mật. Lũ người già yếu rút lui vô rừng thì vót thêm chông, cho người mang ra cho du kích. Rẫy lúa nào đã chín thì du kích gác cho lũ làng ra gặt gắp. Tối du kích lại đi cắm chông núi Tơ ngo nữa.

Buổi trưa, ai cũng ngủ. Chỉ còn một người gác trên chòi cao. Núp đi tìm một cái gùi ra ngồi giữ rẫy, lượm những bịch lúa bị Pháp lấy cây đánh rụng hôm trước. Lúa đó là của chị Du, Ghíp đang ngủ, thức giấc thấy Núp lượm lúa, cũng đi tìm một cái gùi, lạng lẽ ra ngồi lượm bên Núp.

Ngày thứ năm, du kích gác trên núi Chư lầy thấy Pháp cất bịch cái bao to. Núp cho đi nói tất cả du kích:

— Pháp sắp đi rồi. Lũ thanh niên phải làm thêm chông nữa, lũ phụ nữ nấu cơm ăn hai ngày, du kích đuổi theo Pháp, đánh tới đồn.

Sáng ngày thứ sáu, Núp dẫn mười lăm du kích ra núi Tơ ngo. Thấy Pháp mang súng về thật. Núp giao cho Ghíp chỉ huy năm người đuổi theo lưng Pháp, còn Núp dẫn mười người, đi quanh trong núi đánh đón đầu.

Pháp mới xuống chân núi, Ghíp đánh ngay. Pháp bắn lại nhiều lắm, dừng lại, lấy vải quần thẳng chết mang đi. Ghíp đuổi theo bắn nữa. Pháp chạy. Ra tới bờ suối nước Kơ lô, Ghíp treo bẫy đá, Pháp đang đi, nó nghe cái cây nói chuyện. Nó chắc chỗ này hết du kích rồi, con đường không thấy chông nữa. Tự nhiên, nó nghe hòn núi trên đầu nó nổ. Ngó lên. Giăng⁽⁴⁾ ơi! Đá chạy xuống, đá chạy xuống! Nó vụt chạy. Đá đuổi theo. Nó chạy chừng nào, đá đuổi chừng nấy. Đá cứ chạy theo đường mòn, nhảy tung tung như con cạp. Pháp sợ quá. Nó la um sùm. Nó chạy vô núi. Nó vấp phải một cái dây. Cái dây đứt «phụt», bốn cái lao dài, nhọn, sáng phóng ra, trúng thẳng Pháp ở giữa ngực. Nó trúng mang cung rồi! Nó hoảng quá không dám vô bụi nữa, phải chạy ra đường. Đá đuổi kịp rồi. Đá nhảy tới trên bụng nó. Một thẳng Pháp té dúi mũi xuống, đá đâm lưng nó. Nó chảy máu ra ở miệng, ở mũi...

Ghíp đánh bẫy đá rồi bỏ chạy trong rừng. Pháp chôn thẳng chết xong, ngồi ăn cơm. Ghíp leo lên cây coi, nó ăn cái gì không phải cơm:

— Ăn cái thứ đó hèn gì cái bụng nó xấu.

Pháp ăn lâu lắm. Ghíp chờ miết, nóng ruột:

— Ăn sao lâu thế, không đi về cho rồi. Anh Núp chờ mày trước kia kia.

Một thằng Pháp đứng lên, ngó bốn phía. Bỗng nó thấy Ghíp. Nó chụp cái súng, nói «xi lô xi la», chỉ lên cây, Ghíp chửi to:

— Cha thằng Pháp, đất nước tao, mày chỉ gì?

Pháp đưa cái súng lên. Ghíp nhảy ào xuống, kéo năm du kích chạy. Pháp đuổi theo, sụp hai hăm chông nữa. Thôi nó mệt rồi, nó không đuổi nữa. Nó phải đi về. Trên đường nó đi về, anh Núp cầm chông không còn chưa một chỗ. Thằng Pháp đi đâu thấy bốn cái chông to giữa đường. Nó bắn lung tung rồi chạy lại, định nhổ. Tự nhiên cái cây to trên đường ngã nhào xuống, đè lên lưng nó. Cái cây toàn chông đen, đâm vào ngực nó năm, sáu mũi. Nó chảy nước miếng, mặt nó tím lại như một con khỉ, hai tay co quắp: nó trúng chông thuốc độc. Nó hết biết thở.

Anh Núp đứng trong bụi thấy rõ hết. Đợi cho cả bọn xúm lại kéo thằng chết, anh ném một quả lựu đạn nữa. Du kích bắn ào vào luôn mười phát lên. Rồi bỏ chạy. Đi xa nữa, cầm chông nữa, đón đầu đánh nữa.

Trời tối, mưa lớn, Pháp ngủ lại trong rừng. Du kích leo lên cây năm. Sáng hôm sau lại xuống đánh. Suốt ngày đánh tám lần. Tối đến Pháp mới tới gần đồn. Nó ủa nhau chạy vào đồn. Bỗng nó la lên, dừng cả lại: ngay sát đồn nó, du kích cũng cầm chông từ khi nào. Lại thêm sáu thằng bị chông thuốc độc, tím mặt chết ngay.

Pháp vào trong đồn rồi. Pháp chôn thằng chết, cho thuốc thằng bị thương, rồi bắn móc-chi-ê ra núi. Nhưng không thấy du kích đâu cả. Chỉ có ông trời mưa và chớp sáng lóe, nổ rầm rầm đánh lại Pháp...

CHÚ THÍCH

(1) Chiếc công: chiếc vòng đeo cổ tay bằng đồng. (2) Cà lêu: rút chạy (tiếng địa phương). (3) Văng: phía sau. (4) Giăng: trời tối.

ĐỘC LẬP

Đê Khuru dừng lại trước mặt Núp và Liêu, tay nắm cái cây bên đường, mồ hôi chảy ròng ròng, miệng nói một nửa, thở một nửa:

— Không phải Nhật, không phải Nhật! Nghe tin... nghe tin có người đất nước mình... đánh Pháp đánh Nhật hơn rồi... lấy Kông tum, Plây ku, Ân khê rồi...

Núp trở mặt, hỏi:

— Có thiệt không?

Rồi không đợi trả lời, bỏ gùi, bỏ rựa giữa đường chạy đi báo tin cho bok Pa:

— O! O! Pháp thua rồi, Nhật thua rồi! Có người đánh Pháp đánh Nhật thua rồi!

Người làng bỏ cả cột dây dẫn lúa⁽¹⁾, chạy vào quanh Núp hỏi riu rít:

— Có trúng⁽²⁾ không?

— Có thiệt không?

— Miệng ai nói đó?

Bok Pa hỏi:

— Người đánh Pháp, Nhật tên chi?

Bok Sung hỏi:

— Có cái gươm không?

— Đê Khuru cũng không biết. Chỉ nghe người làng Đê tung nói lại như vậy thôi.

— Nghe nói người đánh hơn Pháp, Nhật cũng già rồi, có râu...

(1) Theo phong tục dân tộc Ba na, người ta chôn cột thành một sợi dây dài, buộc từ rẫy về tới làng để cho lúa biết đường đi về nhà.

(2) Trúng: đúng.

Làng Kông hoa kẻ nghi người tin bàn tán xôn xao. Núp đêm nằm, tắt lửa, nhắm mắt là thấy một người già, có râu. Người này ở đâu? Làm sao đánh hơn được Pháp, Nhật hè⁽¹⁾? Sao giỏi thế? Trước chắc cũng phải đi xâu cho Pháp, Nhật, bây giờ có cái gì mà đánh hơn được Pháp, Nhật? Núp muốn hỏi quá, mà không biết hỏi ai.

Năm ngày sau có người Ba lang lên nói:

— Người đánh Pháp, Nhật bây giờ ở An Khê. Kêu mỗi làng năm người xuống An Khê nói chuyện. Đường núi xa quá, người đó đi các làng nói không hết.

Làng Kông hoa bàn tán:

— Chắc đi xuống gặp ông già có râu rồi đấy. Và nói bok Pa cử người đi. Bok Pa đứng ra kêu tên năm người.

— Bok Sring...

Núp lên trong đám đông, nhìn chăm chăm vào miệng bok Pa. Sợi râu mọc trên hột nốt ruồi ở cằm bok, gió thổi bay lất phất.

— Bok Sring đâu?

— Có, tôi đi đây!

— Mik Na, mai khon, dè Nhung.

Núp bước tới một bước, cổ nhón chân lên, dang hắng. Nhưng bok Pa vẫn không ngó Núp. Bok vẫn về sợi râu, cười:

— Bốn người đủ rồi... và tôi. Đủ năm người.

Núp đỏ con mắt, lách đám đông, đi tìm bok Pa hỏi:

— Sao không cho tôi đi?

Bok Pa hạ thấp giọng xuống:

— Chưa biết sao. Núp à! Núp chưa đi được đâu. Biết có phải người tốt thật không. Nó bắt Núp làm sao?

— Thế sao bok đi?

(1) Hè: nhl.

Ông già cười, nheo con mắt:

— À, tôi khác, tôi già rồi, phải đi coi trước. Nó có bắt lũ già, còn Núp coi làng...

Đi hai ngày, năm người đều về. Lũ làng xúm lại hỏi:

— Thấy ông già chưa?

— Chưa thấy ông già. Chỉ thấy người Kinh có, người Thượng có, đông lắm. Nói nhiều, chưa nghe rõ. Coi bộ chắc tốt. Mười ngày nữa mỗi làng cho hai người đi An Khê làm lễ.

Thế là Núp vẫn chưa biết gì cả. Nóng trong bụng quá. Mười ngày sau, làng cử Núp và bok Pa đi. Đi một ngày, ở một đêm, về một ngày. Lần này biết rõ rồi.

Núp leo lên trước sân nhà rông, nói cho lũ làng nghe. Anh ở trần. Chị Liêu chen trong đám đông, thấy nắng chiếu từng lằn đậm trên ngực chông. Nắng chói trong cặp mắt Núp, cặp lông mày đậm hơn, miệng cười. Núp to lớn và đẹp. Núp nói:

— Lúc trước chỉ có Kông hoa đánh Pháp, phải thua miết⁽¹⁾. Bây giờ người này biết nói tất cả đất nước, Ba na, Ê đê, Gia rai, Kinh, Mơ nông... ai cũng đánh Pháp hết. Pháp thua rồi. Người đất nước mình lấy lại hết cả đất nước mình rồi. Độc lập rồi.

Lũ làng hỏi:

— Độc lập là sao?

Nắng lại cháy trong mắt Núp. Anh cười:

— Độc lập: Không đi xâu, không nộp thuế cho Pháp, muốn làm rẫy, cứ làm, muốn đi săn, cứ đi, đi lấy mật, lấy sáp con ong trong rừng, cứ đi. Dem xuống Kinh đổi lấy muối, vải, rìu, rựa, được hết. Không phải đi lên trong rừng như trước nữa.

— O... sướng quá. Sướng quá!

(1) Miết: mãi.

Núp nói:

— Trước người Ba na không có ai giúp đỡ đánh Pháp. Nay có Bok Hồ, có Chính phủ giúp đỡ.

Lũ làng hỏi:

— Còn ông già có râu gập chưa?

— À, chưa gập, ông già có râu là Bok Hồ đó!

Lũ làng lại hỏi:

— Bok Hồ người đất nước mình hay đất nước khác?

— Người đất nước mình.

— Chà tốt quá. Bok Hồ làm gì mà đánh giặc giỏi thế?

Núp và bok Pa đều không biết. Chỉ biết Bok Hồ người giỏi lắm, làm cái rẫy cũng giỏi, biết thương yêu người già, người trẻ, biết thương yêu đất nước.

— Bok Hồ ở An Khê hay ở đâu?

— Không ở An Khê. Ở xa lắm. Nghe nói ở Hà nội.

Không ai biết Hà nội ở đâu cả, nhưng tất cả đều chắc lưỡi:

— O! Xa quá, tiếc quá, không ở gần coi cái mặt thử.

— Còn bok Chính phủ nữa. Bok Chính phủ ở đâu? Có già không?

Bok Pa nói:

— Chính phủ không phải bok, không phải người đâu. Chính phủ to lắm.

Lũ làng vẫn không biết Chính phủ là gì? Núp nói:

— Chính phủ là nhiều người đất nước mình. Ba na, Ê đê, Kinh, Mơ nông, Sê đăng... đứng ra coi chung đất nước mình, không cho thằng Pháp, thằng Nhật coi nữa.

Đồng bào cười ồ:

— Thế thì tốt quá! Độc lập thiết rồi!

Núp nói lũ làng đi vào trong núi lấy hết các đồ quý giấu ở hòn đá, ở gốc cây vè. Ghép lấy về một cái kèn

đing-nam thổi «e... e... e... uập! uập! uập!...». Làng vui hơn ngày ăn cơm lúa mới, hơn năm được mùa to.

Núp không sao quên được bữa đi An Khê. Hôm đó có một người Kinh đứng ra nói, rồi có một người Thượng đứng ra nói. Sau lưng hai người có một lá cờ đỏ vẽ ông sao vàng...

Dưới phố An Khê đường nào người cũng đổ về chạt ních. Núp chỉ thấy toàn đầu tóc đen lổ nhố và cờ đỏ. Người Kinh cũng đông, người Thượng cũng đông. Lần đầu tiên, Núp thấy người Kinh, người Thượng đi chung với nhau, nắm tay nhau, ào ào như nước sông Ba ở đoạn chảy qua thác. Người nào cũng nói, tiếng Ba na, tiếng Ê đê, tiếng Kinh, tiếng Sê đăng... nghe không hiểu gì cả, nhưng vui lắm, thích lắm...

Núp cố nghĩ mãi: Bok Hồ là người thế nào? Sao Bok Hồ giỏi thế. Trước nay làng Núp chống Pháp cũng như con suối nhỏ chảy giữa rừng già, chảy mãi không tới đâu. Núp tưởng càng ngày càng khô. Bữa nay nhờ có Bok Hồ mới biết đất nước mình rộng quá, có nhiều con suối quá, nhiều con suối nhỏ, có Bok Hồ khơi dòng cho, bây giờ đã chảy chung lại thành con suối lớn, càng ngày càng lớn. Pháp có như một trăm hòn đá lớn giữa dòng, sông cũng cứ chảy qua hết.

Núp không hình dung ra Bok Hồ được. Chắc Bok Hồ cũng như ông Tú vậy.

MÙA XUÂN

Kịch một hồi của NGUYỄN VŨ

NHÂN VẬT

Hiền, nữ thanh niên xung phong
Trực, chiến sĩ quân giải phóng
Hưng, chiến sĩ Quân giải phóng
và một số chiến sĩ Quân giải phóng đi ngang qua sân khấu.

Rừng miền Đông Nam bộ, một buổi sáng nắng, trong một mái chòi trên trảng(1) rộng.

..

... Màn mờ, người ta chỉ thấy một cái vồng giăng xéo trên cột chòi, người nằm trên vồng đắp kín cả đầu, có lẽ đang ngủ say. Ngay dưới chân vồng xếp gọn một chiếc bông (2) và một cây tiêu liên. Góc bên kia chòi xếp một đống bao bố. Có lẽ đây là một kho gạo dọc đường hành quân mà bộ đội đã lãnh hết gạo.

Cán chòi thật tĩnh mịch, ngược hẳn không khí bên ngoài; từng đoàn bộ đội, dân công vượt hẳn lên mặt trảng. Tiếng vũ khí khua lách cách, tiếng cười, tiếng nói nhộn nhịp và những lá ngụy trang thấp thoáng sau hàng cây thưa.

Hiền nài nết gọn gàng, vẻ giận dỗi bước vào chòi. Nhưng hình như vẫn bị cảnh bên ngoài thu hút, cô đứng mãi mê nhìn theo dòng người nối đuôi nhau tiến lên phía trước; rồi quay lại, chán ngán ném phịch cái bông(2) trên vai lên đống bao bố, ngồi xuống, vòng tay nhìn chăm chăm chiếc vồng.

Một lát, như miễn cưỡng, Hiền bước lại khẽ đập tay gọi người đang ngủ.

HIỀN: Nè, chú! Chú thức hay ngủ?

(Có tiếng rên khe khẽ trong vồng)

HIỀN: Chú, chú nóng lắm hả?

TIẾNG NGƯỜI TRONG VỒNG: Nóng...

HIỀN: Chú uống nước không?

TIẾNG NGƯỜI TRONG VỒNG: Uống ... cho tôi ca nước.

HIỀN: (quay về rót nước trong ống tre của mình, bung lại)

Nước đây, đây uống đi.

(Người trong vồng mở tấm đắp, lộ đầu ra: Một chiến sĩ rất trẻ, xấp xỉ tuổi Hiền. Tên anh là Trục)

HIỀN: Uống đi chú ... À ... uống đi anh.

TRỤC: (lấy ca nước uống ừng ực, vừa thở vừa nói) Cho tôi xin ca nữa (lại khẽ rên).

HIỀN: (lại đi rót nước bung tời) Đây, anh.

TRỤC: (uống) Cho tôi ca nữa chị. Nhờ chị rót đầy đây.

HIỀN: (lần này cầm cả ấm nước lại định rót đưa cho Trục)

TRỤC: Thôi, chị đừng rót nữa, đưa cả ấm cho tôi.

HIỀN: Không. Anh uống vừa vừa thôi chứ. Nửa ca này nữa thôi (rót đưa cho Trục).

TRỤC: Nước mà cũng hà tiện nữa!

HIỀN: Để bụng ăn cháo, rồi còn uống thuốc chứ.

TRỤC: Cũng được (uống).

HIỀN: (đặt tay vào trán Trục). Anh nóng(1) dữ quá!

Đang làm cũ(2). Lát bớt máy bay, tôi nấu cháo anh ăn rồi uống thuốc. Giờ nằm nghỉ đi. Tôi nấu cháo vô bình toong này của anh nghe. Anh có dao găm không? Cho tôi mượn chẻ củi.

TRỤC: (đã ngủ nằm xuống đắp kín đầu) Dao đeo ở thắt lưng đó.

HIỀN: (lục trong đống bông của Trục lấy cây dao găm, quơ mấy khúc củi bên xó chòi, ngồi chẻ).
(Một đoàn bộ đội đi ngang qua).

TIẾNG MỘT CHIẾN SĨ: Hoan hô thanh niên xung phong!
Có Gia đình đấy không? Gia đình hả chị?

HIỀN: Không!

TIẾNG MỘT CHIẾN SĨ KHÁC: À nghe giọng nói chắc là bà con Thủ mình rồi. Lái thiêu hay Bến cát đó chị?

HIỀN: (xãng giọng) Đây không có Thủ. Chỉ có Tây ninh.

TIẾNG MỘT NGƯỜI CHIẾN SĨ KHÁC: "Yếu lĩnh" ra ngoài bằng đèn rồi. Tam trọc ời!

(Có tiếng nhiều người cười rộ)

TIẾNG MỘT NGƯỜI CHIẾN SĨ KHÁC: Hồng sao! Vẫn cứ động viên bọn mình như thường. Kỳ này bọn mình

(1) Sốt. (2) Đang lên cơn.

(1) Bãi rộng. (2) Ba lỗ.

đi đánh cho cả Tây ninh nữa. Giải phóng toàn miền Nam kia mà. Bà con mình cả, phải không chị?

TIẾNG MỘT CHIẾN SĨ KHÁC: Thôi liền thoảng vừa chứ mày. Cái tát ba hoa, không chịu chữa (với Hiền). Đừng giận tui tui nghe chị. Thấy các chị là tui tui đủ sức đi đập đầu bọn Mỹ rồi (Hiền làm thỉnh, khẽ cười).

TIẾNG MỘT CHIẾN SĨ KHÁC: Coi bộ được quá chớ, mà hà tiện dư! Không cười được cho mình một tiếng để làm thuốc⁽¹⁾.

(Hiền bực dọc nhìn theo, chợt phì cười, rồi lại cầm cúi khẽ cười, đoàn quân vẫn nối đuôi qua. Một lát...)

TIẾNG MỘT CHIẾN SĨ KHÁC: Ô, có thanh niên xung phong nữa này! Anh Sáu, phải chi tới trạm này mình hãy lãnh gạo hả? (với Hiền). Có Biên hòa đó không chị? Biên hòa! Biên hòa!

HIỀN: (mới đầu hơi ngập ngừng) Có Biên hòa! Có Biên hòa đây!

TIẾNG CHIẾN SĨ ĐÓ: A! Hoan hô Biên hòa! Hoan hô Biên hòa! Mai mốt về ăn bữa nghe chị. Gần rồi chị ơi! Bữa tỉnh nhà mình ngon nhất đó chị.

TIẾNG MỘT CHIẾN SĨ KHÁC: Ông bạn ơi! Sầu riêng, măng cụt dất Thủ không thua đâu. Vừa thơm, vừa ngọt, vừa béo, vừa bùi đây! Thủ đây! Bình dương đây! Có Bình dương không chị?

HIỀN: (cười theo) Bình dương, Gia định, Bà rịa, Tây ninh..., đủ cả đây các anh ơi!

TIẾNG NHIỀU CHIẾN SĨ: Hoan hô! Hoan hô! Miền Đông lên đường hết trơn rồi bà con ơi! Thắng Mỹ phen

(1) Ý nói: Thật quý; nếu cô chịu cười một tiếng, mình sẽ cất giữ tiếng cười của cô như một vị thuốc hay.

này khổ lớn rồi bà con ơi! Hoan hô thanh niên xung phong miền Đông. Hoan hô...

HIỀN: (đứng dậy nhìn theo họ) Đánh cho ác nó nghe các anh. Hoan hô dũng sĩ diệt Mỹ miền Đông!

TIẾNG MỘT CHIẾN SĨ ĐÃ ĐI XA: Chừng nào phát hết gạo chị lên trên này nghe chị! Chúng tôi lấy vài trăm xe gạo Mỹ cho chị phát, không lo thiếu đâu. Bọn tôi chờ, nghe chị!

HIỀN: (nói với theo) Ừ, đánh cho ác nghe mấy anh. (Đoàn quân đã đi khuất. Hiền đang tươi cười, quay vào nhìn thấy cái vồng của Trục, lại xiu hắt nét mặt. Một lát, chép miệng, trả cây dao găm lại vào chỗ cũ).

HIỀN: Thôi, anh nằm nghỉ nghe, tôi đi nấu cháo.

TRỤC: (không trả lời).

HIỀN: À anh tên là gì hả?

TRỤC: (lơ đầu ra) Trục.

HIỀN: Ừ, phải rồi. Trục, Trục già, hồi nãy mấy ảnh cũng có nói. Mà sao lại đặt tên là Trục già, anh đâu có già hơn tôi. Làm hồi nãy tôi cứ tưởng là một chú « chín năm » nào kia.

TRỤC: (hơi không bằng lòng) Tôi móm. Chúng nó phá⁽¹⁾ riết thành tên. Chị gọi Trục già cũng không sao, à chị, mấy ông phân đồng chỉ ở lại giữ tôi hả?

HIỀN: Anh « già » rồi, tôi đâu phải giữ nữa. Mấy ảnh giao cho tôi săn sóc anh. Anh bệnh lâu chưa mà nằm lại?

TRỤC: (như có người kêu vào nỗi khổ đã cố nén) Bộ tôi muốn nằm lại sao? Mới làm cứ sơ sơ mấy bữa, mấy ông bắt nằm lại.

HIỀN: Nghe nói vết thương cũ của anh chưa lành mà?

(1) Chúng nó gọi đùa.

TRỰC : Ôi ! Ăn nhấm ⁽¹⁾gi. Chờ giải phóng xong. Chưa bệnh luôn. Không đánh trận này thì mới « bệnh » chớ.

HIỀN : (gật gù) Vậy thì các anh để anh nằm lại là phải. Tôi coi nước da anh cũng hơi mét⁽²⁾, phải tĩnh dưỡng cho lại sức. Đang yếu thế này, ra trận nữa là không lại sức được đâu. Đừng có nóng.

TRỰC : (ngước nhìn Hiền, nhếch miệng cười) Coi bộ chị thạo y tế dữ. Chị là y tá ở ban quân y trung đoàn hả ?

HIỀN : Không, tôi là hộ sinh xã.

TRỰC : Hộ sinh ! Đỡ đẻ hả ? Trời đất ! Vậy mà mấy ông giao tôi cho chị !

HIỀN : Hồi ở nhà kia. Tôi đi thanh niên xung phong hai tháng nay. Coi kho gạo này nè. Đáng lẽ bữa nay phát hết gạo, được rút theo ra tuyến một thì các ông nói tôi biết thuốc, phải ở lại săn sóc anh, chờ người của ban quân y trung đoàn lại lãnh anh.

TRỰC : (như ngồi phải lửa) Sao lại trả tôi về quân y nữa ? Tôi không về đâu.

HIỀN : (thản nhiên như không) Ài biết ! Bảo giao là phải giao.

TRỰC : Tôi không về ! Xong chiến dịch này, tôi nằm luôn cho mấy ông mặc sức mà mồ xẻ. Giờ phải đi kiếm mười thằng Mỹ đã.

HIỀN : Ủ, chừng nào có người của quân y lại, anh « ý kiến » với người ta, tôi biết đâu !

TRỰC : (cắn nhả một mình) Thật là vô ích ! Cái mảnh đạn nó đã chịu nằm trong đó rồi thì đề đấy, gấp

đi đâu mà mồ với xẻ hoài nữa ! (nhòm đay với Hiền).

Thôi, tôi khỏe rồi, tôi đuổi theo đơn vị nghe chị.

HIỀN : Dễ không ? Anh đâu đi được ! Rồi tôi kiếm đâu người giao cho quân y ?

TRỰC : Chị tạo lý do gì đó cũng được mà.

HIỀN : Hừ, tạo làm sao được một anh « Trục già » khác kia chớ !

TRỰC : Thì chị nói tôi khỏe rồi, tôi ra trận rồi.

HIỀN : Đề đại đội cự tôi hả ? Tôi phải giữ kỷ luật. Anh cũng phải giữ kỷ luật.

TRỰC : Hừ, chị nguyên tắc cứng nhắc ! Tôi đâu phải đàn bà để với con nít còn bú mà chị... « hộ sinh » tôi vậy ?

HIỀN : Anh đừng đụng tới chuyên môn tôi chớ. Đại đội giao tôi nhiệm vụ bàn giao anh, tôi phải bàn giao chớ (cắn nhả một mình). Hừ, bộ ai người ta muốn ở lại làm cái nghề... « hộ sinh » này ? Tức muốn chết ! (ấm ức).

(Im lặng)

TRỰC : (dịu giọng, làm lạnh) Ủ, thì tôi nói vậy. Tôi đã chạy đi đâu. Chị làm gì mà phải khóc ?

HIỀN : Ai khóc đâu ! Nhưng mà nói nghe không được. Chỉ muốn xong việc mình, còn mặc kệ người khác.

TRỰC : (cười) Tôi xin nhận khuyết điểm !

HIỀN : (dối) Anh không có khuyết điểm gì hết !
(Không khí hơi nặng nề)

TRỰC : (thân mật) À, chị tên gì, chị ?

HIỀN : Hiền.

TRỰC : Chị Hiền à, tôi coi bộ chị không hiền lắm.

HIỀN : Hiền quá người ta ăn hiếp.

TRỰC : (cười) Chị Hiền à, rốt lại, chị người tỉnh nào ?

(1) Có quan trọng gì.

(2) Xanh vì thiếu máu

HIỀN: Người Long an. Anh hỏi làm chi?

TRỰC: Hỏi cho biết. Hồi nãy tôi nghe lúc thì chỉ người Tây ninh, lúc người Biên hòa..

HIỀN: Mấy ông phê bình tôi hay câu. Con gái mà không biết cười. Tại anh đó.

TRỰC: Sao lại tại tôi?

HIỀN: Tại anh bị bệnh.

TRỰC: Tôi đâu muốn bệnh! Tôi đâu muốn giữ chị lại đây đâu! Chị căm thù thằng Mỹ à. Tôi cũng đang căm thù nó tới độ đây!

HIỀN: (làm thinh)

TRỰC: (tìm chuyện nói) Nghe nói Long an độ rầy căng lắm có phải không chị? Xã chị bị nó chà xát dữ không? Nghe nói dưới ấy cá dữ lắm!

HIỀN: (trố mắt ngạc nhiên) Trời? Hồi nào anh chưa xuống miệt dưới ấy sao?

TRỰC: (như mắc cỡ về sự thiếu đi xa, biết rộng của mình) À... trước «đồng khởi» thì còn nhỏ; từ ngày theo bộ đội thì chiến đấu miệt trên rừng này. Sau này đi, lo gì. Mà tôi cũng người miệt Đức Huệ đó chị.

HIỀN: Ở mai một giải phóng rồi, anh về ngoài ấy, mặc sức mà ăn cá. Giờ thì cũng nghèo như các anh trên này thôi. Bom đạn thắng giặc nó có cho bà con mình miễn ăn gì được đâu! Xã tôi tan nát hết, phải ở chòi, ở bụi mà quần nhau với nó.

TRỰC: (xa xôi)... Đầu tháng tôi nhận được thư nhà, nghe má tôi bị thuốc độc nó rã. Biết có lành chưa?... (một lát, chợt nhồm dấy) Chị Hiền à, coi bộ chị cũng muốn ra tuyển một. Hai đứa mình chạy theo đơn vị đi. Tôi hết bệnh rồi.

HIỀN: Không dám đâu, anh Trục à.

TRỰC: (tấn công) Chị nhát gan quá, mà nguyên tắc nữa.

HIỀN: (cười) Thôi ông ơi, đã nói kỷ luật là kỷ luật, đừng có rủ rê người ta. Chờ lát nữa có người tới lãnh anh, là tôi bay vù đi một mình cũng đuổi kịp.

TRỰC: (chua chát) Hự! Thỏa mãn quá đi chớ!

HIỀN: (hối hận, an ủi) Anh về dưỡng sức cho khỏe rồi sau này mặc sức mà chiến đấu.

TRỰC: Chị lại động viên tôi hết ông chính trị viên đại đội tôi rồi! Sau này! «Thi đua diệt Mỹ đánh nguy» cái nổi gì?

HIỀN: Anh Trục à. Tôi mà là ông chính trị viên đại đội của anh, tôi còn bảo anh chuẩn bị sức khỏe, chuẩn bị tinh thần đánh nhiều trận lớn nữa. Bao giờ giải phóng xong, còn tiến lên chính quy, hiện đại như miền Bắc nữa kia. Còn đi viện trợ cả thế giới đánh đế quốc nữa chớ. Đâu phải chỉ có trận này đâu mà lo.

TRỰC: Thi đánh rồi. Nhưng đánh được trận nào «đã» (1) trận này chớ. À, chắc hồi nãy bà chính trị viên đại đội của chị cũng động viên chị như vậy phải không?

HIỀN: Con nhỏ Cúc ấy nó còn dả thông tôi dữ đội ấy chớ. Nhưng mình gẫm ra cũng thấy phải như vậy nên tôi mới chịu ở lại lo cho anh đó. Đó, quên chớ, để tôi xuống nấu nẫu cháo cho anh uống thuốc (lại sờ trán Trục) Anh bớt nóng rồi nè.

TRỰC: Cái trán bớt nóng, nhưng cái ruột sắp cháy thiêu thành tro đây chị ơi.

HIỀN: (cười) Anh rần mà chịu đi (xách gạo, bình, củi định bước đi).

HIỀN: Mà anh đừng có trốn đi đó nghe.

(1) Sướng, thú vị.

TRỰC : Chị Hiền à, chị thiệt không hiền chút nào! (từng tiếng) Thưa bà họ sinh, tôi xin giữ kỷ luật!

HIỀN : Đúng, hồi ở xã, tôi kỷ luật dữ lắm, mấy bà năm chỗ⁽¹⁾ có bà nào lên uống nước sống được đâu. Nhưng anh thì tôi năn nỉ anh đừng để tôi bị con nhỏ Cúc ấy nó chinh tôi là không làm tròn nhiệm vụ. Anh năm nghỉ đi (bỏ xuống suối).

TRỰC : Coi chừng khỏi máy bay nghe chị.

(Trực ngã người nằm xuống)

(Hung, một chiến sĩ cũng trẻ như Trực, cảnh là nguy trang đầy người, tất tả bước vô).

HUNG : Anh năm đấy bao lâu rồi, anh?

TRỰC : Năm giờ.

HUNG : Anh có thấy đơn vị pháo nào mới đi ngang qua đây không?

TRỰC : Đi từ hồi sớm kia. Chắc xa rồi.

HUNG : Thôi được. Tôi đi nghe anh (vụt chạy đi)

TRỰC : (vội bước ra gọi với theo) Anh ơi!

TIẾNG HUNG : Gì đó?

TRỰC : Anh trở lại tôi nhờ chút.

TIẾNG HUNG : Gấp đi, nhờ gì đó?

TRỰC : Anh có gặp đơn vị Ba Cao, nói giùm... À, anh vô đây tôi viết ít chữ anh đưa giùm, nói dài dòng lắm.

HUNG : (trở vào) Viết gấp đi. Tôi chạy theo đơn vị hai ngày rồi. Hết như cắt bắt, mấy ông khiêng pháo mà chạy dữ quá!

TRỰC : Sao mà trễ vậy?

HUNG : Bệnh vừa hết. Ở quân y về tới căn cứ thì mấy ông đi rồi?

TRỰC : Tôi cũng đang bị bỏ rơi đây.

(1) Ở cũ.

HUNG (trố mắt) : Thì phải rượt theo chó năm đây sao? Thôi đi; còn thư từ, công văn giấy tờ gì nữa! Đi cùng cho vui.

TRỰC (do dự) :

HUNG : Sửa soạn bông đi, tôi cuốn võng cho (lại giật dây võng của Trực, hấp tấp cuốn lại). Qua năm 66 rồi, cái gì cũng phải tranh thủ mới kịp được. Ông bạn không giải quyết gấp là bọn Mỹ nó chuồn hết ráo còn gì!

TIẾNG HIỀN : Anh Trực ơi! Có người đến rước đây hả?

TRỰC : Có một anh.

HUNG (sôi nổi) : Đến rước đây. Gấp lên chị! Qua năm 66 rồi, tranh thủ đi luôn.

TIẾNG HIỀN : Tôi lên liền đây.

HUNG : Có nữ nữa à? Càng vui. Đây, võng của ông đây. Đồ đạc gọn chưa?

TRỰC (chợt nảy ra sáng kiến) : Đúng rồi « Ông nhận là người của quân y trung đoàn giùm mình nghe ».

HUNG : Nhận làm chi?

TRỰC : Mình bị bệnh, bị đại đội giao cho chị thanh niên xung phong này giữ, tổng về quân y, ông cứu mình một phen đi. Nhận làm y tá lãnh mình, rồi hai đứa đuổi theo đơn vị mà.

HUNG (gãi đầu) : Chà! Làm y tá coi bộ khó đấy! (tắc lưỡi). Liệu thử coi. Nhưng cứu ông cách nào? Mình không biết đóng kịch đâu! Lỡ lẽ thì đâm được, tiêm thuốc thì sợ ông ngoẻo « quy lát »⁽¹⁾ mất.

TRỰC : Ông cứ xuôi chèo theo mình thôi. Không phải chính phải tiêm gì cả. Cho bà ấy yên tâm thôi mà.

HUNG (do dự) : Nhưng coi chừng có sai nguyên tắc đó không đa!

(1) Ý nói: chết.

TRỰC : Nguyên tắc nào đánh Mỹ ngon nhất là mình giữ.
Phải không?

TIẾNG HIỀN : Cháo chưa nhừ mà các anh hồi dữ quá.

TRỰC : (hấp tấp) Ông xách giùm mình cái bòng kia đi
(Hưng làm theo. Trục ra hiệu Hưng bắt mạch cho
mình, Hưng làm theo. Hiền mặt đỏ kè, xách bình
toong cháo vào)

HIỀN : (chào Hưng) Anh! Để anh ăn cháo đã chờ anh.
Mấy anh nói phải cho anh uống thuốc trị dứt cử
rồi mới đưa về trạm xá được.

TRỰC : (vẻ ngoan ngoãn) Phải đi gấp hả anh y tá?

HUNG : (với Hiền) Ủ, đi gấp. Chị cũng sửa soạn bòng
đi, trề rồi!

TRỰC : (với chữa lại) Ủa sao hồi nãy anh nói anh đến
lãnh tôi thôi còn chị này thì cứ ở đây chờ có
đơn vị nào đi ngang thì theo.

HUNG : (xuôi theo) À, ừ. Nhưng chị cũng sửa soạn đi.
Qua năm 66 rồi, mình phải tranh thủ mà. Có ai
đi ngang là phải theo ngay. Mặt trận cần!

HIỀN : Đồ đặc tôi gọt hết rồi. Anh à, hay để anh ăn
cháo đã (móc túi lấy ra gói thuốc). Đây hồi nãy các
anh giao cho bốn viên thuốc này, nói phải cho
anh ăn cái gì vô bụng rồi mới cho uống (đưa
cho Hưng)

HUNG : (đưa gói thuốc cho Trục) Hè, ông bạn, uống đại
đi. Ăn cháo làm gì nữa, trề rồi!

HIỀN : (ngơ ngác) Sao? Nghe mấy anh dặn thuốc này
mạnh lắm, mỗi lần chỉ được uống hai viên thôi,
đói bụng uống vô thì nó hành dữ lắm.

HUNG : À... (lúng túng) Đâu, đưa tôi coi lại coi.

TRỰC : (gỡ gạc cho Hưng) Hay để lát về trạm xá tôi
uống nghe anh y tá?

HUNG : (ra vẻ suy nghĩ) Ủ, được. Lát nhớ uống nghe.
Mà phải ăn cơm cho thiệt no mới được uống, không

thì nó hành dữ lắm, thuốc này là thuốc mạnh lắm
chứ đâu có lơ mơ ông bạn? (lại vội vã) Thôi, ta đi
nghe, qua năm 66 rồi!

(Hưng và Trục sửa soạn đi, Hiền nghi hoặc, vội
bước theo)

HIỀN : À. Anh y tá, anh coi ảnh dứt cử chưa mà bắt đi
liền anh? Hồi nãy ảnh nóng có tới gần bốn mươi
độ đó. Anh coi lại nhiệt độ ảnh coi.

HUNG : (ra bộ thành thạo, sờ trán Trục). À mát rồi, còn
chừng ba mươi độ thôi.

HIỀN : (trố mắt) Anh nói bao nhiêu độ?

HUNG : (lúng túng, cố làm ra vẻ thần nhiên sờ lại trán
Trục) Đâu, coi kỹ lại xem nào.

TRỰC : (nhánh nhẩu) Chừng ba mươi tám độ là cùng hả
anh y tá?

HUNG : (gật gù) Chừng đó! Ba mươi tám độ chẵn! Về
trạm xá rồi tha hồ chữa bệnh, chờ tôi coi bộ trong
người anh cũng sắp thành than hồng rồi. Nào, ta
đi được chưa? Trong người tôi cũng đang nóng
gần bằng đạn ĐK bốn ngàn độ, bắn cháy xe
M.113 đây.

TRỰC : (vẻ dễ thương) Thôi chị Hiền ở lại rồi ra mặt
trận nghe! Chúc chị lập nhiều thành tích diệt
Mỹ (chép miệng). Tôi thiệt rủi! Nhưng chắc mình
còn gặp nhau nhiều phải không chị?

HIỀN : (cố nén cười) Còn bình toong cháo này? (đưa
bình toong cho Trục).

TRỰC : (đỡ lấy) Để tôi đeo theo, lát về trạm xá ăn vậy.
Cảm ơn chị Hiền quá, làm cực chị quá đi!

HIỀN : (cười) Nhiệm vụ chung mà, anh Trục (nghiêm
nét mặt). Nhưng tôi phiền là phiền anh y tá này nè.

TRỰC : Chị phiền gì anh.

HIỀN : Bàn giao gì mà không thấy giấy tờ mệnh lệnh
gì hết tron vậy?

HUNG : Ủ, hả ? (lúng túng) Tính sao đây, anh bạn ?

TRỰC : Ồ, thôi, chị lại nguyên tắc rồi ! Thì hồi nãy mấy anh giao tôi cho chị có giấy tờ gì đâu ! Mặt trận mà, mình phải linh động chứ.

HUNG : (cười theo) Đúng. Qua năm 66 rồi, đánh giặc mà giấy tờ quá làm sao đánh được. Thôi bọn tôi đi nghe chị.

(Hung và Trục bước đi được vài bước)

HIỀN : (thần nhiên) Hai anh bỏ tôi ở lại đây một mình sao ?

TRỰC : Không lẽ rủ chị về trạm xá. Chị đang đòi ra tuyến một kia mà.

HIỀN : Tôi muốn đi theo hai anh thôi. Trạm xá hay tuyến một cũng đi. (Hung và Trục nhìn nhau).

TRỰC : Đâu được nào ! Rủ rê chị về trạm xá, bọn tôi bị phê bình là làm giảm sức chiến đấu đó. Chà, cô mụ này mếu mếu rồi. Bỏ thôi, tại tôi đâu phải mấy bà nầm cũ mà cô kìm kẹp quá vậy ?

HUNG : (sốt ruột) Thì đề chị ấy cùng đi luôn không được sao ? Qua năm 66 rồi !

TRỰC : Nhưng...

HIỀN : (phá lên cười) Anh Trục già ơi ! Qua năm 66 rồi, anh chọn phải một anh y tá đóng kịch dở lắm ! Không lừa tôi được đâu. Tôi hỏi thiệt : ước sức anh ra trận kỳ này có rượt Mỹ được không ? Nếu đau ốm hoài thêm cực cho đơn vị thì bọn mình có khuyết điểm lớn đó.

HUNG : (cười hi hi) Đó, đã nói tôi không biết đóng kịch mà ông ?

TRỰC : (bến lên, nhận lỗi) Chị thông cảm cho... tôi thiệt... nầm lại đây không nổi ! Còn sức khỏe thì... hồi nãy tôi đã nói với chị đó, nầm lại đây mới «bệnh» chứ. Đánh là khỏe mà.

HIỀN : Anh Trục, bộ tôi không thông cảm anh sao ?

Nhưng tôi cứ nguyên tắc cứng nhắc với anh đã. Phải ở lại đây thôi anh ạ.

TRỰC : (định nói gì lại thôi, buồn rầu nhìn Hung) Ông bạn đi một mình vậy nghe ! À, ông bạn tên gì hả ?

HUNG : Mình tên Hung. Thôi, về quán y rần cho mau kh ỏe, mình đi nghe (bắt tay Trục). Tôi đi nghe chị (bắt tay Hiền chạy đi đến cửa chòi, đứng lại) À, ông Trục già, đừng buồn nghe, phần mấy thằng Mỹ của ông, để mình rảnh mần thêm cho (đi luôn).

(Còn lại Trục và Hiền. Im lặng)

TRỰC : Chị Hiền à, vừa rồi tôi tính đánh lừa chị... khuyết điểm quá, chị đừng giận.

HIỀN : (ngạc nhiên nhìn Trục, rất thành thực) Tôi có giận gì anh đâu ? Tôi mà bệnh như anh, tôi cũng làm vậy thôi (cười).

(Im lặng)

TRỰC : Chắc anh chàng Hung đang sai dữ lắm⁽¹⁾ (thở dài)

HIỀN : (nhìn Trục tội nghiệp) Anh Trục à, hình như tôi nguyên tắc cứng nhắc thiệt hả anh ?

TRỰC : Đâu có. Chị làm vậy đúng chứ.
(Đột nhiên Hung sòng sọc trở lại)

HUNG : Chị Hiền ạ, qua năm 66 rồi, tôi quên...

HIỀN : Quên gì đó anh Hung ?

HUNG : Ra tôi bìa trắng mới nhớ. Tôi tự phê với chị đó, chị Hiền (ngượng nghịu). Qua năm 66 rồi. Khuyết điểm quá, phải không chị ?

TRỰC : Tại tôi chứ. Đâu phải tại anh ?

HIỀN : Cả hai anh, không ai khuyết điểm hết.

(1) Bước rảo dũ lắm.

HUNG: Thôi tôi đi nghe, lần này đi thiệt (lại hấp tấp chạy đi)

HIỀN: (gọi giật lại) Anh Hưng!
(Hưng trở lại)

HIỀN: Hình như tôi nguyên tắc cũng nhắc thiệt hả anh?

HUNG: (nhìn Hiền cười, không biết trả lời cách nào).
Khó nói quá.

HIỀN: Anh giúp ý kiến coi. Anh mà chỉ huy đại đội của anh Trục, anh giải quyết cách nào?

HUNG: Tôi giải quyết cách nào hả? Suy bụng tôi thì tôi cho đi rồi đó, à nhưng cũng để coi ông bệnh nặng không?

TRỤC: (đứng bật dậy vỗ vào ngực mình) Thì ông coi đây... vết thương à? Thì mảnh đạn cũng đã chịu năm yên trong này rồi. Còn sót rết thì... ở rừng, ai chẳng nằm cứ sơ sơ. Còn ôm được súng là còn đánh được giặc chứ.

HUNG: (đứt khoát) Vậy thì tôi cho đi. Với lại mình cứ tính gọn thế này: Qua năm 66 rồi, mọi việc đều cứ tính con số linh Mỹ ngụy mình « khịa » mà xét. Cấp trên chắc cũng linh động mà.

HIỀN: Anh Trục! Đâu, phải coi anh hết cỡ thiệt chưa nào (sờ trán Trục).

HUNG: (cười) Ba mươi tám độ chẵn phải không chị?

HIỀN: Không. Anh bớt nóng thiệt rồi nè. Tôi có ý kiến nghe, mấy đứa mình ráng rượt theo mấy ảnh, « đấu tranh » coi. Biết đâu mấy ảnh đồng ý.

TRỤC: (sốt sắng) Tôi đồng ý đó. Chắc ăn mà chị. Nào, mời cô mụ đi giết giặc với hai đứa tôi. Ta thành tổ ba người nghe?

HUNG: Tôi cũng đồng ý đó. Qua năm 66 rồi, cứ tranh thủ như vậy là phải quá đi chứ.

HIỀN: (vội khoắc bông lên vai) Nhà hộ sinh xã tôi bị bom xăng nó đốt trụi rồi còn đâu! Mà tôi cũng đã chuyển sang ngành quân y rồi chờ hai anh! Nào ta đi. A, nhưng biết đơn vị ở đâu mà kiếm đây?

HUNG: (sôi nổi) Qua năm 66 rồi, bộ đội mình « độc đắc » lắm nghe chị. Thắng Mỹ nó lần cách nào thì mình cũng cứ nghe tiếng súng nổ mà hiệp đồng chiến đấu.

HIỀN: Im! Hai anh!... Nghe coi!
(Cả ba người lắng nghe. Xa xa vọng lại những đợt súng giòn giã).

HIỀN và TRỤC: Đứng rồi tiếng súng!

HUNG: (dõng dạc) Xuất phát!

HẠ MÀN

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Tại sao tác giả lại đặt tên cho vở kịch của mình là Mùa xuân.
2. Mâu thuẫn mà tác giả dựa vào để khai thác xây dựng thành vở kịch là mâu thuẫn gì? Cách giải quyết mâu thuẫn của tác giả có đúng không?
3. Những nhân vật Trục, Hiền, Hưng có những đặc điểm gì về tính cách? Họ giống và khác nhau ở những điểm nào?

CỎ NON

... Ngày hôm đó, mầm cỏ đã lấm tấm xanh khắp các ngọn đồi. Tuy chưa ăn được nhưng đàn bò cũng lộ rõ vẻ khoan khoái. Nhăn đem sách đi nhưng chưa học được; anh vẫn còn phải chạy suốt ngày để tìm cỏ cho bò ăn. Đêm ấy trời lại mưa phùn. Đêm hôm sau nữa lại mưa tiếp. Sáng ngày thứ ba, Nhăn lừa đàn bò ra đi...

Cả đàn bò rống lên sung sướng. Nhấn cũng phải đứng dừng lại một bước, hai mắt sáng rực lên. Qua có mấy đêm mưa phùn mà cả khu đồi Con Cuông đã thay đổi hẳn bộ mặt. Cỏ non đã mọc tua tủa. Một màu xanh non ngọt ngào, thơm ngát, trải ra mênh mông trên khắp các sườn đồi.

« Ồ... ồ... » đàn bò reo hò. Chúng nhảy cẫng lên, xô nhau chạy. Con Tô cũng mừng lây rít lên ăng ăng, sửa đông sửa tây, hai chân trước chồm lên, chồm xuống.

— Dừng lại ! Gặm cỏ... gặm !

Nhấn kẹp chiếc hèo vào nách bắc loa tay lên miệng, dướn cao người, hô vang động cả rừng núi.

Con Nâu⁽¹⁾ đứng lại. Cả đàn dừng theo. Tiếng gặm cỏ bắt đầu trào lên như một nong tằm ăn rồi không lờ. Con Ba Bóp⁽²⁾ vẫn phàm ăn tục uống nhất, cứ thúc mãi mồm xuống, ủi cả đất lên mà gặm. Bọt mép nó trào ra, nom đến là ngon lành. Con Hoa ở gần đó cũng hùng hục ăn không kém, mặc dầu ả có bộ mã tiểu thư rất yếu điệu « cái đá cần làm đôi ». Gã công tử bột vẫn xán ở bên cạnh ả, mồm vừa gau gáu gặm cỏ, mắt vừa liếc sang lem lém.

Mẹ con chị Vàng ăn ở riêng một chỗ cùng con Cún. Cu Tũn⁽³⁾ dờ hơi chốc chốc lại chạy tới ăn tranh mẩu cỏ của mẹ. Chị Vàng lại dịu dàng nhường cho nó và đi kiếm một búi khác.

Nhấn đứng ngậy người nhìn đàn bò. Những tiếng nhai cỏ rào rào, ngon lành, liên tiếp dội vào lòng anh những tiếng reo nao nức. Anh tưởng như nom thấy đàn bò đang từ từ béo ra, lớn lên và đang sinh sôi nảy nở đàn đàn lũ lũ ở ngay trước mặt anh.

... Đàn bò, sau một ngày ăn no nê, đi rất thong thả, phồn phor. Nhấn vẫn đi sáu chúng, nhưng anh không cười như hồi sáng nữa. Anh vừa đi vừa lăm rằm nguyên

rửa con Ba Bóp. Nó là con ôn vật ! Nó là con beo vồ ! Bao nó trăm lần nghìn lần cũng vậy. Nó phụ công lao của anh. Nó không thương anh một tí nào gọi là có. Nó phá hoại kế hoạch sản xuất của nông trường... Chuyến này bắt được nó về, nhất định phải dả ! Phải dả cho một trận nên thân thì bận sau nó mới chữa. Con khốn nạn...

Hộ Pháp vẫn khoác chiếc chăn trấn thủ lóc xóc, đứng đợi Nhấn ở đầu nhà ngủ :

— Bò nó chữa ! Thôi mau tắm rửa, thay quần áo đi ! Cơm canh còn nóng nguyên, kéo nguội tiết cả bây giờ !

Mặt Nhấn vẫn tối sầm sầm : anh rút mạnh đóng chuồng :

— Con Ba Bóp lại chạy mẹ nó đâu mất rồi !

— Cái gì ? Nó lại chạy rông rồi à ? — Hộ Pháp tròn hai con mắt.

Lúa hết đàn bò vào chuồng, Nhấn lại vội lấy hèo.

— Thế cậu không ăn lấy một miếng đã hử ? — Hộ Pháp nắm lấy vạt áo Nhấn.

— Chẳng cơm, chẳng nước gì cả, đang đói tiết đây !

Nói đoạn anh xăm xăm đi ra cổng. Con Tô chạy tể đuổi theo.

Đêm cuối đông tối mù. Gió thổi lồng lộng, rét buốt bên tai. Đường gồ lên, dốc xuống, lồi lõm vệt bánh xe. Nhấn vấp ngã dúi dúi. Anh băng ra con đường cái đá đi về tỉnh. Theo kinh nghiệm, anh đoán là con Ba Bóp no bụng, quăng mớ chạy đi, chắc chỉ đi theo con đường cái lớn. Bộ nó không đời nào dám rẽ vào rừng vì còn sợ cộp.

Nhấn đi như chạy. Con Tô dường cũng sốt ruột như chủ, chạy phóng lên phía trước. Khi đã khá xa, nó đứng lại đợi, theo thói quen, lại ghếch một chân lên đài tè sang vệ đường.

Nhấn đi tới một ngã ba. Mấy quán hàng cơm, hàng nước thấp đèn sáng trưng. Một dãy xe bò chở hàng đồ ở dọc đường cái đá. Một gánh phở bốc khói nghi ngút, mùi nước dùng thơm ngào ngạt. Nước miếng ở đâu mà tứa ra nhiều thế? Nhấn chép miệng rồi ngoái cổ vào hỏi thăm:

— Ông phở ơi! Có thấy con bò lưng đen bụng vàng nào vừa chạy qua đây không?

Bác phở vẫn đều tay băm hành trên thớt:

— Không! Từ tối giờ chẳng thấy gì sốt!

Nhấn đã thất vọng thì một bà hàng nước đã nói vọng ra:

— Có đấy anh ạ! Em vừa thấy một con bò chạy qua đây xong. Cứ ngỡ là bò của hợp tác trong xóm.

— Nó chạy qua đây lâu chưa hả bà? — Nhấn mừng quýnh.

— Vừa xong! Anh nhào⁽⁴⁾ mau lên thì kịp đấy!

Hai chân Nhấn như quang lên cõ. Quên cả đói, quên cả rét. Con Tô cũng dài bụng ra chạy theo. Song, càng đuổi thì càng mất hút. Nhấn lại tức điên lên. Con Tô sủa ừng ực. Tới một dãy phố xép khác, Nhấn cố nén giận hỏi thăm một lần nữa. Lại người bảo có thấy và lại người bảo không thấy. Chán quá. Nhấn đứng lại thở dốc. Gió táp vào mặt làm cho ngực anh rức lên nước mũi đổ ra ròng ròng.

Anh đứng tần ngần mấy giây rồi lại cầm đầu cầm cổ chạy. Và lại thở, lại lầm rầm nguyên rủa.

Khoảng chín giờ đêm, tới phố Quảng, cách thị xã độ ba cây số, anh chợt nom thấy phía trước có một người xách một chiếc đèn chai đi tới. Ánh đèn đỏ xuộm, hắt xuống mặt đường lấp ló những đá. Lại có người đề hỏi thăm đây rồi! Người đó tới gần. Đó là một ông cụ đầu trùm khăn vuông kín mít, mình vận một chiếc áo

bông đã sờn rách, quanh lưng buộc một sợi rơm. Ông cụ tuy đã cao tuổi nhưng hai con mắt vẫn còn tinh tường và dáng đi nhanh nhẹn y như một người con trai.

Ông cụ nom thấy Nhấn chạy tới, bèn dừng lại, giơ chiếc đèn lên soi.

— Anh đi đâu? Đi tìm bò phỏng?

Nhấn vừa ngạc nhiên, vừa ngờ ngợ, mừng mừng:

— Vâng! Sao cụ biết ạ?

Ông cụ cười khà khà:

— Thế lão có tinh không nhá! Thôi vào đây, vào đây! Bò đây rồi!

Nhấn thở trút ra một cái, nhẹ bỗng người. Thì ra lúc chập tối ông cụ định sang cái xóm ở bên này đường để thăm thằng cháu ngoại ốm đau. Khi ra tới đường cái thấy một con bò cõ đeo sổ đang chạy rông một mình đoán là bò của Chính phủ lạc, ông cụ «hộ»⁽⁵⁾ nó lại. Song nó không nghe, cứ cong đuôi chạy. «Hộ» một lần nữa chẳng được, «hộ» hai lần cũng không xong. Nó cứ tể lên như muốn trêu tức ông lão. Song, chẳng may cho nó gặp phải tay không vừa. Ông cụ cõ phăng ngay áo bông rồi chạy theo. Thoáng cái ông đã bắt kịp nó, vô mộng đánh dết một cái, nhảy phắt lên lưng cu cậu và kẹp chặt hai đùi lại. Con Ba Bóp cũng chưa chịu, cứ lồng lên như hóa rồng. Ông cụ cúi tiết, một tay cầm đuôi nó kéo giắt lại, một tay cứ nhè lưng nó mà dấm, đồng thời hai gót chân thúc thật mạnh vào báng cu cậu. Cuối cùng con Ba Bóp đành phải chịu thua. Nó phải ngoan ngoãn đi theo ông cụ về nhà. Hiện nay nó đang ở gốc cây bưởi sau vườn. Đoán biết là thế nào cũng có người đi tìm bò, nên ông cụ xách đèn đi đón.

— Cảm ơn cụ quá! May quá, không có cụ thì... Thôi cháu xin cụ, cháu về kéo khuya rồi!

— Hượm cái đã ! Vào uống hớp nước cho ấm bụng đã! Mặt mũi lạnh xanh xám cả rồi đây này ! Ông cụ kéo Nhấn vào trong nhà, vặn to đèn lên rồi sai cô con dâu đi đun nước.

Một lúc sau, ông cụ đưa Nhấn ra vườn rau. Con Ba Bóp đây rồi ! Con ôn vật đây rồi ! Cái mặt nó nháng nháo sao mà ghét đến thế kia chứ ! Con vật cũng đã nhận ra chủ nó, con mắt nó ánh lên xanh lét, vừa có vẻ mừng vừa có vẻ sợ. Nó cúi gầm mặt xuống ra cái điều biết lỗi lắm rồi đây, Nhấn cười nhạt cầm mũi nó kéo lên :

— Hừ ! Ba Bóp đấy à ? Giỏi ! Giỏi lắm ! Giỏi lắm con ạ !

Con bò đứng im không dám ho he, động đậy, hai mắt nó chốc chốc lại liếc trộm Nhấn một cái để dò xét thái độ. Nhấn mượn một cái đoạn chạc buộc vào sừng nó, rồi cầm ơn ông cụ, kéo ra cổng. Nó đi cung cưa. Ra tới đường cái đá, gió rít lên ào ào. Tuy lạnh cứng mũi, nhưng cơn giận của Nhấn đã bốc lên nóng rực cả đầu rồi.

— Đi con beo vồ ! Con khốn nạn này ! Chuyến này mày về sẽ biết tay tao! Tao có phải là người nhu nhược đâu cơ chứ ! Mày phá kỷ luật lần này là lần thứ mấy ? Hừ ? Mày phá cả kế hoạch của nông trường ! Mày hồng ! Tao tưởng mày ăn no thì mày ngoan cơ chứ... Hừ, con beo vồ, con khốn nạn !

Nhấn vừa dong nó đi, vừa mắng sa sả. Anh mắng không còn tiếc lời, mắng với tất cả sự tức giận và cả bầu nhiệt tình của mình. Con Ba Bóp vẫn cứ cung cưa đi, không dám nói năng nửa tiếng. Nhưng bỗng « khục ». Đi qua một con suối cạn, nó vấp phải một tảng đá to: cả hai chân trước nó quỵ xuống. Nhấn đang hùng hổ nói, vội im bặt. Anh cuống quýt quỳ cả hai đầu gối

xuống đồng sỏi đá, ghé vai vào bụng con Ba Bóp để đỡ nó dậy.

— Giờ ời, mắt với mũi! Mày đi với đứng thế hả ? Giờ ời là giờ ời.

Nhấn rên lên như chính mình vừa ngã một cái chết chếng. Con Ba Bóp đã đứng dậy được rồi, nhưng vẫn còn đau. Hình như nó bị treo một gối thì phải. Cái chân phải của nó cứ giật giật rồi cào cào xuống đất. Nó bước đi tập tễnh. Ruột gan Nhấn như xát muối. Anh vội « họ » nó lại rồi ngồi thụp xuống nắn bóp cái chân đau cho nó. Anh đã quên tất cả mọi tội lỗi của nó rồi. Con tức giận của anh đã bay biến đi đâu mất hết. Anh chỉ còn thấy thương nó vô hạn. Tội nghiệp cho nó, mới được bữa no, đã ngã một cái đau quá. Thế này thì, « của thiên lại trả địa », nó lại gầy sút đi cho mà xem.

— Khổ chưa con ! Ai bảo quảng mỗ chạy đi cho nó khổ thế này ? Có đau lắm không ?

Hai bàn tay anh xoa xoa, nắn nắn mãi đã phát nóng rức lên. Con Ba Bóp cứ đứng lìm lìm cặp mắt rồi bỗng « ồ » lên một tiếng và bước đi thủng thẳng. Nó cảm động trước thái độ của chủ nó đấy. Nó ve vẩy cái đuôi. Chân nó còn đau, nhưng hình như nó cố đi cho mạnh bạo, khỏe khoắn.

Con Tò lại phóng lên phía trước, đứng đợi và lại ghếch chân dài tề.

Nhấn về tới doanh trại thì đồng hồ cũng vừa chỉ mười hai giờ. Một chiếc lồng bàn úp trên bàn ăn, Hộ Pháp vẫn còn khoác chắn ngồi xù xù ở đó, ngủ gà ngủ gật. Chốc chốc anh ta lại cúi đầu, đập cái mũi to và đỏ như quả cà chua xuống mép bàn. Khi nghe tiếng động, anh mới choàng dậy:

— Đã về đấy hử ? Tìm thấy nó chưa ? Cơm canh nguội tiết cả ! Nguội tiết cả rồi còn gì.

Khi vừa đặt mình nằm, kéo chiếc chăn ấm hùm lên trùm kín đầu thì Nhấn lại nghe thấy tiếng rì rầm ngoài trời. Lại cái tiếng êm êm, dịu dịu rơi rơi. Và trong âm thanh ấy lại có tiếng cỏ non đang đua nhau nảy mầm đâm lá.

— Lại mưa rồi Thịnh ạ.

— Ừ ! Mai cỏ lại lên mạnh ra phết !

Ngoài trời mưa mỗi lúc một mau hơn. Hơi lạnh thấm qua các vách nứa, thấm qua cả giấc ngủ. Hộ Pháp bắt giấc quay sang :

— Này Nhấn ! Hôm nay có tranh thủ học được tí nào không thế ?

— Tương đối, tương đối ! — Nhấn khẽ trả lời trong giấc ngủ đang dịu dàng kéo đến.

1-1960

HỒ PHƯƠNG

(Trích *Cỏ non*, tập truyện ngắn,
Nhà xuất bản Văn học)

CHÚ THÍCH

Câu chuyện xảy ra ở một nông trường. Trời hạn. Sương muối dốt cháy hết cả cỏ. Đồi nào đồi ấy trơ trụi.

Mùa xuân đã tới. Mưa bụi ! Mưa bụi ! Cỏ non bắt đầu mọc. Nhấn và Hộ Pháp, hai anh chăn bò vui sướng hẳn lên. Đàn bò cũng ồn ào, nhộn nhịp kéo ra đồi gặm cỏ. Đoạn văn trích trên đây cho ta biết phân kể tiếp câu chuyện. Tư tưởng chủ đề của tác phẩm là tình thân làm chủ của những người chăn bò ở nông trường.

(1) *Con Nâu*, *con Hoa*, *chị Vàng* : tên gọi thân mật những con bò theo màu lông của chúng. (2) *Con Lũ Bóp* : Ba Bóp, tiếng thân mật, có nghĩa là búồng bính, ngỗ ngược, đây là tên một con bò có tính nết trên. (3) *Con Tún*, *Cu Tún* : tên gọi thân mật một con bò đực. (4) *Nhỏ* : chạy (5) *Hạ* : tiếng dùng để gọi trâu bò dừng lại.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Em có nhận xét gì về nghệ thuật miêu tả thiên nhiên và loài vật của Hồ Phương trong truyện ngắn này ?

2. Qua tâm trạng, hành động của Nhấn em thấy Nhấn có những phẩm chất gì của con người lao động làm chủ tập thể ?

3. Em học tập được những gì trong nghệ thuật kể chuyện và cách dùng ngôn ngữ của Hồ Phương ?

MỒ ANH HOA NỮ

Hôm qua chúng giết anh
Xác phơi đầu ngõ xóm
Khi lũ chúng quay đi
Mắt trừng còn dọa dẫm:
Thằng này là cộng sản,
Không được đưa nào chôn
Không được đưa nào chôn ?
Lũ chúng vừa quay lưng,
Chiếc quan tài sơn son
Đã đưa anh về mộ.

Đi theo sau hồn anh,
Cả làng quê, đường phố,
Cả lớn nhỏ gái trai
Đám càng đi càng dài,
Càng dài càng đông mãi.
Mộ anh trên đồi cao,
Cành hoa này em hái,

Vòng hoa này chị đem,
Cây bông hồng em uơm
Em trồng vào trước cửa.
Mộ anh trên đồi cao.
Bông hồng nở và nở,
Hương thơm bay và bay
Lũ chúng nó qua đây
Mắt điều không dám ngó.

Trên mộ người Cộng sản
Bông hồng đỏ và đỏ
Như máu nở thành hoa.
Trong trang sử nước nhà
Trận sau cùng chiến thắng.

Tháng 10-1956
THANH HẢI (1)

CHÚ THÍCH

(1) Thanh Hải nhà thơ miền Nam. Trong kháng chiến chống Pháp, ông đã làm một số bài thơ.

Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, ông tiếp tục làm thơ và thơ ông lớn lên theo phong trào.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Tội ác dã man, hèn hạ và sự thất bại nhục nhã của kẻ địch hiện lên qua bài thơ như thế nào? (chú ý phân tích hình ảnh của chúng ở đầu và cuối bài thơ).

2. Tâm lòng của nhân dân đối với người cộng sản, sự bất diệt của lý tưởng cộng sản được thể hiện ở trong bài thơ như thế nào (phân tích hình ảnh đám tang, hình ảnh ngôi mộ và hình ảnh bông hồng)?

BÓNG CÂY KƠ NIA (1)

Theo điệu Ka choi

Buổi sáng em làm rẫy
Thấy bóng cây kơ nia
Bóng ngả che ngực em
Về nhớ anh, không ngủ...

Buổi chiều mẹ lên rẫy
Thấy bóng cây kơ nia
Bóng tròn che lưng mẹ
Về nhớ anh, mẹ khóc...

Em hỏi cây kơ nia:

- Gió mây thổi về đâu?
- Về phương mặt trời mọc.
- Mẹ hỏi cây kơ nia:
- Rễ mây uống nước đâu?
- Uống nước nguồn miền Bắc.

Con giun sống nhờ đất
Chim phỉ (2) sống nhờ rừng
Em và mẹ nhớ anh
Uống theo nguồn miền Bắc.
Như bóng cây kơ nia.
Như gió cây kơ nia

Của dân tộc Hơ rơ
NGỌC ANH phỏng dịch 1959

CHÚ THÍCH

(1) Loại cây to và khỏe, gió bão không đổ. (2) Chim nhỏ đẹp, hay lượn trên đường lượn.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Lòng thương nhớ, đức thủy chung, niềm tin tưởng của nhân dân miền Nam đối với cán bộ miền Nam tập kết và đối với miền Bắc được biểu hiện trong bài thơ như thế nào? (qua tâm trạng của cô gái và bà mẹ).

2. Theo dõi hình tượng cây kơ nia ở trong bài, em thấy hình tượng đó đã có sự phát triển như thế nào? (Lúc đầu là cái cây gợi nhớ, gợi thương, sau đó, cây được nhân cách hóa nói hộ lòng em, lòng mẹ).

CÂY

Đã bước vào vụ chiêm
Gió mùa run trong lá
Gió thổi se chân mạ
Đất ải bừa trâu đẻ 1.
Nàng từng giành mạ lên
Ngửa bàn tay cấy xuống
Cả nỗi hận tình thương
Cùng cấy sâu vào ruộng.

Cấy ngay đầu hố bom
Cấy bên tầm đạn bắn
Hàng sông với hàng con
Vẫn chạy dài ngay ngắn.

Tiếng mùa đang giục già
Gió thổi lạnh đồng chiêm
Cầm tay vào buốt già
Cấy cả ngày cả đêm

Hỡi quân gây tội ác
Bom đạn bay mặc bay
Cấy trên đồng hợp tác
Không một người run tay.

1-1967

HOÀNG TRUNG THÔNG

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Bài thơ đã phản ánh tinh thần quyết chiến, quyết thắng của nhân dân ta trên mặt trận sản xuất nông nghiệp qua công việc làm ăn cấy cấy khẩn trương, dũng cảm, bảo đảm kỹ thuật. Em hãy phân tích một số hình ảnh, một số từ để chứng minh điều đó.

2. Em có nhận xét gì về nhịp điệu và cách gieo vần ở bài thơ này? Phân tích từ « cấy » ở trong câu : « Cả nỗi hận tình thương cùng cấy sâu vào ruộng ».

CON CHỊ LỘC

Trời đang có mưa.

Những người tù biết trời mưa khi họ vừa bị lừa ra khỏi khám. Họ đón lấy giọt mưa rơi với nỗi sung sướng thâm lặng. Ngọt một năm rồi, họ bị nhốt kín. Sống với rot vọt và bóng tối, họ thêm ánh sáng mặt trời, thêm mưa, thêm cỏ cây. Họ khao khát mọi thứ bình thường nhất mà xưa nay thiên nhiên vẫn rộng lòng ban phát cho mọi người.

Quá là ai cũng muốn bước thật chậm. Người nào cũng muốn đặt bàn chân lâu lâu trên đất. Bởi vì họ hiểu rằng chẳng mấy chốc nữa họ sẽ xa đất rất lâu. Và có thể sẽ xa đất mãi mãi.

Còn đảo với họ ngày nào còn là một hòn đảo ghê rợn trong tưởng tượng thì bây giờ tất cả mọi hiện thực ghê rợn về hòn đảo ấy đã gần gũi lắm.

Nhưng cái khoảng cách giữa công khám và những chiếc xe đò chở họ đi đâu đó xa. Nên đâu họ có đi chậm mấy, đâu họ

cổ nuôi tiều (1) mấy, cuối cùng rồi cũng không thể giữ được mảnh hồn hương của đất dưới đôi bàn chân.

Người tù lẻ bước đi sau hết là một phụ nữ có mang. Trong bóng tối, chị thu hai cánh tay bị còng lên ngực, ngửa mặt đón lấy hạt mưa. Một người đi trước ý chừng sợ chị té, quay lại hỏi:

— Chị Lộc, chị đâu rồi?

— Tôi đây!

Chị đáp và đi tới ánh sáng của một chiếc đèn « pin » chiếu thẳng vào mặt chị. Tên lính vừa bấm đèn đó quát:

— Sao đi chậm vậy, bà?

Di nhiên là tên lính ấy không hiểu lý do về sự đi chậm của chị. Hẳn đâu hiểu nỗi mừng rỡ của chị khi bắt gặp những giọt mưa rơi xuống. Ánh « pin đèn » vẫn chưa tắt trên khuôn mặt người phụ nữ. Trông chị chưa quá hăm tám. Khuôn mặt trái xoan thon thả và xanh xao kia, cái đôi mắt sáng không chớp kia có cái gì rất đối cao cả, rất đối trang nghiêm, vượt lên trên số phận tù tội của chị. Đường như chị không thấy có tên lính cùng tiếng quát của hắn. Tên lính thì lại nhận ra đó là một thái độ bướng bỉnh. Hẳn vọng khẩu « tâm-sơn » lên. Nhưng có tiếng người nói sau lưng:

— Dừng, chị ấy có thai!

Cũng chẳng rõ ai nói. Một người tù nào đó. Sau câu nói, mọi người định nhìn một trận đôn sẽ xảy ra. Nhưng không, tên lính không đánh ai cả.

— Chị Lộc, chị mệt lắm không?

— Không sao. Giờ tôi thấy dễ chịu hơn. Mưa mát quá!

Xe hơi chở họ chạy đi. Mưa rơi lộp độp trên mũ xe phủ vải bạt. Trận mưa đêm gọi cho người đi đây nhiều nỗi nhớ. Người nào cũng im lặng nghĩ đến vợ, đến con, nghĩ đến những người đồng chí thương mến đã cùng sống với mình qua những phút gian lao.

Chị phụ nữ mang thai ngồi bẹp dưới sàn xe. Hai tay chị đặt nơi bụng. Chị nghe tiếng mưa rơi rõ hơn tiếng ù ù của xe chạy. Từng giọt mưa có thấm vào lòng chị nỗi lo âu lạnh giá. Chị đang nghĩ đến đứa con. Đêm nay lại bắt đầu những thử thách mới, gian khổ khôn lường. Một câu hỏi luôn luôn ám ảnh chị: « — Liệu con mình có sống được không? Liệu mình có giữ gìn được nguồn hy vọng tươi sáng mà bấy lâu mình mong đợi không? ».

Thật mỏng manh quá.

Sự sống của người đi đây vốn đã mỏng manh rồi, nói chỉ đến sự sống của đứa bé phải ra đời trong cảnh đi đây. Cách đây mười bữa, con phong ba ở Phú lợi đã thổi qua đầu chị. Nay sẽ là biên cả nỗi sống, là hòn đảo chết cứ mỗi lúc một hiện ra, đen xạm. Nay không những chị phải vượt biên; mà chị còn phải vượt cạn (2), vượt qua tất cả những gì tàn bạo nhất của kẻ thù dành cho chị và đứa con của chị. Đứa con! Ôi, hai tiếng ấy có những mãnh lực gì, hai tiếng ấy có những tình yêu và hy vọng gì mà tự thuở còn con gái chị đã nghe nói từ xa. Có chồng rồi, chị Lộc nghe tiếng ấy gọi dậy trong lòng. Có lẽ như hầu hết những người con gái Việt nam khác, trời đã phú sẵn cho chị tấm lòng của người mẹ ngay từ lúc chị chưa biết tình yêu. Chị không thể hiểu được khi nghe nói có những người đàn bà thành phố không muốn đẻ con, nuôi con. Họ chỉ thích kéo dài cuộc sống son rỗi, nhàn hạ. Chị không hẳn là người phụ nữ nông thôn. Chị có sống ở cả hai nơi. Nhưng bất kỳ ở đâu, sao chị cũng ham bế đứa con trẻ trên tay. Với chị, tiếng khóc của đứa trẻ nào mới sinh chị nghe cũng nức. Chị có chồng hơi muộn. Hứa hẹn với nhau thì lâu, nhưng làm lỡ cưới chậm. Có chồng được vài tháng, trong một đêm vợ chồng nằm áp mặt vào nhau, chị thủ thỉ bảo chồng rằng: « Anh ơi, nếu có đẻ con nhiều thì hai đứa mình ráng nuôi nghe, đừng đẻ sơ sẩy đứa nào nghe! ». Anh Lý, chồng chị, chẳng nói sao cả. Nhưng chị biết, dù đêm tối, chị biết anh ấy cười. Người tỉnh úy viên đó hay có cái nụ cười tủm tỉm như thế. Bây giờ anh ấy ở đâu? Chị cũng không rõ. Đòi cách mạng chồng một nơi, vợ một nẻo. Lúc thụ thai được một tháng chị bị bắt. Trước những miếng đòn khảo tra của bọn công an, chị cố tìm cách tránh né sao cho đừng trúng bụng. Có hai cái chị giữ gìn cẩn thận nhất. Đó là những bí mật của Đảng và đứa con. Nhưng bí mật của Đảng thì chắc chắn giữ được chớ miếng đòn kẻ địch đánh lên thân thể thì không sao tránh xiết được.

Sau những lần bị tra tấn, chị thường soát lại coi mình có nói câu gì có hại cho đoàn thể không. Rồi chị bình tĩnh để ý nghe coi cái thai có bị hề hấn gì không.

Độ này đứa bé chồi dậy mạnh khiến chị đau lói, choáng váng. Tỉnh ra thì cũng đã gần ngày. Đứa bé đi vào nhà tù khi nó chồm tượng hình người. Thế là những dự định nho nhỏ của chị cũng không thể có được nữa rồi. Một chiếc nôi đan bằng mây, một cái mũ len xanh da trời nếu chị sinh con gái. Cái mũ sẽ đỏ tươi, nếu chị đẻ

con trai. Làm sao có thể có được trong cái cảnh đi đây này những tấm tá trắng, chàm vài ngũ sắc treo trên nôi, nhíp vông đưa nghè kéo kẹt, và nhất là nụ cười của chồng khi anh ấy cúi xuống bên con...

Ngồi trên xe dẫn ra cái bến biển đầy ai, chị Lộc chụm hai khuỷu tay bị còng lại đặt lên bụng, như giữ lấy đứa con cho nó khỏi bị xóc.

Con mửa mỗi lúc một to. Trong xe tối quá, ngột ngạt quá. Chị Lộc vớ: « — Phải chỉ tẩm vài bát kla trút hờ ra một chút thì thật là sướng ». Chị muốn thở một cái. Nhưng biết làm sao. Tẩm vài bát nọ mớ vào mũi xe bởi những chiếc móc sắt rất khít khao. Mà tay người nào cũng bị xiềng cả. Có muốn mở cũng không được. Lát sau chị Lộc chợt thấy có tay ai quờ quạng chạm lên tay mình. Tiếp theo là một giọng nói khàn khàn.

— Con có mệt lắm không ?

Chị Lộc nhận ra ngay ông Sáu, người tù cao niên nhất đã ở tù chung với chị tại Phú lợi. Chị đáp :

— Con hơi ngột(3)... Bác Sáu có ngột không ?

Ông già an ủi :

— Ráng một chút nữa chán. Gần tới rồi !

— Tới đâu ?

— Chắc là nó đưa mình tới bến Ba son.

Ông già trả lời. Mấy ngón tay gầy ngoắt của ông đưa đi đưa lại suốt vuốt bàn tay Lộc. Một mối xúc động kỳ lạ dâng lên trong người chị. Khi những ngón tay gầy guộc khô chai đó sờ rấm tay chị, và cái còng nơi cổ tay ông già chạm phải cái còng trên cổ tay chị bật lên một tiếng kêu.

Còng số tám USA cái nào cũng hệt như nhau. Nhưng hai bàn tay thì thuộc hai thể hệ khác.

« — Đứa con trong bụng mình lại là một lớp người sau nữa ». Chị Lộc nghĩ.

Trong một chuyến đi đây mà có tới ba lớp người để trước mắt sau. Chị tự hỏi : « Liệu cái còng trên tay mình và trên tay bác Sáu sau này có còn siết lấy cổ tay con mình nữa

không? ». Trả lời câu hỏi đó của chị là tiếng xe hăm rít ở phía trước. Rồi chiếc xe chở chị cũng đột ngột dừng lại. Mọi người bị ngã quỵ vào nhau. Có tiếng giầy dính từ trên xe nhảy xuống, giẫm go sạo trên đá sỏi.

Tên lính đi ra sau xe mở tấm vải bạt. Mọi người trong xe nhòm đây. Tên lính găm gờ :

— Chưa xuống đâu, đợi đó !

Chị Lộc đã thở được một hơi. Chị thấy trong người dễ chịu hơn. Ông Sáu kêu :

— Đứng là bến Ba son rồi.

Dưới ánh sáng của những bóng điện mắc trên lưới thép gai giăng quanh, chị Lộc thấy những tên lính gác cặp súng đứng liên nhau. Bóng sông Sài gòn vỗ i oạp vào bờ đá. Hai chiếc tàu sắt đậu lù lù dưới bến, mồm há ra. Những xe trước cú lên, ghé dít vào sát tấm bồng sắt của con tàu bấy giờ biến thành cái cầu.

Những người tù nhảy xuống, hai tay bị còng cứ thu thu nơi ngực. Chiếc tàu nuốt lấy người này đến người khác. Cái mồm tham lam ấy chứa đến bảy tám xe người mà vẫn chưa chịu đóng lại.

Chiếc xe chị Lộc quay đầu, chạy lùi về mồm tàu. Tên lính thét :

— Xuống !

Mọi người đều nhảy, trừ chị Lộc. Chị không dám nhảy. Có hai anh ghè vào đỡ chị xuống. Tên lính liên tục báng súng vào lưng họ, khiến họ ngã chúi. Họ coi đó là sự thưởng, lồm cồm ngồi dậy.

Dám người bị lừa xuống tàu sau những họng súng Ga-răng lấp ló sáng loáng. Chị Lộc lần đầu bước lên tàu há mồm. Chạy trên tấm sắt dày, chị nghe lạnh ngắt bàn chân. Xuống đây đèn bật sáng lên, tù được tháo còng, để rồi liên đó họ bị cùm chân vào những thanh sắt dài thượt sơn đen đặt sừa trên sàn tàu. Đó là những thanh quỳện vào mình nhứt mà người Mỹ đã chế tạo.

Chị Lộc dút chân vào cái quỳện sắt ấy rồi, bỗng thấy trong người bồn thần khó chịu. Chị khẽ tựa vào lưng một người ở phía sau.

Hầm tàu quá là một cái dạ dày háu đói đến tàn nhẫn. Nó cứ nuốt lấy những người tù bị lừa chạy qua tấm sắt. Đến lúc nó không thể nào chứa thêm được nữa thì hai sợi dây lòi to lớn bằng bắp tay tù từ mồm lòi tấm bồng sắt lên. Mồm tàu khép lại. Tiếng lòi to, tiếng sắt khua động rền rĩ. Đó là tiếng còi chào già bến của những con tàu loại này.

Đèn trong hầm tàu cũng tắt nốt.

Tàu xinh xinh lướt đi trên mặt sông Sài gòn. Chị Lộc cắn chặt môi giữ cho mình khỏi khóc. Bị tra tấn chị chẳng hề ứa một giọt nước mắt. Vậy mà bây giờ chị muốn khóc làm sao. Chị rưng rưng nhớ tuổi nhỏ, nhớ má chị, nhớ tình yêu hé ra trong những ngày đen tối. Giây phút ấy chị thấy lại cái bến sông mà chị thường giặt giũ, gội tóc. Chị cảm thấy tay mình như còn ấm nóng cái bàn tay âu yếm vụng về của anh Lý, mới ngày nào vừa cầm dắt chị đi qua một cánh đồng. Chị còn nhớ gió chiều thổi lật những gốc ra, và phía chân đồng như hãy còn ăm ỉ vọng lại bên tai chị tiếng sấm báo hiệu trời sắp sa mưa.

Con tàu xinh xinh trườn đi trong đêm tối. Tiếng ồn ào của thành phố im dần. Cuối cùng Sài gòn chỉ còn đây lên rào rào như một tổ ong. Sóng nước vã lách chách vào mạn tàu. Cứ mỗi lúc chị Lộc nghe tiếng sóng vỗ mạnh hơn. Tàu bắt đầu bị nhồi lắc.

— Biển rồi!

Một người trong hầm tàu kêu lên.

Tiếng kêu như một lần nữa báo cho những người đi đây biết rằng cái gì ở lại sau lưng đều đã ở lại. Gió lùa qua các cửa sổ tròn. Chị Lộc sợ mình bị ngộp nhận, nên chị nhồm lên nhìn. Sau cửa, chỉ có đêm đen với những lượn sóng bờ nhào, đầm đìa ánh sáng.

«— Ra tới biển thật rồi!». Chị tự nhủ và ngồi xuống. Nhưng bấy giờ bỗng chị thấy bụng hơi đau. Rồi cơn đau bất ngờ oằn lên khiến chị lạng người đi. Hai tay chị bấu lấy thanh sắt quặng chân, mồ hôi vã ra hai bên thái dương. Trạng thái cơ thể báo cho chị biết rằng đây không phải là một cơn đau bụng thường. Chị gắng chịu cho tới lúc không dám im chịu nữa. Chị phều phào gọi:

— Mấy anh ơi!

— Gì đó?

— Tôi đau quá!

— Ai? Chị Lộc hả, sao?

Những đôi bàn chân đưa tới, sờ soạng trong bóng tối tìm chị. Tiếng ông Sáu hỏi:

— Con Lộc hả? Sao đó con?

— Dạ, con đau bụng quá. Có lẽ...

Ông già không đợi Lộc nói nữa, quát luôn:

— Ai ở gần cửa đập cửa kêu tụi nó coi! Nói có người chuyển bụng đẻ...

Tám cửa sắt ngăn hầm tàu và những căn phòng ở phía trước bị gót chân giậm rầm rầm. Người giậm cửa có lẽ mỗi cả chân rồi mà cánh cửa vẫn không động đậy.

— Chắc tụi nó ngủ. Đập mạnh nữa đi!

Tám cửa sắt lại bị những người gần đấy đập đủ dội. Lát sau, cánh cửa kêu rít lên. Đèn trong hầm tàu bật sáng. Tên lính thò đầu qua khe cửa mở hể, hỏi:

— Làm cái gì om sòm vậy?

— Có một người phụ nữ chuyển bụng đẻ.

Tên lính trở mắt:

— Đẻ hả? Ai đó?

— 1 090.

— Thiệt là rắc rối quá. Thôi để tôi báo trung úy.

Tên lính rút đầu vào. Những người trong hầm tàu sốt ruột chờ hẵn trở lại. Chị Lộc bây giờ đã nằm xuống hầm tàu. Mà chân trái chị vẫn bị giữ trong quặng sắt.

Tên lính đã trở lại. Lần này có cả tên trung úy đi theo. Hai tên lách mình qua cửa. Tên trung úy day sang nói gì với tên lính. Tên lính liền móc xâu thìa khóa cùi xuống mở thanh cùm bên phía chị Lộc và hất hàm :

— Số 1090, rút chân ra nghe !

Chị Lộc từ từ rút chân mình ra,

Thanh cùm lại đóng khéo những bàn chân kia lại. Tên trung úy nói :

— Trên tàu không lo được chuyện chữa đẽ.

— Y tá của các ông đâu ?

— Không có y tá ?

Giữa đám người bỗng có một cánh tay giơ lên :

— Tôi làm việc đó được. Mở cùm cho tôi !

Người vừa nói ngồi tậ trong xó tàu. Sự lên tiếng của anh ta đem lại hy vọng cho cả hầm tàu. Tên trung úy ngó lơ chỗ khác một lúc rồi day lại hỏi :

— Thằng nào mới nói đó ?

— Tôi, 1212 !

— Mà biết làm cái nghề đó à ?

— Biết.

Tên trung úy đứng lưỡng lự một chốc rồi bảo tên lính :

— Mở cho nó ra !

Chùm chìa khóa lại khua lên. Tên lính mở thanh cùm sắt trong vách tàu cho người tù số 1212 rút chân ra.

— Chúng tôi xin đi thêm hai người nữa !

Hai anh ngồi cạnh anh 1212 vừa nói vừa rút chân ra luôn.

Tên trung úy thét :

— Không, không được !

Tên lính nói nhỏ vào tai tên trung úy :

— Thừa trung úy, cứ cho tụi nó đi. Hai thằng đó có thể nấu nước.

Mọi người lao xao :

— Ông không có y tá thì để chúng tôi giúp đỡ nhau.

Tên trung úy cười gằn :

— Máy người giỏi gánh vác cho nhau lắm...Thì cứ đi theo mà gánh vác. Nhưng tôi cho hay phải lo chỗ nằm cho chị ta đó. Ở trên đẽ thì được chớ không nằm được đâu !

Ba người từ bước ra. Họ tiến đến chỗ chị Lộc. Đỡ chị dậy đi. Sóng biển bây giờ xó mạnh hơn. Con tàu chao lắc quá, nên bước đi của họ cũng rõ là vất vả hơn. Họ miết ngón chân xuống sàn tàu người nghiêng nghiêng.

Cánh cửa sắt khép lại.

Khi bốn người đã đi, không khí trong hầm tàu có cái gì không giống trước. Đành là tên lính không tắt đèn. Do đó mà hầm tàu có ánh sáng. Nhưng cái khác trước đây là mọi người đều ngồi dậy cả. Những tiếng nói ào xào :

— Cho hai người đi thêm là rất hay !

— Phải rồi, tin tụi nó đâu được.

— Quân khốn nạn quá. Chị em có chữa xin buồn⁽⁴⁾ lại để cũng không được. Thằng Diệm mà chết thì mả của nó rồi cũng bị trời đánh tét hai⁽⁵⁾ như mả ông già nó thôi !

— Tôi sợ thằng nhỏ khó sống. Có ta bị nó đánh cũng nhiều...

— Trời ơi...Mong sao mẹ tròn con vuông. Ra đảo rồi thì tụi mình cố mà đùm bọc cho hai mẹ con...

Mọi người nguyên rửa, bàn bạc, lo lắng. Ngót ba trăm con người ấy đang hồi hộp đón đợi sự ra đời của một con người. Họ chờ cánh cửa nhích ra. Khi mà biển cả trong đêm thâu vẫn gào lên. Và gió rú dữ dội. Gió xát vào mạn tàu, thổi hù hù qua các cửa sắt. Những người đi đây chột quên khuấy cái hòn đảo khủng khiếp mà con tàu sẽ đưa họ đến trong ngày mai. Bây giờ hầu như không ai nghĩ tới hòn đảo chết chóc ấy nữa. Cả hầm tàu nghĩ tới đứa bé, và người mẹ của nó. Họ hy vọng và họ ngờ vực. Đêm đi đây không im lìm tăm tối nữa. Hình như đêm bị đánh thức, sáng lòa từ lúc ông già Sáu thét người đập cửa, anh 1212 lên tiếng: — « Tôi làm việc đó được! » và hai anh khác tự động rút phốt chân ra khỏi cùm, đứng dậy.

Một người ở cạnh chỗ chị Lộc nằm ban nãy nói:

— Giờ phải sửa soạn chỗ nằm cho hai mẹ con chớ.

Người đó nói đoạn liền cởi áo của mình ra, lẳng tẻ trải lên khoang tàu.

Người thứ hai bên cạnh cũng làm y như vậy. Người thứ ba, rồi người thứ tư cởi áo mình chuyền lại. Cứ thế, loáng sau chỗ đó đã lợp thành nệm. Một cái nệm tạo nên bằng những tấm áo tù có in ba chữ tắt C.T.P⁽⁶⁾. Đến lúc người tù trải áo kêu lên: « Thôi, thôi, nhiều quá rồi! » thì những tấm áo vẫn còn chuyền tới trên tay. Và người ta vẫn còn cởi áo.

Những ai sau khi đã cởi áo của mình ra quả là họ thấy có lạnh hơn, nhưng lại thấy yên lòng hơn lúc còn mặc áo.

Không biết con tàu đã vượt thêm bao nhiêu dặm biển nữa rồi. Thời gian có vẻ đi chậm lại. Ai cũng bồn chồn tự hỏi:

— « Sao lâu quá, chẳng biết có chuyện gì xảy ra không? » Mọi người nôn nao muốn chạy lại kéo cửa để

tìm tới chỗ chị Lộc. Nhưng thanh quyền sắt giữ chặt chân họ. Làm sao mà chạy đi cho được.

Bọn người ở Bắc Mỹ chế cây cùm phải nói là khéo. Chỉ vài thanh sắt thôi mà giữ được cả trăm con người.

Nhưng những con người ở đây không chạy được thì họ cũng chẳng chịu yên. Họ dùng một chân còn lại đập cửa. Cánh cửa sắt lại tung lên rầm rầm. Nhưng nó vẫn không mở ra.

Thình lình giữa lúc ấy có tiếng thét từ bên cửa vọng lại. Rồi có ai ngã dúi vào cửa. Mọi người trong hầm tàu đều nhồm lên. Bên kia cửa hình như có tiếng giầy đinh nện xuống sàn tàu lộp độp, tiếng dấm đá huỳnh huých, tiếng giăng xé, la lối găm ghè. Đột nhiên, cánh cửa mở sịch ra. Người mở cửa không phải tên lính mà là một trong số hai người tù ban nãy. Anh ta ráng sức kéo cánh cửa. Còn tên trung úy và mấy tên lính thì đang cố ghì lại. Thừa cơ hội đó, anh tù 1212 bẻ đứa bé đồ hồn chun lòn qua cửa. Anh ta chạy bỏ vào giữa đám người trong hầm tàu. Tên trung úy và mấy tên lính lão đảo rượt theo. Nhưng mọi người đã cản chúng lại. Anh tù 1212 nói qua hơi thở hồng hển:

— Nó...nó tính liệng thẳng nhỏ xuống biển.

— Trời...

Cả hầm tàu găm lên. Tức khắc tên trung úy và mấy tên lính bị lôi té sấp xuống. Chúng bị những người tù đè chặt. Tên trung úy bị một tay siết lấy cổ họng. Hắn kêu ăng ặc. Khi ông già Sáu quay lại thì thấy đôi mắt tên trung úy đã trợn ngược. Ông nói:

— Buông nó ra!

Bàn tay đang bóp cổ tên trung úy từ từ nới nhẹ. Tên trung úy nghẹo vật cổ, lưỡi thè lè trông rất ghê sợ.

Hắn đã tắt thở.

Chiếc tàu đó không bao giờ đi tới Côn đảo. Con phần nọ đã đẩy những người tù tới hành động mà họ không tính trước. Sau khi chời⁽⁷⁾ cái xác tên trung úy qua cửa sổ, những người tù bắt tên lính mở cùm. Họ trèo ra khỏi hầm tàu, bắt hết bọn lính trời lại, rồi kẻ sùng buộc tên cầm lái chạy về hướng mũi Cà mau.

Đến trưa hôm sau, chiếc tàu rướn vào bãi cạn Viên an, mồm đất chót vót của Cà mau. Những người tù đổ xăng đốt chiếc tàu. Họ lừa bọn lính lên bãi được mới mọc, và bỗng theo cả đũa bé oa oa khóc.

...Cho đến bây giờ, đũa bé cũng hãy còn. Nó đã lên bảy, mập mạnh và rất nghịch ngợm. Giá như mẹ nó không nói thì tôi cũng chẳng biết nó được sinh ra trong cái đêm dữ dội ấy đâu.

Tháng 2-1964

ANH ĐỨC

(Rút trong *Rừng thư Cà mau*, tập truyện ngắn và bút ký từ miền Nam gởi ra)

CHÚ THÍCH

(1) *Nuốt tiếu*: quỵên luyến, nhớ tiếu. (2) *Vượt cọn*: chỉ việc đi con. (3) *Hơi ngớt*: hơi khó thở, hơi ngớt. (4) *Xin hướn lại*: xin hoãn lại. (5) *Đánh tét hai*: đánh tách ra làm hai. (6) *C.T.P.*: chữ viết tắt chính trị phạm. (7) *Chời*: ném ra.

Truyện *Con chị Lộc* sáng ngời tình thảo của chế độ nghĩa nhân đạo cộng sản, đại đảo tình mẹ con, tình đồng chí thắm thiết. Tác giả đã gắn liền số phận của chị Lộc, của đũa con chị với cả tập thể anh em tù, gắn liền việc bảo vệ bí mật của đoàn thể với việc bảo vệ đũa con trong bụng và trong những quan hệ đó, cách mạng, đoàn thể bao giờ cũng được đặt lên hàng đầu.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Mối tình đồng chí chiến đấu và tâm lòng nhân đạo của các chiến sĩ cách mạng được thể hiện qua truyện này như thế nào (phân tích qua tập thể nhân vật các chiến sĩ cách mạng và đặc biệt là nhân vật chị Lộc)?

2. Bộ mặt hết sức dã man, vô nhân đạo của giặc thể hiện qua truyện này như thế nào (phân tích qua hành động, ngôn ngữ của chúng)?

3. Cách kết thúc câu truyện bất ngờ mà hợp lý đưa lại cho em suy nghĩ gì? Liên hệ với thực tế để chứng minh rằng: tội ác dã man của đế quốc Mỹ và tay sai như lửa đổ dầu thêm chỉ càng gây thêm lòng căm thù của quần chúng cách mạng và tạo nên sức mạnh vũ bão tiêu diệt chúng.

NHỮNG NGÀY NỖI GIẬN

Những ngày nổi giận cũng là những ngày lòng ta cháy bỏng thương yêu. Trước đây, bao lần đạp xe vụt qua chiếc cầu này, nào tôi để ý. Cầu bị bom Mỹ ném sập, sửa lại cho khách bộ hành đi tạm, đêm nay được đặt từng bước chân trên những miếng ván khập khểnh, lòng tôi xúc động ngàn nào. Đi mỗi bước muốn dừng lại nhìn ngắm, nghĩ suy mỗi bước. Thương yêu chiếc cầu cũ sập đi, thương yêu chiếc cầu mới vừa thay thế, thương yêu những đồng chí công nhân bao đêm hì hục sửa cầu, thương yêu bao người cùng mình qua cầu đêm ấy. Trong một chiếc cầu, mà bỗng nghĩ đến vận mệnh của đất nước chúng ta. Thương yêu đến đâu, càng sôi sục căm thù đến đó. Cái phút ta có thể quì xuống để hôn lên từng cái đinh, óa ra trên từng bàn tay lấp ván, cũng là phút ta giáng hết sức lực để thọc sâu mũi dao giận dữ vào cổ họng quân thù.

Kẻ thù của ta vô cùng tàn ác. Xin chờ có ai mơ hồ nghĩ rằng thằng Mỹ, bây giờ « đại khái » cũng là như

thằng Pháp xưa kia. Phải thấy hết tính chất « mới » của nó — đặc biệt là « mới » trong âm mưu xảo quyết, trong sự nhẫn tâm — và hãy gọi nó là « quân thù mới ». Khi nhìn những hố bom như giếng đào sâu vào các nơi ẩn chôn ở của những gia đình ở Đồng Hới, tôi ngỡ đây là sự tốt cùng vô nhân đạo của chúng rồi. Nhưng đến khi thấy bệnh viện, trường học Ba đồn tan thành gạch vụn, những học sinh, những bệnh nhân, những thầy thuốc bị cháy ra tro, tôi mới biết hôm qua mình đã dại khờ. Đến lúc lại thấy 29 em bé ở Mỹ đức bị bom Mỹ tiện chân, hay cắt mất đầu thì lại càng vỡ lẽ ra rằng cho đến hôm nay mình vẫn còn ngốc nghếch. Lòng chúng ta nhân đức quá, chúng ta không quen nghĩ đến việc giết ai, nên cũng không nghĩ đến tốt cùng, đến cụ thể cái việc ai đó có thể giết mình một cách bạo tàn. Và sự thực hôm nay đã xé toạc, xé toang cái nhân đạo mù sương, cái mù sương nhân đạo⁽¹⁾ đó. Có, chúng ta cũng có nghĩ đến cái sự đã man đến mức tối đa của chúng. Nhưng đầu sao vẫn nghĩ như là cái đã man của những con người! Ở đây, đâu còn có những con người. Cái ranh giới cuối cùng giữa người và thú, chúng đã vượt khỏi từ lâu, 100% chúng đã hóa thú rồi, chúng là những con thú mới.

Cứ xem như những mẫu bom, những viên rốc-kết của chúng. Làm để giết người sao chúng làm đẹp thế kia. Quả là chúng đang thờ phụng một nghệ thuật giết người, đang quì xuống nâng cái việc giết người lên thành nghệ thuật. Đúng hơn, bọn chúng đang đầu tư⁽²⁾ tất cả trí não, tinh lực vào một nền thương mại, một nền kỹ thuật giết người, giết thế nào cho được hiệu nghiệm tối đa, lợi nhuận tối đa⁽²⁾ cho thỏa thích cái máu con buôn của chúng.

Hình như đế quốc Mỹ không bằng lòng có một tiếng « bom » chung, trừu tượng, khái quát. Với từng khách

hàng riêng, tên ác thương, gian thương⁽³⁾ ấy thích có một cỡ hàng riêng, với từng cỡ thịt có từng cỡ bom, với từng cỡ người lại có một kiểu giết người thích hợp. Đây là bom tạ, bom tấn để lấy máu được nhiều người cùng một lúc. Nhưng liệu thả bom to có chung chung bề bề mà bỏ sót ai chẳng! Vậy thì bom bi, chúng đã có bom bi. Bom này vỡ ra trăm nghìn mảnh li ti tìm đến từng người, để tỉ mỉ găm vào thịt da ta từng mảnh. Bom sát thương⁽⁴⁾ bộ binh — không phải dành cho bộ binh đâu, bộ binh gì những trẻ em còn bú ở Mỹ đức — nhưng chính là để nó phát ngang là là mặt đất đón đường những ai chưa kịp xuống hầm. Bom lân tinh⁽⁵⁾ là để truy kích cả những người nhảy xuống nước, xuống ao lên. Và hàng chục thứ bom khác mà tôi nhường cho các nhà nghiên cứu quân sự phân tích hộ.

Mưu mẹo nhiều nhưng⁽⁶⁾, mặt hàng rồi rầm, nhưng công của Giôn-xon, Mác Na-ma-ra chỉ là công cốc mà thôi. Bom kia chỉ dọa ai yếu bóng vía, nhưng đã không làm gì được người khốc tình thần.

Cái thông minh ướp lạnh và đóng hộp⁽⁷⁾ của bọn ở tòa Nhà trắng và lầu Năm góc⁽⁸⁾ độ sao được với cái trí tuệ vô cùng vĩ đại của nhân dân đã có trăm phương nghìn kế đánh bại chúng ở xứ này. Nếu hố bom thành ao cá, thì mảnh bom rốc-kết này thành dao, thìa, muổng, cà-mén xách cơm trong sinh hoạt của những người đã hạ phi cơ. Và người ta không bao giờ quên tội ác của quân thù đâu, cho dù vết thương lâu ngày thành sẹo.

Trong cái giờ ném bom, giấc Mỹ có nhiều tính toán, âm mưu. Có thể nói ở Quảng bình, từ lúc mặt trời lên, cho đến lúc mặt trời lặn không ngớt tiếng máy bay. Nhưng chính về đêm là giờ gần đây nó hoạt động dữ. Nửa giấc ngủ ngon, bà con phải dậy bởi những tiếng nổ xé trời! A, chúng áp dụng cái lối ở trong tù

ban ngày lấy cung chĩa ăn thua, thì nửa đêm dựng người ta ra mà tra tấn. Gần đây, tôi có được gặp các anh chúng ta từ « chuồng cọp »^(*) Côn đảo trở về, nghe anh Thuận, anh Bình, so sánh lời khảo tra của Mỹ trong các nhà giam hiện nay với lời khảo tra ngày xưa của Pháp. Quả là kẻ nào đã tra tấn trong tù làm sao, thì kẻ ấy liền ném bom làm vậy. Để quốc Mỹ không hổ danh là những kẻ dã man, những con thú mới không phải trong rừng sâu tiền sử mà ở giữa xã hội loài người thế kỷ XX. Thế kỷ chúng ta đã có những phát hiện lớn về tâm lý và sinh lý, về ý thức, tiềm thức, về đại não, về thần kinh. Và để quốc Mỹ đã áp dụng những phát hiện ấy vào cái kỹ nghệ giết người, tra người của chúng. Lấy máu một con người sao bằng lấy khí tiết, ý thức, thần kinh của họ? Và từng xẻo từng miếng thịt há lại làm đau bằng chà xát, giày đạp, xéo giày lên tâm lý, lên thần kinh!

Suốt đêm hôm đó ở Lệ thủy, tôi thấy bà mẹ kia cứ vừa đặt con nằm xuống giường lại vội vàng bế con chạy ra hầm. Cháu nhỏ vừa khe khẽ ngáy, người mẹ vừa thiu thiu thì kia sạt sạt tàu bay đầu đã xoẹt ngang trên mái nhà của chị. Máy bay yên, chị vừa vào nhà, đặt lưng xuống chiếu, thì kia tàu bay vừa đảo lại, chị đã choàng dậy, bế cháu nhỏ ra hầm. Sáng ra mặt chị rờn xanh. Con chị khóc thét lên cả ngày, vì vú mẹ không còn sữa. Đây Giôn-xơn nhắm là nhắm vào cái ấy, chứ phải đâu là nhắm những đồng gạch nát ngoài kia.

Mỗi giờ tàu bay Mỹ xuất kích đều nhằm đạt một hiệu quả tâm lý chiến nào đó. Chúng đoán trước, hình dung ra trước, những hoàn cảnh mà ta gặp phải những diễn biến tâm lý của ta, và liền phục kích đón đường ta ở những nơi ta có thể yếu đuối sơ hở về tâm lý kia. Suốt một ngày nắng gắt, ta mong bóng tối biết chừng nào, kia bóng đêm đã xuống kia rồi, giờ là lúc

lên đường tốt nhất. Đêm đen dày đặc quá, hay là ta chờ đợi vầng trăng? Kia, hôm nay, đông bão thế kia rồi, Giôn-xơn chắc hẳn nằm nhà, hay là ta vượt gấp? Kia, sao trời đã nhạt, hãy tranh thủ thêm một đoạn đường trước lúc mặt trời lên. Tức thì những lúc ấy, pháo sáng chúng ném trên đầu, phi cơ xuất hiện. Những tràng bom ném cùng với lúc mặt trời tà, lúc vầng trăng mọc, với bóng tối hoàng hôn, hay ánh sáng hừng đông, với cơn bão, cơn mưa... Trong những hiện tượng của trời đất, của khí tượng, bọn giết người đã cài vào âm mưu hiểm ác của chúng.

Ngày kháng chiến trước, ban trưa là lúc ta tha hồ đạp xe đạp trên đường, thẳng Tây đang ngủ, thẳng Tây « la-xiết » (la sieste). Nhưng nay giờ ấy là giờ bọn Mỹ chờ đợi rất nhiều. Đây là giờ là nguy trang khô héo. Giờ nắng chói lóa, chiến sĩ ta khó nhìn lên trời để bắt mục tiêu. Nhất là giờ dày thần kinh và bấp thập mọi người lao động đều mệt mỏi, mọi người đều muốn tìm vào bóng râm để nghỉ, những bà mẹ ôm con nằm võng hay ru nôi. 29 trẻ em Mỹ đẻ, cái thôn hiền lành chỉ có lúa chín thơm đồng và chim cu gáy chính là đã bị bom sát thương. Bộ binh của Mỹ giết trên tay mẹ vào một giờ có tiếng võng kéo cà kéo kẹt và tiếng hát à ơi:

« Cái ngủ mày ngủ cho ngon », « cái ngủ mày ngủ cho lâu » như thế.

Nhưng cái nào nguy hiểm hơn cái nào? Tiếng bom nổ xé trời hay là cánh bướm? Những tiếng gầm của chiến tranh phá hoại hay là giọng lưỡi xảo trá hòa bình?

Cánh bướm! Tôi dùng hai chữ ấy không có dụng ý vi von tượng trưng gì cả. Chiều 10-5-65, tại huyện lỵ Diên châu, chúng tôi đã thấy những cánh bướm của Giôn-xơn thả xuống. 12 giờ trưa, những chiếc AD6 đến ném bom dữ dội, giết chết hai người dân làm thuyền; thế rồi hai giờ sau, phi cơ chúng đến ném những đàn

bướm này xuống cùng một lần với các dây kim khi nhiều loạn ra-đa⁽¹⁰⁾. Những con bướm trắng, những con bướm xanh nhạt, đôi cánh phấp phới sự sống như bướm của các mùa xuân, của các thi sĩ. Nông dân bắt nó đem nộp lên huyện, nó nằm trong những tờ giấy, vẫn cứ rung rung đôi cánh một cách hồn nhiên ngơ ngác, dường như không hiểu sao mình lại dính vào cuộc chiến tranh này! Nhưng càng nhìn chúng, càng thấy thực là ghê gớm! Chết độc gì, vì trùng gì, bị một chết chóc gì trên đôi cánh chúng kia! Hẳn là chúng không bay đến đây vì một mục đích thâm mỹ nào của nhà nghệ sĩ Giôn-xơn cả. Tôi rời Diên châu, luôn luôn nghĩ đến những con bướm quỉ ma ấy. Mặc dù bữa ấy nông dân, học sinh, các em thiếu nhi đã đốt đuốc ra đồng một đêm quét chúng nhưng xem báo vài tháng sau thấy ở Diên châu mùa màng bị sâu bệnh khá nhiều.

Vào đến Quảng bình, cái bộ mặt chiến tranh « đen ả », cái dạng điệu « giết chóc phá đường » ấy càng thấy rõ. Giôn-xơn sau khi dùng 0,99 đô-la mua chất nổ, thì đã dùng 1 xu còn lại để mua áo quần, vệt cao-su, búp-bê bằng nhựa ném xuống nơi này bằng cái bàn tay vừa giết người vừa làm dấu thánh giá của hắn. Ở Cồn cỏ, nghe đâu các chiến sĩ ta còn nhặt được cả những con búp-bê to bằng trẻ thực! Giặc Mỹ không chỉ cam tâm nhắm giết các ông bố, bà mẹ, chúng còn muốn khai thác cái tình cha con, mẫu tử, găm từng mảnh bom, xoáy từng cỡ đạn của chúng vào những tình cảm ấy, vào những nơi da non nhất của lòng người. Nhưng ở thế gian này, có bà mẹ nào bằng lòng buổi sáng bế xác con mình bị bom Mỹ giết để chiều được ru trên tay những con búp-bê Mỹ tặng hay không?

Một bà mẹ nhặt được bộ áo quần tâm lý chiến ấy, đã lấy dao băm rau lợn, băm ra trăm nghìn mảnh. Vừa chửi, vừa băm: « Áo quần! Áo quần! Cha chúng mày đã

ném cháy nhà tao giờ lại còn giở trò vừa đấm vừa thoa mua chuộc! Con tao có ở trường, tao chịu, tao phải giết chúng mày cho nó sừng tay tao ». Bà mẹ ấy hai hôm trước đây còn bới trong đồng tro than của nhà mình để nhặt từng cái cúc áo, từng cái bát con, từng que đũa bếp. Nhưng « nhân phi nghĩa bất giao, vật phi nghĩa bất thủ »⁽¹¹⁾ là tâm lý cổ truyền của dân tộc ta mà.

..

Để quốc Mỹ là kẻ thù của dân tộc ta, của đất nước ta. Không phải chỉ có thế. Nó còn là kẻ thù riêng của mỗi gia đình, mỗi lứa đôi, mỗi ông cha bà mẹ, mỗi người cháu, người con nữa.

Anh bạn tôi có đưa con đau răng đưa đi bệnh viện. Phải mấy đêm ròng vượt các bến đò, các chặng đường nguy hiểm mới đưa được đến Đồng hới này. Khám hôm trước, các bác sĩ hen sẽ nhổ răng cho cháu hôm sau! Thì chính ngày hôm sau bệnh viện đã bị ném bom rồi! Cháu lại phải tất tả về quê vậy. Một người quen khác của tôi cũng có đưa con đi học, hết bẽ thì lên cấp. Chiến sự xảy ra, trường sơ tán, thế là em đành thôi học, vì đi xa thì không ai giúp đỡ gia đình. Nhiều lớp mẫu giáo tạm thời đóng cửa, cô phụ trách đi công tác xa hoặc đã hy sinh trong chiến đấu. Hàng trăm nghìn bà mẹ suốt mấy tháng trời chưa được gặp con, đêm đêm không được ngủ cùng con vì các cháu sơ tán nơi xa.

Để quốc Mỹ không phải là kẻ thù ngoài trận địa, trên bến phà, nơi hỏa tuyến nữa, mà chính là kẻ thù ở mỗi căn buồng, ở mỗi chiếc nôi, ở mỗi góc bếp, trong từng sự việc, tâm tình. Từ cái lu vỡ sau nhà, cây chanh gãy trước sân, cái chợ dời xa, căn nhà ở bé, ngọn đèn dầu ban đêm thấp tối lù mù...nhất nhất ở đâu cũng đều có

bàn tay tội ác của đế quốc Mỹ cả. Cho nên thực không trách mà toàn dân giận nó, căm nó, nguyện rửa nó, sẵn sàng giết nó, giết được nó thì gần như đây là hạnh phúc của chúng ta rồi.

Yêu thương cho ta sức mạnh phi thường! Nhưng chính căm thù càng cho ta sức mạnh? Con người sống để yêu thương! Nhưng vì có bọn đế quốc, bọn đao phủ, cho nên con người cũng phải sống để mà trả thù!

« Làm thêm một cân thóc, ăn bớt một cân để chở thêm hai cân súng đạn mà diệt Mỹ », « Ăn rau tàu bay mà đánh giặc »... Đây! Đây! Đây chính là những khẩu hiệu để ra từ lòng cháy lửa căm thù!

Cái căm thù đã làm cho vụ mùa, vụ chiêm thắng lợi! Cái căm thù đã làm cho nghề cá được mùa! Cái căm thù đã làm cho núi xác phi cơ Mỹ chất cao đến nay là 140 chiếc. Cái căm thù đã làm cho Quảng bình làm việc, chiến đấu liên hồi nhất ⁽¹²⁾ 40 vạn dân mà đang đang hằng một triệu người! Cái căm thù làm cho mắt người ở đây mở to, mặt người sáng rực hơn bất cứ ở nơi nào...

Thực ra căm thù với yêu thương chỉ là một. Căm thù đế quốc Mỹ bao nhiêu, chính là bấy nhiêu ta đã yêu thương Tổ quốc, nhân dân, dòng họ, xóm làng.

Tôi không bao giờ có thể quên cụ Đă, quên đôi mắt rảo kho của cụ, quên cái giọng uất lên, gầm lên của cụ, khi nói về đứa cháu một bé bỏng của cụ bị rốc-két Mỹ giết đi!

« Tôi căm thù! Tôi căm thù! Tôi căm thù chúng nó! Tôi phải trả thù... ».

Từ ấy đến nay, bất kỳ lúc nào, bất kỳ ở đâu, đi ngủ, đi chơi, ngồi ăn, làm việc, bên cụ luôn luôn đều có sẵn vật nhọn. « Biết nó nhảy dù, đổ bộ lúc nào! Tôi đang chờ nó ở đây! Sợ khi có nó, thì mình lại không

sẵn cái gì giết nó ». Chưa có sách vở nào diễn tả hết cái giọng hân hoan của cụ xua con đi bộ đội: « Đi đi! Đi đi mà giết Mỹ cho nó sướng, con ạ! Đi mà trả thù cho nó sướng! Đi đi!... ».

Đất Quảng bình có hàng nghìn vạn cụ Đă như vậy. Đất Quảng bình có hàng nghìn vạn thanh niên như con cụ Đă. Chúng ta hiểu vì sao, sau gần một năm trời đánh đấm, giặc Mỹ ngày nay vẫn phải sa cơ trên đất Quảng bình.

1965

CHẾ LAN VIÊN

(Rút trong tập bút ký chống Mỹ

Những ngày nổi giận)

CHÚ THÍCH

(1) *Cái nhân đạo mà sướng, cái mà sướng nhân đạo*: Cách nói hình ảnh để chỉ thứ tình cảm nhân đạo, quan niệm nhân đạo còn mơ hồ, chưa nhận thức được sâu sắc bản chất tàn bạo của kẻ thù — (2) *Đầu tư*: bỏ vốn vào một công việc kinh doanh nào đó. *Lợi nhuận tối đa*: tiền lãi nhiều nhất trong chế độ tư bản, đế quốc do bóc lột, cướp bóc mà có. — (3) *Tên ác thương, gian thương*: tên lái buôn tàn ác, gian xảo, đây chỉ đế quốc Mỹ. — (4) *Sát thương*: làm chết và bị thương (từ dùng trong quân sự). — (5) *Bom lân tinh*: bom của đế quốc Mỹ trong có chứa chất lân tinh (còn gọi là chất phốt-pho) dễ gây cháy. (6) *Nhiều nhưong*: lộn xộn, rối rắm, phức tạp. — (7) *Cái thông minh ướp lạnh và đóng hộp*: ý nói cái thông minh do sự tính toán tàn bạo, lạnh lùng và ngu xuẩn, chật hẹp của bọn đế quốc, tư bản, không có tình cảm, không có sức sống. *Ướp lạnh và đóng hộp* là từ nói về kỹ nghệ thực phẩm, dùng ở đây với ý mỉa kích, châm biếm. — (8) *Tòa nhà Trắng và lầu Năm góc*: Phủ tổng thống và bộ Quốc phòng Mỹ. — (9) *« Chuồng cọp »*: loại nhà giam chật hẹp, kiên cố che bằng rào sắt, lưới sắt mà bọn Mỹ và tay sai dùng để giam các chiến sĩ cách mạng của ta. — (10) *Dây kim khi nhiều loạn ra-đa*: ra-đa là máy dùng để phát hiện máy bay, địch sợ bị phát hiện và bắn rơi nên

chúng ném nhiều dây kim khí để cho ra-đa lẫn lộn, mặc dầu vậy, chúng cũng không thoát khỏi bị trừng phạt.— (11) *Nhân phi nghĩa bất giao, vật phi nghĩa bất thủ*: người phi nghĩa không chơi, của phi nghĩa không giữ (cách ngôn). — (12) *Liên hồi nhật dạ*: liên ngày liên đêm (thành ngữ).

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Tại sao tác giả lại đặt tên cho bài ký là *Những ngày nổi giận*? Bộ mặt đế quốc Mỹ hiện lên qua bài ký này như thế nào (phân tích qua tội ác và âm mưu của chúng ở trong bài)?

2. Hình ảnh nhân dân ta hiện lên qua bài ký này như thế nào? Tác giả đã bộc lộ những suy nghĩ và tình cảm gì trong bài ký này?

Em học tập được những gì trong cách lập luận, cách chọn lọc sự kiện, cách bộc lộ tình cảm và suy nghĩ, cách dùng từ và cách bố cục của bài ký giàu tính chất nghị luận và trữ tình này?

ĐỌC THÊM VỀ VĂN HỌC HIỆN ĐẠI

GIỮ LẮY RỪNG

(Theo điệu Pơ-tết)

Người Tây nguyên
Đã giữ rừng
Đốn cây to phải ngã,
Tát suối sâu phải cạn,
Nhỏ cỏ không còn rễ dưới chân.
Người Tây Nguyên
Đã giữ rừng
Phải làm cho
Hồ kêu sau núi
Lợn trong chuồng không giật mình.

Sầu trườn dưới nước
Người đang tắm không chạy lên bờ
Điều hâu lượn trên trời
Gà không sợ mất con.

Người Tây nguyên
Đã giữ rừng
Không sợ bầy chó sói,
Chẳng sợ lũ voi đàn,
Không ghê con hổ ác,
Hồ muốn phá rừng già
Lùng rừng mắc mang cung
Lên đồi gặt tên thuốc
Xuống nước trúng giáo mác
Vào buôn gặp dân làng.
Người Ka dong không theo con cú vọ.
Người Mơ nông không theo con điều hâu.
Chúng ta theo hoa đỏ,
Chúng ta theo Cụ Hồ
Người Tây nguyên theo ông sao miền Bắc
Sao miền Bắc sáng trên núi Tây nguyên.

Của dân tộc Ca dong
NGỌC ANH phỏng dịch

QUÊ HƯƠNG

Thuở còn thơ, ngày hai buổi đến trường,
Yêu quê hương qua từng trang sách nhỏ;
«Ai bảo chăn trâu là khổ?» (1)
Tôi mơ màng nghe chim hót trên cao.

Có những ngày trốn học
Đuổi bướm cạnh cầu ao
Mẹ bắt được...
Chưa đánh roi nào đã khóc !
Có cô bé nhà bên
Nhìn tôi cười khúc khích...

Rồi cách mạng bùng lên
Rồi kháng chiến trường kỳ
Quê tôi đầy bóng giặc
Từ biệt mẹ tôi đi.
Cô bé nhà bên—(có ai ngờ!)
Cũng vào du kích
Hôm gặp tôi vẫn cười khúc khích
Mắt đen tròn (thương thương quá đi thôi!)
Giữa cuộc hành quân không nói được một lời
Đơn vị đi qua, tôi ngoái đầu nhìn lại...
Mưa đầy trời nhưng lòng tôi ấm mãi.

Hòa bình tôi trở về đây
Với mái trường xưa, bãi mía, luống cày
Lại gặp em
Thẹn thùng nép sau cánh cửa...
Vẫn khúc khích cười khi tôi hỏi nhỏ
Chuyện chồng con (khó nói lắm anh ơi!)
Tôi nắm bàn tay nhỏ nhắn ngâm ngùi
Em vẫn dễ yên trong tay tôi nóng bỏng...
Hôm nay nhận được tin em
Không tin được dù đó là sự thật
Giặc bắn em rồi quăng mất xác
Chỉ vì em là du kích, em ơi!
Đau xé lòng anh, chết nửa con người !

Xưa yêu quê hương vì cỏ chim, cỏ bướm.
Có những ngày trốn học bị đòn, roi...
Nay yêu quê hương vì trong từng nắm đất
Có một phần xương thịt của em tôi.

1960

GIANG NAM

CHÚ THÍCH

(1) « Ai bảo chăn trâu là khổ ? » : một câu văn trong một bài tập đọc học hồi bé.

DẶNG ĐỪNG VIỆT NAM

Anh ngã xuống đường băng Tân sơn nhứt
Nhưng Anh giương đứng lên từ súng trên xác trực thăng
Và Anh chết trong khi đang đứng bắn
Máu Anh phun theo lửa đạn cầu vồng.

Chợt thấy Anh, giặc hoảng hốt xin hàng
Có thằng sụp xuống chân Anh tránh đạn
Bởi Anh chết rồi, nhưng lòng dũng cảm
Vẫn đứng đàng hoàng nổ súng tiến công.

Anh tên gì hỏi Anh yêu qui
Anh vẫn đứng lặng im như bức thành đồng
Như đôi dép dưới chân Anh giẫm lên bao xác Mỹ
Mà vẫn một màu bình dị, sáng trong

Không một tấm hình, không một dòng địa chỉ
Anh chẳng để lại gì cho riêng Anh trước lúc lên
đường
Chỉ để lại cái dáng đứng Việt Nam tạc vào thế kỷ:
Anh là chiến sĩ giải phóng quân

Tên anh đã thành tên đất nước
Ơi Anh giải phóng quân!
Từ dáng đứng của anh giữa đường băng Tân
Sơn nhất
Tổ quốc bay lên bát ngát mùa xuân.

3-1968

LÊ ANH XUÂN

Trích Thơ chọn lọc 1960—1970

Nhà xuất bản Giải phóng năm 1970

TRƯỜNG MỜI

Trường cũ bom giội nát tan
Mảng róc-kết cây trên tấm bảng.
Hàng dừa bị sém lửa na-pan
Lá rụng trên trang giấy học trò màu trắng.

Vài hôm sau trường mới dựng giữa làng
Vẫn treo tấm bảng có mang vết đạn
Và lá dừa bị sém lửa na-pan
Các em bỏ lại thành những cây đuốc sáng

Trường mới thơm mùi đất chiến hào
Dưới ánh đèn, khuôn mặt các em lấp lánh như sao.
Những đôi mắt đen bỗng nhìn lên im lặng
Bài học đã xóa rồi, nhưng tấm bảng vẫn còn
vết đạn.

Và mỗi đêm các em đi học về
Đường làng bỗng riu rít như sớm mai tràn nắng
Tíu tít những bó đuốc lá dừa
Các em cầm trong tay ánh sáng.

1-1966

LÊ ANH XUÂN

Trích Hoa dừa, nhà xuất bản
Giải phóng năm 1969

CAO

Cao, lên cao xây dựng,
Từng bước ta lên cao
Lên bằng thân mỗi viên gạch đỏ,
Lên bằng vôi, bằng vữa trộn nhào;
Lên bằng hồ có khi pha mật
Cho cát, cho sỏi gắn vào nhau;
Lên bằng xương sắt bê-tông dựng,
Cờ vẫy ta lên, trời đỏ lựng;
Lên bằng tre giáo⁽¹⁾ bắc cheo leo,
Lưng chừng không khí những cầu treo!

Cao, lên cao xây dựng,
Từng bước ta lên cao
Đường lên tới mái đi tròn ốc,
Không phải mái xưa ôm lấy đất,
Nặng nề đời cũ mái than van
Mà mái ngày nay mây gió tràn!

Xưởng mới cũng như người mới vẩy
Ngang đầu nhìn ngao nghệ không gian.
Đường lên mái mới em băng gánh,
Anh trở chiếc bay⁽²⁾ tay ông ánh.

Cao, lên cao xây dựng,
Từng bước ta lên cao.
Đào tròn xây ống khói,
Giáo vút tựa tên lao.
Ô, trái tim ta vững !
Nhìn xuống mắt không chao.
Bốn mươi thước còn tiến,
Gió bên tai rào rào.
Chọn từng viên gạch một
Đặt ngang tầm mọc sao.

Cao, lên cao xây dựng,
Ta xây dựng lên cao.

Những người tuổi trẻ máu đang đỏ
Thích lên thật cao, nhìn thật tỏ !
Trước trèo đèo núi diệt xâm lăng,
Nay thấy không gian, say muốn băng !
Móng đào dưới đất đã kiên cố,
Gạch xây lên trời không sợ nhào
Ta cao thật đấy — muôn tình tử
Trong vòm bàn tay ta ước ao !

10-1959

Trích ở tập *Riêng chung*
của XUÂN DIỆU (3)

CHÚ THÍCH

(1) *Giáo*: còn gọi là giàn giáo, khung bằng tre hoặc gỗ để cho thợ vận chuyển nguyên liệu hay đứng xây tường. (2) *Chiếc bay*: một dụng cụ của thợ nề để xúc và miết vữa.

(3) Ngô Xuân Diệu sinh năm 1916 ở làng Tùng giân (bây giờ là xã Phước hòa), huyện Tuy Phước, tỉnh Bình định.

Xuân Diệu học ở trường Khải Định (Huế) và thi đỗ Tú tài; ở đây ông đã kết bạn với Huy Cận, sau đó, làm tham tá nha thương chính ở Mỹ Tho.

Từ năm 1935, Xuân Diệu đã có nhiều bài thơ đăng ở các báo *Phong hóa*, *Ngày nay*, *Tinh hoa*... Sau cách mạng tháng Tám, ông được bầu vào Ban chấp hành hội Văn hóa cứu quốc Việt nam. Trong kháng chiến, ông là ủy viên chấp hành hội Văn nghệ Việt nam và công tác thường xuyên ở tòa soạn tạp chí Văn nghệ.

Từ 1954 đến nay, Xuân Diệu vừa làm thơ, dịch thơ nước ngoài, viết tiểu luận, bút ký, phê bình, giới thiệu thơ.

Những tác phẩm chính: *Thơ thơ* (1938), *Ngọn quốc kỳ* (tráng khúc — 1945), *Mẹ con* (thơ — 1953), *Ngôi sao* (thơ — 1955), *Riêng chung* (thơ — 1960), *Mũi Cà mau với Cầm tay* (thơ — 1962), *Những bước đường tư tưởng của tôi* (tiểu luận — 1959), *Ba thi hào dân tộc* (nghiên cứu — 1959), *Hai đợt sóng* (1967).

Tập *Riêng chung* gồm 50 bài thơ, viết về nhiều đề tài khác nhau, từ một vấn đề thời sự nóng hổi như *« Bia Việt Nam »*, *« Phú lợi »*, một cảnh đẹp của đất nước như *« Chèo Hạ long »*, một vấp sự việc trong sinh hoạt như *« Em đến chơi »*, *« Hai bức thư »*, v.v... cho đến những vấn đề có tính chất triết học, chính trị như *« Vô sản chuyên chính »*, *« Cầu an »*, tất cả những đề tài ấy đều xoay quanh mấy chủ đề mà tác giả đã tự sắp xếp ở phần mục lục như sau: *Những vấn đề xây dựng*, *Những kỷ niệm lớn*, *Những bài thơ thời sự*, *Đất nước*, *Tình thơ*, *Suy tưởng*, *Quê Nam*.

Toàn bộ tập thơ toát ra một tư tưởng chủ đạo: ca ngợi cuộc đời mới, con người mới, thế hệ mới đang *« từng bước lên cao »* dưới ánh sáng chen hòa của lý tưởng cộng sản chủ nghĩa.

Tập *Riêng chung* có một số bài thơ hay, có chiều sâu về tư tưởng và tình cảm, lời thơ trong sáng, nhưng ở một số bài cũng còn có những hạn chế nhất định như câu kỳ khó hiểu.

NGÓI MỚI

Khắp nơi, trên những đường tôi đi,
Tôi đã nghe xao xuyến râm rì
Ngôi mới.

Trên những đường tôi dạo, tôi qua
Tôi đã nghe nhiều, những khúc ca
Ngôi mới

Dù đi nhanh, dù dừng lại nhìn,
Trong lòng tôi sắc hầy còn in
Ngôi mới.

Trong buổi chiều hồng, trong mai xanh,
Mắt tôi giờ những trang tốt lành
Ngôi mới.

Giữa khu phố cũ, hoặc ven hồ,
Trên những vườn hoang, trên ngoại ô:
Ngôi mới.

Cất lên trên ruộng, chạy băng đồng,
Chen với lùm cây, soi xuống sông,
Ngôi mới

Ôi ngàn vạn ngôi, nói xôn xao
Như đất ta vui bỗng vọt trào
Ngôi mới! Ôi ngàn muôn sức lực
Trải ra thành rộng, dựng thành cao!

Quên sao được lúa thì con gái
Xanh thắm, dày, chen, gợn đến trời,
Bông nở như hoa vùng ngôi đỏ,
Lúa toan vượt ngôi, ngôi càng tươi.

Mái nhà máy mới, mái nhà thương.
Mái chợ sum suê, lại mái trường:

Ngôi mới trăm nơi cùng cửa sổ
Xây lên không khi những tòa gương,
Tôi đi trên đất nước thân yêu,
Không biết bao nhiêu, chỉ biết nhiều
Ngôi mới.

Muốn trùm hạnh phúc dưới trời xanh,
Có lẽ lòng tôi cũng hóa thành
Ngôi mới.

9-1959

Trích ở tập *Riêng chung*
của XUÂN DIỆU

GÁNH

Không phải chuyện đời xưa, mà chuyện đời nay,
Có một người chắt vịn gánh trên vai.
Vịn gánh đầy tràn, gánh to, gánh nhỏ,
Gánh như núi, gánh đồn như thác đổ
Trên đôi vai. Người ấy gánh, và đi!

Bao nhiêu mặt trận rồi? Bao nhiêu tiền tuyến?
Ba mươi năm! Hết chuyện rồi lại chuyện!
Tưởng là đây, nơi nghỉ mệt, lấy hơi.
Tưởng một phút này quạt mát, ngồi chơi,
Nhưng mà không, mới lau mồ hôi trán
Đã lại bước, dặng giành trời ánh sáng!
Vừa sinh ra trong nước mắt, mồ hôi,
Nhỏ tre pheo đánh cho địch toi bời!
Lớn lên trong tù, chân còng xích sắt,
Mài tay trắng thành ngọn dao, đã chặt!
Mới vươn vai, mừng đạp đất đội trời,
Đã âm âm lửa khói lũ tanh hôi,
Đã lại trường chinh dọc dài theo biển.

Lấy dấy Trường sơn làm đòn gánh,
Lấy hai mươi triệu làm một người,
Lấy bốn nghìn năm làm thế dựa,
Như một người gánh nặng đường trơn
Mười ngón chân xoe bám sâu xuống đất,
Bậm môi bước, gánh nặng nề cũng nhấc!
Trận này chưa phải trận cuối cùng:
Đau khổ năm năm, mặt trận giành thống nhất,
Thà nghiêng thịt bầm xương
Hơn là dứt gan dứt ruột!
Con người mang muôn gánh ở trên vai
Nhìn mặt trời mọc đỏ, bước khoan thai,
Chân cứng đá mềm, và đang còn mặt trận.
Dài đến vô cùng
Tên gọi là: Xây dựng!

Trăm đầu đồ đầu tằm.
Trăm trách nhiệm đổ vào người trách nhiệm.
Bàn ghế ở đâu xộc xệch: người ấy phải lo.
Đường sá ở đâu bụi bặm: người ấy phải lo.
Trẻ con bụng còn giun lãi: người ấy phải lo.
Hàng xóm bức mình chữ đồng: người ấy phải lo

Một lá rau, hạt muối: cũng cơ đồ;
Một tấm áo cũng to như biển cả;
Một người khóc, phải giải sầu, nâng đỡ;
Trên núi còn run: lỗi đó tại mình!

Gánh mưa vừa cạn. Gánh hạn đã sang;
Đê mới đắp. Bão rập rình muốn tới.
Chống mù chữ. Chống chữ mù trở lại.
Lo trồng cây. Vì lo thiếu cột nhà.

Chuyện tâm hồn, lo khúc hát, bài ca.
Lo tiếng nói, đừng nói ra khúc chiết.

Vũ trụ đó, mau phóng vào xa tít!
Khởi óc luôn luôn khởi những công trình.

Ôi người yêu, yêu hơn cả ái tình,
Người rất mực xa xanh và đỏ thắm.
Người gần gũi và bao la vạn dặm,
Người một người và ức triệu con người
Ba mươi năm, và sau, trước: muôn đời.
Người gánh gánh của chúng tôi: là Đảng.
Người gánh gánh với chúng ta: là Đảng
Người gánh ta, ta gánh Người: là Đảng.
Người gánh đất. Người gánh trời: là Đảng
Ôi người người Đảng cộng sản Đông dương,
Đảng lao động Việt nam là một đó,
Kim tự tháp diệu kỳ trong vũ trụ,
Hồ Chí Minh là đỉnh sáng: ngôi sao,
Và thân mình dám ngạo cả trời cao.
Là vai gấm của biết bao đồng chí.
Và nền tảng vững vàng hơn chiến lũy.
Là nhân dân, là dân tộc quật cường.

Không phải chuyện đời xưa, mà chuyện đời nay,
Chuyện đời nay mới cao dày đến thế;
Chuyện của Đảng, lớn lao và tập thể.
Gánh lúc đầu còn đòn gánh thủ công,
Gánh hôm nay đã rèn thép, đúc đồng,
Gánh ngày mai có thể là đòn bẩy
Sức nguyên tử trong tay quần chúng dậy.
Gánh to, gánh nhỏ, nhiệm vụ thật đầy,
Đảng cùng ta phá,
Đảng cùng ta xây!

11-1959

Trích ở tập Riêng chung
của XUÂN DIỆU

<https://tieulun.hopto.org>

THĂM TRẠI BA VÌ

Đầu năm thăm trại Ba vì
Phởn phơ bò giống, xanh rì cỏ non
Bò to như chú voi con
Lạ lòng quê mới, mắt tròn ngó quanh
Hồ Suối hai, nước trong xanh
Tản Viên, núi đẹp như tranh giữa trời.
Bâng khuâng bốn biển tình đời
Càng thương muôn dặm đất người Cu ba.

1-1-72

TỐ HỮU

GẶP ANH HỒ GIÁO

Lần trước gặp anh
Chăn bò trên Tam đảo
Sáng nay lại gặp anh Hồ Giáo
Chăn bò ở Ba vì
Hỏi anh : Có thú vui gì ?
Anh cười : Vui thú đời đi chăn bò...
Cách mạng cần, việc nhỏ việc to
Đánh Mỹ, nuôi bò, việc gì cũng quý
Đó anh coi... Giống bò này, Hà lan. Thụy sĩ
Trại mới xây, hiện đại nhất đời
Cái nghề này cũng không dễ, anh ơi !
Để tôi kể anh nghe chuyện nhỏ :

Chuyện thằng Cu
Tên một con bò đó.
Khi mới về, tính nó rất hung
Đã có lần nó dám hất tung
Mấy y sĩ, kỹ sư suýt chết !

Có gì đâu ! Buổi đầu chưa quen nết
Tính con bò không chỉ biết ăn ngon
Những trứng gà, rau giá, cỏ non
Nó còn thích thương yêu, đùa nghịch
Nên rất ghét những mũi giày, dây xích
Sớm chiều tôi với nó chơi thân
Thiệt lòng tôi cũng thương nó nhiều phần
Đất nước mình đang cần thịt, sữa,
Nó sang ta cũng là ra tuyển lửa
Tôi gãi cái đầu, tôi vuốt cái chân
Nên thằng Cu cũng ngoan nết dần dần,
Ồi cũng chẳng khó gì đâu, anh nhỉ !
Anh làm thơ, chắc có nhiều thú vị ?
Hồ Giáo cười, con mắt đẹp như sao...

Cầm tay anh, lòng những xôn xao
Câu chuyện ngắn nghĩa tình vô hạn :
Cuộc đời không chỉ thiết miếng ngon
Cần vui có tâm hồn bè bạn
Con người không chỉ biết trí khôn
Còn phải đẹp tấm lòng cộng sản

1-72

TỐ HỮU

BỐ CON NGƯỜI THỢ HÀN

Ông Cự không ngủ được, điều ấy không giấu nổi ai
trong đội thợ hàn. Người ta chỉ nhìn mắt ông là đủ biết.
Mi mắt ông ngày một sưng mọng lên, vành mắt thâm đen,
trũng hẳn xuống. Anh em lạ kháo nhỏ nhau : “ Quái bố
già có chuyện chi không biết ? Đôi mắt là viên ngọc của
người thợ hàn, bố cứ mắt ngủ mãi thì hỏng hết”. Có cậu
còn tính chi li : “Này, tháng lương này bố phất to. Bố hàn
ống nước ở khu “chết”, cả tiền thưởng lẫn tiền năng suất

vị chỉ hai trăm một, ít đâu chứ ». Một câu khác vừa phì phèo điều thuốc ngùn dờ, vừa hoa tay : « Nhất định ông già mất ngủ vì chuyện yêu đương của thằng Sinh rồi. Hình như giữa nó và con Liên, phụ hàn, ngừng nghinh ! ».

Người ta xôn xao bàn tán thế mà ông Cự vẫn tỉnh không, bỏ ngoài tai tất cả. Sáng nay đi ca một, ông vẫn dậy sớm hơn mọi người, lăn vào đám thợ trẻ gọi thẳng con.

Ông gọi trầm tiếng :

— Sinh à, đến giờ rồi đó mày.

Sinh bật dậy thật nhanh, làm chiếc thang giường rung lên, chao hân đi. Ông Cự vội đưa tay ra giữ chiếc giường :

— Làm gì mà hốt hoảng thế ? Phải biết giữ cái mộng giường chứ, của bên tại người đó !

Hai bố con ông Cự lần lối dốc ra nhà máy điện.

Nhà máy đang gấp rút sửa chữa lại lò hơi số hai. Ánh lửa hàn nháy sáng từng vệt trên đỉnh lò. Qua ánh mắt eay xè, cộm cộm khó chịu, ông Cự vẫn nhìn rõ từng tia hồ quang hắt ra và nhận được kim hàn của ai đang làm. Ông nói như đứt hơi :

— Nhanh lên con còn mười lăm phút nữa thôi.

Sinh bước như chạy, mũi và mồm cùng thi nhau thở. Đang tuổi ăn, tuổi ngủ, phải dậy sớm thế này, Sinh vẫn còn ngái ngủ, vừa bước dờn, vừa ngáp. Rẽ qua cầu cáp, là đến khu đặt ống nước ngoài trời. Một cậu trẻ măng đang xoay xoay chiếc que hàn, thoáng thấy ông, miệng đã don dả :

— Chào bố, hôm nay bố vẫn quần trong khu buồng sấy chứ ?

Ông Cự gât gât đầu. Ông với chiếc mặt nạ, nhìn vào mối hàn và nói :

— Chết đề lộn thuốc hàn vào trong mối rồi. Mày không nhìn ra à ?

Anh thợ trẻ giật thót :

— Chết, thế mà con không biết. Đâu, đâu ?

Ông Cự chỉ cho anh kia mấy chỗ, rồi tắt tả kéo vội con đi. Sinh tỉnh ngủ hẳn, anh bước gấp theo bố, hớn hớn :

— Con chịu, sao bố chỉ nhìn qua cũng biết bị lộn thuốc ?

Ông Cự ừ hử trong miệng. Bọn trẻ đến lạ, cái gì chúng cũng hỏi, cũng muốn được giải đáp cặn kẽ. Ông làm thợ hàn từ ngày thằng Sinh còn chưa có kia, mà nào có được hỏi ai điều gì đâu ? Chẳng qua cái tay, cái mắt, cái tai mình làm lâu nó quen đi, nhạy đi, nó như có thần vậy. Đến như hàn các ống dẫn nước trong bộ phận chết, không chui đầu vào được, chỉ lách qua vào, tai nghe mũi hàn rung êm, nhìn qua gương phản chiếu, ông vẫn nhận ra mối hàn mình có bị lẫn bột khí hay lộn thuốc không. Nghe chúng hỏi, có điều ông trả lời được, có điều ông chỉ cảm thấy, rất khó giảng giải. Thường cái điều cảm thấy của người thợ hàn lâu năm trong nghề nhiều cái lại đúng, ấy mới lạ !

Ông Cự vào nhận ca, nhận que hàn ngay bên khu vực cấm, nơi anh em công binh đang hí hục đào các hố bom cũ tìm bom sót lại. Ông nói ồm ồm với anh kỹ thuật đang vò trong tay chiếc mũ vải xanh mềm :

— Anh ra ngoài kia xem lại mối hàn của cậu Toại. Nó dễ lộn thuốc rồi đấy !

Anh chàng kỹ thuật ngó người rồi giậm chân như giẫm trên đồng lửa :

— Thế có cực không ! Lại mối hàn có dấu số bốn đây !

Ông Cự hiểu, dấu số 4 là dấu của thằng Toại. Kỳ vừa qua, kỹ thuật có cắt một số mối hàn mang về tận Hà nội thử, hầu như mỗi số 4 đều phải chữa lại. Anh em thợ ai cũng ầm ừc. Làm cái anh thợ, mỗi mối hàn là một danh dự, đóng số vào mỗi hàn chẳng qua là cột cái tư cách của mình lại cho đời sau. Làm ăn thế là tự hoại mình, nhục lắm!

Ông Cự bỗng giật mình, tai nóng lên, người hăm hấp như bị sốt. Ông quay lại tìm Sinh thì Sinh đã chạy đằng nào rồi. Thằng con ông vừa đi học ở Xtalingorat ba năm về, nói chung có thể trở thành thợ giỏi. Thằng ấy bắt nhanh các kiểu hàn, kể cả hàn ngửa mặt trong ống khói cao. Phải cái tội nó còn trẻ, nó ham chơi. Hai bố con gặp nhau trong nhà máy đang phục hồi sau bom đạn đối với ông là một niềm vui lớn. Điều ấy ông đã nói ra miệng.

Vừa thấy Sinh lách trong một tuyết-bin ra, ông hỏi:

— May đi đâu hở?

— Con nhắn con bạn chủ nhật này mượn cho bố con mình hai cái cần câu.

— Hừ!

Ông Cự lặng im. Phải như mọi khi thì ông đã reo lên. Chẳng là tính ông thích câu cá. Ông câu cũng «thần» tay như ông điều khiển mũi hàn. Ông biết rõ tính nết từng loại cá, giờ cá đi ăn, và mỗi lần đi câu, bao giờ ông cũng mang về hàng xâu trê có, chép có... Nhưng bữa nay thì ông lặng im. Ngày mai chủ nhật rồi đấy!

Sinh ở người. Anh biết, ông cụ đang bắn khoả trong bụng, nhưng bắn khoả gì thì anh chịu. Bố con đấy nhưng ông cụ vốn kín tiếng, ít hé răng chuyện trò với con cái. Đám ra anh cũng hốt, làm lủi đón nhận que hàn trong tay bố.

— Que số mấy hả bố?

— Ba ly hai.

— Sao lại thế, mọi hôm bố nhận que bốn ly cơ mà?

— Hừ! Hôm nay bố con mình làm lại. Anh có cầm sẵn đục và búa đó không?

Sinh ngờ ra:

— Sao lại phải dùng cả đục lẫn búa?

Ông Cự lườm con một cái rồi nhanh, mặt quay đi, giọng trầm lại:

— Hàn sai mấy trăm ống, phải đục ra hàn lại chứ sao! Hôm trước hàn bằng que bốn ly mũi hàn bị xe, mép viền to quá. Giờ thì không ai biết, nhưng khi bơm nước vào thử, mối hàn sẽ bị rò, con có biết không?

Sinh giật thót. Anh không ngờ sự thế lại như thế. Mấy hôm nay hai bố con làm đều tay, mức giao một trăm đưa lên trăm rưỡi, trăm tám, ngon ăn quá, anh em trong đội đều tặc tởm khen, thành ra Sinh càng yên trí ngủ ngon. Chỉ riêng có ông cụ...

Sinh hỏi lại:

— Bố con mình phải chui vào khu vực buồng sấy làm lại từ đầu ư?

— Chứ sao! Mấy hôm nay bố không ngủ được vì mấy trăm ống sấy ấy. Những ống mặt dưới, mối hàn tốt, viền nhỏ, lớp vẩy đều. Nhưng tất cả ống mặt trên là hỏng, trừ có mấy mối đầu, làm ăn chỉ cốt che mắt cán bộ kỹ thuật thì không được.

Ông Cự nói ra được mấy câu này, người ông như trút được gánh nặng. Chao! Mấy đêm rồi ông đâu có nhắm mắt được vì mấy trăm miệng ống chết tiết kia. Ông muốn ngủ cũng không được. Nó cứ hiện đến, hiện đến một cách quái ác, như hờn dỗi, như trách móc, bám dai như đĩa vào đầu óc ông, quấy rối ông. Lắm lúc ông muốn cố quên đi: «Dào, ai người ta chui vào kiểm tra

mà ngại kia chứ!». Ở giữa hai mặt sàng của ống sậy, muốn hàn phải nằm ngửa ra, hoặc cúi mặt xuống, ống sậy lại cũ, bụi bay lả tả, và ai mà chui vào làm gì. Việc đã thế, giờ giờ ra có nghĩa là tự mình lại hại mình, mình tự tố cáo sự gian dối của mình, mình lại mất cả lương... còn nhục gì bằng. Hơn nữa, còn thằng con nó đấy, nó nhìn không chỉ bằng con mắt của một đứa con nhìn bố mà là con mắt của người thợ mới học người thợ cũ, nó sẽ coi mình ra gì nữa! Khốn khổ, tiến thoái lưỡng nan, ông nữa muốn nói ra, nữa không. Giằng co, day dứt mãi giờ thì ông trút hết được với con. Ông thấy người nhẹ bẫng đi. « Ôi, thế là mình nói được rồi. Nó muốn nghĩ gì về mình thì nghĩ, nhưng mình đã nói được rồi! ». Ông kéo Sinh lên thang sắt và rẽ vào khu vực hàn ống sậy lò hơi số 2.

Sinh theo bố như một cái máy. Anh không ngờ câu chuyện mất ngủ của bố, trong đó anh có dính vào. Tội nghiệp ông cụ! Và anh đâm trách mình. Dù sao mình đã qua ba năm học ở nước ngoài, mình biết công dụng của các que hàn. Đằng này mình quá tin vào tay nghề ông cụ chỉ biết nhắm mắt làm theo! Ôi chao, anh em người ta không thông cảm, người ta sẽ rửa rớt mình, người ta dễ nghĩ bố con thông đồng làm ầu. Và nếu bố không nói ra, liệu mình có biết không, bao giờ mình mới có thể nâng được tay nghề lên?

Đến khu vực ống sậy, ông Cụ gặp phó chỉ huy công trình, tay cầm tấm bản đồ cuộn tròn và nụ cười lúc nào cũng không dứt trên miệng:

— Chúc mừng thành tích mới của bố con bác nhá!

Ông Cụ nhăn mặt:

— Đồng chí quá khen. Bố con tôi ngày nay đục lại cả các miệng ống hàn đấy!

— Sao thế? Sao thế? Ông phó chỉ huy nhăn nhúm cả mặt mũi lại.

— Có gì đâu, các mối hàn giữa của bố con tôi chưa đúng thì chúng tôi phải đục ra hàn lại thôi. — Ông Cụ cố nói thân nhiên, nhưng Sinh để ý thấy gáy bố mình bắt đầu đỏ.

— Lại mấy câu lấp ống cầu thả phồng? Các câu ấy chứa ầu, thừa thụt là thường. Để chúng tôi trị các câu ấy.

Ông Cụ lặng ngắt lăm lăm đi, Sinh bắt tay người phó chỉ huy công trường.

— Tại các câu ấy lấp, tại cả chúng tôi. Xin bố trị thêm cho một thợ phụ nữ, một mình tôi đục không xuể.

Ông Cụ lại « hừ » một tiếng rõ to. Ông thấy lời đề nghị của Sinh như một mũi kim đâm nhói vào ngực ông. Cái thằng, nói năng gì thế. Không biết mình làm ầu, mình phải sửa lại còn đề nghị nổi gì... Nhưng nó đã trót nói rồi, ông không nỡ cản lại, ông lúi húi xem lại mặt nạ, que hàn, đường điện, rồi giục con:

— Đeo kính bảo hộ vào làm thôi!

— Điện hôm nay bao nhiêu bố?

— Tám mươi am-pe, tốt lắm!

Ông Cụ nằm duỗi thẳng chân, lặn vào khu vực ống sậy, Sinh bám vào ông lần theo. Đường ống nằm trên đầu dưới bụng chi chít. Lặn qua các mối hàn, Sinh chỉ còn nghe thấy bố nói vọng lại:

— Bắt đầu đục từ hàng thứ bốn con nhé!

Sinh đeo kính, quàng khẩu trang. Chỗ này tối quá. Lặn mò mãi vẫn không thấy mối hàn cũ. Cứ đục thôi, đợi rỗng bóng điện vào thì trura mắt. Sinh đặt đục giờ

búa gỗ từng nhát thật mạnh. Tiếng chan chát chỏi tai. Mỗi hàn cũ bong ra khá nhanh, còn trơ lại miệng thép hơi hột sâu xuống mặt sắt.

Ông Cự lau bầu :

— Mấy thằng thợ lắp làm ăn thế có chết người không! Chỉ làm khổ mình.

Ông Cự bắt đầu hàn những mối đầu sàn trước mặt. Những tia hàn nhoang nhoáng khắp mặt sàn, soi rõ từng mép mối hàn các miệng ống sậy làm mấy hôm trước. Miệng mối hàn nào cũng to quá, có chỗ lúp vào, có chỗ thò ra, thép đọng từng vầng bên mép ống. Sinh lấy tay sờ trên các mối hàn. Anh thầm trách : « Đúng là dùng que hàn quá cỡ rồi. Không hiểu sao ông cụ vốn làm ăn cẩn thận có tiếng, giờ lại làm ăn thế ? ». Anh vừa giáng búa vừa lắc đầu : « Hẳn ông cụ cho các mối hàn ống sậy không đòi hỏi kỹ thuật cao như ống dẫn nước trên nóc kia chẳng ? ».

Vừa lúc đó có tiếng một cô gái thanh thoát từ đầu sàn.

— Anh Sinh ơi, dừng tay cho vào làm với nào !

Sinh ngừng tay đục, gọi với ra :

— Liên hả ? Bò vào đây, sau lưng anh này !

Ông Cự cũng dừng tay hàn. Ông sẽ nhòm người nhìn qua khe cửa. Ông nhận ra khuôn mặt bầu bĩnh, trắng trẻo của cô gái. Ông mừng quá ! Tưởng ai vào phụ, hóa lại nó. Cũng được, con bé làm không nhanh, nhưng được cái chắc chắn. Con bé lại sắp làm con dâu ông. Ba bố con cùng chui vào hàn khu vực ống sậy này. Chà, không biết ai sắp đặt mà khéo thế ?

Ông Cự nói vọng ra :

— Quấn tóc, đội mũ chưa ? Rồi hử, thế thì vào đây. Con có cầm theo đục búa đấy không ?

— Có ạ.

Liên cúi người xuống định chui vào. Không được. Mặt sậy hẹp quá, cô phải nằm nghiêng người lết đi. Được đội điều về phục vụ cho ông Cự, Liên đã giật mình. Cô lo vì ông cụ vốn làm ăn kỹ tính, hơn nữa ông cụ lại là bố chồng tương lai, làm ăn sao để ông cụ vừa ý. Đến đây, thấy có cả Sinh nữa, Liên mới thực mừng. Liên nói với ông Cự :

— Bố ạ! Anh đội trưởng bảo con : « Làm ăn sao cho tốt thì làm, kéo mai kia bơm nước vào thử mà bị rò thì cả ba đều mất tin nhiệm đấy ».

Ông Cự khẽ gật đầu. Ông xoay lại que hàn. Những tia lửa vàng nhạt, xanh lơ, đung đưa qua mặt nạ. Ông biết lửa hàn đang cháy đều. Bỗng ông thêm rít một điệu thuốc Lào.

Ông dừng tay lắng nghe âm vang của tiếng đục dội lại. Trong tiếng búa nện chan chát, ông nhận ra tiếng gằn từng nhát của thằng Sinh, cái thằng làm ăn vẫn còn hấp tấp, còn tiếng đục mạnh và đều tay là của con bé. Chao, con bé không phải ai xa lạ, nó là con ông thợ bạn ông. Ông ấy đang hàn trên đỉnh nôi hơi kia. Hai người rủ nhau học cái nghề này từ mấy chục năm nay, đi đâu cũng cặp kè có nhau. Chính tay ông đã dựng cho vợ chồng ông bạn căn nhà gỗ gần bờ sông phía chợ. Chính tay ông đã đỡ con bé ra đời, khi bố nó còn đang làm ca ba. Ôi, vậy mà con bé đã mười chín tuổi rồi, chóng thế ! Ngày ấy thằng Pháp còn ở đây, còn làm chủ cái nhà máy điện cũ kỹ chân đồi bên kia. Ấy vậy, giờ con bé đã theo cha vào học nghề hàn. Chính ông, ông cũng không ngờ câu nói đùa của mình làm vợ chồng ông bạn già cùng để bụng. Ông bảo :

— Vợ chồng thím có một cháu gái lớn. Tôi có thằng con trai lớn. Bao giờ nó về nước là tôi xin vợ chồng thím đó. Chẳng hiểu có được không?

Nói rồi ông bật cười. Ông thấy câu chuyện của mình nó phong kiến thế nào. Ai lại chuyện nhân duyên của bọn trẻ bây giờ, lại mới manh như ngày xưa? Ai ngờ, mẹ con Liên cười đơn đả:

— Vâng, nếu hai bác bên ấy không chê vợ chồng tôi thì tôi bằng lòng ngay. Để tôi hỏi ý nó.

Đến khi Sinh về nước, ông dẫn con lại ăn cơm nhà ông bạn. Ông để ý thấy mặt con bé cứ đỏ ửng lên. Mẹ con Liên cười tùm nói nhỏ với ông: «Đấy, cháu nó thế tức là nó phải lòng thằng bé nhà ông rồi đó». Ông Cụ cũng cười. Sinh hiểu ý định của bố, mặt cũng đỏ lên.

Mới đầu anh khó chịu. Anh thấy việc làm của bố nó làm sao ấy. Dần dà đi lại chơi bởi, chính anh, anh không đợi bố nói, anh đem lòng yêu mến cô thợ phụ và anh đã ngỏ lời. Tất nhiên sự ngỏ lời ấy cũng trôi chảy.

Ông Cụ ấn que hàn vào mặt thép. Hồ quang phát ra sáng trắng và rung đều. Thép bắt đầu chảy dần, ăn dần vào miệng ống. Thép chảy ngọt, được nước. Thôi thế là mình bằng lòng, mình yên bụng được rồi. Có mất ít công đục lại, chịu thiệt một ít, nhưng dầu óc thanh thản là được. Anh em mình, con cái mình không đánh giá gì mình đâu mà ngại...

Tan ca về, ông Cụ kéo các con xuống sông rửa chân tay. Soi xuống mặt nước lặng, ông ngạc nhiên thấy mặt mình hốc hác nhiều quá. Ngoài nhìn đằng kia, ông thấy hai đứa dặt tay nhau xuống chân cầu cáp. Hình như hai đứa có chuyện gì vui, chúng nó đang cười ngặt nghẽo.

Ông Cụ vươn vai rõ mạnh, xương sống kêu rôm rốp. Chà, mỗi tay, mỗi mắt tẹt! Ông gọi hai con lại, bảo:

— Này, con Liên về bảo với thầy, mai chủ nhật đợi tao làm nốt ca một về rồi cùng đi câu nhá! Tao phải hàn bù rồi câu gì mới câu được. Bảo mẹ mày cứ sắp sẵn nồi, cứ là ổi cá, nấu cả phần cơm tao đấy! Liên hất tóc sang bên, miệng « vâng ạ » sung sướng. Chỉ có Sinh đứng trân trân nhìn bố. Bây giờ anh mới thực hiểu bố và anh tin đêm nay bố mình chắc chắn sẽ ngủ ngon, nhất định ngủ ngon.

LÝ BIÊN CƯƠNG

CHÚ THÍCH

Truyện *Bố con người thợ hàn* của Lý Biên Cương đã được giải thưởng về truyện viết về đề tài công nghiệp 1972.

PHẦN III

VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

KINH THI

Kinh Thi là một tập thơ thuộc loại xưa nhất của Trung quốc, hiện còn lại 305 bài. Các bài ca ở đây phần lớn là của nhân dân lao động được sưu tập lại. Phần quan trọng là phần Quốc phong gồm 160 bài dân ca ở các địa phương.

Kinh Thi phản ánh tình hình xã hội và đời sống tinh thần thời xưa của Trung quốc. Qua những nét chung, Kinh Thi cũng giống như cu dao và dân ca của ta, đã nói lên được tình hình lao động và chiến đấu của quần chúng. Trừ những bài có nội dung lạc hậu và phản động, phần lớn các bài ca trong Kinh Thi một mặt vạch trần bộ mặt của giai cấp thống trị để phản đối bóc lột, áp bức, phản đối chiến tranh phi nghĩa, mặt khác cũng nói lên được tâm tình và ước mơ của những người lao động.

CHẶT GỖ ĐÀN

Chặt gỗ đàn chan chất
Đề khắp cả bờ sông
Nước trong gợn gợn sóng.
Kẻ không cày không cấy
Mà mỗi mùa chiêm lấy ba trăm bó⁽¹⁾ !
Kẻ không săn không bắn
Mà trong nhà treo sẵn đầy da thú !

Những người quân tử⁽²⁾ kia ơi,
Các người ắt chẳng là người ăn không ?
Chan chất chặt gỗ đàn
Chặt gỗ làm trục xe
Đề khắp cả bờ sông
Nước trong chảy xuôi dòng
Kẻ không cày không cấy
Mà mỗi mùa chiêm lấy ba trăm học !
Kẻ không săn không bắn
Mà trong nhà sẵn đầy da thú vật !
Hỡi người quân tử kia ơi !
Các người ắt chẳng là người ăn không

Chan chất chặt gỗ đàn
Chặt gỗ làm bánh xe
Đề khắp cả bờ sông
Nước trong, sóng bập bùng,
Kẻ không cày không cấy.
Mà mỗi mùa chiêm lấy ba trăm thùng !
Kẻ không săn không bắn.
Mà trong nhà treo sẵn đầy chim muông !
Bọn người quân tử kia ơi,
Các người ắt chẳng là người ăn không ?

CHUỘT XÙ

Chuột xù, chuột xù
Chờ ăn ngô tao
Ba năm nuôi mày
Mà mày chẳng màng⁽³⁾
Tao đi tha phương

Tìm nơi lạc thổ⁽⁴⁾
 Lạc thổ, lạc thổ
 Đây là xứ sở.
 Chuột xù, chuột xù,
 Chờ ăn lúa tao
 Ba năm nuôi mày
 Mà mày ở bạc⁽⁵⁾
 Tao đi nơi khác
 Tìm nơi lạc quốc
 Lạc quốc, lạc quốc
 Nơi đây lập nghiệp.

Chuột xù, chuột xù
 Chờ ăn mạ tao
 Ba năm nuôi mày
 Mà mày chẳng chiều⁽⁶⁾
 Tao đi nơi nào
 Tìm nơi lạc giao
 Lạc giao, lạc giao
 Nơi đây tốt đẹp
 Ai còn than tiếc?

CHÚ THÍCH

(1) *Bó, hộc và thùng*: nguyên văn chữ Hán là: triển, úc và quân, tức là những đơn vị đo lường thời xưa, có nghĩa như « bó ». Ở đây, chỉ dịch thoát lấy ý cho dễ hiểu. (2) *Quân tử*: tiếng cổ ở Trung quốc, chỉ kẻ ở tầng lớp trên, kẻ bóc lột. Chữ quân tử ở đây dùng có vẻ tôn kính, nhưng thực ra là mỉa mai. (3) *Chẳng màng*: không nghĩ tới. (4) *Lạc thổ, lạc quốc, lạc giao* (lạc thổ: đất vui, lạc quốc: nước vui, lạc giao: nơi thôn quê ở ngoài thành phố). Ba chữ này dùng để chỉ một nơi lý tưởng. (5) *Ở bạc*: tỏ ra bạc bẽo. (6) *Chẳng chiều*: không chiều chuộng, an ủi.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Lòng căm thù bọn thống trị bóc lột và tinh thần đấu tranh của quần chúng thể hiện qua hai bài này như thế nào? Do điều kiện lịch sử, nên tinh thần đó có bị hạn chế gì không?

2. Liên hệ với ca dao, dân ca của ta, em thấy hai bài này có những điểm gì giống với ca dao, dân ca của ta về mặt nghệ thuật? Lối hứng, lối tỷ (trong đó có cả ẩn dụ), lối trùng điệp được vận dụng ở hai bài này có tác dụng gì trong việc diễn đạt nội dung?

ĐỌC THÊM VỀ KINH THI

QUAN THU⁽¹⁾

Đôi chim thư cưu
 Lau nhau riu rít
 Ở ngoài bãi sông
 Kia người quân tử
 Sánh cùng thực nữ⁽²⁾.

Rau hạnh⁽³⁾ nhấp nhô
 Dưới nước vật vờ
 Kia người quân tử
 Mong người thực nữ
 Mong mà chưa được
 Đứng nằm thao thức
 Đêm dài xiết bao
 Năm canh trăn trọc.

Rau hạnh nhấp nhô
 Hải ngôn bên phải
 Hải ngôn bên trái

Kia người quân tử
Gặp người thực nữ
Dịu dặt sắt, cầm⁽⁴⁾
Mong tỏ tình thâm.

Rau hánh nhấp nhô
Chọn ngọn bên phải
Chọn ngọn bên trái
Kia người quân tử
Sánh cùng thực nữ
Vui hòa trống chuông
Cho đượm tình thương⁽⁵⁾.

CHÚ THÍCH

Kinh thi : nói chung làm bằng thể thơ 4 chữ, trừ một số bài câu dài câu ngắn như bài *Phật đàn*. Ở đây, mấy bài được dịch từ nguyên văn và nguyên điệu, trừ mấy câu lục bát trong bài *Phật đàn*.

(1) *Quan thư* : quan là tiếng chim gù nhau. *Thư cưu* là một loài chim có từng cặp, hễ một con chết thì con kia ủ rũ rồi chết theo. Người xưa dùng để ví những cặp vợ chồng yêu nhau thắm thiết.
(2) *Thực nữ* : chỉ người con gái xinh đẹp, dịu dàng. Chữ *quân tử* và *thực nữ* ở đây là chỉ chung, không phải chỉ riêng giai cấp thống trị.
(3) *Rau hánh* : một loài rau ở nước, lá ăn được. (4) *Sắt, cầm* : hai thứ đàn cổ, thường hòa với nhau nên cũng dùng để ví với tình vợ chồng. (5) Bài trên là bài hát tập thể của phụ nữ đi hái rau. Ý thơ vui. Bài dưới nói lên tâm tình một người con trai muốn làm quen với một người con gái. Cũng có sách nói đây là bài hát chúc mừng ngày cưới. Ý thơ lành mạnh, tươi sáng.

LÃO HÀ TIỆN

của MÔ-LI-E-RO

Mô-li-e-ơ (1622 — 1673) là một nhà viết kịch Pháp sống dưới triều đại Lu-l. XIV. Ông có một địa vị quan trọng trong lịch sử văn học các nước phương Tây; ông là cha đẻ của nền hài kịch nước Pháp. Xã hội Pháp hồi thế kỷ thứ XVII phân chia làm nhiều giai cấp. Trên hết là giai cấp quý tộc cùng bọn tăng lữ; chúng chiếm nhiều đặc quyền đặc lợi, cha truyền con nối. Dưới giai cấp quý tộc là giai cấp tư sản mới hình thành; bọn này cùng với giai cấp quý tộc là những kẻ thống trị quốc gia. Cuối bậc thang xã hội, là những người sản xuất nhỏ, thợ thủ công và nông dân. Họ chiếm tuyệt đại đa số trong nhân dân và cũng là những người cực khổ nhất.

Mô-li-e-ơ để lại gần bốn mươi vở hài kịch. Ông đã dùng tiếng cười làm vũ khí đấu tranh chống cường quyền và áp bức. Những tác phẩm của ông là một bức tranh phong phú và trung thực về đời sống nước Pháp hồi thế kỷ thứ XVII. Ông chế giễu bọn quý tộc ăn bám, hèn nhát, tàn bạo. Ông tố cáo lòng tham vô đáy, tính ích kỷ, sự bóc lột của giai cấp tư sản. Ông có cảm tình sâu sắc với những người xuất thân từ quần chúng nhân dân. Trong hài kịch của ông, vai trò của những người lao động bình thường, của các cô sen, cậu nhỏ, khá quan trọng. Tiếng cười trong hài kịch của Mô-li-e-ơ khi thì nhẹ nhàng, khi thì chua chát, lắm khi đau xót vì nó phản ánh một tình trạng xã hội xấu xa và tàn nhẫn.

Lão hà tiện là một trong những vở hài kịch nổi tiếng của Mô-li-e-ơ. Trong vở này, Mô-li-e-ơ công kích giai cấp tư sản ích kỷ, độc ác và ngu ngốc. Ac-pa-gông, nhân vật chính của vở kịch, là một trong những điển hình nổi tiếng trên thế giới về người hà tiện.

Ac-pa-gông là một lão tư sản giàu có, hám vàng, chuyên sống bằng nghề cho vay nặng lãi. Lão đối đãi với con cái hết sức tàn nhẫn. Lão muốn gả con gái là Ê-li-đơ cho một ông cụ già có nhiều của; lão muốn cưới cho con trai là Clê-ăng-tơ, một mụ gái hóa có lắm tiền bạc. Còn lão thì lão định lấy một cô vợ kẻ trẻ măng, là Ma-ri-an, người yêu của chính con trai lão; La Fle-sơ, anh đầy tớ của Clê-ăng-tơ, rình lấy được của lão một cái tráp đầy bạc chôn

ngoài vườn. Mất của, lão kêu cha kêu mẹ, Clê-ăng-tơ hứa sẽ trả lão cái tráp bạc, nếu lão bằng lòng cho anh lấy Ma-ri-an. Ac-pa-gông đành chịu «nường» Ma-ri-an để lấy lại tráp bạc. Kết thúc vở kịch, Clê-ăng-tơ sẽ lấy được Ma-ri-an và Ê-li-đơ sẽ lấy được người yêu của mình là Va-le-rơ.

Lão hà tiện có một ý nghĩa xã hội to lớn: Mô-li-e-rơ tố cáo sự làm giàu bất nhân của giai cấp tư sản và vạch rõ những tác hại ghê gớm của đồng tiền.

Ac-pa-gông làm giàu trên xương máu của mọi người. Lão cho vay với một số lãi rất nặng; lão còn tìm trăm phương nghìn kế để cắt xén số tiền lão cho vay. Ac-pa-gông giàu có, nhưng lại keo kiệt, bần thủ. Lão tìm mọi cách để bắt người làm phải nhịn ăn. Người ta đồn rằng lão đã lên vào chuồng ngựa để ăn cắp thóc của ngựa, và có lần lão phát đơn kiện một con mèo vì mèo đã ăn vụng một miếng thịt. Lòng tham vàng của Ac-pa-gông làm cho gia đình lão tan nát. Lão vô cớ đánh đuổi kẻ ăn người làm. Vì tiền lão đã ép duyên con vào những nơi không vừa đôi phải lứa.

Ac-pa-gông chỉ biết có tiền. Đồng tiền làm mờ mắt lão, làm cho tâm hồn lão trở thành căn cõi, độc địa. Đồng tiền đã phá hoại hạnh phúc gia đình lão và đe dọa cuộc đời của mấy người con vô tội.

Với vở *Lão hà tiện*, Mô-li-e-rơ đã vạch trần những nguy hại của đồng tiền, đồng tiền ngự trị trong xã hội tư bản chủ nghĩa.

AC-PA-GÔNG MẤT CỦA

AC-PA-GÔNG (lão kêu la mất trộm từ ngoài vườn, đầu không mũ) Ối kẻ trộm! Ối kẻ trộm! Ối quân giết người! Ối quân sát nhân! Trời đất ơi, pháp lý ơi! Tôi chết mất, nó giết tôi, nó ăn trộm tiền

của tôi. Đưa nào thế? Nó ra sao rồi? Nó ở đâu? Nó trốn đâu? Làm thế nào để tìm thấy nó? Chạy ngã nào? Đừng chạy ngã nào? Nó có ở kia không? Nó có ở đây không? Đưa nào thế? Đứng lại giả tiền tao đây, đồ vô lại... (lão tự nắm lấy tay mình).
À! hóa ra là mình! Óc mình loạn rồi, mình không biết mình ở đâu, mình là ai, mình làm gì nữa. Trời đất ơi, tiền tội nghiệp của tôi ơi, tiền tội nghiệp của tôi ơi, bạn yêu quý của tôi ơi, chúng nó cướp mất mày của tao đi rồi. Mất mày, tao mất nơi nương tựa, mất niềm an ủi, mất nguồn vui sướng; thôi, thế là đời tao hết mọi hy vọng, tao chẳng còn ở đời này làm gì nữa. Không có mày tao không sao sống nổi. Thế là xong, tôi kiệt sức rồi; tôi sắp chết đây, tôi chết rồi, người ta chôn tôi rồi. Có ai muốn cứu cho tôi sống lại, mà trả cho tôi món tiền tri kỷ của tôi, hay là mách cho tôi biết đưa nào lấy tiền của tôi không? Hử? Ngài bảo gì! Chẳng có ai nói gì cả. Bất kỳ đưa nào đã làm vỡ này, hẳn nó phải lắm công rình mò đúng lúc, nó lừa đúng khi tôi mãi nói chuyện với thằng con trời đánh của tôi mà lấy. Ta đi ra đi thôi. Tôi muốn kiện ra tòa, cho người ta tra khảo tất cả nhà này: đầy tớ gái, đầy tớ trai, con trai, con gái, với cả tôi nữa. Sao người ta tụ tập đông thế kia? Nhìn ai, tôi cũng thấy ngờ vực, người nào cũng hình như là đưa ăn trộm tiền của tôi; kia, đằng kia nói chuyện gì đấy? Nói đến thằng ăn trộm tiền của tôi đấy à? Trên kia, cái gì mà rầm rầm lên

thế? Có phải thằng kẻ trộm của tôi, nó ở trên ấy không? Van các ông, các bà ai biết tắm hơi thằng ăn trộm thì làm phúc bảo giùm tôi. Nó có lần ở chỗ các ngài không? Người ta lại nhìn cả vào mình, người ta lại phá lên cười. Chắc là họ lại có phần trong món ăn trộm của tôi chứ chẳng chơi. Mau mau ông cầm, lính tuần tra, hiến binh, quan tòa, đồ tra khảo, giá treo cổ, đao phủ nữa. Tôi muốn treo cổ tất cả mọi người, và nếu tôi không tìm thấy tiền, thì tôi cũng treo cổ nốt cả tôi nữa!

(Hồi VI, lớp I)
Bản dịch của ĐỖ ĐỨC HIỀU

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Em hãy phân tích diễn biến tâm trạng của Ac-pa-gông trong lớp độc thoại này. Từ đó, em hãy phân tích tác hại ghê gớm của đồng tiền và tính chất bi hài trong ngôn ngữ và hành động của Ac-pa-gông.
2. Em có nhận xét gì về nghệ thuật xây dựng nhân vật điển hình của Mô-li-e-rơ thể hiện qua lớp độc thoại này?

ĐỌC THÊM VỀ LÃO HÀ TIỆN

AC-PA-GÔNG LỤC KHÁM LA FLE-SO Ac-pa-gông, La Fle-so

AC-PA-GÔNG — Bước ngay khỏi nhà này, đừng cãi gì hết! Kia! Cút ngay khỏi nhà tao, quân trộm ăn cắp, đồ đáng chết treo!

LA FLE-SO (Nói một mình) — Chưa từng thấy ai quái ác như cái lão chết tiệt này, nói chứ hẳn lão ta bị ma làm chứ chẳng chơi đâu.

AC-PA-GÔNG — Mày lắm bầm cái gì?

LA-FLE-SO — Tại sao ông đuổi cháu?

AC-PA-GÔNG — Đồ chết giẫm, mày lại còn phải hỏi lý do tao nữa à? Cút ngay, không ông nện chết bây giờ.

LA FLE-SO — Cháu làm gì ông nào?

AC-PA-GÔNG — Làm cái tao muốn mày cút thẳng đi.

LA FLE-SO — Cậu chủ cháu bắt cháu phải đợi cậu ấy chứ.

AC-PA-GÔNG — Cút ra ngoài đường mà đợi, đừng có đứng sừng sững như cái cột trong nhà tao mà dò xét, mà lờ dưng mọi cái. Tao không muốn lúc nào cũng có một thằng mặt thám nhòm ngó công việc của tao, một quân gián, việc gì tao làm, cũng trở đôi mắt khốn nạn mà nhìn để nuốt tươi của cải của tao, mắt thì lăm la lăm lét ngó tứ phía, xem có gì ăn cắp được không?

LA FLE-SO — Gớm, ông bảo cháu làm thế quái nào mà ăn cắp được của ông? Ông có phải là người dễ ăn cắp được đâu. Vật gì ông cũng cất cũng khóa, ông canh phòng suốt ngày suốt đêm còn gì?

AC-PA-GÔNG — Tao muốn cất giấu cái gì, tao muốn canh phòng thế nào, mặc tao. Đấy, đấy, cái quân mặt thám, ở nhà này ai làm gì mà nó chẳng đề ý đến sao (Nói khẽ một mình). Chỉ sợ nó nghi tôi có tiền (Nói to). Có phải mày đã khéo chuyện là tao có tiền cất giấu trong nhà phải không?

LA FLE-SO — Ông có tiền cất giấu à?

AC-PA-GÔNG — Không đâu, đồ xỏ lá, tao có hẳn thể đầu (Nói một mình). Đến phát điên lên mất! (Nói to). Tao hỏi có phải mày có ác ý bịa đặt ra cái tin tao có tiền không đấy.

LA FLE-SƠ — Hừ, ông có tiền hay không có tiền thì việc gì đến chúng cháu? Có hay không thì chúng cháu cũng thể thôi.

AC-PA-GÔNG — Mày giờ lý sự. Tao lại cho mày cái lý sự này vào mang tai bây giờ (Giơ tay tát). Tao bảo mày một lần nữa: cắt ngay.

PA FLE-SƠ — Vâng thì cắt.

AC-PA-GÔNG — Thông thả. Mày có cuộm gì của tao không thể?

LA FLE-SƠ — Cháu cuộm gì của ông?

AC-PA-GÔNG — Lại đây tao xem. Đưa hai tay tao xem.

LA FLE-SƠ — Đây ạ.

AC-PA-GÔNG — Tay khác kia.

LA FLE-SƠ — Tay khác?

AC-PA-GÔNG — Ừ.

LA FLE-SƠ — Đây ạ.

AC-PA-GÔNG (chỉ vào quần cộc của La Fle-sơ) — Mày không giấu gì trong này chứ?

LA FLE-SƠ — Ông khám lấy xem.

AC-PA-GÔNG sờ ống quần La Fle-sơ — Ống quần rộng thùng thình thế này, đích thị là để chứa đồ ăn cắp đây. Tao chỉ muốn người ta treo cổ một thằng quần ống rộng mới xong.

LA FLE-SƠ, nói một mình — Hừ! Một lão như thế này có mất cắp mới đáng đời! mình mà ăn cắp được của lão ta cái gì thì mới hả dạ.

AC-PA-GÔNG — Hừ?

LA FLE-SƠ — Sao ạ.

AC-PA-GÔNG — Mày nói ăn cắp ăn trộm gì thế?

LA FLE-SƠ — Cháu bảo là ông khám kỹ khắp người cháu để xem cháu có ăn cắp gì không.

AC-PA-GÔNG — Đó là việc tao đang muốn làm (Lục túi La Fle-sơ).

LA FLE-SƠ, nói một mình — Mồ cha cái thói keo kiệt và những quân keo kiệt.

AC-PA-GÔNG — Cái gì? Mày bảo cái gì?

LA FLE-SƠ — Cháu bảo gì ấy à?

AC-PA-GÔNG — Ừ, mày bảo thói keo kiệt, quân keo kiệt thế nào?

LA FLE-SƠ — Cháu bảo là mồ cha cái thói keo kiệt và những quân keo kiệt.

AC-PA-GÔNG — Mày muốn nói ai?

LA FLE-SƠ — Những quân keo kiệt.

AC-PA-GÔNG — Thế quân keo kiệt ấy là ai?

LA FLE-SƠ — Là những đứa bần tiện, keo bần.

AC-PA-GÔNG — Nhưng ý mày định nói ai mà mày bảo thế?

LA FLE-SƠ — Ông bắn khoăn về cái đó làm gì?

AC-PA-GÔNG — Việc gì đáng bắn khoăn thì tao bắn khoăn.

LA FLE-SƠ — Thế ông tưởng là cháu muốn bảo ông phải không?

AC-PA-GÔNG — Tao tưởng gì mặc tao, nhưng tao muốn hỏi mày khi mày nói như thế là mày nói với ai?

LA FLE-SƠ — Cháu nói... nói với đầu gối cháu.

AC-PA-GÔNG — Còn tao, để tao nói với cái đầu lâu mày nhé.

LA FLE-SƠ — Thế ông cấm cháu rửa những người keo kiệt à ?

AC-PA-GÔNG — Không, nhưng tao cấm mày nói ba láp, nói hỗn. Câm ngay.

LA FLE-SƠ — Cháu không gọi đến tên ai cả.

AC-PA-GÔNG — Mày còn mở mồm thì ông cho một trận nên thân bây giờ.

LA FLE-SƠ — Rõ có tật giât mình.

AC-PA-GÔNG — Có câm ngay không ?

LA FLE-SƠ — Bắt câm thì cháu đành câm vậy.

AC-PA-GÔNG — Hừ ! Hừ !

LA FLE-SƠ, chỉ một túi áo nịt — Ông này, còn một túi nữa : ông thỏa mãn chưa ?

AC-PA-GÔNG — Thôi cứ giả tao, đừng để tao phải khâm nữa.

LA FLE-SƠ — Giả gì kia a ?

AC-PA-GÔNG — Mày đã lấy gì thì giả tao.

LA FLE-SƠ — Cháu chẳng lấy gì sốt !

AC-PA-GÔNG — Thật không ?

LA FLE-SƠ — Thật a.

AC-PA-GÔNG — Thôi bước ! Đồ ma bắt !

LA FLE-SƠ — Thế là mình được tống cổ đi thật sự.

AC-PA-GÔNG — Thì ít ra mày nghĩ xem tại mày hay tại ai. Đưa ăn đưa ở chết toi gì mà khó chịu quá, thấy cái thẳng chó què ấy mà bức cả mình.

(Hồi 1, lớp 3)

Bản dịch của ĐỖ ĐỨC HIỀU
Mô-li-e-rơ — Tuyển tập kịch, tập II
(Văn học, Hà nội — 1964)

ĐỌC THÊM VỀ VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

HĂM-LET

của SÊC-XPIA

Uy-li-am Sêc-xpia (1564 — 1616) là nhà thơ và nhà soạn kịch vĩ đại của nhân dân Anh và toàn thể nhân loại tiến bộ. Ông sinh ra và lớn lên trong phong trào văn hóa Phục hưng ở Tây Âu (thế kỷ XVI), trong thời đại mà Ăng-ghe-nơ gọi là « bước ngoặt tiến bộ vĩ đại nhất » của loài người từ trước cho đến lúc bấy giờ. Trào lưu tư tưởng và nghệ thuật chủ yếu hồi ấy là chủ nghĩa nhân văn, nhằm đề cao và bảo vệ con người chống lại mọi thế lực đen tối trong xã hội. Sêc-xpia lên án chế độ phong kiến trung cổ và giáo lý phản động của nhà thờ. Ông căm ghét bọn lãnh chúa phong kiến muốn chia cắt đất nước, tổ cáo bọn bạo quân, bạo chúa đập lên xác người đề thống trị. Đồng thời Sêc-xpia cũng thấy được bản chất vô nhân đạo của những quan hệ tư sản đang phát triển ở các nước Tây Âu lúc ấy. Ông vạch rõ sức mạnh ma quái của đồng tiền trong xã hội, kịch liệt chống lại chủ nghĩa cá nhân của giai cấp tư sản. Sáng tác của Sêc-xpia là tiếng nói của công lý, của chính nghĩa, chan chứa lòng tin vào sự nghiệp lâu dài của nhân dân, cho nên rất gần gũi với chúng ta ngày nay.

Sêc-xpia sinh năm 1564 tại thị trấn Xtrơ-rát-phơ-on Ây-vơ-nơ, miền Tây nam nước Anh. Vì gia đình sa sút, ông sớm phải bỏ học để tự lập. Khoảng 1590, ông vào làm cho một rạp hát ở Luân-đôn và từ đây gắn liền cuộc đời mình với kịch trường Anh. Sêc-xpia sáng tác thành công nhiều loại kịch khác nhau. Trong 37 vở mà ông để lại, có nhiều kiệt tác lớn như: *Giấc mộng đêm hè*, *Rô-mê-ô và Giu-li-ét*, *Ô-ten-lô*, *Mac-bet*, *Hăm-let*, v.v...

<https://tieulun.hopto.org>

Hăm-let (1601) là bi kịch lớn nhất của Sêc-xpia. Câu chuyện của hoàng tử Hăm-let, giả điên để tìm cách trả thù cho bố, đã có từ lâu trong truyền thuyết của nhân dân Đan mạch. Nhưng Sêc-xpia đã biến Hăm-let thành con người của thời đại Phục hưng, đem vào tác phẩm những vấn đề tư tưởng và xã hội của thời đại đó.

Hăm-let đang học ở Đức thì được tin vua cha mất. Chàng trở về Đan mạch để chịu tang. Nhưng chưa đầy một tháng sau, mẹ chàng đã vội tái giá, lấy chú chàng là Clô-di-ut, vừa kế ngôi vua. Hăm-let buồn rầu, đau khổ trong khi ở triều đình mọi người yến tiệc, vui chơi. Bóng hồn ma của vua cha hiện về, nói cho chàng biết sự thật về cái chết của nhà vua: chính Clô-di-ut đã giết anh để chiếm ngôi và lấy chị dâu. Hăm-let càng suy nghĩ, băn khoăn. Té ra xung quanh chàng là một xã hội thối nát, đầy xấu xa và tội ác. Đối với chàng «thế giới là một nhà tù», mà «nước Đan mạch lại là nhà tù ghê tởm nhất». Cuộc chiến đấu thăm lặng bắt đầu. Hăm-let muốn tìm ra chân lý và trừng phạt kẻ phạm tội. Chàng giả điên để đánh lừa nhà vua và bọn cận thần tay sai. Chàng gạt bỏ tình yêu của Ô-phê-li-a, con gái của tên nịnh thần Pô-lô-ni-ut: vì ngại thơ, nàng đã ngoan ngoãn vâng theo lời kẻ thù của Hăm-let. Trong cuộc chiến đấu của mình, Hăm-let đơn độc và không có cái ưu thế của kẻ thù. Câu hỏi nổi tiếng của Hăm-let «sống hay không sống» bộc lộ một cuộc đấu tranh tư tưởng gay gắt trong tâm hồn chàng. Sống để chiến đấu hay rời bỏ sự sống và đồng thời rời bỏ đấu tranh? Sống như thế nào cho ra sống? Sống như thế nào cho đáng sống? Hăm-let, cuối cùng đã chọn con đường hành động. Phải tiêu diệt cho bằng được kẻ thù, phải thủ tiêu điều ác trong xã hội, phải giải phóng loài người khỏi những gông cùm tàn bạo. Hăm-let cương quyết cầm vũ khí để làm nhiệm vụ. Chàng đâm chết Pô-lô-ni-ut trong phòng hoàng hậu, tưởng đấy là tên vua Clô-di-ut. Bị kẻ thù âm mưu đưa đi Anh để hãm hại, chàng tìm cách thoát ra, vượt biên trở về tiếp tục chiến đấu. Trong trận đấu kiếm cuối cùng với La-oc-tơ, con trai Pô-lô-ni-ut, do sự bố trí hiểm độc của Clô-di-ut, Hăm-let đã ngã xuống. Nhưng Hăm-let tử thương

đã vạch mặt kẻ thù và dùng mũi kiếm của mình xử tội tên vua độc ác. Hăm-let đã hy sinh như một người anh hùng trên chiến trận.

Vở kịch *Hăm-let* của Sêc-xpia là một bản hùng ca rực rỡ, ca ngợi tinh thần dũng cảm của một người biết đem cuộc đời mình hiến dâng cho nghĩa lớn, cho sự nghiệp giải phóng của nhân loại.

HĂM-LET QUYẾT TÂM HÀNH ĐỘNG⁽¹⁾

HỒI IV

Cảnh 2 — Một gian phòng khác trong lâu đài

Hăm-let ra

HĂM-LET — Giấu như thế là khéo⁽²⁾.

RÔ-DEN-CRAN — GHIN-ĐƠN-XTÔN⁽³⁾, từ bên trong

Hăm-let ! Hăm-let Điện hạ !⁽⁴⁾

HĂM-LET — Suyt, tiếng gì vậy ? Ai gọi Hăm-let đấy ?
A bọn chúng kia rồi.

*Rô-den-cran và Ghin-đơn-xtôn
cùng với những người khác ra*

RÔ-DEN-CRAN — Điện hạ đã đem cái tử thi ấy làm gì rồi ?

HĂM-LET — Trả nó về cát bụi, nơi nó đã sinh ra⁽⁵⁾.

RÔ-DEN-CRAN — Điện hạ hãy nói đề ở đâu cho chúng tôi đến lấy để khiêng tới giáo đường.

HĂM-LET — Chớ có tin như vậy nhé.

RÔ-DEN-CRAN — Tin gì cơ?

HĂM-LET — Rằng, ta có thể giữ điều bí mật của các người, chứ không phải của chính ta (6). Mà con một ông vua bị cái hạng bọ bèo cắn vắn thì phải trả lời như thế nào nhỉ?

RÔ-DEN-CRAN — Điện hạ coi tôi là hạng bọ bèo ư?

HĂM-LET — Đúng đấy thưa ngài, bọ bèo thấm đẫm ân huệ, bổng lộc, quyền hành của nhà vua, nhưng cuối cùng thì hạng quan lại ấy cũng được việc cho nhà vua đấy: như một con khỉ nhà vua giữ họ ở góc hàm, thoát đầu còn ngậm, sau rồi mới nuốt; khi cần những thứ gì mà họ đã thu nhặt được, vua chỉ cần vặt một cái, thì bọ bèo ới, mi lại xác khô!

RÔ-DEN-CRAN — Thưa Điện hạ, tôi không hiểu Người định nói gì?

HĂM-LET — Càng hay: lời khôn ngu lại tai dần (7).

RÔ-DEN-CRAN — Thưa Điện hạ, xin nói cho chúng tôi hay, cái tử thi ấy Người để ở đâu, và xin mời Điện hạ cùng chúng tôi đi gặp Chúa thượng.

HĂM-LET — Tử thi cùng ở với Chúa thượng đấy, nhưng Chúa thượng lại không cùng ở với tử thi (8). Chúa thượng là một đồ...

GHIN-ĐƠN-XTÔN — Thưa Điện hạ, là một đồ?

HĂM-LET — Đồ vô dụng. Hãy đưa ta tới gặp ông ấy. Cáo ới, trốn đi, và mọi người đuổi bắt nó đi! (9).

Vào cả

Cảnh 3 — Một gian phòng khác trong lâu đài

Vua cùng các hầu cận ra

VUA — Trẫm đã sai người đi triệu thái tử và tìm cái tử thi. Để cho con người ấy tự do thật là nguy hiểm lắm thay! Nhưng lại không thể dùng luật pháp để nghiêm trị y được! Bọn dân ngu dốt kia tin yêu y lắm, mà lại chỉ tin yêu qua đôi mắt chứ không biết suy xét cho tường tận. Chúng chỉ cần nhắc việc trừng phạt kẻ có tội như thế nào, chứ không nhìn đến tội trạng. Muốn mọi sự êm thấm, việc đưa y đi bất thình lình như thế này phải làm ra vẻ đã được thu xếp chu đáo từ lâu. Bệnh đã đến lúc tuyệt vọng thì phải dùng đến những phương thuốc tuyệt vọng mới trị nổi, nếu không cũng hỏng.

Rô-den-cran ra

Thế nào, có chuyện gì không?

RÔ-DEN-CRAN — Tàu bệ hạ, tử thi giấu ở đâu, thái tử nhất định không cho biết.

VUA — Thế thái tử đâu?

RÔ-DEN-CRAN — Tàu bệ hạ, ở ngoài kia, đang bị canh giữ, chờ lệnh bệ hạ.

VUA — Dẫn y vào.

RÔ-DEN-CRAN — Này Ghin-đơn-xtôn, dẫn thái tử vào đây.

Hăm-let và Ghin-đơn-xtôn ra

VUA — Thế nào Hăm-let, Pô-lô-ni-ut tướng công đâu?

HĂM-LET — Đang ăn bữa tối.

VUA — Ăn bữa tối? Ở đâu?

HĂM-LET — Không phải ở nơi hân ăn đâu, mà ở nơi hân đang bị ăn kia. Một bày dôi bộ đang đục khoét hân. Về cái khoa ăn này, chỉ có dôi bộ mới thực là đế vương. Chúng ta nuôi béo gia súc để ăn cho béo, mà ăn cho béo chỉ để làm mồi cho dôi bộ. Ông vua béo với anh hành khất gây chỉ là hai món ăn khác nhau trên cùng một bàn tiệc: rút cục là thế đấy !

VUA — Chao ôi ! Chao ôi !

HĂM-LET — Một gã lấy con bộ đã xơi thịt vua làm mồi câu cá, rồi lại ăn thịt con cá đã xơi mồi bộ.

VUA — Nhà người nói thế là có nghĩa gì ?

HĂM-LET — Có nghĩa gì đâu, chẳng qua cũng chỉ muốn nói đề ngài hay, một ông vua đã nự giá chu du như thế nào trong bao tử của một anh hành khất.

VUA — Pô-lô-ni-ut đâu ?

HĂM-LET — Ở thiên đường ấy, cho người lên đó mà tìm. Nếu sứ giả của ngài chẳng tìm thấy y trên đó thì ngài hãy đích thân tìm y ở chỗ khác⁽¹⁰⁾. Nhưng quả thật, nếu nội trong tháng này mà không tìm thấy y, ngài sẽ ngửi thấy mùi y mỗi khi lên cầu thang bước vào long thất.

VUA, nói với hầu cận — Tới ngay đó tìm Tướng công.

HĂM-LET — Ông ấy đang chờ bọn người đến.

Bọn hầu cận vào

VUA — Hăm-let, Trầm lo lắng cho sự an toàn của bản thân con, cũng như rất buồn về việc làm vừa rồi của con, việc ấy buộc con phải rời khỏi chốn này

ngay tức khắc. Con khá sửa soạn đi, thuyền đã sẵn, gió đã thuận, bạn đồng hành đang chờ con, mọi thứ đã sẵn sàng cho cuộc hành trình sang Anh quốc⁽¹¹⁾.

HĂM-LET — Sang Anh quốc ?

VUA — Phải, Hăm-let ạ.

HĂM-LET — Tốt.

VUA — Tốt thật đấy, nếu con rõ được ý ta.

HĂM-LET — Tôi thấy một vị thiên thần thấy được ý ấy⁽¹²⁾. Nào thì đi ; sang Anh quốc ! Xin vĩnh biệt mẹ thân yêu.

VUA — Cha yêu quý của con nữa, Hăm-let ạ.

HĂM-LET — Mẹ tôi ! Cha với mẹ là vợ và chồng ; vợ chồng là cùng chung xác thịt ; vì thế xin chào mẹ tôi⁽¹³⁾. Đi nào, sang Anh cát lợi.

Hăm-let vào

VUA, nói với Rô-den-cran và Ghin-đơn-xton — Theo y sát gót, giục y xuống thuyền cho nhanh, không được chậm trễ. Ta muốn y phải đi khỏi đất này đêm nay. Đi ngay ! Mọi việc đều đã thu xếp xong đâu vào đấy. Mong các khanh hãy gấp gấp đi cho.

Rô-den-cran và Ghin-đơn-xton vào

Hỡi Anh quốc, nếu người quan tâm đến lòng chiếu cố của ta, — mà uy lực to lớn của ta buộc người phải hay điều đó vì lưỡi gươm Đan mạch đã từng để lại trên mình người vết thương còn tươi máu và người đã kinh sợ mà tỏ lòng thần phục — thì người không thể thờ ơ coi thường lệnh của

Đại vương. Chiếu chỉ của ta đã dẫn dò căn kẽ : phải hạ thủ ngay Hăm-let. Anh quốc, hãy thi hành lệnh đó, vì như cơn sốt y làm máu ta sôi lên và người phải chữa cho ta khỏi. Chừng nào ta chưa được tin việc đó đã làm xong, thì dầu sao chẳng nữa lòng ta cũng chưa thể nào biết được niềm vui.

Vào

Cảnh 4 — Một cánh đồng Đan-mạch

For-tin-brat (14), một viên đại úy và binh lính đi qua.

FOR-TIN-BRAT — Người khá chuyển lời chào mừng của ta tới đức vua Đan mạch. Hãy thưa lại, được người hứa sẽ thuận tình cho phép, For-tin-brat này xin mượn đường hành quân qua vương quốc của Người. Người đã rõ nơi ta hẹn gặp. Nếu Đức vua có ý muốn cùng ta đàm đạo, ta sẽ đích thân tới bệ kiến để tỏ lòng tôn kính. Khá tâu trình cho rõ điều đó.

ĐẠI ÚY — Thưa Điện hạ, xin tuân lệnh.

FOR-TIN-BRAT — *nói với binh lính* — Hãy từ từ mà tiến lên

For-tin-brat và binh lính vào, Hăm-let, Rô-den-cran, Ghin-đơn-xton và một số người khác ra.

HĂM-LET — Chào ngài, chẳng hay quân binh này của ai?

ĐẠI ÚY — Thưa ngài, của nước Na-uy

HĂM-LET — Nhằm mục đích gì đó, thưa ngài?

ĐẠI ÚY — Nhằm tiến đánh một nước nào đó trên đất nước Ba-lan.

HĂM-LET — Ai là người chỉ huy họ, thưa ngài?

ĐẠI ÚY — Hoàng tử For-tin-brat, diệt nam lão vương Na uy.

HĂM-LET — Thưa ngài, nhằm thẳng trung tâm của Ba-lan hay chỉ đến một biên thùy nào đó?

ĐẠI ÚY — Thành thực mà nói với ngài, không thêm không bớt, chúng tôi đi đánh chiếm một mảnh đất con, chỉ có danh mà chẳng có lợi gì. Giá chỉ phải trả có năm đồng đu-ca, năm đồng thôi, tôi cũng chẳng thêm thuê đất ấy làm gì. Mà ngay có đem bán đứt đi nữa thì nó cũng chẳng đem lại cho Na-uy hay Ba-lan được giá cao hơn.

HĂM-LET — Sao, nếu thế thì người Ba-lan sẽ chẳng bao giờ bảo vệ nó làm gì?

ĐẠI ÚY — Có chứ, họ đã chuẩn bị canh phòng rồi.

HĂM-LET — Hai ngàn sinh mệnh và hai vạn đồng đu-ca cũng chẳng đủ để thanh toán cái vấn đề rơm rác ấy. Đây là cái ung nhọt căng đầy của cái và thái bình, nó vỡ mủ bên trong chẳng lộ ra ngoài, nên khó biết tại sao con người lại chết. Xin kính cần cảm tạ ngài.

ĐẠI ÚY — Cầu chúa phù hộ cho ngài.

Vào

RÔ-DEN-CRAN — Thưa Điện hạ, Người vui lòng đi thôi chứ?

HĂM-LET — Người cứ đi trước, ta theo kịp ngay mà.

Vào cả, trừ Hăm-let

Sao mà mọi sự việc đều nhằm chống lại ta, thúc giục chỉ phục thù đã nhứt của ta! Con người còn ra gì, nếu đem tất cả phần tinh túy và giá trị đời mình vào việc ăn, việc ngủ? Chỉ là con vật không hơn. Thật thế!

Ông Tào phủ cho ta trí suy xét mãi tiếp biết lường trước tính sau, phải đâu là để cho cái năng khiếu ấy, cái lý trí thần thánh ấy bị hoen gỉ ở trong ta mà không được dùng tới. Phải chăng ta lãng quên đi như loài thú vật hay là do lo ngại đôn hèn, mà cứ băn khoăn, tính toán chỉ lý đến kết quả của việc làm? Ý nghĩ ấy, đem chia tư chỉ được một phần là khôn ngoan, còn ba phần là hèn nhát. Chính ta cũng chẳng hiểu tại sao ta còn sống để nói: « Việc này cần làm », trong khi ta có đủ lý do, đủ chí khí, đủ sức mạnh, đủ phương tiện để làm việc đó. Bao tấm gương rõ ràng, sờ sờ như trái đất, khích lệ ta. Hãy trông đạo quân kia, đông là thế, trang bị tốt kém là thế, mà chỉ có một chàng hoàng tử hào hoa, yếu mềm thống lĩnh. Tâm hồn y tràn ngập tham vọng cao xa, nên y nhạo cười tương lai mù mịt, đem cái phù du, cái mong manh đương đầu với số mệnh, với tử thần và hiểm nguy, chỉ để lấy một cái vỏ trứng suông. Thật sự vĩ đại thì không hành động khi không có lý do vĩ đại, nhưng khi danh dự bị xúc phạm thì chỉ cần một việc như cái rơm cái rác cũng ra tay. Ta có thể chịu đựng được nỗi cha bị sát hại, mẹ bị ô nhục, trí óc ta, máu ta sôi sục mà đành để mọi việc ngủ lãng đi sao? Ta hồ thẹn thấy hai vạn sinh linh sắp lao vào cõi chết, chỉ vì một ảo tưởng, một trò đùa của danh vọng, dẫn thân xuống năm mồ như đi vào giường ngủ, chiến đấu chỉ vì một mảnh đất nhỏ bé, chẳng cần phải mang một số đông người như thế để xâm chiếm, một nơi chẳng đủ chỗ đắp mồ cho những kẻ trận vong.

Ôi! Từ giờ phút này, ý nghĩ ta phải đẫm máu, nếu không sẽ chẳng có giá trị gì!

CHÚ THÍCH

- (1) Dựa theo bản dịch của Đào Anh Kha, Bùi Ý, Bùi Phụng trong *Tuyển tập kịch Séc-xpia*. Nhà xuất bản Văn hóa, 1963. (2) Sau khi giết chết Pô-lô-ni-ut, Hăm-let lúi xúi xác hăm đi giấu ở một chỗ kín. (3) Rô-den-eran và Ghin-đơn-xton là bạn cũ của Hăm-let, nhưng nay đã trở thành người tin cần của nhà vua làm nhiệm vụ theo dõi và ám hại Hăm-let. (4) Điện hạ là từ dùng để xưng hô đối với những người quyền quý. (5) Ở đây Hăm-let vẫn tiếp tục giả điên, nói những câu mơ hồ, khó hiểu nhưng rất thâm thúy để ám chỉ kẻ thù. Chú ý đến tất cả những câu loại này của Hăm-let trong đoạn sau. (6) Ý nói: nếu ta giữ được bí mật của các người — chuyện các người làm do thám cho nhà vua nhằm ám hại ta — mà không thêm nói ra thì ta cũng có thể giữ được bí mật của ta, tức là không để lộ nơi giấu tử thi của Pô-lô-ni-ut. Câu này cũng có thể hiểu một cách rộng hơn: Hăm-let nói về những bí mật trong triều đình và những bí mật trong lòng mình. (7) Thành ngữ Anh có nghĩa là kẻ đần ngu không thể hiểu được những câu nói thông minh, quái ác nhằm đả kích mình. (8) Ý nói: xác chết của Pô-lô-ni-ut ở cùng một nơi với nhà vua vì được giấu kín trong lâu đài nhưng nhà vua thì hiện đang sống mà lại không biết xác chết nằm ở đâu nên không ở cùng xác chết. (9) Một câu nói trong trò chơi ú tim của thiếu nhi. Ở đây Hăm-let ám chỉ hoàn cảnh của mình. (10) Nghĩa là ở địa ngục. Câu này, cũng như câu trên, là một lời cảnh cáo của Hăm-let đối với Clô-đi-ut. (11) Trong lịch sử, từ cuối thế kỷ thứ VIII cho đến đầu thế kỷ thứ XI, quân Đan-mạch thường sang đánh phá và xâm chiếm đất Anh. Trong khoảng thời gian ấy, nước Anh nhiều lần phải thần phục vua Đan-mạch. (12) Ngạn ngữ Anh, có nghĩa là: tôi biết ít nhiều về chuyện đó. (13) Chú ý Hăm-let, trước khi ra đi chỉ chào có mẹ. Đây là một thứ lý luận do Hăm-let bịa ra để khỏi phải chào vua Clô-đi-ut là kẻ thù của mình. (14) Hoàng tử Na-uy, đã được phép hành quân qua đất Đan-mạch.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Những sự việc gì, những câu nói nào, chứng tỏ âm mưu xảo quyệt và độc ác của nhà vua đối với Hăm-let?

2. Thái độ của Hăm-let đối với kẻ thù trong đoạn này như thế nào? Hăm-let bộc lộ thái độ ấy ở những chỗ nào? bằng cách gì? Tìm những câu chứng tỏ Hăm-let có khả năng đối đáp rất nhanh chóng, sắc sảo và thâm thúy.

3. Phân tích màn độc thoại cuối cùng của Hăm-let, Hăm-let đã đấu tranh với những tư tưởng gì trong bản thân mình?

Những sự việc cụ thể gì, những lý do gì đã khiến Hăm-let đi đến quyết tâm hành động?

CÁI CHẾT ANH HÙNG CỦA HĂM-LET (1)

Hồi V — Phần cuối cảnh 2

VUA — Hãy mang rượu bày trên bàn kia cho ta. Nếu Hăm-let đâm trúng đòn thứ nhất hay đòn thứ nhì hoặc trả đòn thắng lợi lần thứ ba, các khanh hãy ra lệnh cho tất cả các khẩu thần công nổ ran lên cùng một lúc. Bấy giờ Chúa thượng sẽ nâng cốc uống mừng sức khỏe của Hăm-let, người sẽ bỏ vào cốc rượu một viên ngọc quý giá hơn tất cả mọi viên ngọc đính trên vương miện⁽²⁾ của bốn đời vua Đan-mạch liên tiếp kể truyền. Hãy mang cốc ra đây cho ta! Tiếng trống sẽ báo truyền cho tiếng kèn, tiếng kèn cho súng thần công ở ngoài, súng

thần công truyền báo lên trời xanh, trời xanh lại truyền báo xuống mặt đất, rằng: "Chúa thượng đang uống mừng Hăm-let!". Nào, bắt đầu đi — còn chư khanh, các giám quan, khá chú mục nhìn?

HĂM-LET — Nào, mời tiên sinh.

LA-OC-TƠ — Nào, mời Điện hạ.

Họ giao đấu

HĂM-LET — Một nhé.

LA-OC-TƠ — Không.

HĂM-LET — Giám quan đâu?

Ô-XRIC (3) — Một đòn rồi, rõ là một đòn rồi.

LA-OC-TƠ — Được, tiếp đi.

VUA — Ngừng lại! Để cho trâm uống đã. Hăm-let, ta mừng viên ngọc này cho con đây. Ta nâng cốc chúc mừng con đây.

Tiếng kèn vang lên, một loạt súng nổ ran

Các người khá mang cốc rượu này cho thái tử.

HĂM-LET — Để ta đấu xong hiệp này đã. Cứ để rượu đây, chốc nữa. Nào.

Họ giao đấu

Lại đòn nữa. Tiên sinh nói sao?

LA-OC-TƠ — Trúng rồi, trúng rồi, tôi nhận.

VUA — Con trai chúng ta ắt thắng.

HẬU — Người nó dầy đà, sắp hết hơi mất. Này lại đây, Hăm-let con ơi, cầm lấy tấm khăn này mà lau trán đi. Mẹ sẽ uống mừng con thắng cuộc, Hăm-let ạ.

HĂM-LET — Đội ơn lòng tốt của Lệnh bà!

VUA — Giéc-trút ái khanh, chớ có uống!

HẬU — Tàu Bệ hạ, thiếp phải uống chứ. Xin Bệ hạ lượng thứ cho.

VUA, *nói một mình* — Cốc rượu ấy có thuốc độc; chậm quá mất rồi!

HĂM-LET — Thừa Lệnh bà, thần chưa dám uống. Xin để cho lát nữa.

HẬU — Lại đây, mẹ lau mặt cho con.

LA-OC-TƠ — Tàu Bệ hạ, thần sẽ đâm trúng hắc lần này.

VUA — Ta không tin.

LA-OC-TƠ, *nói một mình* — Tuy nhiên, hầu như trái với lương tâm ta.

HĂM-LET — Nào, hiệp ba, La-oc-tơ. Nhưng tiên sinh chỉ đùa thôi. Xin tiên sinh trở hết tài nghệ đi cho. Tôi e tiên sinh chỉ coi tôi như một đứa trẻ.

LA-OC-TƠ — Sao lại nói vậy? Nào!

Họ giao đấu

Ô-XRIC — Không, chẳng bên nào trúng cả.

LA-OC-TƠ — Này, đến lượt Điện hạ đây!

La-oc-tơ đâm Hăm-let bị thương. Liền đó, họ xông lên, cướp đôi lấy gươm của nhau, rồi Hăm-let cũng đâm La-oc-tơ bị thương.

VUA — Quân bay, cản họ ra! Họ nổi nóng cả rồi!

HĂM-LET — Không, cứ tiếp đi.

Hoàng hậu gục ngã

Ô-XRIC — Ô kia, hãy trông hoàng hậu kia!

HÔ-RA-XIÔ — Cả hai bên đều bị đổ máu! Điện hạ có làm sao không?

Ô-XRIC — La-oc-tơ, công tử có làm sao không?

LA-OC-TƠ — Ôi, Ô-xric tiên sinh, tôi có khác gì con gà rừng mắc phải bẫy của chính nó. Tôi bị giết, chính vì sự phản bội của tôi!⁽⁴⁾

HĂM-LET — Hoàng hậu làm sao thế?

VUA — Nhìn thấy máu đỏ, hậu ngất đi đấy.

HẬU — Không phải, không phải! Rượu kia, rượu kia! Ôi! Hăm-let con yêu của mẹ ơi! Rượu kia! Rượu kia! Mẹ bị đầu độc rồi!

Chết

HĂM-LET — A... khốn nạn! Quân đầu! Đóng kín hết cửa lại. Phản bội! Tìm ra kẻ phản bội cho ta!

LA-OC-TƠ — Nó đấy, Hăm-let! Hăm-let ơi, anh bị giết rồi, không còn phương thuốc nào trên đời này cứu nổi anh! Anh không còn sống được đến nửa giờ nữa đâu. Cái vật phản bội đang nằm trong tay anh đó: mũi gươm không bịt và bị tẩm thuốc độc! Sự lừa dối hèn mạt đã quay lại giết hại tôi đây! Hỡi ơi! Tôi sẽ nằm xuống đất này, chẳng bao giờ còn trở dậy được nữa. Mẹ anh đã bị đầu độc. Tôi kiệt lực rồi! Tên vua, tên vua kia là thủ phạm đó!

HĂM-LET — Mũi gươm cũng bị tẩm độc à? Thế thì, độc được ơi, làm nhiệm vụ của mi đi thôi!

Đâm nhà vua

TẤT CẢ — Phản trắc! Phản trắc!

VUA — Ôi, các bạn, hãy hộ vệ ta! Ta chỉ mới bị thương thôi!

HĂM-LET — Này đây, tên Đan mạch khốn khiếp, loạn luân, sát nhân, uống nốt cốc rượu này đi. Mi thấy viên ngọc của mi trong đó chứ?⁽⁵⁾ Hãy đi theo mẹ ta.

Vua chết

LA-OC-TƠ — Đáng tội y lắm. Chính tay y đã pha thuốc độc ấy. Hăm-let cao quý! Chúng ta hãy cùng tha thứ cho nhau. Cái chết của tôi và của cha tôi không

do anh gây nên, cũng như cái chết của anh không phải là tội của tôi.

La-oc-tơ chết

HĂM-LET — Cầu Chúa giải thoát cho anh! Tôi cũng theo anh. Tôi chết đây. Hô-ra-xiô ơi! Mẫu hậu bất hạnh, xin vĩnh biệt mẹ! Hỡi những người đang run sợ và xanh xám mặt kịch cuộc tai biến này, những vai cầm hay những khán giả suông của tấn thảm kịch này, phải chi ta còn có thời gian ta sẽ kể cho các người nghe—nhưng than ôi! Tử thần là sứ giả tàn bạo có hề chậm trễ bao giờ! Thôi, đành vậy. Hô-ra-xiô bạn ơi, tôi chết đây. Bạn hãy sống, để biện hộ cho tôi và sự việc của tôi trước những người không hay biết.

HÔ-RA-XIÔ — Xin Điện hạ đừng nghĩ thế. Tôi là một người cổ La-mã hơn là một người Đan-mạch. Rượu độc còn lại một ít kia ⁽⁶⁾.

HĂM-LET — Nếu bạn là một người chân chính, xin hãy đưa cho tôi cốc rượu. Buông ra! Trời, tôi phải giành lấy mới được! Ôi Hô-ra-xiô tốt lành, danh dự của tôi sẽ bị hoen ố nhục nhã đến thế nào nếu như tôi chết đi mà thiên hạ vẫn còn chưa biết rõ mọi điều ám muội kia. Nếu như lòng bạn đã từng tha thiết với tôi, xin hãy nán lại phút giây cực lạc, kéo dài thêm ít nữa cuộc sống nhọc nhằn trên cõi đời ô trọc này, để kể rõ ngọn ngành câu chuyện của tôi ⁽⁷⁾.

Có tiếng nhạc binh từ xa và hàng loạt súng nổ.

Tiếng gì ồn ào như chinh chiến vậy!

Ô-XRIC — Đây là For-tin-brat vừa chinh phục Ba-lan thắng trận trở về, ra lệnh bắn đại bác để nghênh tiếp các sứ thần Anh quốc.

HĂM-LET — Ôi, tôi chết, Hô-ra-xiô! Thuốc độc ác nghiệt ngấm sâu làm mờ trí tuệ của tôi rồi! Tôi

không còn sống để nghe tin từ Anh quốc. Nhưng tôi tiên đoán, For-tin-brat sẽ được tuyền lên ngôi báu, lời giới giảng của tôi cũng là để tán đồng việc đó. Hãy kể lại với chàng, dù ít dù nhiều, những việc đã gây nên tình cảnh này. Còn lại bây giờ chỉ là tình mệnh vô biên!

Chết

HÔ-RA-XIÔ — Một trái tim cao cả vừa tan vỡ. Thái tử kính yêu ơi, xin vĩnh biệt người! Cầu xin các thiên thần cử khúc hoan tống để người yên giấc ngàn thu.

Tiếng nhạc binh ở trong

Sao lại có trống vào đây?

For-tin-brat, các sứ giả Anh quốc và các tùy tùng ra theo sau có trống và cờ xí rực rỡ

FOR-TIN-BRAT — Cảnh tượng này là nơi đâu?

HÔ-RA-XIÔ — Ngài muốn được thấy gì! Nếu là đau buồn và kinh ngạc, thì khỏi tìm đâu xa nữa.

FOR-TIN-BRAT — Đồng thi hài kia đang réo lên tàn sát. Ôi tử thần kiêu bạc! Người muốn mở hội hè yến tiệc gì trong cái nhà mồ muôn thuở của người mà chỉ mới giáng một đòn thôi, người đã làm đổ máu bấy nhiêu người trong hoàng tộc?

MỘT SỨ GIẢ — Cảnh tượng này thật là kinh khủng. Chúng tôi mang tin từ Anh quốc đến đây chậm quá mất rồi. Đôi tai lẽ ra phải nghe những lời tâu bày của chúng tôi, giờ đây đã vô tri vô giác rồi. Nếu chúng tôi nói rằng mệnh lệnh đã được thừa hành, Rô-den-cran và Ghin-đơn-xton đã bị xử quyết, thì chúng tôi biết nhận lời cảm tạ của ai? ⁽⁸⁾.

HÔ-RA-XIÔ — Không phải do miệng ông ta nói ra đâu, dù cho ông ta có còn sống để nói lời cảm tạ. Ông ta

có ra lệnh giết họ bao giờ? Nhưng vì các ngài đến đúng lúc xảy ra cuộc đổ máu này, thưa các ngài từ mặt trận Ba lan trở về, và thưa các ngài từ Anh quốc sang đây — xin các ngài hãy ra lệnh cho mang những thi hài này đặt cao trên linh sàng trước mặt mọi người, để cho tôi đây có thể kể lại với tất cả những người chưa hay chưa biết, đầu đuôi sự việc đã xảy ra. Các ngài sẽ được nghe nói đến những hành động bất nhân bất nghĩa, đâm máu, tàn bạo, những án quyết bất thường, những vụ giết chóc không ngờ; những cái chết mà nguyên nhân là sự lừa đảo và sự cưỡng bức; rồi, đến khi kết thúc, những âm mưu đen tối thất bại và rơi trở lại vào đầu những kẻ chủ mưu. Tất cả những điều đó, tôi đây có thể kể lại tường tận đúng sự thật.

FOR-TIN-BRAT — Chúng ta hãy nhanh lên để nghe kể lại. Hãy cho với các bậc quyền quý nhất lại nghe. Ta đây thật lấy làm đau lòng mà được hưởng vinh hoa. Tại vương quốc này ta có những quyền lợi mà mọi người còn nhớ và cơ hội tốt lành đang xui ta đòi lại.

HÔ-RA-XIÔ — Về điều đó, tôi cũng có trách nhiệm phải nói lại lời giới giảng của một người mà tiếng nói còn lôi cuốn được nhiều tiếng nói khác. Nhưng ta chớ nên trì hoãn, giữa lúc tâm trí mọi người đang hoang mang, để cho những mưu mô và nhăm lẩn không gây thêm nhiều tai họa khác.

FOR-TIN-BRAT — Hãy cho bốn sĩ quan khiêng thi hài của Hăm-let như một vị võ tướng đặt lên bệ cao. Nếu có lên ngôi trị vì, Người ắt xứng là một bậc vương giả. Khi rước Người đi, nhạc binh sẽ cử lên

và việc an táng Người sẽ tiến hành theo thủ tục của quân lễ. Khá dọn các thi hài này đi. Một cảnh tượng như thế này chỉ để nơi chiến địa, ở đây, không thích hợp. Hãy ra lệnh cho quân sĩ bắn pháo lên đi.

*Họ từ từ đi vào
Một tràng đại bác nổ ran*

CHÚ THÍCH

(1) Đây là cảnh cuối cùng của vở kịch. Nhà vua bố trí cho La-oc-tơ và Hăm-let đấu kiếm với nhau, nhằm giết chết Hăm-let. Mũi kiếm của La-oc-tơ đã được tẩm thuốc độc từ trước. (2) Một thứ mũ bằng vàng bạc thường được chạm trổ tinh vi và trang sức rực rỡ, tượng trưng cho quyền lực của vua chúa. (3) Glám quan: làm trọng tài trong trận đấu. (4) La-oc-tơ đồng lõa với nhà vua trong âm mưu giết Hăm-let. Nhưng chính La-oc-tơ lại chết vì mũi kiếm tẩm thuốc độc của mình. (5) Trên kia, khi Clô-di-ut tuyên bố bỏ một viên ngọc vào cốc rượu để mừng thắng lợi của Hăm-let, thực ra hắn đã bỏ thuốc độc vào đó. (6) Hô-ra-xiô tỏ ý muốn làm người trung thành, uống rượu độc để chết theo Hăm-let. (7) Hăm-let tuy sắp chết nhưng vẫn thiết tha với sự thật, muốn sự thật được đưa ra ánh sáng. (8) Trên đường sang Anh, Hăm-let đã lừa lấy được chiếu chỉ của vua Clô-di-ut, chứa lệnh giết mình thành lệnh giết Rô-den-eran và Ghin-don-xton.

MỤC LỤC

PHẦN I

VĂN HỌC CỔ VIỆT NAM

Chương I

Trang

VĂN HỌC VIỆT TỪ THẾ KỶ XI ĐẾN THẾ KỶ XV

♦ Khái quát về văn học sử	3
♦ Bài Hịch tướng sĩ	9
♦ Thơ văn Nguyễn Trãi	14
— Tụng	21
— Bài cáo bình Ngô	22
— Thư lại dụ Vương Thông	30
<i>Đọc thêm về Nguyễn Trãi</i>	34
— Lại thư cho Phương Chính	35
— Thư cho Vương Thông	36
— Cảnh quê cũ Côn sơn	38
— Tắc lòng ưu ái	39
— Núi Vân đồn	40
— Bài ca Côn sơn	40
<i>Đọc thêm về văn học từ thế kỷ XI đến thế kỷ XV :</i>	42
— Bài phú Sông Bạch đằng	46
— Vịnh năm canh	46

CHƯƠNG II

VĂN HỌC VIỆT TỪ THẾ KỶ XVI ĐẾN GIỮA THẾ KỶ XVIII

♦ Khái quát về văn học sử	51
♦ Thơ Nguyễn Bình Khiêm	56
— Thối đời	59

Đọc thêm về thơ Nguyễn Bình Khiêm

— Ghét chuột	61
— Cây thông	62

Đọc thêm về văn học từ thế kỷ XVI đến giữa thế kỷ XVIII

— Truyền kỳ mạn lục của Nguyễn Dữ :	
+ Người con gái Nam xương	64
— Thiên nam ngữ lục :	
+ Phù đồng Thiên vương	72
— Việt điện u linh tập của Lý Tề Xuyên :	
+ Tản viên hựu thánh Khuông quốc hiền ứng vương	76
— Lĩnh Nam chích quái :	
+ Đồng Thiên Vương truyện	78
— Truyện thơ khuyết danh :	
+ Nhị độ mai	81
+ Mai Bá Cao chống bọn gian thần	86
+ Cổng Sinh đón đánh Lư Kỳ — Hoàng Tung	93

PHẦN II

VĂN HỌC HIỆN ĐẠI

♦ Đất nước đứng lên	98
— Người Đảng	99
<i>Đọc thêm về Đất nước đứng lên :</i>	
— Cuộc chiến đấu bắt đầu	107
— Độc lập	117
♦ Mùa xuân	121
♦ Cỏ non	137
♦ Mồ anh hoa nở	145
♦ Bóng cây Kơ nia	147
+ Cây	148
+ Con chị Lộc	149
+ Những ngày nổi giận	161

Đọc thêm về văn học hiện đại

— Giữ lấy rừng	170
— Quê hương	171
— Dáng đứng Việt nam	173
— Trường mới	174
— Cao	175
— Ngồi mới	178
— Gánh	179
— Thăm trại Ba vì	182
— Gặp anh Hồ Giáo	182
— Bố con người thợ hàn	183

PHẦN III

VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

❖ Kinh thi :	194
— Chặt gỗ đàn	194
— Chuột xù	195
<i>Đọc thêm về Kinh thi</i>	197
— Quan thu	199
❖ Lão hà tiện :	201
— Ac-pa-gông mất của	201
<i>Đọc thêm về lão hà tiện :</i>	202
— Ac-pa-gông lục khám La Fle-sơ	202
<i>Đọc thêm về văn học nước ngoài</i>	207
— Hăm-let	207
— Hăm-let quyết tâm hành động	209
— Cái chết anh hùng của Hăm-let	218

TRÍCH GIẢNG VĂN HỌC

Lớp Tám — Tập II

Trình bày bìa : TRỊNH THÁI

In 36.000 cuốn, khổ 13 × 19 tại Nhà in báo Nhân Dân

Số in 18 — S. Số XB. 41 CIII

Xong ngày 30 tháng 10 năm 1975. Nộp lưu chiều tháng 11-1975